NĂM THỨ MƯỜI BẢY • # 204 • APRIL 2006

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 - USA
EMAIL: theky21@tapchitheky21.com
Đ.T. TRỊ SỰ: (714) 892-9414 EXT. 141
TOÀ SOẠN: (714) 839-8746

Tưởng Niệm
THANH TÂM TUYỀN
(1936-2006)

DIRECTV
TOP 50
DEALER
2005
TỔ QUỐC VIỆT NA
Việt Satellite
-Để cho con em chúng ta nghe và hiểu tiếng Việt
-Để cho con em chúng ta học và trau dồi thêm văn hoá Việt.
-Để bảo tồn văn hoá Việt không để mai một nơi xứ người.
-Để nêu cao tinh thần dân tộc Việt dưới màu cờ vàng ba sọc đỏ.
Xin quý đồng hương hãy gọi cho Việt Satellite,
lắp ráp hệ thống DIRECTV xem đài truyền hình Việt Ngữ 24/24
và các đài MỸ địa phương Lệ phí hàng tháng thấp nhất $24.99.
FREE máy, công lắp ráp và shipping cho 4 phòng
Chương trình đài truyền hình Việt ngữ SBTN 24/24 rất hấp dẫn
Kể từ ngày 1 tháng 3 năm 2006 chương trình giảm giá đặc biệt như sau:
⇨ Đài SBTN + Local Channel $24.99
⇨ Đài SBTN + TOTAL CHOICE $44.98 (trong 3 tháng đầu)
⇨ Gồm 120 đài Mỹ và miễn phí 7 đài HBO, 12 đài STARZ Movie,
9 đài SHOWTIME và 3 đài CINEMAX.
800.581.6910
www.vietsatellite.com
Open 7 days a week, we install everywhere in the U.S

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

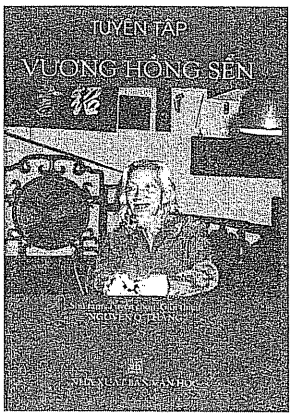

TUYỂN TẬP VƯƠNG HỒNG SỂN
NGUYỄN Q. THẮNG sưu tầm, tuyển chọn Vương Hồng Sển là một học giả và là một nhà văn kỳ cựu của đất miền Nam. Tuyển tập này, dày 1200 trang, gồm các tác phẩm sau đây của ông: Sài Gòn Năm Xưa 1, Sài Gòn Năm Xưa 2, Thú Chơi Sách, Hơn Nửa Đời Hư. Đây chỉ mới là một phần nhỏ trong số những tác phẩm của ông về thú chơi đồ cổ, về lịch sử, về ngữ học..., nhưng đây cũng là phần thú vị nhất, như vẽ lại một bức tranh của một thời xa xưa ở miền Nam, đặc biệt là đời sống ở Sài Gòn thời Pháp thuộc. Giá 38 Mỹ kim.

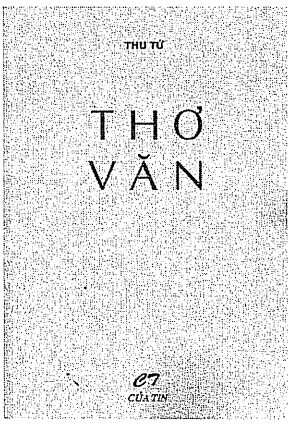

THƠ VĂN THU TỨ
Tập sách chứa đựng ba thứ: thơ, tùy bút, truyện. Cả ba đều thuộc dạng sáng tác. Phần thơ lại chia ra từng loại: thơ cảm xúc, thơ tâm trạng, thơ nghĩ về sống, thơ nghĩ về thơ, thơ nghĩ về những đề tài khác. Phần tùy bút có năm bài. Phần truyện có sáu truyện. Mỗi phần có cái đặc sắc riêng, nhưng vẫn có nét chung là độc đáo, có nhiều ý lạ, và hình như thường hay nhuốm màu triết lý. Giá 12 Mỹ kim.

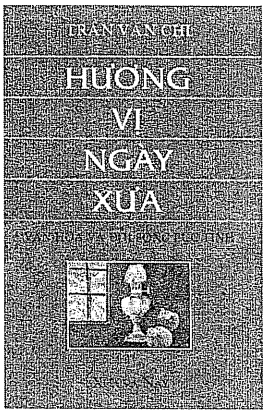

HƯƠNG VỊ NGÀY XƯA
TRẦN VĂN CHI
Ăn uống là một nét văn hóa quan trọng của con người, nói lên bản sắc của từng vùng. Miền Bắc, miền Trung có các nét văn hóa đã được định hình từ nhiều đời. Cố gắng của tác giả Trần Văn Chi là trình bày những nét văn hóa của vùng đất mới nhất là vùng Lục Tỉnh, ở đó có nhiều món ăn mới so với truyền thống của vùng đất cũ, do sản vật và phong thổ của đồng bằng sông Cửu Long mang lại cho con người Việt Nam mới vào cư ngụ. Giá 12 Mỹ kim.

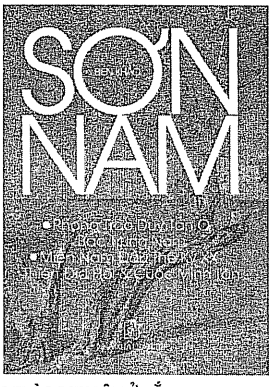

PHONG TRÀO DUY TÂN Ở BẮC TRUNG NAM MIỀN NAM ĐẦU THẾ KỶ XX-THIÊN ĐỊA HỘI VÀ CUỘC MINH TÂN
Biên khảo của **SƠN NAM**
Sở dĩ cuốn sách có cái tên dài như thế là vì gồm hai cuốn ghép lại làm một. Hai cuốn sách riêng lẻ, cùng một tác giả là Sơn Nam, cuốn thứ nhất "Phong trào Duy Tân ở Bắc Trung Nam" do nhà xuất bản Đông Phố, Sài Gòn, ấn hành năm 1975 (trước 30/4), cuốn thứ hai "Miền Nam đầu thế kỷ XX-Thiên Địa Hội và cuộc Minh Tân" do Lá Bối ấn hành tại Sài Gòn năm 1971, cả hai được giới nghiên cứu và độc giả đánh giá cao. Cuối sách còn có phần phụ lục các bài báo ở Nam Kỳ vào đầu thế kỷ 20. Giá 16 Mỹ kim.

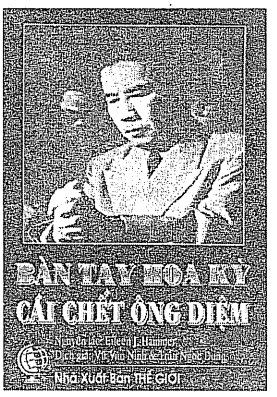

BÀN TAY HOA KỲ, CÁI CHẾT ÔNG DIỆM
Nguyên tác: **EILEEN J. HAMMER**
Dịch giả: **VŨ VĂN NINH và TRẦN NGỌC DUNG**
Ai đã giết ông Diệm? Đại sứ Cabot Lodge? Big Minh? Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, hay chính Tổng Thống Kennedy? Tất cả được diễn ta qua ngòi bút của ký giả Eileen J. Hammer, qua bản dịch rất sáng sủa của Vũ Văn Ninh và Trần Ngọc Dung. Đọc để thấy nỗi đau của dân tộc nhược tiểu, để thấy những trò chơi chính trị của các cường quốc, đem thân xác và máu xương người Việt Nam đặt trên bàn cờ thế giới. Giá 15 Mỹ kim.

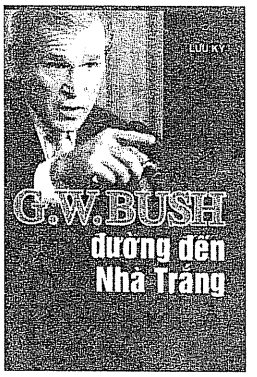

G.W.BUSH, ĐƯỜNG ĐẾN NHÀ TRẮNG
LƯU KỲ, bản dịch của **HÀ SƠN**
Cuốn sách trơ trụi không ghi nhà xuất bản, không biết nguyên tác là gì và được viết bằng tiếng nước nào, được xuất bản sở đâu, năm nào. Không cả lời giới thiệu hay lời nói đầu. Nội dung toàn nói về cuộc đời của tổng thống Bush hiện nay, từ thời thơ ấu, đến tuổi trưởng thành, rồi đi vào con đường chính trị, với một lối viết khá chính xác và hấp dẫn. Sách cũng đề cập nhiều về ảnh hưởng của gia đình và cộng sự trên sự nghiệp chính trị của G.W. Bush. Giá 22 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 657-8051
Email:Theky21@mail.nguoi-viet.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Media Mail (Book)	**US $50.00**	**US $90.00**	
Hạng nhất / First Class	**US $64.00**	**US $120.00**	
Canada	**US $68.00**	**US $130.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $88.00**	**US $170.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $98.00**	**US $185.00**	

Ghi chú: ***Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 (Effective January 1, 2005)***

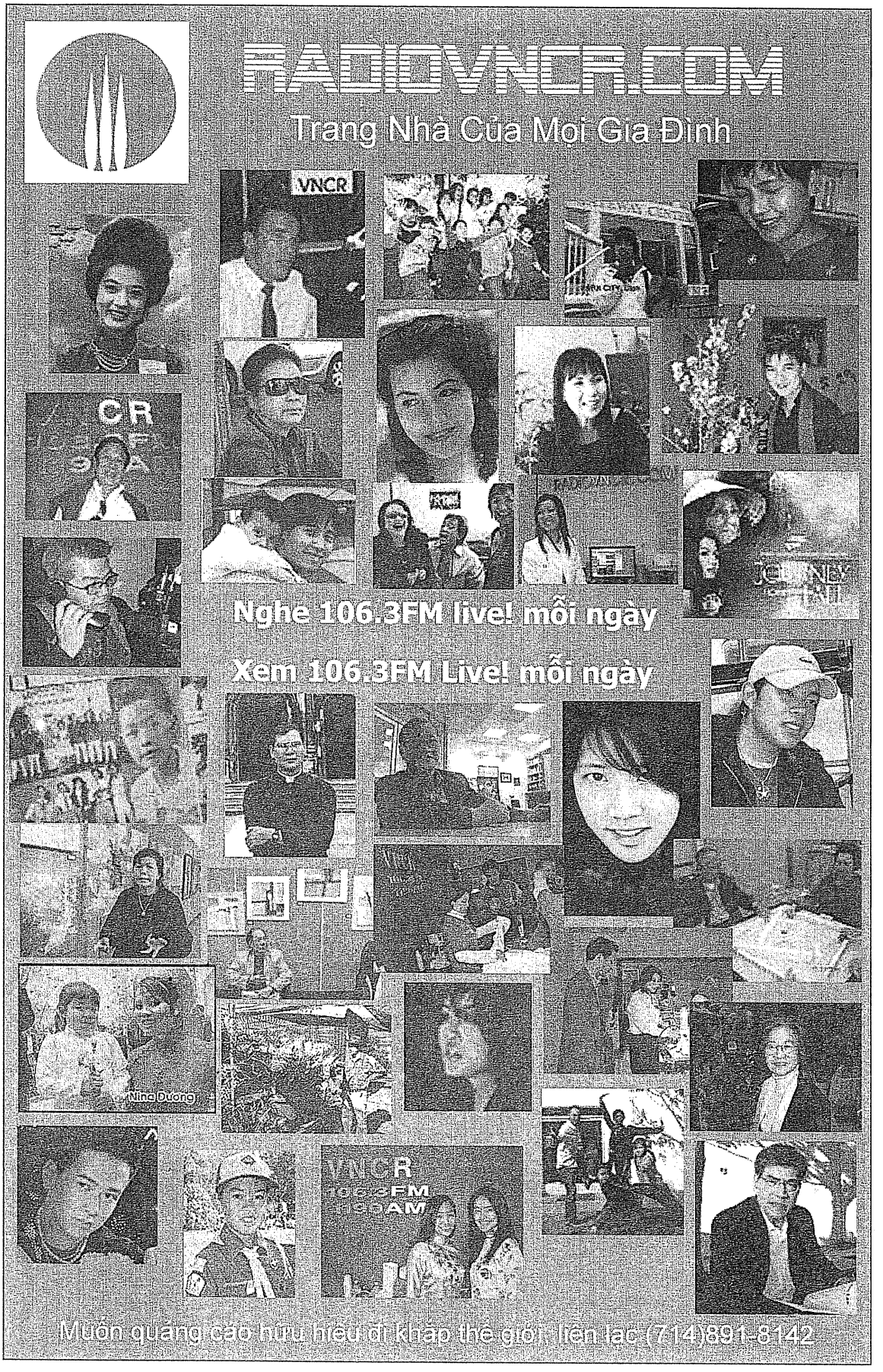
RADIOVNCR.COM
Trang Nhà Của Mọi Gia Đình
VNCR
Nghe 106.3FM live! mỗi ngày
Xem 106.3FM Live! mỗi ngày
Nina Dương
VNCR
106.3FM
1680AM
Muốn quảng cáo hữu hiệu đi khắp thế giới, liên lạc (714)891-8142

MÙA XUÂN
ĐÓN ĐỌC
HAI
TÁC PHẨM

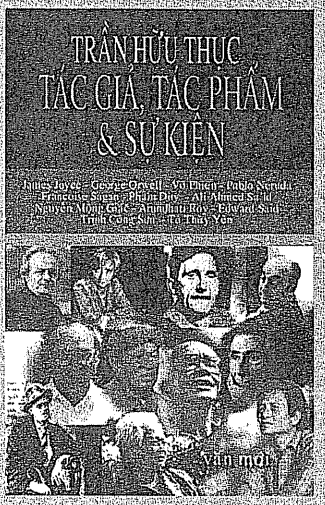

Tác Giả, Tác Phẩm & Sự Kiện

Giới thiệu 14 khuôn mặt văn học nổi tiếng Việt Nam và thế giới:

John Maxwell Coetzee, Nobel văn chương 2003; Edward Said, nhà nghiên cứu văn học độc đáo Mỹ gốc Palestine; Ali Ahmed Sa'id, con chim đầu đàn của văn chương Á Rập hiện đại; Suzanna Arundhati Roy, nhà văn nữ hàng đầu Ấn Độ hiện nay; Pablo Neruda, nhà thơ Chili đa dạng; James Joyce, người khai sinh chủ nghĩa hiện đại trong tiểu thuyết; George Orwell, với 2 kiệt tác chống chế độ Cộng Sản và các chế độ toàn trị; Tô Thùy Yên, chênh vênh siêu hình/hiện thực trong thơ; Võ Phiến, tâm và cảnh; Ha Jin, nhà văn di dân ngoại hạng; Françoise Sagan, tiểu yêu nữ khả ái; Nguyễn Mộng Giác, nhân vật Nguyễn Huệ trong Sông Côn Mùa Lũ ; Thế giới ca từ Trịnh Công Sơn; Tính hiện thực

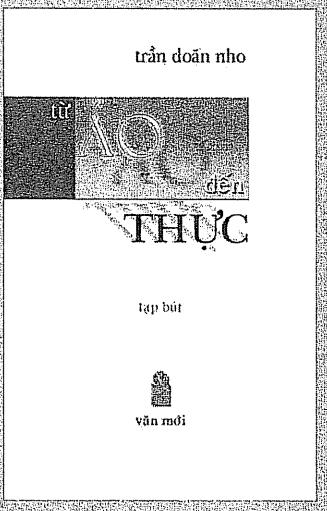

từ ẢO đến THỰC

(tạp bút) với nhiều đề tài đa dạng:

Biến cố September 11 - Từ ảo đến thực - Triết gia của chủ nghĩa khủng bố - Theo dấu Huyền Trang - Đức Đạt Lai Lạt Ma & Phật Giáo Hoa Kỳ - Phật Giáo và thần thánh - Phật Giáo và hư vô chủ nghĩa - Nhạc Xuân - Tiền đề - Tranh tĩnh vật Nguyễn Trọng Khôi- Năm tác giả: Thu Thuyền / Trần Trung Đạo / ĐứcPhổ / Lâm Chương / Phan Xuân Sinh – Bản dịch tệ hại - Vô thường - Thấy – Về - Cái thú của tôi - Tôi lên sáu mươi

Văn Mới
xuất bản năm 2005

Có bán tại các tiệm sách.
Liên lạc với nhà xuất bản Văn Mới: P.O.Box 287, Gardena, CA 90248; điện thoại: 310-366-6867;
Email: Kimanquan@yahoo.com
Hoặc với tác giả:
Trần Hữu Thục, 11 Oak Leaf Circle, Worcester, MA 01603;
Email: trandoanho@yahoo.com, điện thoại: 508-797-1638

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 891-8142
E-mail: **theky21@tapchitheky 21.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
(714) 891-8142
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: *Thanh Tâm Tuyền*, họa phẩm của **Đinh Cường**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Hí họa: **Babui, Val**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: cung cấp bởi **Đinh Cường**; tư liệu

MỤC LỤC

Số 204 – Tháng Tư 2006

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
8. Melvin R. Laird nói gì về cuộc chiến Việt Nam? - **Nguyễn Quốc Khải**
17. Nhiệm kỳ Bush II: ngoại giao chuyển mình ở châu Á – **Cổ Lũy**
26. Những nghịch lý trong các chỉ dấu kinh tế – **Nguyễn Anh Tuấn**

TƯỞNG NIỆM THANH TÂM TUYỀN
31. Độc Cô Thanh Tâm Tuyền – **Đặng Tiến**
35. Thanh Tâm Tuyền – **Thụy Khuê**
38. Thơ mừng năm tuổi – **Thanh Tâm Tuyền**
39. Ba đoạn viết với thơ Thanh Tâm Tuyền – **Đỗ Quý Toàn**
45. Nhớ nghĩ về Thanh Tâm Tuyền, những điều chợt đến... – **Trần Thanh Hiệp**
49. Ung Thư, tác phẩm cuối đi theo cùng tác giả – **Nguyễn Chí Kham**
51. Không đề – **Trần Mộng Tú**
53. Biến khúc "Đêm qua ra đứng bờ ao" – **Thanh Tâm Tuyền**
54. Dọc đường – **Thanh Tâm Tuyền**
57. Lệ đá xanh – **Thanh Tâm Tuyền**
59. Im lặng anh – **Trịnh Cung**
60. Thanh Tâm Tuyền – **Thảo Trường**
75. Ngã trên núi Việt Hồng... – **Thanh Tâm Tuyền**
114. Tưởng niệm thi sĩ Thanh Tâm Tuyền – **Thường Quán**
119. Vang vang trời vào xuân – **Thanh Tâm Tuyền**

CÁC BÀI KHÁC
73. Thẫn thờ – **Võ Phiến**
77. Chị Thoa – **Nguyễn Tường Thiết**
83. Ô chó – **Đặng Tiến**
84. Betty Friedan, người tiên phong cho quyền phụ nữ – **Trần Viết Minh-Thanh**
87. Tiếc cho một người lầm lỡ vừa nằm xuống – **Mai Thanh Truyết**
92. Phan Châu Trinh, nhà tiên tri của thời đại – **Trần Gia Phụng**
94. Đập đá ở Côn Lôn – **Phan Châu Trinh**
95. Nhạc Jaz, mèo và một lời tạm biệt – **Ngô Nguyên Dũng**
101. Tôi biết sợ, phần IV – **Nguyễn Hữu Chi**
107. Kiếm sống – **Hòa Đa**
112. Trong tiệm Nail – **Tưởng Như Hạ**
114. Miếng đêm – **Trần Mộng Tú**
116. Qua cầu – **Trần Yên Hòa**

MỤC THƯỜNG LỆ
6. Bạn đọc viết
7. Tòa soạn và bạn đọc
Thư Trị sự
62. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
66. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Về chuyện đền miếu thờ chó

Gần đây ở Hà Nội giới học giả sử gia tranh luận về tục thờ Chó, nhân chuyện tìm ra di tích đền thờ chó ngay giữa hồ Trúc Bạch, trên gò đất, từ đời Lý. Có vị cho rằng chó là loài có nghĩa nên dân gian lập đền miếu thờ, có vị lại cho rằng chó là loài gần với người nên phong tục của ta không phân biệt thú, người, có khi thờ thần hổ, rắn, rồng.

Chúng tôi cho rằng một con chó mà được thờ cúng ngay giữa vùng đất thiêng Tây Hồ, sát cạnh hoàng thành, phải có tích sự gì đặc biệt. Ta biết mộ Trần Thủ Độ ở Thái Bình cũng có chó đá đứng cạnh. Rồng thì dành cho vua chúa, hổ thì dành cho đình đền miếu thần thánh, còn chó thì dành cho nhân sự hoặc sự việc khác.

Điều đáng chú ý ở đây là vua Lý Thái Tổ sinh vào năm chó, giáp tuất 974, lên ngôi vua năm chó, Canh Tuất 1010 mở ra triều Lý hơn 200 năm, và dòng dõi họ Lý bên nước Hàn, Lý Xương Căn cũng chọn đúng năm chó, giáp tuất 1994, về lễ tổ ở đền Lý Bát Đế, Kinh Bắc.

Sấm Trạng Trình có câu :

Chó nọ vẫy đuôi mừng thánh chúa
Ăn no ủn ỉn lợn kêu ngày
...Hỏa thôn đa khuyển phệ
mục dã dục nhân canh
(xóm hỏa vang chó sủa
mong người canh tác đồng quê)

Lại có lời tiên tri:
Canh Tân tàn phá
***Tuất** Hợi phục sinh*
Nhị ngũ dư bình.

Nếu quy chiếu về chu kỳ 60 năm qua, thì Ất Dậu 1945 với 2 triệu người chết đói và Ất Dậu 2005 cũng có hàng triệu con gà bị hủy diệt thế mạng người, nhưng năm Dậu chưa quan trọng bằng năm Tuất 1946 là năm bắt đầu chiến tranh, bắt đầu cờ đỏ, nên năm Bính Tuất 2006 có khả năng biến hóa mạnh hơn, nhất là Bính thuộc hỏa mà Việt Nam lại nằm ở phương Nam, quẻ Ly thuộc hỏa.

Câu sấm: *Lý đi rồi Lý lại về,* hoặc câu đồng dao: *Bao giờ rừng Báng hết cây, Tào khê hết nước, Lý nay lại về* với tượng Lý Thái Tổ được dựng lên ở Thăng Long, cộng với việc tìm ra di tích đền thờ Chó, loài vật hộ mạng của vua Lý và nhà Lý, là có cơ sở siêu linh huyền diệu khác với duy vật sử quan vậy.

***Lưu Văn Vịnh** (San Jose)*

Lại mấy tiếng "Ô chó"

Bức thư "Ô Chó" của ông Nguyễn Đức Thảo thốt nhiên làm tôi sống lại một quá khứ rất xa xăm, xa đến nỗi như từ một giấc mơ, hay thuộc về tiền sử mà ngày nay còn dội lại trong tiềm thức của tôi. Thoạt đầu tôi ngỡ ngàng không biết "ô chó" là gì, rồi bỗng dưng tôi hiểu hết, như đột nhiên được nối lại với một vùng mịt mù trong quá khứ. Vùng mịt mù đó sáng lên dần dần, và tôi thấy bà nội tôi, một người đàn bà thôn quê, đứng giữa sân miệng hô to: *"Ô... ô Mực Mực Mực... Ô... ô Mực!"* Từ 60 năm nay tôi không hề nghe những lời như thế nữa, những từ ngữ đó đã ra khỏi đời tôi, tôi không nghe nó, không dùng nó, kho ngôn ngữ của tôi đã loại những tiếng đó ra ngoài, hoặc đúng hơn, đã nhấn chìm vào một xó xỉnh tối tăm sâu thẳm.

Tôi rời làng quê của tôi ở miền Trung từ hồi nhỏ, và suốt hơn nửa thế kỷ qua chỉ có dịp về thăm đôi ba chuyến ngắn ngủi. Tôi đã bị cắt đứt với cái nôi của tôi, và cho đến bây giờ tôi cũng không biết dân làng tôi đang sống ra sao, nhất là đang nói năng ra sao, có còn giống như hồi xưa không? Không biết họ có còn gọi chó bằng cách hô lên: Ô... ô... (Vàng, Vện, Mực...)? Mà nếu không "ô chó" như hồi xưa thì bây giờ họ gọi chó bằng cách gì? Con chó được thuần dưỡng đã lâu đời, nó không nói được tiếng người nhưng hiểu tiếng người khá lắm, biết thế nào là lời la rầy, giận dữ (quịt đuôi, mất lấm lét, trốn vào gầm giường), hiểu được tiếng âu yếm thân mật (vẫy đuôi, quấn quít quanh chân chủ) và gắn chặt với cái âm thanh kêu nó, nghe âm thanh đó thì nó chạy tới, nó biết là chủ nó đang cần tới nó để giải quyết một chuyện gì đấy, thường là dọn sạch những gì em bé "bậy" ra giường. Nếu dân làng tôi không dùng tiếng "Ô" nữa thì gọi chó bằng tiếng gì, và khi đổi như thế thì con chó có phải qua một thời gian khó khăn để thích ứng làm quen với tiếng mới không? Và nếu đổi thì vì sao mà đổi?

Chẳng có ai để tôi hỏi về tình trạng hiện nay của làng tôi, nhất là hỏi về một chuyện có vẻ ngớ ngẩn tức cười là bây giờ dân làng gọi chó ra sao? Tôi nghĩ là họ vẫn cứ "ô chó" thôi, chứ chẳng có lý do gì để đổi. Chữ "ô" đó có lẽ thuộc vào những tiếng xưa nhất của vùng quê tôi chứng tỏ mối tương quan giữa người và con vật nuôi. Hoàn cảnh văn hóa chính trị thay đổi có thể làm thay đổi nhiều từ ngữ giữa người với người, chứ giữa người và chó thì nào có gì thay đổi, từ hàng trăm năm nay?

***Trần Mạnh** (Australia)*

Tháng Tư đen hay tháng Tư hồng

Cả miền Nam sụp đổ, một quốc gia bị xóa sổ trong một ngày tháng Tư. Người miền Nam gọi đó là Tháng Tư Đen, vì mình mất hết để chui đầu vào một loại gông cùm mới. Nhưng đối với một số người, trong cái rủi lại

có cái may: vì biến cố đó mà "được" đi ra sống ở một số quốc gia văn minh trên thế giới, và chính con người cùng gia đình của mình cũng được văn minh theo. Có những đứa bé sau 1975 gầy tong gầy teo, đen thủi đen thùi ngày ngày không được đi học mà chỉ lăn lộn trong đám sắn rẫy khoai tại những vùng xa xôi hẻo lánh, sau đó gia đình vượt biên, ngày nay đang là giáo sư đứng trong giảng đường của một đại học danh tiếng Hoa Kỳ, hoặc đang là chủ nhân một cơ sở kinh doanh tầm cỡ quốc tế tại một đô thị Âu châu, hoặc là kỹ sư về không gian tại một căn cứ bắn vệ tinh nào đấy... Nhờ sự kỳ thị triệt để của người cộng sản thắng trận, dứt khoát không cho con cháu "bọn ngụy" ngóc đầu lên, bằng cách tước đoạt hết tài sản, không cho đi học, đày đọa vào chỗ rừng sâu nước độc, mà một bộ phận dân chúng miền Nam phải liều chết ra đi tìm đất sống trên thế giới.

Và câu chuyện từ đó, tháng Tư đen biến thành tháng Tư hồng! Một sự đổi đời lạ lùng! Một đứa trẻ chăn trâu trong vùng kinh tế mới bỗng vụt một cái thành một nhà khoa học tiếng tăm, chỉ nhờ một chuyến vượt biên thành công! Chính vì chính sách bất nhân của phe cộng sản mà nay đang có những mảng da beo cộng đồng người Việt trải ra trên khắp thế giới, và xuất hiện nhiều nhân tài tầm cỡ quốc tế mang dòng máu Việt Nam. Với một cái nhìn nào đấy, đây là cái may cực kỳ lạ lùng, nảy ra từ một cái rủi có lẽ lớn lao nhất của lịch sử dân tộc.

Viet Nguyen (Internet)

Báo đến chậm

Tôi là một độc giả lâu năm của Thế Kỷ 21. Một thời gian dài từ khi ra đời, báo được gửi theo lối Bulk Rate, không có phong bì, và đi khá chậm, từ hai đến ba tuần mới tới, nhiều khi tờ báo tới tay độc giả trong tình trạng tả tơi rách nát. Theo tôi biết đó là cách gởi rẻ nhất của Bưu điện Hoa Kỳ. Mãi cách đây độ sáu bảy năm, Thế Kỷ 21 bỏ lối gởi ấy, báo được bỏ phong bì và gởi theo Book Rate, được nâng hẳn lên một trình độ cao hơn, đi đã nhanh và tờ báo đẹp đẽ lành lặn.

Vậy mà thời gian gần đây lại quay trở lại lối Bulk Rate, tuy khá hơn trước là bây giờ có phong bì, nhưng lại thụt lui về tốc độ cũ: hai hoặc ba tuần mới tới. Chúng tôi là những người lớn tuổi ở những vùng xa xôi, mỗi tháng chỉ có một vài niềm vui nho nhỏ, là khi nhận báo chí mua gởi về, thế mà đợi lâu thì cũng hơi nóng ruột. Vẫn biết báo quay vòng đằng nào thì cũng trong 30 ngày thì nhận được, nhưng khi biết quý vị phát hành báo từ đầu tháng mà bắt chúng tôi đợi tới cuối tháng mới được đọc thì thật... bất công quá! Món ăn nguội ngắt hết trơn!

Nguyễn Văn Bang (TX)

Thời gian gần đây, về việc gửi báo, chúng tôi cũng đã nhận được nhiều ý kiến tương tự qua điện thoại. Xin mời ông và các độc giả khác xem mục Tòa soạn và Bạn đọc dưới đây với đề nghị giải quyết tình trạng này.

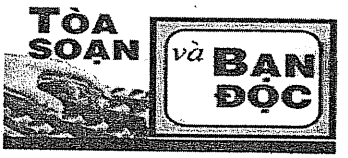

Thưa quý độc giả và văn hữu,

Tòa báo lại đứng trước một vấn đề cần giả quyết: vì Bưu điện tăng giá, Ban Trị sự của Thế Kỷ 21 phải quay lại với lối gửi báo rẻ tiền Bulk Rate, khiến báo đi chậm, có khi thất lạc, nhiều bạn đọc đã phản ảnh cho thấy có nhiều bất tiện. Nhiều bạn đề nghị tăng giá mua báo để nhận được báo sớm và an toàn hơn, chúng tôi đang nghiên cứu việc này. Trong khi chờ đợi, Tòa báo tạm đưa ra giải pháp: bạn đọc nào muốn nâng cấp gửi báo, xin gửi về Tòa soạn số tiền 10 Mỹ kim, số tiền này sẽ có giá trị trong việc gửi báo cho các bạn đến cuối năm 2006. Dĩ nhiên bạn nào đang mua báo gửi theo First Class (Hạng nhất) thì khỏi phải đóng tiền thêm. Bạn nào không chọn giải pháp đóng tiền thêm thì sẽ tiếp tục nhận báo theo lối gửi Bulk Rate như hiện nay.

Về các chủ đề đã thông báo trong số báo trước, xin xác định và nói rõ hơn: số tháng Bảy đặc biệt về Mozart, và chủ đề Cải cách ruộng đất sẽ vào số tháng Mười năm nay. Rất mong quý vị đóng góp ý kiến, tài liệu và bài vở.

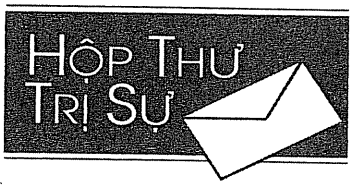

Độc Giả Mới

Nguyễn Văn Long – Germany.

Độc Giả Gia Hạn

Nguyễn Thị Chân Quỳnh – France; Medex Drugs – CA; Nguyen Anh Tuan – NT; Nguyen Han – PA, Le Pham Thuy Kim – AZ; Vũ Phan Cường – MD, Nguyen Gia An – Canada; Nguyễn Văn Thành – VA; Bui Xuan Quang – France, Đỗ Kim Bảng – CA, Nguyen Cuong Dac – Canada; Robert P. Neathery – WA; Phạm Văn Đồng – CA; Hoàng Giang – IL; Đỗ Nguyên Thái – CA; Trần Trung Lương – Canada; Ninh Đức Thuận – CA; Thomas Nguyen – CA; Trang Châu – Canada; Trần Thế Tiếu - KS; Trần Thị Anh Đào – CA; Dang Hieu Kinh – VA.

Độc Giả Thay Đổi Địa Chỉ

Phạm Trọng Sách – OR; Phạm Băng Hồ – OR; Minh Nguyễn – CA; VH: Lê Đại Lãng – Autralia; Tôn Thất An – TX; Hoàng Giang – IL.

Sau 30 năm Giữ Yên Lặng, Cựu Bộ Trưởng Quốc Phòng Hoa-Kỳ MELVIN R. LAIRD

Nói Gì Về Cuộc Chiến Tranh Ở Việt-Nam?

NGUYỄN QUỐC KHẢI

Ô. Melvin R. Laird giữ chức Bộ Trưởng Quốc Phòng Hoa-Kỳ trong những năm 1969-1973 dưới thời Tổng Thống Richard Nixon. Ông rời khỏi Ngũ Giác Đài sau khi việc rút quân Mỹ ra khỏi Việt-Nam đã hoàn tất. Nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, ông trở lại làm Cố Vấn Nội Vụ cho Tổng Thống Nixon vào tháng 6, 1973. Tám tháng sau ông xin từ chức khi cuộc khủng hoảng Watergate trở thành nghiêm trọng. Từ ngày rời khỏi Bộ Quốc Phòng và chính trường, ông Laird hoàn toàn giữ yên lặng về chiến tranh tại Việt-Nam, một vấn đề chiếm nhiều thì giờ nhất khi ông làm việc tại Ngũ Giác Đài. Vào cuối năm vừa qua, lần đầu tiên ông lên tiếng về cuộc chiến này vì có nhiều người liên hệ chiến tranh hiện nay ở Iraq với cuộc chiến tại Việt-Nam.

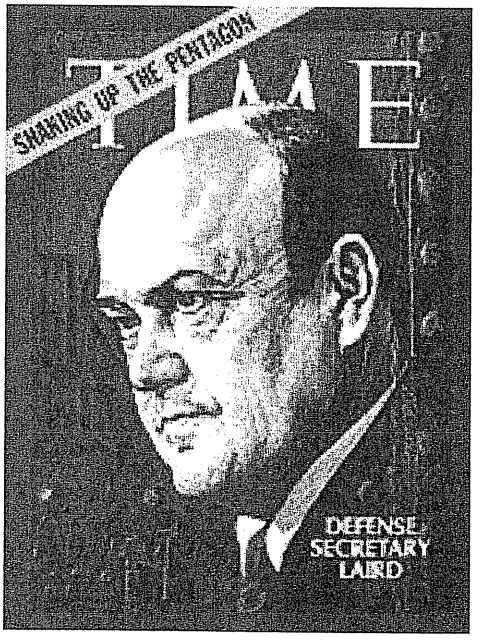

Dù ông Laird là một trong những người thân cận của Tổng Thống Nixon trong giai đoạn Watergate, nhưng tư cách của ông vẫn giữ được vẹn toàn. Ông Laird là người chính trực và có đầy đủ thẩm quyền để nói về chiến tranh Việt-Nam. Những phần sau đây trình bầy các nhận định của ông Laird về cuộc chiến này. [1] Nhiều ý kiến của một số nhân vật khác cũng sẽ được trích dẫn để so sánh.

Mục tiêu của bài này là tìm hiểu sự thật về chiến tranh Việt-Nam dù là sự thật cay đắng. Nhưng với sự can đảm nhìn thẳng vào sự thật tác giả mong học được những bài học cho việc phát triển đất nước trong tương lai.

Sự thật về việc tham chiến của Hoa-Kỳ

Từng là dân biểu trong Quốc Hội Liên Bang và Bộ Trưởng Quốc Phòng, ô. Laird nhận định rằng cuộc chiến Việt-Nam là một biến cố bi thảm, xấu xí, và được vận hành một cách vụng về trong lịch sử của Hoa-Kỳ với sự tổn thất nhân mạng lớn lao cho cả mọi phe. Nhưng ông nghĩ rằng chúng ta không thể kết luận một cách ngắn gọn rằng chiến tranh Việt-Nam là một sai lầm. Cuộc chiến này khá phức tạp: một hỗn hợp của tốt và xấu mà từ đó có thể rút tỉa ra nhiều bài học giá trị. Tuy nhiên chỉ có một bài học xem ra tiếp tục tồn tại là "Đừng nên để bị mắc kẹt vào một Việt-Nam thứ hai." Có những người ở Hoa-Kỳ ưa châm chọc vào vết thương thay vì để yên cho nó lành lại. Họ sẵn sàng đem con ngáo ộp Việt-Nam ra đe dọa bất cứ khi nào có cuộc xung đột võ trang. Đối với những người này, Việt-Nam là một chính sách bảo hiểm để bảo đảm cho nền hòa bình ở nội địa nếu Hoa-Kỳ không bao giờ phiêu lưu ở thế giới bên ngoài nữa. Do đó cần phải vạch ra và xóa bỏ những ý niệm sai lầm về cuộc chiến Việt-Nam để Hoa-Kỳ phục hồi sự tự tin vào khả năng xây dựng quốc gia.

Theo ô. Laird, sự thật về Việt-Nam là Hoa-Kỳ không thua trận khi rút quân vào năm 1973. Sự kiện cho thấy rằng Hoa-Kỳ đã chuốc lấy thất bại, bỏ lỡ mất cơ hội chiến thắng hai năm sau khi Quốc Hội chấm dứt viện trợ cho miền Nam

Việt-Nam và do đó làm mất khả năng chiến đấu của Việt-Nam Cộng Hòa. Hồ sơ chiến tranh do Hà-Nội bạch hóa mới đây cho thấy rằng Sô Viết đã vi phạm Hiệp Định Paris 1973 vì đã tiếp tục viện trợ cho Bắc Việt 1 tỉ Mỹ kim mỗi năm thay vì chỉ được phép thay thế võ khí và máy móc. Trong khi đó Hoa-Kỳ chỉ viện trợ quân sự giới hạn cho Việt-Nam trong hai năm. Sau khi xẩy ra biến cố Watergate, Hoa-Kỳ đã thất bại trong việc tiếp vận cho đồng minh của Mỹ ở miền Nam Việt-Nam vì sự xụp đổ của cơ cấu lãnh đạo ở Washington. Chính quyền tiếp nối không giữ lời hứa của chính quyền trước đã gây ảnh hưởng tai hại trong việc thương thuyết giữa hai miền Bắc-Nam Việt-Nam.

Ô. Laird cho rằng chiến tranh Việt-Nam bắt nguồn từ những sai lầm quá tệ hại về tình báo. "Hoa-Kỳ đã không hiểu được động lực nào thúc đẩy ông Hồ Chí Minh trong thập niên 1950. Nếu hiểu được tinh thần quốc gia sâu sa của ông Hồ Chí Minh, Hoa-Kỳ đã có thể thay đổi khuynh hướng Cộng Sản của ông."

Cái cớ để Hoa-Kỳ nhẩy vào cuộc chiến Việt-Nam là việc chiến hạm U.S.S. Maddox bị ba tầu phóng thủy lôi của hải quân Bắc Việt tấn công vào ngày 2/8/1964 trong vịnh Bắc Việt cách duyên hải Việt-Nam 25 dặm. Cuộc tấn công đơn lẻ này có thể xem như là một lầm lẫn bất thường (aberration). Nhưng hai ngày sau, chiến hạm U.S.S. Maddox, với sự tham dự của chiến hạm U.S.S. Turner Joy, đã báo cáo rằng tầu bị tấn công lần thứ hai. Năm năm sau, khi là Bộ Trưởng Quốc Phòng, căn cứ vào các báo cáo, ô. Laird nhận định rằng không có lần tấn công thứ hai. Đây là một sự nhầm lẫn, sợ hãi quá độ, và thông tin sai lệch xẩy ra trong đêm tối. [2] Ông Laird từng phục vụ trên chiến hạm U.S.S. Maddox trong Đệ Nhị Thế Chiến và đã bị thương khi chiến hạm này bị phi công cảm tử của Nhật tấn công trên biển Thái Bình Dương. Mảnh đạn còn lưu lại trong cơ thể của ông Laird cho đến ngày nay.

Tổng Thống Johnson và Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara không che giấu hoặc giải thích sai lầm tin tình báo không đúng về vụ hải quân Bắc Việt tấn công tầu Maddox. Nhưng sự kiện là ông McNamara đã hăm hở đến Quốc Hội và đưa ra một lời tuyên bố không có nghĩa là chiến tranh, nhưng dù sao cũng đã gây ra chiến tranh. [3] Ô. Laird cùng với 501 đồng nghiệp ở Quốc Hội đã bỏ phiếu ủng hộ Nghị Quyết Vịnh Bắc Việt (Tonkin Gulf Resolution), cho phép cho Tổng Thống Johnson gia tăng vai trò của Hoa-Kỳ tại Việt-Nam. Trước đó Hoa-Kỳ một phần là kẻ ngoại cuộc, một phần là một kẻ chiến đấu bí mật, phần khác là cố vấn. Ông Laird gián tiếp kết luận rằng Hoa-Kỳ đã dần dần, một cách bí mật, và sơ ý rơi vào vấn đề Việt-Nam.

Ông Laird công nhận rằng Hoa-Kỳ có một số ít quyền lợi kinh tế ở Việt-Nam. Mặt khác, một vấn đề an ninh quốc gia là cần phải ngăn ngừa ảnh hưởng giây chuyền theo đó toàn thể thế giới sẽ rơi vào vòng kiểm soát của Cộng Sản, nếu mất vùng Đông Nam Á. Tuy nhiên lý do này không có đủ trọng lực. Nhưng theo cựu Bộ Trưởng Quốc Phòng Melvin R. Laird, chiến tranh Triều Tiên vào đầu thập thập niên 1950 là một bằng chứng về mối đe dọa của Cộng Sản tại Á châu. Vào hai thập niên 1960 — 1970 mối đe dọa này tiếp tục và là sự thật đặc biệt ở vùng Đông Nam Á. Tại Phi Luật Tân, Mã Lai Á, Tân Gia Ba, Nam Dương và ngay cả tại Ấn Độ, phong trào Cộng Sản đã thiết lập được các căn cứ địa vững vàng. Mục tiêu của Hoa-Kỳ là chặn đứng sự bành trướng của Cộng Sản ở Á châu.

Diễn biến của chiến tranh

Theo ông Laird, việc Mỹ hóa chiến tranh Việt-Nam, hay nói một cách khác là Hoa-Kỳ trực tiếp tham chiến ở Việt-Nam, là một thảm họa lớn, một quyết định sai lầm. Kế hoạch này bắt đầu bằng việc Tổng Thống John F. Kennedy gửi vài trăm cố vấn đến Việt-Nam. Vào năm 1962 Hoa-Kỳ đã có 16,000 cố vấn tác chiến (combat advisers) tại Việt-Nam. [4] Tổng Thống Johnson nhận định rằng Đông Nam Á là nơi để chặn đứng sự bành trướng của Cộng Sản. Do đó ông Johnson quyết định vung tiền và sử dụng không hạn chế nhân lực vào mục tiêu này. Những đơn vị tác chiến đầu tiên của Hoa-Kỳ được gửi đến Việt-Nam vào năm 1965.

Trong chiến tranh Việt-Nam, Hoa-Kỳ chủ trương giúp thành lập bất cứ một chính phủ địa phương nào có thể thực thi chiến lược về chiến tranh lạnh của Hoa-Kỳ, không cần phải là một chính quyền dân chủ. Theo ông Laird, đây là một sai lầm cực kỳ nghiêm trọng. Đại Sứ Philip Habib là người đã soạn thảo Hiến Pháp 1967 cho Việt-Nam. Hoa-Kỳ đạo diễn (choreograph) những cuộc bầu cử để trao quyền hành cho

"những kẻ tham nhũng, ích kỷ, và độc tài khoác bộ áo lãnh tụ quốc gia."

Hoa-Kỳ lúc đó đã đánh giá quá thấp sự cần thiết của một chính quyền hợp pháp thật sự tại miền Nam Việt-Nam. Thay vào đó, Hoa-Kỳ quan niệm rằng một chính quyền không chính thức (shadow government) và một lực lượng quân sự cũng đủ để có thể đem lại chiến thắng. Ông Laird đã không tin rằng một ngày nào đó chính phủ Saigon có thể xụp đổ vì thiếu chính danh và thiếu sự toàn vẹn.

Trong 2.8 triệu công dân Mỹ phục vụ tại Việt-Nam và vùng phụ cận trong thời gian chiến tranh, chỉ có dưới 10% phục vụ trong các đơn vị bộ binh ở tiền tuyến. Mặt khác quân lực Hoa-Kỳ lúc đó gồm những binh sĩ bị động viên, khiếp sợ, không được huấn luyện và trang bị đầy đủ để đối phó với chiến tranh du kích. Một số không đếm được những thường dân vô tội Việt-Nam đã bị giết trong những cuộc truy lùng Cộng Sản trong đám dân ở nông thôn. Việc tàn sát thường dân ở Mỹ Lai không xẩy ra dưới thời ông Laird, nhưng việc xử án Trung Úy William Calley đã diễn ra khi ông còn đang làm việc ở Ngũ Giác Đài. Ông nhận xét rằng quần chúng Mỹ đã phản đối việc dùng Calley làm vật hi sinh trong khi các cấp chỉ huy được tự do.

Ông Laird nhận định rằng một trong những chiến thuật Cộng Sản áp dụng tại Việt-Nam là kéo dài chiến tranh để thử thách ý chí và sự kiên nhẫn của Hoa-Kỳ. Trên thực tế vào khoảng cuối thập niên 1960, một trong những bài học về chiến tranh Việt-Nam không được nhiều người công nhận. Đó là tổn thất chiến tranh không phải là điều quan tâm chính của quần chúng Hoa-Kỳ. Binh sĩ Hoa-Kỳ sẽ thi hành nhiệm vụ, và quần chúng Hoa-Kỳ sẽ chấp nhận tổn thất nhân mạng, nếu cuộc chiến có những mục tiêu đích đáng có thể đạt được, và được chính phủ hỗ trợ rõ ràng. Ngoài ra những nhà lãnh đạo cần phải thành thực về những mục tiêu này. Đây lại không phải là trường hợp Việt-Nam như sẽ được trình bầy thêm ở đoạn về chiến tranh giới hạn ở bên dưới.

Một lầm lỗi thê thảm nữa về chiến tranh Việt-Nam là những nhà lãnh đạo Hoa-Kỳ đã thua trên mặt trận giao tế. Đại Tướng Creighton Abrams thường xuyên than vãn với ông Laird rằng ông rất nản lòng về cách mô tả cuộc chiến của truyền thông Hoa-Kỳ và sự khác biệt với sự thật mà ông nhìn thấy. Ông phải tham dự hàng trăm buổi thuyết trình được thu âm với hơn 500 phóng viên có mặt tại Saigon. Các ký giả gần như được hoàn toàn tự do đi lại tại Việt-Nam. Chiến tranh Việt-Nam là một cuộc tranh chấp quân sự đầu tiên được trực tiếp truyền hình. Nếu các cha mẹ của những binh sĩ Hoa-Kỳ phục vụ trong Đệ Nhị Thế Chiến nhìn thấy những hình ảnh của CNN về cuộc đổ bộ vào ngày D theo như phim "Saving Private Ryan" được tường thuật trực tiếp trên màn ảnh truyền hình, họ có thể nghĩ Âu Châu không đáng được cứu vãn.

Theo ông Laird, cuộc chiến Việt-Nam dù đã phải trả một giá đắt có thể xem như là một chiến thắng. Mặc dù đã xây dựng được các căn cứ địa vững vàng tại chỗ, Cộng Sản đã thất bại tại Phi Luật Tân, Mã Lai Á, Tân Gia Ba, Nam Dương, và Ấn Độ vì cuộc chiến ở Việt-Nam đã thu hút nhiều tài nguyên của Liên Sô.

Chiến tranh giới hạn

Trong cuộc chiến Việt-Nam, bộ binh Hoa-Kỳ tham chiến tại miền Nam Việt-Nam, nhưng không được phép tiến ra ngoài Bắc. Không quân chỉ được phép đánh vào Bắc Việt, Lào và Campuchia ào ào một lúc rồi lại ngưng, khi thì bí mật, khi lại công khai, pha trộn với những lừa dối và mưu mẹo, thực hiện theo mức lên xuống của công luận thay vì đòi hỏi quân sự. Trong những năm đầu của chiến tranh, không có sự nhất trí giữa các ngành trong chính phủ. Ngay cả Bộ Ngoại Giao cũng có quyền phủ quyết những cuộc không kích. Tổng Thống Johnson thức khuya để bàn cãi trong khi các tướng lãnh không được hỏi han đến.

Khi Tổng Thống Nixon ra lệnh ném bom bí mật ở Campuchia, ông Laird đã phản đối mạnh mẽ. Ông không phản đối việc ném bom vì tin rằng Hoa-Kỳ nên chiến đấu ở bất cứ nơi nào cần phải chiến đấu — bất cứ nơi nào có kẻ thù ẩn náu — hoặc là không chiến đấu, nhưng ông chống lại thủ đoạn lừa gạt (deception) công luận. Khi bí mật này bị lộ, như ông Laird tiên đoán, ông bị nghi ngờ một cách sai lầm là nguyên nhân của sự tiết lộ này. Tổng Thống Nixon đã chấp thuận đề nghị của ông Kissinger ra lệnh cho Cơ Quan Điều Tra Liên Bang (Federal Bureau of Investigation — FBI) đặt máy nghe lén điện thoại ở nhà của người phụ tá của ông Laird. Dân chúng Hoa-Kỳ không muốn bị lừa dối, không chấp nhận bí mật và cũng không muốn bị gạt ra ngoài cuộc tranh luận về chiến

tranh.

Việt-Nam hóa chiến tranh

Nếu Bộ Trưởng Quốc Phòng Robert McNamara thi hành chính sách tham chiến tại Việt-Nam của Tổng Thống Lyndon B. Johnson, thì ông Laird, người kế vị ông McNamara, là người thực hiện chính sách chấm dứt sự liên hệ của Hoa-Kỳ vào cuộc chiến này của Tổng Thống Nixon. Theo ông Laird, khi ra tranh cử tổng thống vào năm 1968, ông Nixon hứa chấm dứt chiến tranh tại Việt-Nam dưới tiêu đề "Hòa Bình Trong Danh Dự" (Peace with Honor), nhưng chưa có một kế hoạch cụ thể nào cả. [5] Vào năm 1968, ông Laird chỉ mới đề nghị cho vào cương lĩnh của Đảng Cộng Hòa ý kiến giảm vai trò của Hoa-Kỳ trong chiến tranh (de-americanize the war). Chính Bộ Trưởng Quốc Phòng Laird là người đã thiết lập kế hoạch Việt-Nam hóa chiến tranh mà ông cho là thành công. Ông quan niệm trả lại chiến tranh cho người Việt, những người quan tâm đến vấn đề này nhất, để tự họ lo lắng theo điều kiện của chính họ. Người Việt cần tiền của Mỹ và huấn luyện nhưng không cần thêm máu của quân nhân Mỹ nữa. Đó là những lời khuyên đầu tiên của Bộ Trưởng Quốc Phòng Laird dành cho Tổng Thống Nixon. Ông Laird gọi kế hoạch này là "Việt-Nam Hoá Chiến Tranh" (Vietnamizing the war) và Tổng Thống Nixon gọi là Việt-Nam hoá việc tìm kiếm hòa bình (Vietnamizing the search for peace).

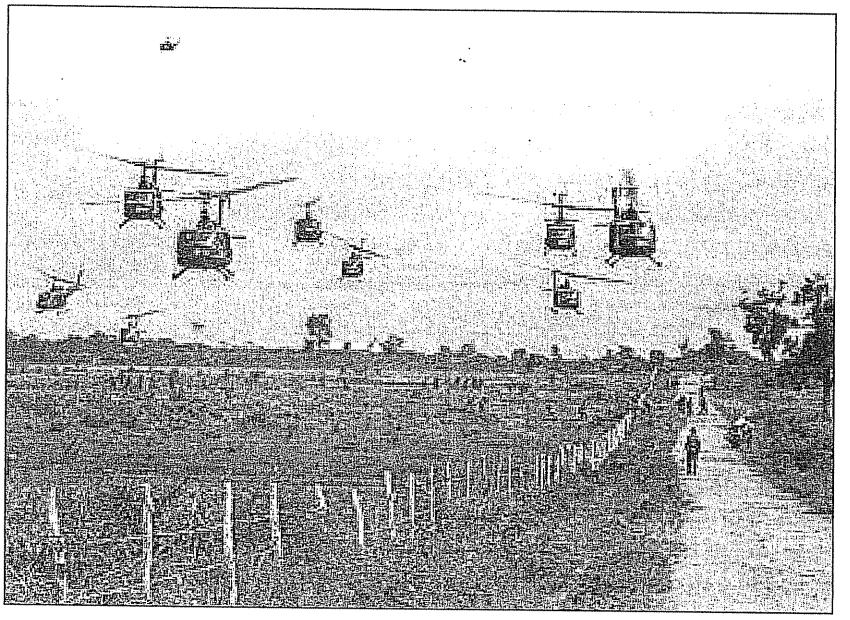

Khi hai ông Nixon và Laird thừa kế cuộc chiến tại Việt-Nam vào năm 1969, cuộc chiến đã kéo dài được bốn năm với 31,000 binh sĩ Hoa-Kỳ đã thiệt mạng, 540,000 quân Mỹ hiện diện tại Việt-Nam và thêm 1.2 triệu quân thuộc bộ binh, hải quân và không quân yểm trợ cuộc chiến từ các căn cứ quân sự trong vùng, trên các chiến hạm và hàng không mẫu hạm ở Thái Bình Dương. Chiến tranh Việt-Nam gây ra sự chia rẽ trầm trọng trong nước Mỹ và sự chỉ trích từ nhiều nước bạn cũng như thù địch.

Ông Laird từ giã Quốc Hội sau chín nhiệm kỳ để gia nhập nội các của Tổng Thống Nixon vào năm 1969. Ngày đầu tiên làm việc tại Ngũ Giác Đài, ông mở đọc hai hồ sơ tối mật để trong tủ an toàn ngay tại phòng làm việc. Hồ sơ thứ nhất gồm những tài liệu về một việc đã xẩy ra dưới thời ông McNamara: Làm sao Hoa-Kỳ bị lôi cuốn vào chiến Việt-Nam. Không lâu, hồ sơ này được tiết lộ cho báo *New York Times* với cái tên là "The Pentagon Papers" mà ông Laird gọi là "The McNamara Papers." Khi là một dân biểu ở Quốc Hội Liên Bang ông đã nghe khá nhiều về đề tài này. Do đó ông không đọc hết hồ sơ mật thứ nhất. Việc đã xẩy ra không còn là một mối quan tâm của ông lúc đó. Hồ sơ tối mật thứ hai mỏng hơn nhưng đặt ra nhiều vấn đề. Đó là việc Đại Tướng William Westmoreland xin tăng quân số Hoa-Kỳ tại Việt-Nam từ 500,000 lên đến 700,000. Sự yêu cầu này không được giải quyết trong khoảng một năm. Nó không được chấp nhận mà cũng không bị từ chối. Hành động đầu tiên của ông Laird với tư cách là Bộ Trưởng Quốc Phòng là chính thức bác bỏ lời yêu cầu của Tướng Westmoreland. Việc này đánh dấu sự bắt đầu rút quân Mỹ ra khỏi Việt-Nam trong vòng bốn năm.

Theo Bộ Trưởng Laird, sự thật là chiến tranh luôn luôn biến đổi. Do đó sứ mệnh của nó cũng phải thay đổi. Đây là một định luật chứ không phải là một biệt lệ. [6] Vào mùa Xuân 1969, do sáng kiến của Bộ Trưởng Laird, Hoa-Kỳ thay đổi mục tiêu chiến lược từ "gây áp lực tối đa vào quân địch" sang "hỗ trợ tối đa miền Nam Việt-Nam để tự chiến đấu." Những người chống lại kế hoạch này lại là chính phủ của miền Nam Việt-Nam vì đã quá quen lệ thuộc vào Hoa-Kỳ. Một số cấp chỉ huy quân sự Hoa-Kỳ mang ảo tưởng về một sự toàn thắng của Hoa-Kỳ tại Đông Nam Á bằng sức mạnh của Hoa-Kỳ cũng chống đối việc giảm quân số. Ngay cả nếu điều đó có thể xẩy ra, Mỹ hóa chiến tranh là một sai lầm ngay từ đầu và sự kiên nhẫn của quần chúng Hoa-Kỳ sẽ biến mất trước khi mục tiêu đạt được.

Sứ mệnh của Hoa-Kỳ về chiến tranh Việt-Nam thật sự thay đổi vì tình hình thế giới đã thay đổi một cách quan trọng từ vài năm trước khi kế hoạch Việt-Nam hoá bắt đầu. Mục tiêu lúc đầu của Hoa-Kỳ là chặn đứng sự bành trướng của Cộng Sản ở vùng Đông Nam Á. Nhờ sự thay đổi về mối quan hệ giữa Nga Sô và Trung Quốc từ anh em thành kẻ thù và phong trào Cộng Sản ở Nam Dương bị dẹp tan, mối đe dọa của đế quốc Cộng Sản giảm bớt. Theo ông Laird, Hoa-Kỳ không muốn bỏ rơi Việt-Nam nhưng muốn trả lại quyền tự quyết cho quốc gia này. [7]

Đợt rút quân Mỹ đầu tiên được công bố sau hội nghị Việt-Mỹ tại đảo Midway vào tháng 6, 1969. Trước đó ba tháng, Bộ Trưởng Laird đã bay qua Saigon để thông báo cho Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu về quyết định này. Trong khi dư luận chống chiến tranh ngày càng lên cao, việc rút quân Mỹ cũng không phải là một điều dễ dàng. Tổng Thống Thiệu cũng như hầu hết những cấp chỉ huy quân sự Hoa-Kỳ, từ Tổng Tham Mưu Trưởng trở xuống, đều muốn tăng quân số Hoa-Kỳ tại Việt-Nam. Mỗi lần phải giảm quân số, các tướng lãnh trong Bộ Tổng Tham Mưu đều đề nghị những con số thê thảm. Ông Laird lại phải bơm những con số này lên sau khi tham khảo ý kiến với Tướng Abrams. Ngay cả Tổng Thống Nixon, người đã chấp thận rút quân và hứa hẹn chấm dứt chiến tranh, cũng miễn cưỡng chấp thuận giảm quân số mỗi lần Bộ Trưởng Laird đệ trình yêu cầu. Chỉ trong vòng sáu tháng sau Hội Nghị Midway, Hoa-Kỳ đã rút 60,000 binh sĩ, bao gồm 20% của lực lượng tác chiến, ra khỏi Việt-Nam. Vào giai đoạn đó có lẽ đồng minh duy nhất của Bộ Trưởng Laird là tướng Abrams vì ông ta hiểu, nhưng những người khác không hiểu rằng sự kiên nhẫn của quần chúng Hoa-Kỳ đã cạn. Sau vụ Watergate, uy tín của Tổng Thống Nixon bị suy giảm trầm trọng khiến ông mất hết khả năng để vận động dư luận quần chúng.

Khả năng của quân lực Việt-Nam Cộng Hòa

Sau khi người lính tác chiến cuối cùng của Hoa-Kỳ rời khỏi Việt-Nam vào đầu năm 1973, quân lực VNCH đã chiến đấu dũng cảm và đáng kính phục trong hai năm kế tiếp, để chống lại lực lượng cộng quân được viện trợ đầy đủ hơn. Từ cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân 1968 cho đến khi Saigon xụp đổ, miền Nam Việt-Nam không bao giờ thua một trận lớn nào. Cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân chính là một chiến thắng của miền Nam Việt-Nam và là một thảm bại của quân đội miền Bắc với sự thiệt mạng của 289,000 binh sĩ riêng trong năm 1968. Ngược lại, đa số các cơ quan truyền thông đã mô tả cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân và cuộc chiến tiếp theo là một thất bại của Hoa-Kỳ và chính phủ Saigon. Bộ Trưởng Laird trước đây và hiện nay vẫn tin rằng quân lực miền Nam Việt-Nam có đủ khả năng tự vệ nếu được viện trợ đầy đủ.

Miền Nam Việt-Nam đã đánh bại được quân khủng bố Việt-Cộng (VC) bằng sự phối hợp của võ lực và sự thuyết phục, mặc dù VC được tài trợ dồi dào, trang bị đầy đủ bởi Nga Sô, được khích động theo lãnh tụ Hồ Chí Minh và mục tiêu quốc gia của ông ta. [8] Nhưng miền Nam còn phải đối phó cả với lực lượng chính quy miền Bắc. Tổng số Cộng quân là hơn 1 triệu binh sĩ vào năm 1973. Vào thời điểm này, miền Bắc đã tổn thất 1.1 triệu binh sĩ và 2 triệu thường dân. Tuy nhiên Cộng quân tiếp tục chiến đấu vì chiến thắng là tất cả đối với Bắc Việt nhưng không là gì cả đối với một dân Mỹ bình thường.

Hoa-Kỳ chiến đấu đơn độc

Cũng giống như chiến tranh Triều Tiên, lúc đầu Hoa-Kỳ coi thường vai trò của đồng minh, hầu như tự ý chiến đấu đơn độc ở Việt-Nam với một liên minh không đáng kể. Hoa-Kỳ cung cấp phần lớn tiền bạc, súng đạn, và nhân lực để giúp hai nước này chống lại cuộc xâm lăng

của Cộng Sản. Như Tổng Thống Nixon nhận định, dân tộc Hoa-Kỳ thích làm mọi việc lấy một mình và là một dân tộc thiếu kiên nhẫn. Những tính chất này đã thấm sâu vào chính sách ngoại giao của Hoa-Kỳ. Ngay trong năm đầu tiên nhậm chức, Tổng Thống Nixon đề ra ba nguyên tắc sau đây làm căn bản cho chính sách ngoại giao mới của Hoa-Kỳ trong một buổi họp báo tại đảo Guam vào ngày 25/7/1969: [9]

(1) Hoa-Kỳ sẽ tôn trọng những thỏa hiệp đã cam kết.

(2) Hoa-Kỳ sẽ bảo vệ chống lại một cường quốc nguyên tử, nếu cường quốc này đe dọa nền tự do của một nước đồng minh với Hoa-Kỳ hoặc một quốc gia mà sự sống còn rất quan trọng cho sự an ninh của Hoa-Kỳ.

(3) Trong trường hợp liên hệ đến những cuộc xâm lăng khác, Hoa-Kỳ sẽ yểm trợ quân sự và kinh tế khi được yêu cầu theo những thỏa hiệp đã được cam kết. Nhưng Hoa-Kỳ trông đợi quốc gia bị đe doạ trực tiếp lãnh trách nhiệm chính về việc cung cấp nhân lực để tự bảo vệ.

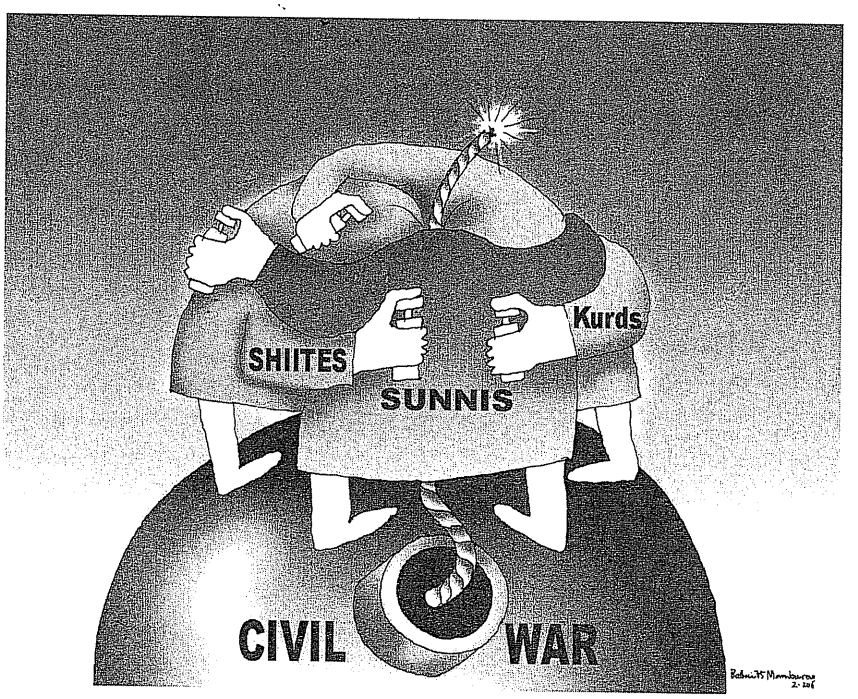

Các nguyên tắc trên đây được áp dụng vào kế hoạch "Việt-Nam hóa cuộc tìm kiếm hòa bình" và được giải thích rõ ràng trong bài diễn văn của Tổng Thống Nixon vào ngày 3/11/1969 về chiến tranh Việt-Nam. Chính sách mới của Hoa-Kỳ là giúp các quốc gia chiến đấu nhưng không chiến đấu cho những quốc gia này. [10] Chính sách này được gọi là "chủ thuyết Nixon" (Nixon Doctrin) còn nhấm vận động sự hợp tác các nước đồng minh và các quốc gia thân thiện của Hoa-Kỳ. Một năm sau, trong bản phúc trình đệ trình Quốc Hội, Tổng Thống Nixon tuyên bố: "Hoa-Kỳ không thể và sẽ không tạo ra tất cả mọi kế hoạch, phác họa ra tất cả mọi chương trình, thi hành mọi quyết định và phụ trách bảo vệ những quốc gia tự do trên thế giới. Chúng ta sẽ giúp đỡ những nơi có thể tạo sự khác biệt và được xem như hợp với quyền lợi của chúng ta."

Chủ thuyết Nixon đánh dấu sự bắt đầu của kế hoạch Viêt-Nam hóa chiến tranh..

Sự phản bội của Hoa-Kỳ

Theo ông Laird, trường hợp Việt-Nam đã làm cho Hoa-Kỳ mang tiếng là đã không yểm trợ đồng minh. Điều xấu hổ không phải là Hoa-Kỳ đã có mặt ở Việt-Nam lúc ban đầu mà là Hoa-Kỳ đã phản bội đồng minh của Hoa-Kỳ vào lúc cuối cùng. Chính Quốc Hội đã ngoảnh mặt đi đối với những lời hứa liên quan đến Hiệp Định Paris. Ông Laird nói tổng thống [Gerald Ford], bộ trưởng ngoại giao [Henry Kissinger], và bộ trưởng quốc phòng [James R. Schlesinger] phải chia sẻ nỗi nhục nhã này. Họ đã không đứng lên để giữ những cam kết với miền Nam Việt-Nam. Đặc biệt là ông Kissinger, người đã tham dự trực tiếp vào cuộc hội đàm Paris.

Vào năm 1954, Hành Pháp Hoa-Kỳ dưới thời Tổng Thống hiến cử Eisenhower tỏ ra bất lực, đã để Quốc Hội làm những quyết định về cuộc khủng hoảng lần thứ nhất tại Đông Dương. Lịch sử Hoa-Kỳ lại tái diễn vào năm 1975. Trong những ngày cuối cùng của Chiến Tranh Việt-Nam, Tổng Thống Jerry Ford do hiến pháp chọn thay ông Nixon, bãi bỏ thuyết Domino và tuyên

bố lấy lệ rằng sự thất bại của Hoa-Kỳ tại Đông Dương không phải là ngày tận thế và cũng không phải là dấu hiệu ám chỉ rằng vai trò của Hoa-Kỳ trên thế giới chấm dứt... Cuộc phiêu lưu sai lầm và bi thảm của Hoa-Kỳ tại Đông Dương không làm giảm nhu cầu duy trì những cam kết quốc tế của Hoa-Kỳ theo bất cứ phương cách nào. Bộ Trưởng Henry Kissinger phản ứng như một đứa trẻ với cái tôi bị tổn thương nặng: "Chúng tôi thật là không đáng tin cậy... Sự phụ bạc của chúng tôi đã gây ra tai họa." [11]

Thái độ muốn bỏ rơi Việt-Nam của Quốc Hội Hoa-Kỳ đã khá rõ ràng qua những quyết định sau đây: (1) Chấm dứt can thiệp quân sự vào tháng 8, 1973; (2) Cấm can thiệp trở lại vào Việt-Nam; (3) Cấm trả đũa trong trường hợp Hiệp Định Paris bị vi phạm; (4) Giảm viện trợ cho Việt-Nam từ 1.4 tỉ Mỹ kim xuống còn 700 triệu Mỹ kim vào năm 1974; (5) Từ chối cứu xét yêu cầu của Tổng Thống Ford xin viện trợ khẩn cấp cho Việt-Nam vào đầu tháng 4, 1975. [12]

Báo chí thay đổi lập trường 180 độ.

Tờ *New York Times* vào ngày 3/11/1963 viết: "... Mất Việt-Nam cho Cộng Sản có thể tăng nghi ngờ khắp mọi nơi trên thế giới về giá trị của những cam kết của Hoa-Kỳ về việc bảo vệ các quốc gia chống lại áp lực của Cộng Sản ... Ảnh hưởng của những phong trào cách mạng trên toàn thế giới sẽ rất nghiêm trọng. May mắn lắm là chủ nghĩa trung lập sẽ bành trướng trong cuộc tranh chấp Đông — Tây. Phần lớn Á châu sẽ có cảm nghĩ rằng Cộng Sản — dưới sự lãnh đạo và khát vọng của Bắc Kinh — sẽ là những đợt sóng của tương lai."

Gần 12 năm sau, vào ngày 24/4/1975 tờ *New York Times* không nhắc lại chuyện cũ, đưa ra lời bình luận mới như sau: "Chấm dứt cuộc phiêu lưu quân sự lầm lẫn tại Á châu sẽ làm cho vận mệnh của Hoa-Kỳ dễ dàng trở về với viễn tượng của Tổng Thống Lincohn."

Theo ông Laird, những kẻ đào ngũ sau cùng đã thắng và những đồng minh của Hoa-Kỳ bị phản bội sau bao nhiêu cố gắng của Hoa-Kỳ giúp đỡ họ đứng vững. Họ chỉ nhìn vào mặt đẹp đẽ của sự thất trận với những thay đổi hiện nay ở Việt-Nam như kinh tế phát triển và liên hệ tốt đẹp với Tây phương. Họ quên cái giá trực tiếp của sự phản bội: hai triệu người tị nạn bị đẩy ra khỏi Việt-Nam, 65,000 người bị hành quyết, và 250,000 người bị đưa vào các trại tù cải tạo. Ông Laird chưa kể đến hàng triệu vợ con của những người này không nơi nương tựa và hàng trăm ngàn người mất tích trên biển cả.

Thay phần kết luận

Một yếu tố liên hệ khác khá quan trọng mà báo chí và các chính trị gia, kể cả ông Melvin Laird, từ chối không nói đến là ảnh hưởng của chiến tranh Trung Đông giữa Do Thái với các nước Á Rập đối với Việt-Nam. Từ năm 1967 đến năm 1973 đã xẩy ra hai chiến tranh ngắn ngủi nhưng đẫm máu giữa Do Thái một bên và Ai Cập, Syria, Jordan, và Iraq một bên. Trận chiến sáu ngày trong tháng 6, 1967 đã gây tổng số thiệt hại về nhân mạng của cả hai bên là 22,000 lính tử trận và 48,000 lính bị thương. Chiến tranh Yom Kippur trong tháng 10, 1973 có tổng số thiệt hại nhân mạng của cả hai bên là 11,200 binh sĩ tử trận và 27,000 binh sĩ bị thương. Hoa-Kỳ luôn luôn ủng hộ Do Thái về cả súng đạn và tài chánh. Trung Đông rất quan trọng đối với Hoa-Kỳ vì ba lý do: (1) Dầu hỏa; (2) Do Thái là đồng minh của Hoa-Kỳ, và (3) Ảnh hưởng và thế lực chính trị và tài chánh của người Mỹ gốc Do Thái rất mạnh. Sách lược quân sự của Hoa-Kỳ đã thay đổi từ khả năng đương đầu với "hai cuộc chiến cùng một lúc xuống còn một cuộc chiến" kể từ đầu thập niên 1970. Do đó Hoa-Kỳ đã phải chọn lựa Trung Đông thay vì Đông Nam Á với áp lực của người Mỹ gốc Do Thái sau khi đã đầu tư nhiều năm vào bán đảo Đông Dương.

Một vấn đề khác cần làm sáng tỏ là ai thực sự chịu trách nhiệm bỏ rơi miền Nam Việt-Nam, Quốc Hội, chính quyền Ford hay Nixon? Theo cựu Bộ Trưởng Quốc Phòng Laird, như đã trình bầy ở trên, Quốc Hội Hoa-Kỳ là thủ phạm chính. Tổng Thống Ford, và hai Bộ Trưởng Kissinger và Schlesinger là phụ vì không đủ ý chí phấn đấu với Quốc Hội. Nhưng theo sự phân tích của GS Larry Berman, khi ký Hiệp Định Paris 1973, Tổng Thống Nixon và Bộ Trưởng Kissinger đều biết rõ rằng Hiệp Định này có một điểm rất bất lợi cho miền Nam Việt-Nam vì nó cho phép 150,000 quân Cộng Sản Bắc Việt (CSBV) ở lại miền Nam Việt-Nam. Những tài liệu mới giải mật do GS Berman tìm kiếm được cho thấy Hiệp Định Paris chỉ là một sự thoả thuận để cho Hoa-Kỳ rút quân ra khỏi Việt-Nam và lấy lại tù binh an toàn. Hiệp Định Paris

1973 được chính quyền Nixon gọi là Thỏa Hiệp Chấm Dứt Chiến Tranh và Tái Lập Hòa Bình tại Việt-Nam" (Agreement on ending the War and Restoring Peace in Vietnam). Khi thỏa hiệp này được Lê Đức Thọ và Henry Kissinger ký tắt tại Paris vào ngày 23/1/1973, Tổng Thống Nixon tuyên bố tại Washington rằng "Hoa-Kỳ không phản bội đồng minh để đánh đổi lấy hòa bình, không bỏ rơi tù binh, không chấm dứt chiến tranh đối với Hoa-Kỳ, nhưng lại để chiến tranh tiếp tục đối với 50 triệu dân ở Đông Dương." [13] Nhưng thực tế là Hiệp Định Paris không đem lại hòa bình thực sự và lâu dài, đúng như ông Lê Đức Thọ tuyên bố khi ông từ chối nhận giải thưởng Nobel Hòa Bình. Hơn ai hết, ông Lê Đức Thọ biết rõ Hà-Nội đã có sẵn âm mưu vi phạm hiệp định này và vẫn theo đuổi việc chiếm trọn vẹn miền Nam Việt-Nam.

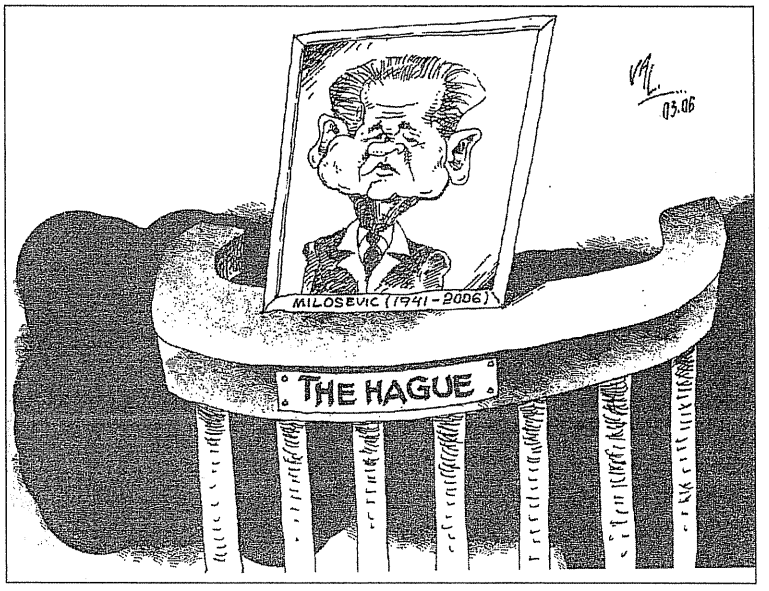

Tổng Thống Nixon biết rõ rằng việc bảo đảm hòa bình là một điều rất khó thực hiện trên căn bản Hiệp Định Paris. Nhưng ông dự trù can thiệp bằng không lực, theo một thỏa thuận bí mật giữa Tổng Thống Nixon và ông Nguyễn Văn Thiệu, để hỗ trợ chính quyền miền Nam Việt-Nam cho đến khi mãn nhiệm kỳ nếu Bắc Việt vi phạm trắng trợn. Vụ Watergate đã làm hỏng kế hoạch của ông Nixon. Bộ Trưởng Kissinger đã tiên đoán rằng Bắc Việt sau cùng sẽ thắng và miền Nam sẽ chỉ đứng vững được trong một năm rưỡi. Do đó kế hoạch thực hiện "Hòa Bình Trong Danh Dự" (Peace with Honor) chỉ là ảo tưởng. [14]

Sau khi miền Nam Việt-Nam rơi vào tay đế quốc Cộng Sản, thuyết Domino không xẩy ra ở Á châu như một số chính trị gia tiên đoán, nhưng đã có những chứng cớ hiển nhiên trong quá khứ cũng như vào hai thập niên 1970 và 1980. Một năm sau khi Mao Trạch Đông chiếm được Hoa Lục vào năm 1949, Cộng Sản Bắc Triều Tiên tấn công Nam Triều Tiên và chiến tranh kéo dài đến khi hai bên chấp nhận hưu chiến vào năm 1953. Cộng Sản tiếp tục bành trướng lãnh thổ ở Á châu với sự chiếm đóng miền Bắc Việt-Nam vào năm 1954. Cuba trở thành một nước Cộng Sản đầu tiên ở Châu Mỹ Latin vào năm 1959. Vào cuối thập niên 1960 và đầu thập niên 1970 có thêm bốn nước theo chủ nghĩa Cộng Sản là Bắc Yemen, Cộng Hòa Nhân Dân Congo, Somalia, và Ethiopia. Ngay sau khi Cộng Sản đã chiếm được cả ba nước Việt-Nam, Lào và Campuchia vào mùa Xuân 1975, một loạt các nước khác rơi vào tay đế quốc Cộng Sản như Benin, Angola, Mozambique, Afghanistan, Grenada, và Nicaragua. Đến năm 1979 làn sóng đỏ mới ngưng. Vào thời điểm đó, đế quốc Cộng Sản cai trị một phần ba dân số thế giới, nhưng không tồn tại được lâu. Đến cuối thập niên 1980 và đầu thập niên 1990, chế độ Cộng Sản tan rã tại hầu hết các quốc gia này, đồng loạt với các nước Đông Âu, Nga Sô, Trung Á, và Mông Cổ.

Riêng tại Á châu, phản ứng của những nước bạn với Hoa-Kỳ rất rõ ràng. Thái Lan yêu cầu Hoa-Kỳ trả lại năm căn cứ và rút 27,000 binh sĩ ra khỏi lãnh thổ trước ngày 17/3/1976. Chính phủ Phi Luật Tân đòi lại chủ quyền về Căn cứ Không Quân Clark và căn cứ Hải Quân Subic, và duyệt xét lại Hiệp Định An Ninh giữa hai quốc gia. Kết quả là Hoa-Kỳ đã hoàn trả tất cả các căn cứ Hoa-Kỳ đang sử dụng cho Phi Luật Tân vào năm 1979. Tổng Thống Lý Quang Diệu của Tân Gia Ba nhận định rằng Hoa-Kỳ không còn khả năng để can thiệp vào vùng Đông Nam Á nữa và chỉ còn lại hai đối thủ cạnh tranh thế

lực trong vùng này là Trung Quốc và Nga Sô. Nam Hàn lo sợ Bắc Hàn dùng võ lực để thống nhất hai miền như đã xẩy ra trước đó một phần tư thế kỷ. Không phải ngẫu nhiên mà Thủ Tướng Bắc Hàn Kim Il Sung viếng thăm Bắc Kinh trong khoảng thời gian 18-26/4/1975 vài ngày trước khi Sài Gòn thất thủ. Lúc đó có nhiều dấu hiệu từ Bắc Kinh cho biết là Nam Hàn sẽ là một con cờ domino, nhưng không nhất thiết phải xẩy ra ngay sau Việt-Nam. [15]

Trở lại vấn đề Việt-Nam, Cộng Sản chiếm đoạt được miền Nam bằng võ lực nhưng đã không chiếm được lòng dân. Chính sách xã hội hoá miền Nam và củng cố xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đã thất bại hoàn toàn. CSVN đã theo đuổi một cuộc chiến mà không có kẻ chiến thắng. Chỉ có nhân dân ở cả hai miền Bắc và Nam là những kẻ thua cuộc vì phải trả một giá rất đắt bằng hàng triệu sinh mạng và đổ vỡ thê thảm về vật chất và tinh thần. Biết bao gia đình bị ly tán và đạo đức suy đồi, mà ảnh hưởng tai hại sẽ còn kéo dài qua nhiều thế hệ.

Hệ thống chính trị độc đảng, công an trị ngày càng tham nhũng và trở nên thối nát. Trong khi đó người dân bị khước từ mọi quyền tự do căn bản. Sau 30 năm nhìn lại, người dân tự hỏi mục tiêu gây ra chiến tranh của CSVN là gì nếu không phải là một cuộc phiêu lưu điên rồ.

Sau 10 năm thống nhất được lãnh thổ, CSVN đã không thống nhất được lòng người mà còn gây thêm hận thù và đưa đất nước xuống đáy tận cùng của vực thẳm nghèo đói và ngu dốt. Tình thế đã buộc CSVN phải thực thi chính sách cởi trói trong 20 năm qua nhưng đất nước ngày càng tụt hậu so với các nước láng giềng, xã hội ngày càng phân hóa và sa đọa. Một dân tộc không thể kiêu hãnh được nếu chỉ đứng nhất về những xấu xa và đứng hạng chót về những cái tốt.

Một môi trường mô tả như trên không thể thích hợp cho sự phát triển lành mạnh và quân bình. Trong khi một thiểu số quá giầu, đa số dân chúng vẫn nghèo, không được hưởng những tiện nghi tối thiểu như nhà ở, điện, nước, y tế, giáo dục, v.v.

Phát triển tại Việt-Nam đòi hỏi nhiều thứ hơn là "giải phóng kinh tế bây giờ với tiềm năng có tự do dân chủ sau này... Phát triển thật sự và lâu bền phải bắt đầu bằng dân chủ." [16] Nhiều dấu hiệu cho thấy phong trào đòi tự do dân chủ và công bằng xã hội ngày càng lớn mạnh ở Việt-Nam. Các nhà nhân quyền và dân chủ ở trong nước đã mạnh mẽ công khai lên tiếng đòi hỏi tự do đi lại, tự do tôn giáo, tư do ngôn luận. Hàng trăm người đến nhà Tiếp Dân để khiếu nại về việc mất đất đai và nhà cửa mỗi ngày. Hàng ngàn công nhân bất chấp luật lệ cấm đoán, đã đình công đòi tăng lương, cải thiện điều kiện làm việc, đòi quyền sống. Các cuộc tranh đấu này được hỗ trợ của các quốc gia dân chủ Tây Phương, đặc biệt là Hoa-Kỳ, và ba triệu người Việt ở hải ngoại. Chỉ khi chế độ độc đoán hiện nay được loại bỏ, kinh tế mới thật sự có môi trường phát triển toàn diện, đất nước mới có cơ hội thoát ra khỏi quốc nạn tụt hậu đã kéo dài khoảng nửa thế kỷ, dân Việt-Nam mới được thực sự giải phóng và được hưởng hòa bình thực sự. Chỉ lúc đó chiến tranh Việt-Nam mới thật sự chấm dứt đối với hơn 80 triệu người ở trong nước và ba triệu người ở hải ngoại.

Washington, DC, 25.02.2006

Chú thích:

[1] Melvin R. Laird, "Iraq: Learning the Lessions of Vietnam," Foreign Affairs, *November / December 2005.*

[2] There was confusion, hysteria, and miscommunication on a dark night.

[3] McNamara hotfooted it over to Capitol Hill with a declaration that was short of war but that resulted in a war anyway.

*[4] Richard Nixon, "*President's Speech on Vietnamization,*" Washington, DC, November 3, 1969.*

[5] Richard Nixon, "Peace with Honor," Presidential speech, *January 23, 1973.*

[6] The truth is, wars are fluid things and missions change. This is more the rule than the exception.

[7] Unwilling to abandon South Vietnam, the United States changed its mission to self-determination for Vietnam.

[8] Quân thuộc Mật Trận Giải Phóng Miền Nam Việt-Nam.

[9] Wikipedia, "Nixon Doctrin," free encyclopedia online.

*[10] Richard Nixon, "*President's Speech on Vietnamization,*" Washington, DC, November 3, 1969.*

[11] Earl C. Ravenal, "Consequences of the End Game in Vietnam," Foreign Affairs, *July 1975.*

[12] Earl C. Ravenal, "Consequences of the End Game in Vietnam," Foreign Affairs, *July 1975.*

[13] Richard Nixon, "Peace with Honor," text of President Nixon's radio and television broadcast announcing the initialing of the Paris Agreement, White House, January 23, 1973.

*[14] Larry Berman, "*No Peace No Honor: Nixon, Kissinger, and Betrayal in Vietnam,*" Simon & Schuster Adult Publishing Group, August 2001.*

[15] Earl C. Ravenal, "Consequences of the End Game in Vietnam," Foreign Affairs, *July 1975*

[16] Ashifa Kassam, "The Rocky Road To Development In Vietnam," CBC News Viewpoint, January 4, 2006

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU

NHIỆM-KỲ BUSH II: NGOẠI-GIAO CHUYỂN MÌNH Ở CHÂU Á

CỔ LŨY

Một năm trước đây, khi viết về chính-sách ngoại-giao của chính-quyền George W. Bush bắt đầu nhiệm-kỳ thứ nhì chúng tôi đã ghi-nhận rằng bà Condoleezza Rice, nguyên Cố-vấn An-ninh của tổng-thống, gập nhiều trì-hoãn khi ra điều-trần trước Thượng-viện để được chọn làm ngoại trưởng. Bà bị xem là người bảo-thủ cứng rắn tuy không hẳn thuộc phái tân-bảo-thủ (néo-conservative hay "néo-con," xin xem Phái Tân-Bảo-Thủ và Chính-Sách Ngoại-Giao Mỹ, *Thế-Kỷ 21, tháng Mười 2004, cùng người viết). Năm vừa qua cho thấy ngoại-trưởng Rice —có ảnh-hưởng lớn lao với tổng-thống— cùng với vai trò mờ nhạt bớt của người néo-con do những sai-lầm và thất-bại ở Iraq nói chung, đã lèo lái Hoa-Kỳ vào hướng thực-tiễn và hòa-hoãn hơn. Nhiều nhà quan-sát chính-trị đã xem bà như ngả gần về hướng ngoại-trưởng Colin Powell đi trước bà. Tuy nhiên, căn-bản là một học-giả về Nga Xô-Viết và Chiến-tranh Lạnh bà Rice vẫn mang nhiều nét ý-thức-hệ cứng rắn —nhưng cũng không hẳn như thế-hệ Chiến-sĩ Chiến-tranh Lạnh, Cold Warriors, từ cuối thập-niên 1940 cho tới cuối 1980. Hai điều trên được phản-ánh nhiều qua các quyết-định ngoại -giao năm qua và sắp tới.*

Về mặt tổng-thống Bush, giới quan-sát chính-trị như không nhắc-nhở mấy đến Chủ-thuyết Bush ("Bush Doctrine"), đề rõ ra trong diễn-văn về tình-hình liên-bang năm ngoái, khi ông nói "Quyền-lợi sinh-tử của Hoa-Kỳ và những niềm tin sâu-xa của chúng ta là một... Chính-sách của Hoa-Kỳ là tìm-kiếm và ủng-hộ việc phát-triển những phong-trào dân-chủ tại khắp mọi nơi và mọi văn-hóa với mục-tiêu tối hậu là chấm dứt chuyên-chế và bạo-tàn trên thế-giới." Người ta có thể xem đây là lời nói bên ngoài, hoặc chỉ là một tiếp nối lời kêu gọi của tổng-thống Woodrow Wilson sau Thế-chiến I (1914-1918)—"làm thế-giới an-toàn cho [cây] dân-chủ tự do [lớn mạnh] ("make the world safe for democracy"). Nhưng năm năm vừa qua cho thấy ông Bush có cái ý-chí cương-quyết nhất định thi-hành những gì ông nói —ngay cả những người chỉ trích ông cũng phải công nhận và thán-phục điều này. Đây hẳn là yếu-tố quan-trọng trong những quyết-định của tổng-thống về mặt ngoại giao.

Trong chiều hướng trên, cộng thêm những khó khăn trong nước, mặt trận ngoại giao như sôi động hơn với chính-quyền hướng cái nhìn chú-mục vào châu Á —và dĩ nhiên, Trung-Hoa cùng với Iraq không thể nằm ngoài tầm ra-đa chính trị này.

CỔ-LŨY

Trên nền trời châu Á những tiến triển chính trị đáng chú ý như nằm trên một hệ thống dây chuyền với liên hệ hỗ tương qua lại trong một khung địa dư gồm những nước cận kề nhau. Đây không có nghĩa là những tiến triển chính trị trong vùng chỉ đưa đến hệ quả giới hạn ở mức địa phương thôi; trong tiến trình "globalization" hệ quả sẽ lan truyền tới mức độ toàn cầu.

BA-TƯ ĐI LÊN

Ba năm trước, khi Hoa-Kỳ xua quân lật đổ Saddam Hussein và xâm chiếm Iraq, ngay sát cạnh Ba-Tư (Iran) và bị xem là một trong ba nước trong "Trục Ác-tà" ("Evil Axis," chữ của ông Bush, nhại lại "Evil Empire" của tổng thống Ronald Reagan thập niên 1980 chỉ Nga Xô-viết, nhại lại "Axis Powers," của tổng-thống Franklin Roosevelt và thủ-tướng Anh Winston Churchill thời Thế-chiến II), Ba-Tư rất là lo lắng sợ hãi. Ba-Tư và Bắc-Hàn là hai trong số ba nước "ác-

tà" mà tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld dọa sẽ "tính sổ" cùng với Iraq.

Ba năm sau: những sai lầm và thất bại của Hoa-Kỳ ở Iraq đưa Ba-Tư đến vị trí tột đỉnh trong vùng và với ảnh hưởng bao trùm lên Iraq. Với tư thế và thanh thế mới, cùng với số dầu hỏa dự trữ lớn lao và vị trí hàng thứ tư xuất cảng dầu hỏa thế giới, Ba-Tư ngang nhiên xúc tiến chương trình nguyên tử hóa. Ba-Tư cũng là nước Hồi giáo Shiite lớn nhất thế giới và đang giương ngọn cờ Shiite trong thế giới Hồi giáo mà đại đa số là người Hồi giáo Sunni (chín-mươi phần trăm). Nhà phân tích chính trị Abdel Khaleq Abdullah ở United Arab Emirates (UAE, [Các] Tiểu Vương-quốc A-Rập Thống-nhất) tuyên bố: "Một Iraq suy thoái đang đứng bên cạnh một nước Ba-Tư hùng mạnh. Trong vùng không còn ai là đối thủ của Ba-Tư —trừ Hoa-Kỳ, một đối thủ từ bên ngoài... Đây khiến Ba-Tư xem mình là tối cao và ai cũng thấy rõ điều này."

A. Lãnh đạo mới, khát vọng mới

Tổng thống Ba-Tư mới nhậm chức tháng Tám năm qua là ông Mahmoud Ahmadinejad, một người Shiite rất mộ đạo và bảo thủ với sự mến mộ từ dân chúng Ba-Tư (thân sinh ra ông vốn làm nghề thợ rèn) và ủng hộ tín nhiệm của Lãnh-tụ Tối-cao (Supreme Leader) Đại-giáo-sĩ (Ayatolla) Ali Khamenei. Ayatolla Khamenei là người thừa kế của Ayatolla Ruhollah Khomeini từng lưu vong, lật đổ và chấm dứt (1979) cả triều đại Sa-hoàng (Shah) Pahlavi thế tục và tàn bạo do CIA Hoa-Kỳ đảo chánh dựng lên và ủng hộ từ 1953.

Trước bầu cử tổng thống năm qua, Ayatolla Khamenei đã gạt bỏ tất cả những ứng viên "tiến bộ" để tạo điều kiện thuận tiện cho ông Ahmadinejad, lúc bấy giờ còn là đô trưởng thủ đô Ba-Tư Tehran, lên làm tổng thống. Trong thời gian vận động tranh cử chống chính quyền Ali Akbar Rafsanjani ôn hòa và tham nhũng, ông Ahmadinejad cũng được ủng hộ nồng nhiệt và tích cực của Vệ-binh Cách-mạng (Revolutionary Guards) và dân quân Basji, những người tranh đấu trung kiên thời chống Sa-hoàng, chống Mỹ, và chống Saddam Hussein (lãnh tụ Hồi Sunni thiểu số đè nén tàn bạo người Shiite đa số ở Iraq —anh em với Shiite ở Ba-Tư). Đây cũng dễ hiểu vì ông Ahmadinejad khi còn trẻ từng tham dự các phong trào và hoạt động tích cực này, và từng làm phó thống đốc một tỉnh địa đầu cận kề Iraq lúc mới trên dưới hai-mươi tuổi (thời chiến tranh đẫm máu Iraq—Ba-Tư những năm 1980-1988). Cũng có nhiều chi tiết ly kỳ về những hoạt động biệt kích vượt biên giới của ông Ahmadinejad thời chiến. Và cũng nhiều "huyền thoại" về việc ông tham gia bắt cóc và giữ làm con tin nhân viên tòa đại sứ Mỹ ở Teheran hơn năm trời (1979-1980), cũng như ám sát người lưu vong chống đối chế độ "thần quyền" (theocracy) sau cách mạng lật đổ Sa-hoàng thân Mỹ. Tin tức tình báo Mỹ phủ nhận các "huyền thoại" này. Nói chung, ông không phải là một nhà lãnh đạo thông thường theo tiêu chuẩn Hồi-giáo hoặc Tây phương; ông cũng không chỉ chống tham nhũng mà thôi.

Đặt vào hoàn cảnh không thông thường như ở Tây-Nam Á-châu (người Tây phương quen lối lấy mình là trung tâm nên gọi vùng này là "Trung-Đông") hiện nay, ông không những là một lãnh tụ sáng giá trong cuộc Cách-mạng Hồi-giáo (Islamic Revolution) toàn cầu; ông còn là biểu hiện cho những mơ ước khao khát của dân chúng Ba-Tư và người Hồi-giáo với những tham vọng lớn lao và chính nghĩa vời vợi. Người Ba-Tư hầu như vẫn chưa quên chuyện Hoa-Kỳ dùng CIA và các tay sai bản xứ lật đổ chính quyền dân chủ quốc gia Mohammed Mossadegh (1953) vì tổng thống Mossadegh đòi quyền quốc hữu hóa giành lại dầu hỏa cho Ba-Tư từ các đại công ty dầu hỏa Anh và Mỹ.

Thay vào đây Hoa-Kỳ đặt để triều đại Sa-hoàng Mohammed Reza Pahlavi tham nhũng, tàn bạo và thế tục cai trị Ba-Tư hơn một phần tư thế kỷ cho tới khi bị lật đổ năm 1979 bởi Ayatolla Khomeini và dân chúng Ba-Tư. Cuộc chiến tám năm chống Saddam Hussein sau đó, với những hy sinh gian khổ trong tinh thần yêu nước và tôn giáo trong sạch cao cả, như cùng với một nhân vật từ quá khứ không xa trở lại gây nên những hồ hởi trong giới lãnh đạo cũng như dân chúng Ba-Tư.

B. Hệ quả khó lường: cây và trái dân chủ

Khi xua quân không có thỏa thuận của Liên-Hiệp-Quốc và sự ủng hộ của dư luận thế giới để xâm chiếm Iraq từ ba năm nay, chính quyền George W. Bush không ngờ là mình đang đem lại lợi thế tối đa cho kẻ thù lâu dài của mình, Ba-Tư. Trong thập niên 1980 Ba-Tư bỏ ra tám năm chinh chiến với hàng trăm ngàn người

thương vong nhằm loại trừ chế độ Saddam Hussein ở Iraq sát nách. Chính quyền Saddam Hussein là trái độn giữa thế giới A-Rập với đại đa số người Hồi Sunni, ngăn chặn ảnh hưởng và tham vọng của Ba-Tư thuộc chủng tộc và phái Hồi Shiite, và là nước lớn mạnh vai vế trong thế giới Hồi giáo.

Ba-Tư đã phải trả giá đắt nhưng không làm nổi việc triệt hạ Iraq này. Nay Hoa-Kỳ đã lật đổ Saddam Hussein và vô tình giúp Ba-Tư mở rộng ảnh hưởng hầu khắp một Iraq tan nát, hỗn loạn và đang trên đà đi tới nội chiến tôn giáo và chủng tộc giữa đa số Shiite mạnh mẽ (với liên hệ bảo trợ chặt chẽ từ Tehran) và thiểu số Sunni cũng như người Kurd phía bắc Iraq. Giữa tháng Mười hai năm qua "cây dân-chủ" vươn lên ở Iraq qua cuộc bầu cử "thành công" theo lời chính quyền Bush —tuy đến nay chưa lập được chính quyền mới nhưng rõ ràng là đã chính thức hóa quyền lực của đa số Shiite— đã nẩy sinh ra những hoa trái lạ lùng. Quyền lực nhà nước nay nằm trong tay giới lãnh đạo Shiite và liên minh người Kurd, đa số từng được cưu mang trong thời họ lưu vong ở Ba-Tư và mang nhiều liên hệ tôn giáo, văn hóa và ngôn ngữ với người Ba-Tư. Hai nhóm này cũng chiếm đóng phần lớn những vùng dự trữ dầu hỏa lớn nhất ở Iraq và đều đòi hỏi một chế độ tản quyền để giành độc lập và tự trị tối đa. Một chính quyền trung ương yếu ớt cũng làm giảm bớt rất nhiều ảnh hưởng của phe thiểu số Sunni (tuy có trình độ hơn hai nhóm đa số nhưng chỉ chiếm hai mươi phần trăm dân số và những khu vực địa dư kém dầu hỏa).

Tehran đã gia tăng quyền lực và ảnh hưởng lớn lao của mình nhờ cuộc chiến của Mỹ ở Iraq, nhưng đây cũng không phải là chỉ có thế thôi. Khi mở màn cuộc chiến "chống khủng bố toàn cầu" (G-WOT, Global War On Terrorism) cuối năm 2001, chính quyền Bush đã chọn đi vào A-Phú-Hãn (Afghanistan) để tiêu diệt tổ chức khủng bố Al Qaeda và chính quyền Hồi giáo cực đoan Taliban. Tuy hiện nay Taliban đang ra mắt hoạt động trở lại, chính quyền Bush đã triệt hạ Taliban một kẻ thù ghê gớm nữa cho Ba-Tư cũng như đặt Al Qaeda vào thế thụ động hơn trước.

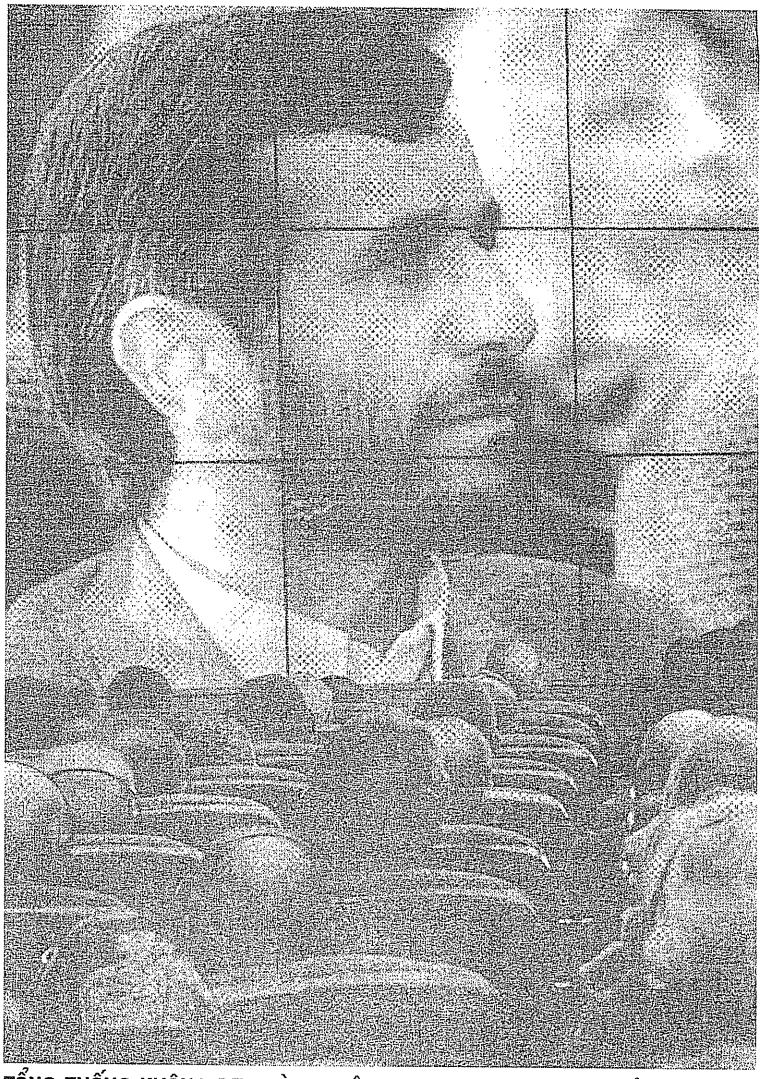

TỔNG-THỐNG KHÔNG ĐEO CÀ-VẠT: Ông Mahmoud Ahmadinejad, tổng-thống mới được sự ủng-hộ của dân-chúng và giới lãnh-đạo tôn-giáo tối-cao ở Ba-Tư.

C. Tranh chấp và vận hội mới

Theo hai đặc phái viên Megan Stack và Borzou Daragahi thuộc nhật báo *Los Angeles*

Times những thay đổi cùng đề nghị của người Shiite nói trên làm gia tăng những căng thẳng lâu đời giữa hai hệ phái Hồi giáo, chưa kể giữa người theo văn hóa A-Rập Sunni và người thuộc văn hóa Ba-Tư Shiite. Những nước quanh vùng Tây-Nam Á có nhiều liên hệ lịch sử và chủng tộc với người Sunni Iraq.

Theo nhà phân tích chính trị Abdullah nói trên đây là điều khó có thể kéo dài vì nó đe dọa an ninh cả nguyên vùng vịnh Ba-Tư, cửa ngõ dầu hỏa đi khắp thế giới. Những lo sợ về một Iraq dưới quyền người Shiite đã ảnh hưởng sâu xa cái nhìn người A-Rập Sunni về phong trào nổi dậy tại nước này. Dù có phản ứng tiêu cực với những bạo hành mỗi ngày một gia tăng, đa số âm thầm tin rằng những người nổi dậy đang xả thân bảo vệ giáo phái Sunni chống lại nỗ lực khống chế Iraq của Hoa-Kỳ và Ba-Tư. Một số người Sunni cực đoan, người đấu tranh thánh chiến (jihadist) từ Yemen, Ma-Rốc cùng nhiều nước Hồi giáo khác, và cả từ châu Âu đã dồn về Iraq để tấn công chống đối các biểu tượng "đế quốc Mỹ" và ảnh hưởng Shiite. Một chuyên viên về khủng bố ở UAE, ông Mustafa Alani nói: "Khi những người nổi dậy tấn công người Shiite, họ nghĩ rằng họ đang tấn công ảnh hưởng của Ba-Tư... Họ nghĩ rằng họ đang tấn công người tiếp tay cho Ba-Tư. Đối với họ đây là một mục tiêu có chính nghĩa."

Cùng với đắc cử của tổng thống Ahmadinejad năm qua giới bảo thủ cứng rắn ở Tehran củng cố quyền lực và triệt hạ đối lập. Với khí thế đi lên trong thế giới Hồi giáo tổng thống Ahmadinejad kêu gọi triệt hạ kẻ thù chung Do-Thái, phủ nhận "khổ nạn" Holocaust (lịch sử ghi nhận khoảng sáu triệu người Do-Thái lưu vong bị thương vong dưới bàn tay quốc xã Đức thời Thế-chiến II) và thách thức "những siêu cường giả hiệu" (với ý chỉ Hoa-Kỳ). Với giá dầu hỏa tăng vọt giữa mức sáu-mươi và bảy-mươi Mỹ kim một thùng, với nhu cầu dầu hỏa gia tăng và cạnh tranh từ các nước Á châu như Trung-Hoa và Ấn-Độ đang kỹ nghệ hóa rầm rộ, Ba-Tư có giá gấp bội như một "pạc-nơ" chiến lược được nhiều khách o bế theo đuổi. Giữa tháng Hai ngoại trưởng Condoleezza Rice đề nghị quốc hội Mỹ gia tăng viện trợ ủng hộ "dân chủ" đối lập ở trong cũng như ngoài Ba-Tư (người Ba-Tư lưu vong có liên hệ với chế độ Pahlavi cũ hay không chấp nhận chế độ "thần quyền" từ thập niên 1980) từ mười lên đến tám-mươi-lăm triệu Mỹ kim!

Tehran không chịu lép vế và liên kết ngay với Bắc-Kinh và Mạc-Tư-Khoa, tổ chức "khủng bố" (cờ xanh) Hamas vừa đắc cử vẻ vang tại dẻo Gaza (Gaza Strip) và vùng Tây ngạn sông Jordan (West Bank) thuộc lãnh thổ người Palestine bị Do-Thái chiếm đất, tổ chức "khủng bố" Hezbollah (cờ đen) của người Palestine lưu vong hoạt động mạnh mẽ tại Lebanon và Syria. Hoa-Kỳ, đồng minh số một của Do-Thái, đe dọa cúp viện trợ cho Quyền Quản-trị Palestine (Palestinian Authority, chính quyền Palestine tạm thời) nếu Hamas không công nhận sự hiện diện của Do-Thái ở Tây-Nam Á; Tehran lên tiếng sẵn sàng viện trợ cho Hamas, và đây là mối lo sợ lớn nhất của Do-Thái cũng như ở Hoa-Thịnh-Đốn. Mới đây Tehran lại bắt tay với ông Hugo Chavez, tổng thống đắc cử hai lần vẻ vang ở Venezuela —vốn là nước dầu hỏa hàng đầu ở châu Mỹ La-Tinh và là cái gai trước mắt chính quyền Bush vì ông Chavez đi cùng với Cuba cộng sản lớn tiếng đả phá "đế quốc Mỹ," một khẩu hiệu dễ lôi cuốn dân chúng ủng hộ cho giới lãnh đạo tả phái đang lên ở Tây Bán-cầu (chính quyền Bush đã và vẫn lăm le trợ lực giới tài phiệt Venezuela lật đổ ông Chavez mà không thành công). Tổng số dầu hỏa Ba-Tư và Venezuela cung cấp có thể từ hai-mươi đến một-phần-ba nhu cầu sử dung nội địa Hoa-Kỳ. Với sồ dầu hỏa dự trữ lớn lao và ý chí chống đối Hoa-Kỳ Tehran không lo thiếu những "bạn bè" hay đồng minh chiến lược khác nữa khi cần đến.

D. Cường quốc và vũ khí nguyên tử

Sau khi Saddam Hussein bị triệt hạ ở Iraq, Tehran dưới quyền ông Ahmadinejad và các Ayatollah rất ý thức và tự tín về quyền lực của Ba-Tư như nước lớn mạnh nhất trong thế giới Hồi giáo —cũng như nước Hồi giáo Shiite và không thuộc văn hóa A-Rập lớn nhất. Chính quyền và người trong nước cương quyết đòi quyền hoạch định chương trình nguyên tử hóa.

Khi chương trình này mới bị phát giác năm 2003 lúc Hoa-Kỳ sửa soạn xâm chiếm Iraq với lý do chính là vũ khí có tầm sát hại lớn (WMD), Tehran đã nhỏ nhẹ trấn an dư luận thế giới. Ngày nay, sau những bàn cãi về chương trình nguyên tử kỹ nghệ và nỗ lực chế tạo vũ khí nguyên tử của Tehran, sau những điều đình giàn xếp không đi đến đâu, phát ngôn nhân bộ ngoại giao Ba-Tư chê ngoại trưởng Anh Jack

Straw là "ngu đần" và tổng thống Pháp Jacques Chirac là "không biết gì về dân chủ." Trước Cơ-quan Nguyên-tử-năng Quốc-tế (IAEA, International Atomic Energy Agency) thuộc Liên-Hiệp-Quốc, đại sứ Ba-Tư tuyên bố nếu Hoa-Kỳ có khả năng "làm tổn thương và gây đau đớn cho Ba-Tư" thì Ba-Tư cũng có khả năng tương tự đối với Hoa-Kỳ, và thách đố Hoa-Kỳ ra tay trước. Hoa-Kỳ tin rằng Ba-Tư sẽ có vũ khí nguyên tử trong vòng năm năm; Do-Thái, nước bị đe dọa lớn nhất, nghĩ rằng Ba-Tư chỉ cần một năm nữa.

ẤN-MỸ VUI VẺ: Tổng-thống Bush thỏa-thuận với thủ-tướng Ấn Manmohan Singh chia-xẻ kỹ-thuật và gia-tăng vũ-trang nguyên-tử.

Như đã nói trên, ông Ahmadinejad cùng với hai tổ chức quang phục Palestine là Hamas và Hezbollah đều muốn tiêu diệt Do-Thái. Về mặt quân sự, Tehran hiện có nhiều hỏa tiễn hoạt động tầm xa có khả năng mang đầu đạn nguyên tử đến nhiều mục tiêu, kể cả Do-Thái chỉ cách biên giới Ba-Tư sáu trăm dặm: từ hỏa tiễn X-55 với tầm hoạt động tám trăm dặm cho đến Shahab 5 có tầm hoạt động hơn ba ngàn-năm trăm dặm (đến được các thủ đô châu Âu). Phó tổng thống Mỹ Dick Cheney đe dọa Do-Thái có thể sử dụng máy bay oanh tạc F-15 và F-16 Hoa-Kỳ bán cho nhắm vào mục tiêu nguyên tử và phi đạn Ba-Tư. Nhưng những máy bay này có tầm hoạt động hạn chế và cần phải tiếp nhiên liệu, ít nhất là trên đường về (tiếp liệu trên không bằng máy bay chở xăng KC-130 Hercules to lớn nặng nề, hoặc một trạm tiếp liệu trên bộ —phải là một nước Hồi giáo trong vùng, thân Mỹ và được dấu kỹ danh tính); máy bay cũng mang bom loại BLU (khoảng một trăm bom, cũng do Hoa-Kỳ sản xuất) với tầm phá hoại sâu. Không lực Ba-Tư gồm cả ngàn máy bay kể cả MiG-29 của Nga, có thể nghênh đón những máy bay chiến đấu và bỏ bom tối tân nhất của Hoa-Kỳ và Pháp. Những lò nguyên tử và căn cứ phi đạn của Tehran cũng được củng cố chống bom BLU, và chắc chắn có hệ thống phòng không hữu hiệu trang bị với hỏa tiễn loại Scud và SAM của Nga, hoặc các loại hỏa tiễn có công hiệu ngang với hỏa tiễn Hawk của Hoa-Kỳ. Đây cũng chưa kể những giàn chiến cụ phòng không và tấn công trước 1980, khi Hoa-Kỳ trang bị cho Ba-Tư—hoặc đặt trên đất Ba-Tư, với sự đồng ý của triều đại Pahlavi do Hoa-Kỳ đặt để — nhắm hẳn vào lãnh thổ Nga Xô-viết sát nách Ba-Tư trong chiến lược "Ngăn chặn/Be bờ" (Containment) cộng sản thời Chiến-tranh Lạnh Nga-Mỹ.

Sau nỗ lực dàn xếp từ Tây Âu, báo cáo của IAEA và phản ứng cứng rắn từ Tehran, ngoại trưởng Mỹ Rice vận động được Nga và Trung-Hoa đưa vấn đề phát triển nguyên tử năng và vũ khí nguyên tử của Tehran ra trước Hội-đồng Bảo-an LHQ. Tehran và dân chúng Ba-Tư vẫn cứng rắn, một mặt tuyên bố phát triển kỹ thuật nguyên tử có mục đích dân sự và kinh tế, một mặt chỉ trích Hoa-Kỳ và Tây phương nói chung

đã bất công, làm ngơ với những nước đã phát triển vũ khí nguyên tử như Do-Thái, Hồi, Ấn-Độ và Bắc Hàn nhưng lại chĩa mũi dùi vào Ba-Tư. Tehran đe dọa sẽ rút r a khỏi Minh-ước Hạn-chế Nguyên-tử-năng (Nuclear Non-proliferation Treaty) và sẽ đuổi các thanh tra LHQ ra khỏi Ba-Tư. Nga là nước giúp đỡ Ba-Tư về mặt phát triển nguyên tử, rất thân thiện và ủng hộ Tehran; Trung-Hoa đã thỏa thuận khai thác dầu hỏa và khí đốt với Ba-Tư cũng sẵn sàng ủng hộ Tehran với mức sản xuất dầu hỏa hấp dẫn. Cả hai đều là thành viên nguyên thủy thuộc Hội-đồng Bảo-an LHQ và có quyền phủ quyết mọi quyết định đưa ra trước Hội-đồng —chỉ cần một nước phủ quyết, mọi quyết định sẽ thành vô hiệu. Cho đến giữa tháng Ba mọi sự vẫn nhì nhằng chưa ngã ngũ: Nga và Trung-Hoa không đồng ý với những biện pháp mạnh do Hoa-Kỳ đưa ra; đề nghị hội nghị sáu phương cũng chưa đi đến đâu.

Ngày 16 tháng Ba, trong tuần lễ đúng ba năm tấn công xâm chiếm Iraq, cố vấn an ninh của tổng thống, ông Stephen Hadley xem Ba-Tư là "đe dọa an ninh lớn nhất" và lại nhắc đến quyền "đánh phủ đầu" (preemptive strike) của Hoa-Kỳ; trước đó bà Rice tuyên bố Ba-Tư là "ngân hàng trung ương của khủng bố." Cộng với vũ khí nguyên tử Ba-Tư muốn sản xuất và ý định gia tăng tài trợ cho giới đối lập dân chủ của Hoa-Kỳ, đây chính là ba lý do Hoa-Kỳ đưa ra để đi vào Iraq trước đây. Ba-Tư đánh tiếng: tổng thống và thủ tướng tạm thời Iraq yêu cầu Tehran nói chuyện với Hoa-Thịnh-Đốn về một số vấn đề và chính phủ tương lai ở Iraq. Hoa-Thịnh-Đốn đồng ý nói chuyện về Iraq thôi, không bàn riêng đến vũ khí nguyên tử. Ngay hôm sau, Hoa-Thịnh-Đốn đổi giọng lên án Ba-Tư can thiệp vào Iraq; Ba-Tư cũng lật lại và tuyên bố mục tiêu chính của gặp gỡ là để rút ngắn thời điểm Hoa-Kỳ rút ra khỏi Iraq.

Hoa-Kỳ cũng không gạt bỏ biện pháp đơn phương tấn công những mục tiêu nguyên tử Ba-Tư bằng không lực.

Nhưng nếu biện pháp này được thi hành, về mặt chính trị một lần nữa chính quyền Bush lại "qua mặt" LHQ và công luận cũng như công pháp quốc tế —chắc chắn sẽ đưa đến những kết án nặng nề khắp thế giới. Về mặt thuần quân sự Hoa-Kỳ sẽ gặp khó khăn gấp bội cuộc tấn công Iraq ba năm trước: quân lực Ba-Tư có thể vận động gần nửa triệu binh sĩ và dân quân với kinh nghiệm chiến trường, vũ khí dồi dào và không lực mạnh mẽ —và nhất là với ý chí dân tộc sẵn sàng hy sinh "chống Mỹ cứu nước" và tinh thần tôn giáo chống "con quỉ Xa-Tăng," như lời mô tả Hoa-Kỳ của Ayatolla Khomeini trước đây. Ông Ahmadinejad đã tuyên bố Hoa-Kỳ sẽ chịu nhiều thiệt hại hơn Ba-Tư nếu chiến tranh xảy ra.

Tuy nhiên, nhìn vào lối tính toán đoản kỳ, cơ hội của những cố vấn thân cận với ảnh hưởng lớn lao vào ông Bush, với những nhân vật chính trong nội các "vòng trong" cứng rắn như ông Cheney, Rumsfeld và bà Rice, người ta cũng khó gạt bỏ giả thiết đơn phương tấn công. Chính quyền Bush chưa hề bận tâm về công luận, công pháp quốc tế; chính quyền chú trọng nhất vào sự tồn tại của mình và tương lai đoản kỳ như kỳ bầu cử quốc hội năm nay và bầu cử tổng thống hai năm tới. Năm năm qua chính quyền đã vượt qua bao khó khăn sóng gió trong nước và tái đắc cử dựa vào lá bài "an ninh quốc gia;" nếu đơn phương tấn công Ba-Tư chính quyền cũng dễ thuyết phục dân chúng trong nước xem đây là biện pháp an ninh quốc gia. Từ đây "biện pháp an ninh quốc gia" cũng dễ thành giải pháp cho những khó khăn bế tắc chồng chất bất lợi cho bầu cử năm nay và hai năm tới.

Ngoài mối đe dọa trực tiếp cho Do-Thái và đồng minh gắn bó Hoa-Kỳ, việc Ba-Tư có thể chế tạo vũ khí nguyên tử trong một tương lai ngắn cũng là mối lo âu lớn cho thế giới A-Rập với đại đa số người theo giáo phái Hồi Sunni. Nhiều nhà phân tích chính trị cho thấy ảnh hưởng lớn lao của Tehran nay bao trùm Iraq, qua vùng Kurdistan cho tới mãi Thổ-Nhĩ-Kỳ (Turkey), qua Syria đã suy yếu và đi xuống phía nam Lebanon khống chế bởi nhóm Hezbollah —ngay sát nách Do-Thái. Bàn tay của Tehran cũng vươn tới những cộng đồng Shiite rải rác trên bán đảo A-Rập và các nước vùng vịnh Ba-Tư. Đối với người A-Rập vùng vịnh này Ba-Tư là nước đáng lo sợ, lặng lẽ khống chế chính trị Iraq với ý đồ kiểm soát những bãi dầu khổng lồ ở đây. Hoàng tử Saud al Faisal, ngoại trưởng Saudi Arabia, một đồng minh dầu hỏa vĩ đại và đáng tin cậy của Hoa-Kỳ, than thở: "[Người A-Rập Sunni] chúng tôi từng chung sức kềm Ba-Tư khỏi Iraq. Ngày nay [Hoa-Kỳ] bỗng dưng dâng hiến cả nước này cho Ba-Tư." Giới lãnh đạo A-Rập Sunni vùng Tây-Nam Á đều lo sợ mất thế thượng phong với thiểu số Shiite trong

nước họ và nghĩ rằng Hoa-Kỳ không xem họ ra gì nữa. Đồng thời với khí thế và ảnh hưởng Shiite đi lên ở Ba-Tư và Iraq nhiều người Shitte thiểu số sống dưới các chính quyền Sunni lân cận bắt đầu lên tiếng đòi hỏi quyền lợi và thế đứng chính trị của mình.

Tây-Nam Á thật đầy những mầm mống sôi động và bất ổn đe dọa an ninh toàn cầu. Nhưng có lẽ chính quyền Bush cũng không quên những ưu tiên khác ở nam và trung Á.

ẤN-ĐỘ ĐƯỢC HOA-KỲ ĐƯA LÊN

Với những khó khăn bế tắc trong nước và ngoài nước, với mức dư luận dân chúng ủng hộ thấp nhất trong năm năm qua tổng thống Bush —cũng theo mô thức của nhiều lãnh tụ chính trị khác lúc gặp thế nan giải— vội làm một chuyến xuất dương thăm viếng nhiều nước để lấy lại hình ảnh nguyên thủ quốc gia và lãnh tụ thế giới. Ông nhắm về hướng châu Á, và ngoài hai nước đang trực tiếp dự phần vào G-WOT là A-Phú-Hãn và Hồi ông đến thẳng Ấn-Độ, nước đầu tiên trên lộ trình. Nhưng ở Ấn-Độ ông Bush cho thấy chuyến xuất dương không chỉ với mục đích cứu vãn hình ảnh và vị trí của mình mà thôi.

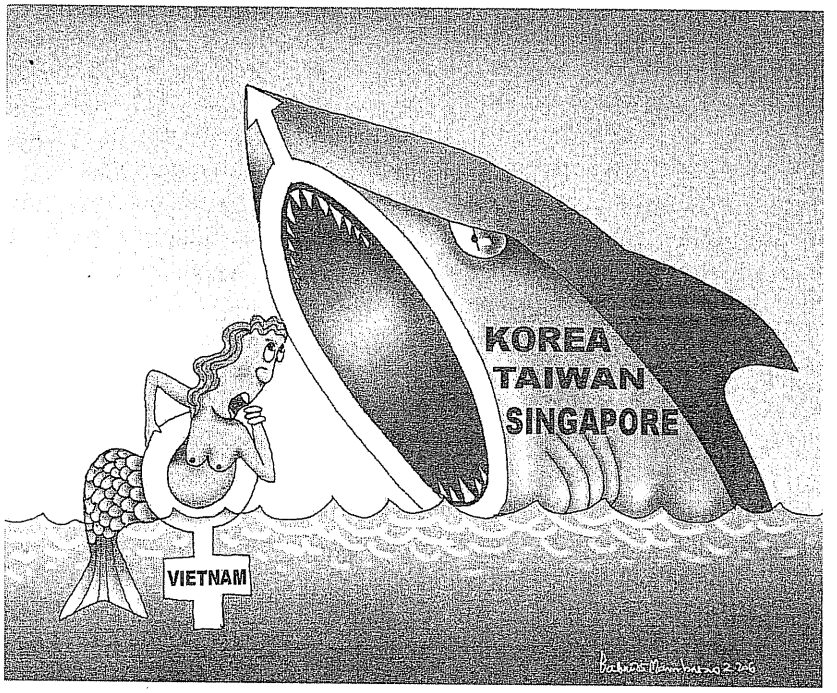

A. Thỏa thuận *Realpolitik*

Ngày một tháng Ba tổng thống đến Ấn-Độ nhằm theo đuổi một trong những mục tiêu ngoại giao từ nhiều năm nay: đưa hai nước lại gần nhau hơn. Ấn-Độ từ thời Chiến-tranh Lạnh vẫn được xem là "nước dân chủ lớn nhất thế giới" và ông Bush cũng hân hoan nhắc lại danh hiệu này, đúng với mục tiêu đem dân chủ đến khắp nơi và mọi văn hóa. Có lẽ danh tước này mang lợi ích tuyên truyền nhằm so sánh với Trung-Hoa như "nước cộng sản lớn nhất thế giới," vì kể từ thời chính thức bắt đầu Chiến-tranh Lạnh (1947) và độc lập của Ấn (1948) nước đông dân thứ nhì sau Trung-Hoa này tuy có những định chế dân chủ, đã từng nằm dưới quyền cai trị lâu dài của "triều đại Nehru" từ bố, con đến cháu (con bị ám sát và cháu bị tử nạn máy bay bất ngờ, nhưng vẫn có thể tiếp tục đến cháu và chắt nữa một ngày gần đây) và đa số dân chúng vẫn sống như trong thế kỷ 19, trừ những thành phố lớn.

Tuy là nói chuyện dân chủ lý tưởng và phát triển kinh tế, ông Bush làm cả thế giới ngạc nhiên với một thỏa thuận rất thực tế kiểu "realpolitik." Đây gần giống như thời tổng thống Cộng-hòa bảo thủ "chống cộng tới cùng" Richard Nixon với ngoại trưởng Henry Kissinger đi đêm bắt tay ngoại giao với "nước cộng sản lớn nhất thế giới" thời đầu thập niên 1970, với ý mở rộng chia rẽ giữa Trung-Hoa và Nga Xô-viết và giải quyết cuộc chiến Mỹ ở Việt-Nam.

Với mục đích bắt tay chặt hơn với Ấn-Độ, mùa hè qua Hoa-Kỳ đã thỏa thuận "hợp tác về nguyên tử" với Ấn dù Ấn không chịu ký tên vào Minh-ước Hạn-chế Nguyên-tử-năng, từng gian dối về phát triển kỹ thuật nguyên tử và sau đó tự ý thí nghiệm bom nguyên tử (với lý do nước đối nghịch với Ấn, Hồi-Quốc, đã có bom nguyên tử mà Hoa-Kỳ không phản đối). Trong thỏa thuận mới với Ấn, Hoa-Kỳ sẽ tiếp tục hợp tác với nước này về kỹ thuật nguyên tử

dân sự và chấp thuận việc Ấn tiếp tục sản xuất vũ khí nguyên tử. Đổi lại, lần đầu tiên Ấn đồng ý sẽ mở cửa mười-bốn trong số hai-mươi-hai lò nguyên tử cho thanh tra quốc tế; Ấn có quyền giữ bí mật các lò nguyên tử với mục đích quân sự khác và quyền tùy nghi xây bất cứ cơ sở sản xuất vũ khí nguyên tử khác; Ấn cũng không chấp nhận hạn chế số vũ khí nguyên tử Ấn có thể sản xuất. Dù thỏa thuận này sẽ phải được quốc hội Mỹ và tổ chức 45 nước cung cấp vật liệu nguyên tử thông qua, đây quả là điều nhiều người không thể tưởng tượng nổi.

Thứ nhất, Minh-ước nhằm ngăn ngừa bành trướng vũ khí nguyên tử năm 1970 nói trên đã được chấp nhận bằng chữ ký của 180 nước trên thế giới. Ấn-Độ cho đến nay vẫn không ký tên chấp nhận và tuân theo Minh ước. Nhiều người chỉ trích thỏa thuận giữa ông Bush và thủ tướng Ấn Manmohan Singh cho phép các công ty tư nhân Mỹ chia xẻ kỹ thuật nguyên tử với Ấn. Việc này sẽ giúp Ấn mở rộng chương trình sản xuất vũ khí nguyên tử và bắt đầu cũng như thúc đẩy đua chen vũ trang nguyên tử giữa nhiều nước muốn noi gương Ấn coi thường Minh-ước 1970. Nhiều nước chưa có vũ trang nguyên tử cũng dễ tin họ có thể xúc tiến chương trình sản xuất bom —dù có bị quốc tế lên án phản đối nhưng sẽ được Hoa-Kỳ ủng hộ một ngày nào đó.

Hai tuần lễ sau thỏa thuận với Ấn, ông Bush tuyên bố quyết định của ông là "một chiến thắng cho việc hạn chế vũ khí nguyên tử." Ông cũng ngợi khen đây là điều tốt đẹp cho mội sinh và một cách bớt cạnh tranh tiêu thụ từ Ấn để giá dầu hỏa đi xuống. Những công ty kỹ thuật nguyên tử Mỹ —sẽ hưởng lợi rất nhiều— cũng triệt để ủng hộ ông Bush; ngoại trưởng Rice tiên đoán trên nhật báo *Washington Post* rằng thỏa thuận sẽ đem lại hàng ngàn công ăn việc làm mới cho công nhân Mỹ. Nhiều người nghĩ rằng nếu Hoa-Kỳ thỏa thuận với Ba-Tư giống như Ấn, lợi nhuận cũng tương tự, chưa nói là có thể lớn hơn vì Ba-Tư là nước sản xuất dầu hỏa và Ấn chỉ tiêu thụ dầu. Lại nữa, theo gương Hoa-Kỳ, Nga cũng tiếp tục bán kỹ thuật nguyên tử cho Ấn cũng như Ba-Tư, và Trung-Hoa cũng sẽ bán kỹ thuật cho Ba-Tư !

B. Trung Hoa trên nền trời

Người ta như dễ nhận ra cái giả tạo và gượng gạo trong lý luận của chính quyền khi thỏa thuận về nguyên tử năng với Ấn-Độ. Nhưng giới quan sát chính trị cũng nhận ra ngay yếu tố căn bản phía sau hợp tác Mỹ-Ấn: thỏa thuận cho thấy Hoa-Thịnh-Đốn chấp nhận thất bại trong cuộc chiến ngăn chặn phát triển vũ trang nguyên tử để đổi lấy cái phản lực chống lại Trung-Hoa đang trên đà đi lên. Các viên chức chính quyền không ngần ngại đưa ra những hứa hẹn lạc quan về liên hệ tốt đẹp với một Ấn-Độ "dân chủ" lớn mạnh và với nhu cầu tiêu thụ dầu hỏa giảm bớt (do việc sử dụng nguyên tử năng).

Những viên chức chính quyền cũng biết rõ rằng một Ấn-Độ thịnh vượng hơn và trang bị quân sự mạnh mẽ hơn sẽ thành một chế khắc tham vọng quân sự của Trung-Hoa. Theo tờ *Los Angeles Times*, khi không ai biết rõ ý đồ Trung-Hoa ra sao, được một đồng minh như Ấn-Độ ngay sát nách Trung-Hoa là một yếu tố chiến lược quan trọng. Ông Jon Wolfsthal, một chuyên viên thuộc Trung-tâm Nghiên-cứu Chiến-lược và Bang-giao Quốc-tế ở Hoa-Thịnh-Đốn, nói: "Ngăn chống Trung-Hoa là một ẩn số ít ai nhìn thấy. Nhưng nó luôn luôn hiện diện."

Ngay khi bắt đầu nhiệm kỳ thứ nhất, chính quyền Bush xem đối phó với Trung-Hoa trên đà đi lên là một ưu tiên hàng đầu. Giới tân bảo thủ (néo-conservative) với ảnh hưởng lớn lao trên chính quyền chọn đây như thách đố lớn lao và cấp bách. Nhưng ưu tiên Trung-Hoa bị gạt qua một bên sau cuộc tấn công khủng bố ngày 11 tháng Chín, 2001. Đúng ra, giới làm chính sách Mỹ đã nhấn mạnh hợp tác với Bắc-Kinh trong việc chống khủng bố, đe dọa nguyên tử từ Bắc Hàn và những vấn đề khác nữa. Ngoại trưởng Colin Powell lúc bấy giờ xem liên hệ với Trung-Hoa tốt hơn bao giờ hết, và tổng trưởng quốc phòng Rumsfeld tìm cách cải thiện liên hệ quân sự với Trung-Hoa.

Ngày nay viên chức chính quyền chú trọng vào những biện pháp chống đối Trung-Hoa thật hữu hiệu và cách ảnh hưởng đến các phát triển ở đây. Chính quyền từng nhấn mạnh liên hệ chiến lược giữa Hoa-Kỳ và Nhật-Bản để có một đồng minh gắn bó và đầy đủ khả năng quân sự nhắm vào sườn đông-nam Trung-Hoa (ở mặt này, "đồng minh gắn bó và đầy đủ khả năng" có lẽ là Việt-Nam với nhu cầu an ninh và lực lượng quân sự kinh nghiệm đáng kể —tuy nhiên chưa có tài liệu, chi tiết gì mấy ngoài việc ông Bush từng dự định thăm viếng Việt-Nam năm

nay). Thỏa thuận Mỹ-Ấn phản ánh ý muốn thành lập một liên minh nữa nhắm vào phía tây-nam Trung-Hoa.

Viên chức Mỹ không nhắc nhở đến Trung-Hoa khi họ trình bày chi tiết của thỏa thuận. Nhưng một số viên chức từng tuyên bố Hoa-Kỳ phải củng cố Ấn-Độ để ngăn chặn Trung-Hoa.

Bà Ashley Tellis, một viên chức cao cấp bộ ngoại giao và kiến trúc sư chính về chính sách chiến lược với Ấn-Độ, đã lý luận rằng gia tăng vũ trang nguyên tử ở Ấn không phải chỉ có lợi cho Ấn mà còn cho Hoa-Thịnh-Đốn nữa. Đây sẽ khiến Trung-Hoa bận tâm về Ấn hơn là về Hoa-Kỳ. Những viên chức khác cũng nói Hoa-Kỳ và Ấn không xem Trung-Hoa là một kẻ thù hoặc một thế lực cần phải "ngăn chặn," như Hoa-Kỳ từng be bờ ngăn chặn Nga-Xô và Trung-Hoa trong thời Chiến-tranh Lạnh với các "đồng minh" và minh ước toàn khắp thế giới. Giới chuyên viên bang giao quốc tế xác nhận đúng ra có thể mô tả chiến lược như nỗ lực quân bằng một thế lực đang lên bằng cách đưa lên một thế lực khác —một thế lực với những giá trị và cái nhìn gần gũi hơn với Hoa-Kỳ. Ông Gordon Flake, giám đốc viện nghiên cứu Mansfield Foundation ở Hoa-Thịnh-Đốn, cho biết: "Đây là một nỗ lực thăng bằng cán cân Trung-Hoa đi lên, nhưng tôi sẽ không đi xa đến mức xem đây là cách ngăn chặn hay hành động thù nghịch với Trung-Hoa. Dĩ nhiên Hoa-Kỳ muốn có một xã hội lớn, dân chủ và đa chủng làm cái thăng bằng với xã hội Trung-Hoa trong vùng." Dân số Ấn đã lên nhanh gấp bội (vì kế hoạch gia đình không có hiệu quả) tới mức một-tỉ-mốt so với dân số Trung-Hoa một-tỉ-ba. Cả hai nước đang ráo riết phát triển kinh tế, với Trung-Hoa tiến nhanh và xa hơn Ấn nhiều. Về mặt quân sự, một mình Ấn chưa phải là địch thủ của Trung-Hoa (xin xem *Trung-Hoa: Một Đe-Dọa Lớn?,* và *Trung-Hoa Vươn Lên: Hai Cái Nhìn*, Thế-Kỷ 21, tháng Chín và Mười, 2005, cùng người viết).

C. Trung Hoa, Ấn Độ, Ba Tư và Hoa Kỳ: lời nói và việc làm

Trung-Hoa và Ấn-Độ đều nói hai nước không muốn đua tranh quân sự. Năm 2003, hai nước ký thỏa ước xây dựng một "hợp tác tích cực và lâu dài" dựa trên "sống chung hòa bình." Thật vậy, liên hệ giữa hai nước đã cải thiện trong những năm gần đây qua việc giải quyết các tranh chấp biên giới từng gây đổ máu trước đây, qua một thỏa thuận nhằm giảm bớt những cạnh tranh tìm nguồn cung cấp dầu hỏa cả hai nước đều cần cho phát triển kinh tế đang nóng bỏng,

Về mặt khác nhiều chuyên viên quân sự báo động Trung-Hoa và Ấn-Độ cũng có những hành động dễ đưa đến đối đầu va chạm với nhau. Trung-Hoa đang giúp Hồi-Quốc xây dựng căn cứ tầu ngầm ở Gwadar thuộc tỉnh Baluchistan, nơi mà Hồi buộc tội Ấn đang ủng hộ quân nổi dậy gây bất ổn. Ấn-Độ cũng đang gia tăng ngân sách quốc phòng lớn lao, bành trướng lực lượng hải quân —đây là phát triển song song với phát triển hải lực Trung-Hoa nhằm khống chế phía đông biển Thái-Bình, những đường thủy giữa vùng quần đảo và bán đảo Đông-Nam Á cũng như biển Ấn-Độ ở phía nam Trung-Hoa. Theo chiều hướng này va chạm và đụng độ giữa hải lực hai nước khó mà tránh khỏi.

Tuy ngoài mặt chính quyền Bush tuyên bố thỏa thuận với Ấn không có ý nhằm vào Trung-Hoa, giới quan sát chính trị đưa ra ý kiến ngược lại: chính quyền trả giá thật đắt cho việc đồng ý, nếu không nói là khuyến khích Ấn phát triển vũ trang nguyên tử. Cái thông điệp từ thỏa thuận này xem ra rất rõ rệt, ít nhất là cho Bắc Hàn và Ba-Tư cùng những nước lăm le vũ trang nguyên tử: Cũng như trong nỗ lực ngăn chặn áp chế độc tài (nhằm phát triển "dân chủ tự do"), Hoa-Kỳ chỉ chú trọng đến ngăn chặn phát triển kỹ thuật và vũ trang nguyên tử ở những nơi nào Hoa-Kỳ không ưa; những nơi khác thì toàn quyền đi trái ngược với những nỗ lực này, nếu không nói là được khuyến khích giúp đỡ nếu có lợi cho Hoa-Kỳ. Cái tiêu chuẩn bất nhất này chỉ khiến người ta nghi ngờ rằng chính quyền Bush không thực sự tin tưởng vào phát triển dân chủ tự do và hạn chế phát triển nguyên tử năng hoặc bất cứ quy ước kiểm soát vũ trang hay bảo vệ an ninh thế giới. Chính quyền chỉ tin tưởng vào việc thay đổi những chế độ thù nghịch —những chế độ với những khát vọng khác với khát vọng Mỹ (như các nước Hồi giáo không ưa tư bản và toàn cầu hóa kinh tế kiểu Mỹ).

Cái thông điệp này đe dọa chính nghĩa và vị trí lãnh đạo của Hoa-Kỳ trong cuộc chiến chống lại nguy cơ lớn lao nhất cho nhân loại: nguy cơ phát triển vũ trang nguyên tử mọi nơi mọi chốn.

Những nghịch lý trong các chỉ dấu

Liệu những chỉ số thường dùng có phản ảnh đúng tình trạng kinh tế?

NGUYỄN ANH TUẤN

"*Kiến thức là sức mạnh*" (*Knowledge is power*), đó là thành ngữ thường dùng để nói lên giá trị của việc giáo dục để hấp thụ mớ kiến thức cần thiết trên nhiều địa hạt khác nhau giúp cho con người được hiểu biết thêm hầu có thể cải thiện đời sống cho mình. Về mặt xã hội, kiến thức giúp cho con người nhìn xa hiểu rộng, biết ứng biến trong giao thiệp hàng ngày hầu đạt được nhiều thành quả tốt đẹp. Về mặt chính trị, kiến thức giúp cho người dân hiểu được quyền lợi căn bản của mình để tranh đấu chống bất công áp bức bằng những phương tiện hoà bình như lá phiếu cũng như khỏi tránh bị bóc lột vì tình trạng ngu dân. Về mặt khoa học, kiến thức giúp con người cải thiện được tình trạng vật chất và môi trường sinh sống để gia tăng tuổi thọ.

Thế nhưng một câu hỏi khác cũng đáng được đặt ra là liệu khi mớ kiến thức cứ dồn dập đổ về, có khi nào nó có thể dẫn đến tình trạng phân vân hay hoang mang, nhất là khi những kiến thức đó có thể có những kết luận trái ngược nhau? Đó là tình trạng người dân sống tại Hoa Kỳ này thường gặp phải, nhất là trong lãnh vực y tế. Cách đây hơn một thập niên, có lẽ đa số phụ huynh người Việt sống ở Hoa Kỳ đều được nghe lời khuyên là không nên để cho trẻ nít nằm ngửa vì có thể bị nghẹt thở nếu như bị ọc sữa và chảy nghẹt vào mũi. Do đó hầu hết các trẻ em sinh vào thời đó đều để nằm sấp, cũng có cái lợi là cái sọ khỉ tròn lẳng thật đẹp chứ không bị bẹp méo. Tuy nhiên sau đó không lâu thì các giới chức hữu trách về y tế công cộng lại đưa ra lời báo động mới là nếu để trẻ em nằm sấp thì cũng dễ bị chết nghẹt theo kiểu hội chứng SIDS (*sudden infant death syndrome*) khiến cho mọi người phải mau mau thay đổi, để trẻ nít nằm ngửa như thời xưa.

Mới đây nhất những tin tức liên quan đến sức khoẻ cho phụ nữ cũng có thể gây ra khá nhiều hoang mang, không biết phải tin vào điều nào đây. Đó là tin về một số các cuộc nghiên cứu khá sâu rộng đã đưa ra những kết luận khá chưng hửng, đại để như: những chương trình dinh dưỡng ít chất mỡ (*low fat diet*) không có thực sự giảm cơ nguy bệnh tim hay bệnh ung thư; hoặc là việc tập luyện cơ thể hàng ngày cũng không giảm cơ nguy mắc bệnh ung thư ruột; hay là việc dùng kích thích tố nữ *estrogen* thật ra cũng không tăng xác suất bị bệnh tim; và sau cùng là việc dùng hàng ngày thuốc có chất *calcium* cuối cùng cũng chẳng cải thiện gì hơn sức khoẻ hay giúp bổ xương lúc về già. Thế thì những lời khuyên từ trước đến nay kiểu như cần phải ăn uống kiêng cữ, uống thuốc bổ cần thiết, siêng tập thể dục v.v... hoá ra chẳng mang lại kết quả khả quan hơn là những người chẳng cần phải làm gì cả?

Đó là về mặt y khoa, một môn khoa học thực nghiệm thường dễ đưa ra những kết luận khá chính xác và có tính thuyết phục cao, mà còn có thể dẫn đến những kết luận xem ra khá nghịch lý. Huống chi là về mặt kinh tế, một môn khoa học nhân văn, dựa trên nhiều yếu tố tình cảm khó tiên đoán chính xác như là quyết định hay ý thích của người tiêu thụ v.v... thì chuyện người dân có thể hoang mang hay phân vân trước những tin tức về kinh tế có phần hơi trái ngược cũng là chuyện bình thường.

Những dữ kiện về kinh tế thu thập được xem ra có phần mâu thuẫn nhau không phải là chuyện hiếm xảy ra. Nói chung, hiện nay tình hình kinh tế tại Hoa Kỳ, cho dù có dựa trên nhiều tiêu chuẩn khác nhau, có thể được coi như là khá vững mạnh. Người dân thi nhau tậu mua hay canh tân nhà cửa (khoảng hơn 7 triệu

căn trong năm 2005), con số công ăn việc làm cũng gia tăng khá mạnh (hơn 4,2 triệu công việc mới kể từ giữa năm 2003), tỷ lệ thất nghiệp xuống khá thấp (chỉ có 5%). Thế nhưng khi được hỏi thăm tình hình và cảm tưởng, tất cả các bảng thăm dò dân ý đều cho thấy người dân Hoa Kỳ đều tỏ ra bi quan nhiều hơn. Chỉ số lạc quan tin tưởng của người tiêu thụ tụt giảm xuống nặng vào những tháng cuối năm qua.

Ngoài ra, một số các chuyên viên đã liên tiếp đưa ra những nhận định giải thích về những vấn nạn cho nền kinh tế Hoa Kỳ: nào là mức độ đầu tư yếu kém, tình trạng thâm thủng trong cán cân chi phó, cũng như mức độ tiết kiệm của người dân Mỹ xuống quá thấp vì tính thích tiêu tiền theo kiểu vung tay quá trán. Vậy thì tình hình kinh tế thực sự của Hoa Kỳ có bi quan như vậy hay không? Nếu như có ai đó nói rằng thật ra mức đầu tư của các cơ sở thương mại ở Hoa Kỳ cao hơn mức trên thống kê chính thức đến cả ngàn tỷ Mỹ-kim, hoặc là mức tiết kiệm của người dân cũng không đến nỗi tệ như người ta tưởng, hoặc là mức thâm thủng trong cán cân mậu dịch giữa Hoa Kỳ với các quốc gia khác cũng không quá cao lắm so với những con số chính thức đưa ra, thì liệu chúng ta có ngạc nhiên hoặc có nên tin hay không?

Đó là câu hỏi chính trong bài viết nghiên cứu khá kỹ lưỡng được đăng trên tờ tuần báo *Business Week* số ra ngày 13-02-2006 của cây bút Michael Mandel với tựa đề: "Tại sao nền kinh tế Mỹ vững mạnh hơn là quý vị tưởng."

NHỮNG CHỈ DẤU HAY CHỈ SỐ KINH TẾ

Để tìm hiểu về sự co rút hay tăng trưởng của một nền kinh tế, người ta cần phải có những con số cụ thể để đo lường mức sản xuất hay tiêu thụ, hoặc giá cả lên xuống v.v... Nếu là những gì có thể gộp lại thành tổng số thì người ta có thể dùng con số chính thức, đại loại như là tổng sản lượng quốc gia (*gross domestic product* GDP), tổng số công ăn việc làm mới tạo thêm hay đã mất đi. Trong một số trường hợp khác, khi không thể có những con số tổng kết để định nghĩa một tình trạng nào đó thì người ta có thể dùng những chỉ số (*index*) – thường là những con số để nói lên sự thay đổi về giá cả, lương bổng dựa trên một con số làm chuẩn là 100. Đại để như là chỉ số về mức tin tưởng của người tiêu thụ (*consumer confidence index*) để nói về mức lạc quan của giới tiêu thụ, chỉ số Dow Jones, Nasdaq để nói về sự lên xuống của thị trường chứng khoán v.v...

Việc gộp lại những con số để đo lường về sức mạnh của một nền kinh tế có thể nói được bắt đầu tại Hoa Kỳ trong thập niên 1930. Sau cuộc Đại Khủng Hoảng Kinh Tế vào năm 1929 khi mà giá cả tăng vọt nhanh một cách khủng khiếp và thị trường chứng khoán đổ sụp đẩy đất nước vào một tình trạng gần như tê liệt, các nhà kinh tế cũng như chính trị gia cầm quyền ý thức được rằng họ đã thiếu những phương tiện hay thước đo để có thể giải đáp cho bài toán thiết thực nhất: đó là nền kinh tế hiện nay đang đi lên hay đi xuống? Để tìm ra đáp số, Bộ Thương Mại Hoa Kỳ bèn cho vời kinh tế gia Simon Kuznets, lúc bấy giờ đang làm việc ở Phòng Nghiên cứu Kinh tế, đến làm việc cùng với nhiều chuyên viên khác để có thể lần đầu tiên tính ra được tổng số mức thu nhập và sản xuất trong nước, tức là khả năng tiêu thụ và sản xuất của nền kinh tế Hoa Kỳ. Một khi đã tính ra được công thức để đo lường những con số này, chính quyền có thể bắt đầu tiên đoán rằng liệu nền kinh tế đang khả quan hơn hay trên đường co cụm lại. Từ đó các chuyên viên kinh tế làm việc với ông Kuznets bắt đầu tính sổ tất cả những đồ vật hữu hình có thể sờ mó được như là các cao ốc, hãng xưởng cũng như máy móc và định nghĩa như là những món đầu tư lâu dài. Xã hội nước Mỹ lúc bấy giờ cũng vẫn trong thời kỳ kỹ nghệ, và thống kê tất cả những hiện vật đó phản ảnh khá chính xác sức mạnh của một quốc gia, giúp cho chính quyền của TT Roosevelt, trong thời gian Đệ Nhị Thế Chiến, có thể tiên đoán về thực lực cũng như khả năng của quốc gia để sản xuất xe tăng, tàu chiến hay máy bay cần thiết cho nền an ninh lúc bấy giờ. Công trình này đã giúp cho ông Kuznets được trao tặng giải Nobel về Kinh tế học vào năm 1971 và là nền tảng để đo lường về tổng sản lượng quốc gia từ đó đến nay.

Tuy nhiên, mô thức đó cũng có một sơ hở nhỏ mà người ta không để ý, hay có thể là không tính tới vì tầm mức ảnh hưởng không đáng kể lúc bấy giờ. Những tài sản chi dùng để tạo thành những hiện vật hữu hình như cơ xưởng và máy móc được cộng chung lại để tính thành mức đầu tư lâu dài. Nhưng những món tiền chi ra cho việc giáo dục, huấn nghệ hay tìm tòi nghiên cứu thì lại bị bỏ sót, không ai chịu nghĩ đến giá trị đầu tư của những món tiền chi trả cho dịch

vụ này. Thí dụ như lúc bấy giờ, khách sạn Flamingo mới được xây cất ở giữa thành phố vắng vẻ Las Vegas, bởi tay trùm băng đảng Bugsy Siegel với hy vọng tạo ra một thế giới ăn chơi mới ngay giữa vùng sa mạc khô cằn nắng cháy, với kinh phí tốn kém lên đến 6 triệu Mỹ-kim, đã được tính như là một món tiền đầu tư của quốc gia. Thế nhưng công trình đầu tư khá tốn kém của hãng viễn thông AT&T trong các phòng nghiên cứu Bell Labs để phát minh ra chất bán dẫn *transistor* thì lại không được tính vào tổng số GDP của Hoa Kỳ. Chính nhà kinh tế học Kuznets cũng nhận định về sự thiếu hụt giới hạn của mô thức áp dụng của ông, tuy nhiên vẫn không có thay đổi gì trong công thức kết toán này trong nhiều thập niên sau.

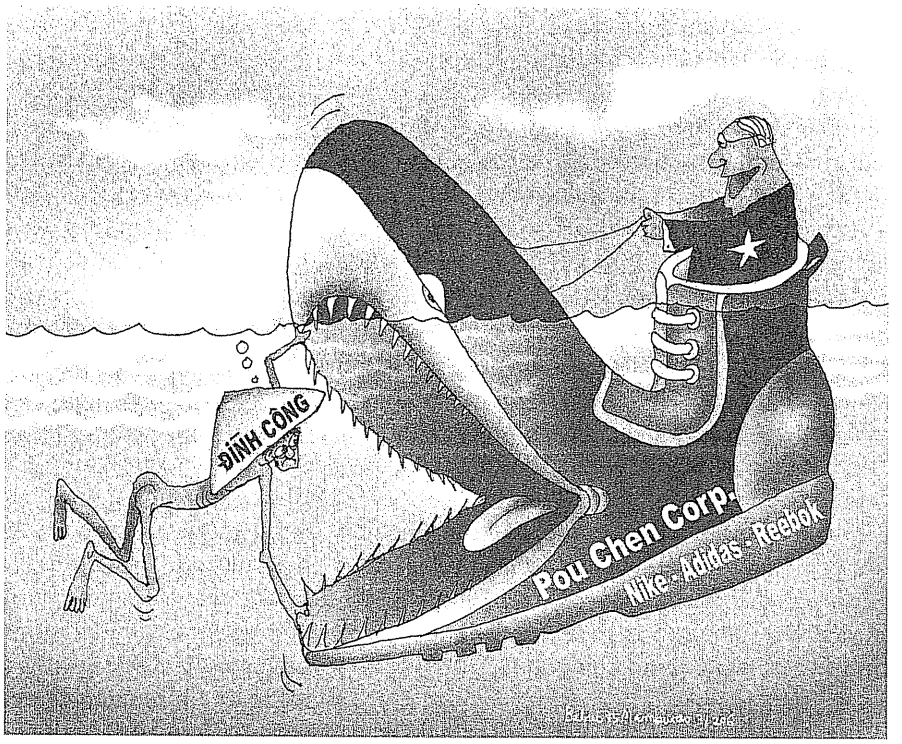

Phải đợi đến năm 1999 thì ông Steven Landefeld, giám đốc Nha Nghiên cứu Kinh tế (*Bureau of Economic Analysis* BEA), mới bắt đầu thay đổi phương thức thống kê để có thể kết toán đầy đủ những chi tiêu về trí tuệ, phản ảnh đúng sự thay đổi của xã hội từ thời kỳ kỹ nghệ sang thời kỳ thông tin với những sáng chế mau lẹ và tân kỳ nhiều tốn kém và đầu tư nhưng từ trước đến nay không được để ý đến. Thật vậy, các chuyên viên của BEA bắt đầu liệt kê các khoản đầu tư vào nhu liệu (*software*) – một món vô hình không sờ mó được – là một loại đầu tư dài hạn vì trong thực tế, các hãng xưởng trên Hoa Kỳ đã bỏ tiền đầu tư vào phần nhu liệu cần thiết để sử dụng hệ thống điện toán với một phí khoản khổng lồ là 150 tỷ Mỹ-kim, hoá ra còn cao hơn cả chi phí các máy móc *computer* chỉ có 100 tỷ Mỹ-kim. Hơn nữa, các phần mềm của nhu liệu còn có thể tiếp tục được dùng dài lâu, vững bền hơn là các máy móc có thể bị hư hao hay đào thải nhanh chóng.

Mức đầu tư trí tuệ này tính ra còn cao hơn nhiều so với mức đầu tư tư bản tức là bỏ tiền ra để mua sắm máy móc hay xây dựng cơ xưởng. Theo thống kê của tuần báo *BusinessWeek* đo lường chi tiêu của 10 đại công ty tại Hoa Kỳ như ExxonMobil, General Electric, Microsoft, Intel, Procter & Gamble, thì con số tiêu trả cho khoản này – gọi là nghiên cứu và phát triển – đã tăng khoảng 42% kể từ năm 2000, tức là tốn kém gần 11 tỷ Mỹ-kim. Trong cùng thời gian đó, thì các hãng này đã chỉ chi thêm khoảng 1 tỷ Mỹ-kim, tức là coi như chỉ tăng hơn 2%, cho các món đầu tư tư bản như mua sắm máy móc. Tổng cộng lại, 10 hãng xưởng to lớn này đã chi tiêu ra khoảng 12 tỷ Mỹ-kim cho mục đầu tư dài hạn, thế nhưng theo mô hình thống kê cũ thì phần lớn những món tiền này không được tính vào GDP.

Điều này giải thích phần nào sự khác biệt giữa cái nền kinh tế thực sự đang xảy ra với những gì người dân cảm nhận về nền kinh tế đó. Thí dụ như thống kê về đầu tư cả nước cho thấy là từ năm 1970 đến năm 2000, tỷ lệ đầu tư đã tụt giảm – từ 23,8% của tổng số chi tiêu

trong nước xuống còn mức 18,3% theo thống kê chính thức. Thế nhưng nếu cộng thêm khoản đầu tư trí tuệ như kể trên thì mức đầu tư đã gia tăng, từ 23,8% tăng lên đến 25,1%. Đây chính là nguyên nhân chính giải thích tại sao nền kinh tế Mỹ trong thời gian qua vẫn còn năng suất cao (tức là gia tăng hàng sản xuất với cùng số nhân viên làm việc) và các giới kinh tài ngoại quốc tiếp tục đổ tiền đầu tư vào Hoa Kỳ.

Cũng chính sự thiếu liệt kê phần đầu tư trí tuệ này đã giải thích vì sao người ta không đo lường được chính xác mức độ hay thời gian của những vụ suy trầm như trường hợp cuộc suy thoái ngắn hạn vào năm 2001. Thống kê chính thức thời bấy giờ cho thấy đây là một cuộc suy thoái nhẹ và ngắn hạn, chỉ kéo dài có sáu tháng trong khi mức sản xuất thương mại lại có phần tiếp tục tăng trưởng nhẹ. Trong thực tế, cuộc suy thoái này kéo dài hơn nhiều, và tính cho đến năm 2003 thì nó đã làm biến mất đi khoảng ba triệu công ăn việc làm trong lãnh vực tư nhân. Đó là lý do tại sao sau cuộc suy thoái này, tình hình kinh tế vẫn chưa được người dân công nhận là sáng sủa vì người dân vẫn chưa tìm lại được công việc mới, một hiện tượng gọi là phục hồi kinh tế không sản sinh công việc (*jobless recovery*). Đúng vậy, khi cuộc suy thoái bắt đầu, đa số các hãng xưởng đều phải sa thải nhân viên, cắt bớt các chương trình quảng cáo, huấn luyện cho nhân viên hay nghiên cứu các dự án tương lai v.v... Phần tụt giảm đầu tư này đã làm cho một số lượng lớn nhân công thất nghiệp nhưng không được ghi nhận trên mức GDP khiến cho người ta có thể lầm tưởng là nền kinh tế không tồi tệ hơn. Thí dụ như khi một công ty kỹ thuật cao quyết định đóng cửa một phân khu nghiên cứu các dự án tương lai thì một số khá đông các kỹ sư trong ngành liên hệ bị thất nghiệp, trong khi công ty tiếp tục sản xuất các món hàng bình thường thì mức GDP cả nước không thay đổi vì không có sự tụt giảm. Rồi những kỹ sư có bằng cấp bị sa thải này, sau một thời gian ngồi ăn tiền trợ cấp thất nghiệp nhưng vẫn chưa tìm ra được những công việc mới tương đương với bằng cấp của mình, đành phải lao đầu vào thị trường để tìm bất cứ việc làm lao động rẻ tiền nào để có thể sinh tồn. Như thế lại khiến cho mức GDP có thể tăng thêm chút ít, tạo ra một cảm tưởng là tình hình kinh tế trong nước sáng sủa hơn trong khi thực tế thì bi quan đen tối hơn nhiều.

CHỈ SỐ KHỔ CỰC

Một trong những nghịch lý khác có thể tìm thấy khi chỉ nhìn phiến diện trên các chỉ dấu kinh tế theo thống kê chính thức là trường hợp của chỉ số khổ cực (*misery index*). Đây là một con số ngắn gọn để đo lường về sức khoẻ của một nền kinh tế quốc gia. Hiểu một cách đơn giản, khi chỉ số này cao tức là mức khổ cực của người dân cũng cao luôn. Chỉ số này (gộp cả hai mức thất nghiệp và lạm phát cộng lại) được sáng chế ra bởi kinh tế gia Mỹ là ông Arthur Okun vào đầu thập niên 1970, sau cơn khủng hoảng vì giá dầu gia tăng đột ngột bởi khối các quốc gia sản xuất dầu hoả (OPEC), khiến cho tình hình kinh tế thế giới đi vào một chu kỳ suy thoái với hai hiện tượng xấu cùng lúc gia tăng, đó là mức thất nghiệp và mức lạm phát cùng leo thang. Thông thường thì hai yếu tố này đi theo chiều hướng hơi trái ngược, và các nhà lãnh đạo quốc gia và kinh tế khi đề ra những chính sách an bang tế thế thường phải lựa chọn để giải quyết một trong hai địa hạt: nếu chính phủ quyết định tăng công chi (*public spending*) để giúp cho người dân có thêm công ăn việc làm thì có thể tạo ra tình trạng lạm phát vì lưu lượng tiền tung ra thị trường quá nhiều; ngược lại nếu thắt lưng buộc bụng giảm chi tiêu thì giúp lạm phát không tăng nhưng sẽ khiến cho con số người thất nghiệp tăng cao vì không tìm ra được việc làm mới. Thế nhưng vụ khủng hoảng giá dầu lửa năm 1974 đã tạo ra tình trạng thất nghiệp và lạm phát gia tăng cùng lúc, tức là hai yếu tố tai hại cùng xảy ra và đương nhiên sẽ dẫn đến kết quả khổ đau cho người dân. Ứng cử viên tổng thống Jimmy Carter lúc bấy giờ thường dùng hình ảnh về chỉ số khổ đau này để diễn tả tình trạng không khả quan của nền kinh tế Hoa Kỳ lúc bấy giờ và đã giúp ông thành công trong kỳ bầu cử cuối năm 1976.

Nếu dựa vào thống kê chính thức, thì chỉ số đau khổ ở Hoa Kỳ hiện nay khá thấp (chỉ có 5% thất nghiệp và khoảng dưới 3% lạm phát), so với thời điểm của vài thập niên trước hoặc là so với tình trạng của đa số các nước Âu Châu hiện nay, phần đông đều có tỷ lệ thất nghiệp khá cao tròm trèm 10%. Thế nhưng, phương thức đo chỉ số khổ đau, sau 30 năm kể từ ngày được sáng chế ra, có thể đã không còn hiệu nghiệm nữa, và cần phải được tu bổ cho hoàn chỉnh hơn.

Mới đây, một số các kinh tế gia của đại tổ

hợp tài chính Merrill Lynch đã nghĩ ra một công thức mới để đo lường chỉ số khổ cực này. Ngoài phần đo lường căn bản về mức thất nghiệp và lạm phát, họ cũng tính thêm những yếu tố quan trọng khác gồm có mức phân lời, cân bằng ngân sách (hay khiếm hụt ngân sách) và cán cân chi phó (thường là thâm thủng ngoại thương đối với Hoa Kỳ) và trừ đi mức tăng trưởng về GDP (được coi là yếu tố tốt). Nói chung, chỉ số mới này không những phản ảnh tình hình kinh tế hiện nay sáng sủa như thế nào, mà cũng còn tính luôn cả tương lai của Hoa Kỳ có còn tiếp tục sáng sủa lâu dài nữa hay không nếu như người ta chịu nhìn đến việc cân bằng ngân sách quốc gia và cán cân chi phó, tức là xuất cảng có nhiều hay ít hơn nhập cảng các món hàng tiêu thụ. Thí dụ như trường hợp của Hoa Kỳ, tuy chính quyền Bush đã cắt giảm thuế hai lần và còn muốn cho các đợt cắt thuế này trở thành trường kỳ, nhưng trong thực tế với phần khiếm hụt ngân sách (*budget deficit*) mỗi năm khoảng gần 400 tỷ Mỹ-kim cứ cộng gộp lại khiến cho số nợ mà Hoa Kỳ phải gánh chịu càng ngày càng tăng, lãi mẹ đẻ lãi con chồng chất nhau mãi, thì trong tương lai bắt buộc chính phủ chỉ còn cách phải tăng thuế để có thể gồng gánh nổi, cho dù lúc đó ông Bush và những chính trị gia thiếu trách nhiệm hiện nay đã về hưu hưởng nhàn.

Điều này cũng dễ hiểu nếu như ta lấy thí dụ của một gia đình sinh sống ở Hoa Kỳ làm tiêu biểu. Nếu như chỉ dựa vào đồng lương hiện có của hai vợ chồng cộng với các khoản chi tiêu hàng tháng (tiền nhà, xe, điện nước v.v...) để xác định về tình trạng kinh tế tổng quát của gia đình ấy thì người ta có thể có cái nhìn phiến diện thiếu chính xác. Bởi vì cần phải biết thêm là tổng số nợ mà gia đình đó đang cưu mang (tức là họ có phải tiếp tục trả nợ dài lâu hay không), tình trạng công ăn việc làm có tiếp tục khả quan hay không (nếu như trong hãng có tin sắp sửa sa thải trong tương lai gần), việc họ có quyết định có sinh con nữa hay không (tức là một gồng gánh nợ trong tương lai) thì mới có thể đưa ra một cái nhìn khá chính xác hơn về tình trạng kinh tế của gia đình đó. Nếu chỉ nhìn thoáng qua, thấy hai vợ chồng ngày ngày đi làm với xe mới, cuối tuần đi ăn chơi thoải mái, người ta có thể lầm lẫn rằng họ khá giả hay sung túc hơn là vợ chồng ông hàng xóm lúc nào cũng lam lũ ngoài vườn, đi xe cũ v.v... Nhưng giả sử như cặp thứ hai không có nợ nần gì, có tiền để dành khá cao trong các trương mục ngân hàng trong khi cặp thứ nhất thì có nợ ngập đầu, mỗi tháng phải tiếp tục trả các khoản nợ trong các thẻ tín dụng thì chưa chắc là ai đã giàu có sung túc hơn ai.

Nếu tính theo công thức mới này thì những nụ cười rạng rỡ của các viên chức chính quyền Hoa Kỳ hiện nay, lúc nào cũng muốn khoe thành tích kinh tế phục hồi nhanh nhờ vào thành quả của hai đợt cắt thuế lớn trong những năm qua, chắc chắn sẽ tắt ngúm nhanh chóng. Thật vậy, trong số bảy nước kỹ nghệ giầu nhất trên thế giới thì Hoa Kỳ có chỉ số khổ cực cao nhất (18), sau đó là Pháp (17), Ý (16), Đức (13), Anh (11), Gia Nã Đại (8) và Nhật (6), vì lý do đơn giản là có số khiếm hụt nặng nề về ngân sách lẫn cán cân mậu dịch. Trong thập niên 1990, nhờ ở mức thặng dư ngân sách, chỉ số khổ cực của Hoa Kỳ nằm trong số những mức thấp nhất trên thế giới (khoảng 14). Chỉ vì mức khiếm hụt gia tăng ào ạt trong vài năm qua – một phần vì chính sách thiếu trách nhiệm cắt giảm thuế ào ạt và mức tiêu thụ ào ạt quá đáng của giới tiêu thụ người Mỹ – nên giờ đây Hoa Kỳ trở thành quốc gia duy nhất có chỉ số khổ cực gia tăng so với thời điểm một thập niên trước. Quốc gia có thành quả sáng sủa nhất chính là lân bang phía bắc. Vào năm 1994, Gia Nã Đại có chỉ số này nằm ở mức 20, giờ đây đã tụt xuống chỉ còn 8, và cũng là quốc gia duy nhất vừa có thặng dư trong ngân sách lẫn trong cán cân chi phó.

Như đã nói, kinh tế học là một môn khoa học nhân văn, có những thay đổi bất ngờ khó tiên đoán vì một phần tuỳ thuộc vào sự thay đổi tâm tính và quyết định của con người, một điều khó tiên đoán chính xác được. Nhưng nhờ vào việc nghiên cứu, tìm tòi, thống kê hoá những dữ kiện, kinh tế học cũng giúp con người hiểu biết thêm một phần nào về những thay đổi hay biến chuyển trong xã hội. Thỉnh thoảng cũng có những nghịch lý hay mâu thuẫn như trên thì cũng là chuyện thường tình, vì nó càng kích thích chúng ta tiếp tục tìm hiểu thêm để mở mang kiến thức, thay vì cứ ôm mãi với mớ kiến thức cũ sẵn có và dễ trở thành tự kiêu hay tự hài lòng với chính mình mà không biết rằng mình đang thụt lùi.

Houston, Texas 21-02-2006

Độc Cô Thanh Tâm Tuyền

ĐẶNG TIẾN

Nhà thơ Thanh Tâm Tuyền qua đời trưa ngày 22 tháng 3-2006, tại thành phố Saint Paul, Minnesota, Hoa Kỳ, thọ 70 tuổi.

Hôm sau, bạn hiền Phạm Phú Minh, báo tin và yêu cầu viết bài, chỉ cần khoảng 2700 chữ, trong hai ngày, cho kịp báo Thế Kỷ 21 lên khuôn. Tôi lo toáng lên: hai ngày thì đào đâu ra 2700 chữ về một tác gia nổi tiếng là khó khăn và khó tính? Giá mạng chữ nghĩa của tôi giỏi lắm là vài ba trăm chữ, thôi thì đành viết trong giới hạn đó.

Thanh Tâm Tuyền là một tác gia chính yếu đã làm mới nền văn học Miền Nam, trước 1975, và góp phần tạo nên một khúc quành cho văn học Việt Nam nói chung trong nửa sau thế kỷ 20. Ông đã làm mới câu thơ, bài thơ, ý thơ và quan niệm thi ca Việt Nam. Ông cũng làm mới câu văn xuôi, cách kể chuyện bắt đầu từ truyện *Bếp Lửa*.

Ông du nhập nghệ thuật phương Tây bằng cách đọc trực tiếp, không kinh qua trường học Pháp thuộc như các nhà văn nhà thơ lúc trước. Ảnh hưởng phương Tây do đó có tính cách trực tiếp, tự do và sáng tạo. Ngược lại, ông có khả năng thiết lập quan hệ hữu cơ và mật thiết giữa các bộ môn văn học và nghệ thuật: Thơ, Văn, Nhạc, Họa, như ở các nước phương Tây.

Về nội dung chính yếu, chất liệu trong thơ văn Thanh Tâm Tuyền là ý thức thất bại. Thất bại của con người trước định mệnh nói chung, cụ thể là sự bất lực của giai cấp trí thức tiểu tư sản Việt Nam trước thời cuộc. Viết văn, làm thơ, làm nghệ thuật nói chung, là cố gắng vượt qua sự thất bại đó, biến nó thành nghệ thuật.

Thanh Tâm Tuyền là người sâu sắc, uyên bác, tài hoa, nghiêm túc, tư cách và tiết tháo.

*

Sau đây là phần phát triển:

Thanh Tâm Tuyền tên thật là Dzư văn Tâm, sinh ngày 13 (có nơi ghi 15) tháng 3 năm 1936, tại Vinh, Nghệ An. Trong bài *Thơ Mừng Năm Tuổi*, làm năm Nhâm Tý 1972, ông đã kể chi tiết tiểu sử . Từ 1952, ông đã đi dạy học, trường Minh Tân, Hà Đông và có truyện đăng báo *Thanh Niên*, Hà Nội.

Sau đó, hoạt động trong Tổng Hội Sinh Viên Hà Nội, cùng với những người sẽ trở thành bạn văn nghệ về sau: Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Sỹ Tế, Trần Thanh Hiệp, cùng chủ trương nguyệt san *Lửa Việt*, rồi vào Nam.

Tại Sài Gòn, 1955, ông viết cho các tuần báo *Dân Chủ, Người Việt* và nổi tiếng từ những tác phẩm đầu tay, tập thơ *Tôi Không còn Cô Độc*, 1956, và truyện *Bếp Lửa*, 1957. Thời điểm này, ông tích cực tham gia biên tập báo *Sáng Tạo* (1956-1960) do Mai Thảo đứng tên, và ông thường được xếp vào «nhóm» Sáng Tạo, có ảnh hưởng lớn trên văn học Miền Nam suốt một thập niên.

Năm 1962, bị động viên vào trường Sĩ quan Thủ Đức, được giải ngũ, rồi tái ngũ trong Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, phụ trách chủ yếu việc huấn luyện văn hóa, *«tám năm quân ngũ chưa nổ một phát súng với địch»* (1972), cấp bực cuối cùng là Đại úy. Sau 1975, bị bắt đi học tập, trong hơn mười năm, tại nhiều trại cải tạo Miền Bắc. Cuối cùng sang định cư tại Hoa Kỳ từ đầu thập niên 1990. Ông qua đời vì ung thư phổi, tại nơi cư ngụ.

Thanh Tâm Tuyền là tác giả khoảng mười đầu sách; ba tập thơ: *Tôi Không Còn Cô Độc* (1956), *Liên - Đêm - Mặt Trời Tìm Thấy* (1964, Sài Gòn), *Thơ ở Đâu Xa* (1990, Mỹ). Ba truyện: *Bếp Lửa* (1957), *Khuôn Mặt* (1964), *Dọc Đường* (1967). Ba tiểu thuyết: *Cát Lầy* (1966), *Mù Khơi* (1970), *Tiếng Động* (1970). Một vở kịch ngắn: *Ba Chị Em* (1965). Một phiếm luận *Tạp Ghi* (1970). Ông còn nhiều tác phẩm chưa xuất bản, ví dụ như tiểu thuyết *Ung Thư* đăng nhiều kỳ trên báo *Văn*, là một tác phẩm quan trọng.

Miền Nam Việt Nam những năm 1955-1960 bừng lên một sinh khí văn hóa. Hằng triệu người từ Bắc di cư vào Nam, những người từ nông thôn bước vào, hay trở về thành thị sau chiến tranh, tình hình an ninh và giá cả ổn định, các trường trung và đại học phát triển, sách báo, đĩa nhạc, nhập khẩu ào ạt với giá rẻ nhờ ngoại viện. Thơ Thanh Tâm Tuyền xuất hiện trong bối cảnh đó. Ít người mua và cầm trong tay tập thơ *Tôi Không Còn Cô Độc*, nhưng nhiều người, nhất là giới thanh niên, đọc thơ ông trên tạp

chí *Sáng Tạo*, bên cạnh thơ hiện đại khác của Tô Thùy Yên, Quách Thoại, Nguyên Sa, Trần Thanh Hiệp, Người Sông Thương.

Người đọc theo dõi, tìm hiểu, chứ thật sự yêu thích thì không nhiều; cũng có người, có bài báo chê trách là thơ lập dị, bí hiểm, hũ nút.

Mười lăm năm sau, 1973, khi sự nghiệp thơ văn Thanh Tâm Tuyền đã an vị, báo *Văn* đã ra một số đặc biệt về đề tài này, ngày nay là tư liệu hiếm quý. Trên báo này, Lê Huy Oanh, nhà biên khảo chuyên về thơ, đã có hai bài: một bài kể lại quá trình tiếp xúc thơ Thanh Tâm Tuyền, từ chỗ ghét bỏ đến yêu thích; một bài giải thích «lối thơ Thanh Tâm Tuyền» qua bài *Phục Sinh* nổi tiếng trong sự khen chê, với những câu: *Tôi buồn khóc như buồn nôn... Tôi buồn chết như buồn ngủ...*

Tôi Không còn Cô Độc có lẽ chỉ là lời tâm nguyện như khi nhà thơ nói *'tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ'*, hay *'có người cầm súng bắn vào đầu / đạn nổ nhịp ba / không chết.'* Người đọc bực mình vì những lời lạ lẫm như thế thì ít, nhưng nhiều người phẫn nộ vì lời thách thức in ở đầu sách :

«*Ở đây tôi là hoàng đế đầy đủ quyền uy. Bởi vì người vào trong đất đai của tôi, người hoàn toàn tự do. Để cai trị tôi có những luật lệ tinh thần mà người phải thần phục nếu người muốn nhập lãnh thổ. Người hoàn toàn tự do. Và có thể ném cuốn sách ra cửa sổ.* »

Lê Huy Oanh kể lại rằng: «*trước đó tôi đã quẳng tập thơ qua cửa sổ, rồi lại nhặt lên, trân trối nhìn nó một hồi lâu trước khi từ từ, rất từ từ ấp nó vào ngực*» (báo *Văn* đã dẫn, tr.8). Dĩ nhiên đây là cách nói tượng trưng.

Trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp, Thanh Tâm Tuyền nhất định phải biết câu thơ phá thể thời 1946, như *Nhớ Máu* của Trần Mai Ninh, *Đèo Cả* của Hữu Loan, *Sáng mát trong như sáng năm xưa* của Nguyễn Đình Thi. Nhưng dù phá thể, câu thơ này vẫn còn giữ vần điệu. Thanh Tâm Tuyền phá vỡ cái vỏ ngữ âm của câu, hay bài thơ: loại trừ vần, không theo nhịp của ngôn ngữ, xáo trộn thanh điệu bằng trắc; muốn như thế, ông phải sắp xếp lại ý tưởng, hình ảnh, để làm mới ngôn ngữ. Thơ xưa đem tư tưởng ra «diễn ca,» còn Thanh Tâm Tuyền tháo gỡ guồng máy ngôn ngữ ra từng bộ phận rồi lắp ghép lại thành những chức năng mới, trong văn bản mới.

Dựa trên lời Nietzsche, ông gọi đây là quan niệm nghệ thuật Dionysos đối lập với quan niệm Apollon, «*nghệ thuật phá vỡ những hình thức sẵn có hỗn loạn trong những niềm cảm xúc, một nghệ thuật của say sưa, một vẻ đẹp hãi hùng mọi rợ, nghệ thuật bắt nguồn từ một nhân sinh quan bi thảm.*»

Câu này trong bài *Nỗi Buồn Trong Thơ Hôm Nay*, Thanh Tâm Tuyền viết năm 1955 - khi ông 19 tuổi - là một văn kiện cơ bản, trong lý luận về thơ. Trong chừng mực nào đó, nó tiếp nối bài *Mấy Ý Nghĩ về Thơ* của Nguyễn Đình Thi năm 1949, về nguyên tắc và lý thuyết. Về mặt nội dung và thực tiễn sáng tạo, Thanh Tâm Tuyền đi xa hơn.

Chất hiện đại trong thơ ông một phần do ảnh hưởng thơ thế giới, chủ yếu là thơ Pháp, từ Rimbaud, Lautréamont đến Apollinaire, nhất là thơ Siêu Thực của nhóm Breton, Eluard, mà ông tiếp thu trực tiếp, mà không kinh qua nhà trường Pháp thuộc như thế hệ đi trước. Thanh Tâm Tuyền không học đúng bài bản như Xuân Diệu, Vũ Hoàng Chương, cho nên tự do hơn. Xuân Diệu, về già, vẫn mơ ước làm một Ronsard. Thanh Tâm Tuyền thạo tiếng Pháp, ham đọc, nên tiếp xúc được với nhiều tác giả mới trên thế giới như Laurence Durrell hay Solienitsyne qua tiếng Pháp. Từ đó, thơ ông có chất quốc tế, trong nền Cộng Hòa Thế Giới :

Các anh Cộng Hòa đã chiến đấu cho Tây Ban Nha
Xứ sở Lope de Vega Garcia Lorca
Một Breton tình điên còn nức nở
Mà Hy vọng Malraux còn thổn thức
Và mãi Ernest còn tiếc thương
Andalousie đói quên khiêu vũ
Việt Nam ốm yếu quên ca dao

Câu 'quốc tế ca' của Thanh Tâm Tuyền nhiều người thuộc nhất có lẽ là câu đăng trên báo *Sáng Tạo*, 1957:

Hãy cho anh khóc bằng mắt em
Những cuộc tình duyên Budapest

Bài này làm vào tháng 12- 1956, một tháng sau khi Hồng Quân Liên Xô, nhân danh khối quân sự Vác- xô- vi tràn ngập Hung-ga-ri và thủ đô Bu-đa-pet.

Thanh Tâm Tuyền chưa bao giờ ra khỏi Việt Nam cho đến ngày sang Hoa Kỳ định cư vĩnh viễn. Nhưng thơ ông đầy những thành phố: Vác-xô-Vi, Béc-Lin, Bình Nhưỡng, Bắc Kinh, Moscou, Praha, Paris, Madrid, Bruxel, Genève. Nhưng không có lũy tre, con đò, bãi dâu, nương

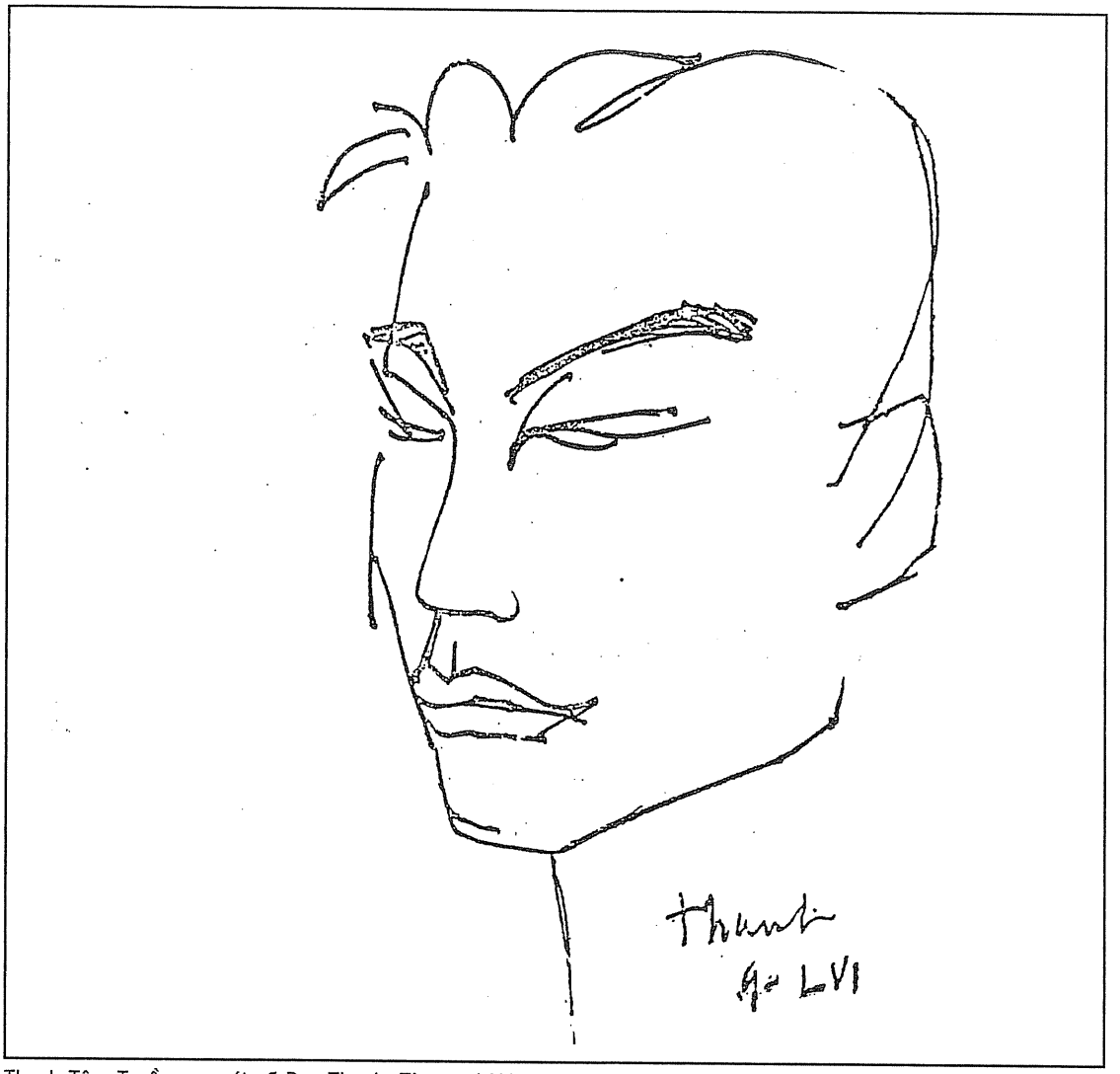

Thanh Tâm Tuyền qua nét vẽ Duy Thanh. Từ tạp chí Văn - Saigon 1973

sắn. Thơ Thanh Tâm Tuyền là thơ thành phố: thơ Pháp, đến Prevert là hoàn toàn đô thị hóa; thơ Việt Nam, đến Thanh Tâm Tuyền cũng quành vào đô thị. Xưa kia, Nguyễn Bính đã mơ *Phường Chèo làng Đặng*; gần hơn, Đinh Hùng còn nhớ *tháng giêng quê bạn hội đêm rằm*; đến Thanh Tâm Tuyền *Tôi Không Còn Cô Độc* là tên một bài thơ dưới dạng hợp xướng hiện đại, với nhiều giọng hát, và có giọng thi sĩ:

Tôi đã chết nghẹn ngào
ôm tình yêu tự do chật ngực
tôi chết và chối từ
đừng ai gọi tôi là thi sĩ
(...)
Hôm nay tôi dự hội
hôm nay dùng mắt nhìn
hôm nay dùng lời dịu
cô độc phút tan tành
tôi không còn cô độc

Ông già: *tôi không còn cô độc*
Hợp xướng: *tôi không còn cô độc*
Em gái: *tôi không còn cô độc*
Hợp xướng: *không ai còn cô độc*
không ai còn cô độc

Thơ Thanh Tâm Tuyền khi ngân vang hợp xướng, khi u uẩn tiếng kèn đồng :

Một người da đen một khúc hát đen
Bầu trời đen sâu không cùng
Những giòng nước mắt
Xé nát thân thể bằng tiếng kèn đồng
Bằng giọng của máu của tủy của hờn bắt đầu ngày tháng
Giữa rừng không lối rừng mãi trống không
(...)

Vì blues không xanh, vì điệu blues đen
Trên màu da nức nở
(*Đen*, Sáng Tạo, số 8, tháng 5-1957)

Thơ Thanh Tâm Tuyền, tự nó, là một thế giới, và đồng thời một không gian nhìn ra thế giới. Đây là đặc tính của thơ Thanh Tâm Tuyền, ở những nhà thơ khác dù rất hiện đại, cũng không có, hoặc không rõ nét. Ví dụ trong thơ Tô Thùy Yên, chủ yếu ta thấy thảm kịch Việt Nam; thơ Lê Đạt chủ yếu phản ánh tâm cảnh người dân Bắc Bộ; thơ Dương Tường đưa vào nhiều tiếng nước ngoài, thảnh thót giọt mưa dương cầm *tím mộng scheherazade*, vẫn là cái liếc nhìn ra thế giới, không phải là tầm nhìn sâu thẳm, xâu xé, xoáy vào thân phận làm người, chủ yếu là người nhược tiểu. Nói như vậy, không có ngụ ý rằng thơ Thanh Tâm Tuyền nhẹ tính cách dân tộc. Phân biệt dân tộc với nhân loại là phiến diện : trong thế giới có Việt Nam và trong Việt Nam có thế giới. Trong Guernica của Picasso có Bến Tre, trong tranh khắc gỗ đình làng Việt Nam có Picasso. Tôi nói thơ Thanh Tâm Tuyền trong hình thức và nội dung là một bước ngoặt trong nghệ thuật và tâm thức Việt Nam là vậy.

Tuy nhiên cũng phải ghi nhận với ít nhiều tiếc rẻ là lối thơ Thanh Tâm Tuyền không có người thừa kế. Bản thân Thanh Tâm Tuyền về sau, trong tập *Thơ ở đâu xa* cũng trở về với những thể thơ truyền thống. Nhưng đây là những bài thơ làm trong lao lý, trong những hoàn cảnh đặc biệt, không cho phép chúng ta suy diễn về lý thuyết. Dù sao ông đã mở ra những chân trời mới và cách tân quan niệm thi ca.

Có ai đó đã viết về âm hưởng nhạc *blues* trong thơ Thanh Tâm Tuyền, tôi chỉ biết ông đã thiết lập quan hệ mật thiết giữa các bộ môn nghệ thuật. Điều này, ngày xưa, nhóm Tự Lực đã làm, nhưng còn hời hợt, dù rằng nhà văn Nhất Linh, nhà thơ Thế Lữ, khởi đầu là những sinh viên trường Mỹ Thuật. Thời đó, họ chỉ đặt những tác phẩm nghệ thuật bên cạnh nhau. Họa hoằn lắm mới có bài Nguyễn Tuân về tranh Nguyễn Phan Chánh. Ở Việt Nam, không có nhà thơ sành hội họa như Baudelaire, cũng không có tình bằng hữu giữa các nhà thơ như Aragon, Eluard với Picasso hay Chagall ở Pháp. Thanh Tâm Tuyền thật sự muốn bắc cầu giữa các bộ môn nghệ thuật, nhất là giữa thơ và hội họa, và thân thiết với các họa sĩ Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Duy Thanh, bài *Nhân nghĩ về Hội họa* viết năm 1956 - hai mươi tuổi - ông đề tặng ba người ấy.

Họa sĩ Thái Tuấn kể lại rằng trong một cuộc triển lãm năm 1958, ông có bức sơn dầu vẽ một người đàn ông đội mũ đeo ống sáo trên vai, chừng mực nào đó, là một chân dung tự họa; ông không biết đặt tên là gì. Thanh Tâm Tuyền đề nghị gọi là *Hóa Thân*, Thái Tuấn rất tâm đắc. Ý nhà thơ: anh vẽ cái gì thì cũng là hóa thân vào bức họa, tranh nào rồi cũng thành chân dung họa sĩ. Nghe chuyện, tôi cứ nghĩ Thanh Tâm Tuyền mượn ý từ một tựa đề tiểu thuyết của Kafka. Đọc lại bài báo nói trên, tôi mới vỡ lẽ ông tham chiếu vào một chuyên khảo về nghệ thuật của Malraux *Những hóa thân của Apollon* — les Métamorphoses d'Apollon, 1951, và ông thường tâm đắc với Malraux.

Ông viết trong bài *Nhân nghĩ về Hội họa:*

«tôi công nhận nghệ thuật như một nghề như mọi nghề khác khi tôi hiểu rằng muốn làm được nghệ thuật người ta cũng cần học hỏi, luyện tập như tập sự bất cứ nghề gì. Đến đó thôi. Khi những nhà nghệ sĩ chân chính, để bảo đảm sự thành thực của tác phẩm, đã mang sinh mệnh chính mình ra thách đố, thì lúc ấy nghệ thuật không còn là một nghề nữa, nó là hành động siêu việt của nhân loại trong cuộc tìm kiếm đời sống chính đính» (báo *Văn*, số đã dẫn, tr. 78).

Đoạn trích văn này có thể tóm lược quan niệm và sự nghiệp văn thơ, nghệ thuật của Thanh Tâm Tuyền, và làm kết từ cho bài này.

Chúng tôi gửi thêm vào đó niềm kính trọng và thương tiếc khôn nguôi với một Dòng Suối Trong Xanh đã lẫn sâu vào lòng đất, đã trở về cõi thủy chung. Một dòng thơ đời đời thao thiết nuôi dưỡng Tình Yêu và Quê Hương trong mỗi chúng ta, cho mỗi chúng ta trong thân phận làm người, làm người trong hay ngoài đất nước, luôn luôn trong nhân loại.

Trong truyện *Bếp Lửa*, sáng tác năm hai mươi tuổi, Thanh Tâm Tuyền đã hạ một câu kết, để đời,— khi hiu hắt, khi ngời sáng trong tâm thức thế hệ chúng tôi:

«Anh yêu quê hương vô cùng và anh yêu em vô cùng.»

Đời người, vô cùng rồi cũng đến vậy thôi.
Vô cùng Thanh Tâm Tuyền.
Thanh. Tâm. Tuyền.
Thanh Tâm
Tuyền.

Orleans, ngày 24-3-2006

Thanh Tâm Tuyền

THỤY KHUÊ

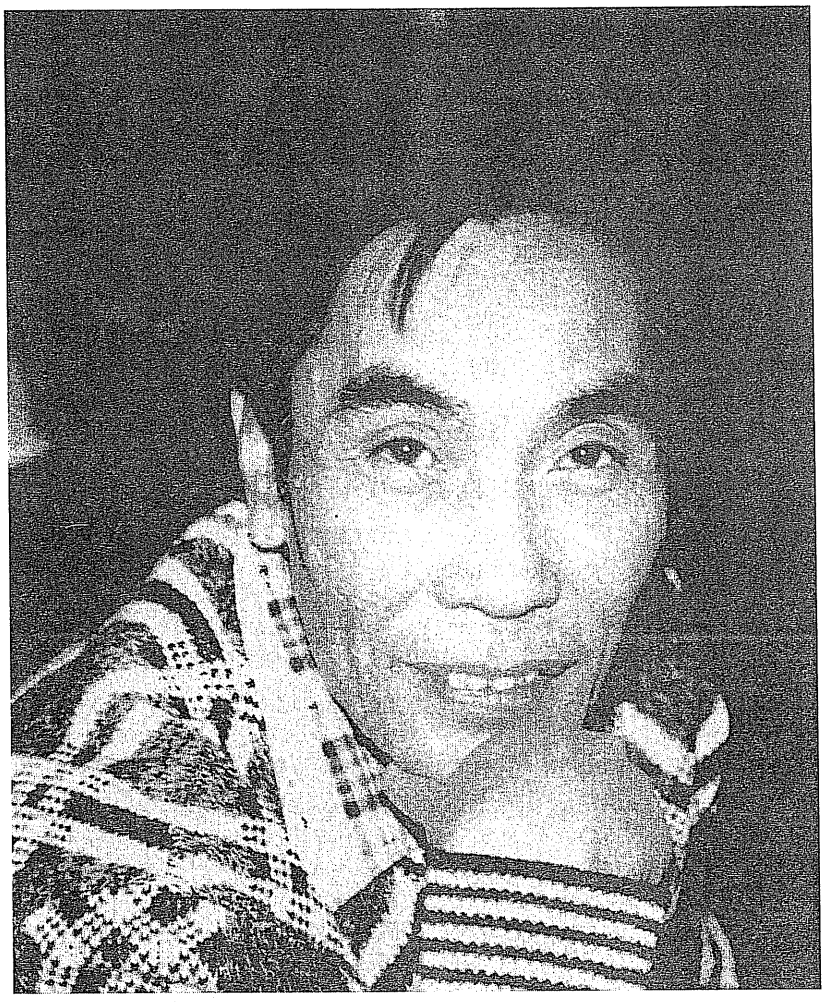

Thanh Tâm Tuyền (1936-2006)

LTS. *Bốn năm trước đây, nhà nghiên cứu và phê bình văn học Thụy Khuê, hiện sống tại Pháp, qua một thỏa thuận với Ban Chủ Biên của Từ Điển Văn Học (Bộ Mới) tại Việt Nam, đã viết một loạt bài về các tác giả văn học Miền Nam trước 1975 để đóng góp vào bộ từ điển này. Khi bộ Từ Điển Văn Học (Bộ Mới) được xuất bản năm 2005 thì có bốn tác giả mà Thụy Khuê viết bài đã không được in, đó là: Mai Thảo, Võ Phiến, Vũ Khắc Khoan và Thanh Tâm Tuyền.*

Bài sau đây chính là bài mà Thụy Khuê viết về Thanh Tâm Tuyền trong dịp ấy.

*

(1.III.1936) Nhà thơ, nhà văn Việt-nam, tên thật là Dzư Văn Tâm, sinh tại Vinh, bút hiệu khác: Đỗ Thạch Liên.

1952, 16 tuổi, bắt đầu dậy học tại trường Minh Tân (Hà-đông) và đăng những truyện ngắn đầu tiên trên tuần báo Thanh Niên (Hà-nội). 1954, hoạt động trong Tổng hội Sinh viên Hà-nội cùng với Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sỹ Tế, Doãn Quốc Sỹ, chủ trương nguyệt san Lửa Việt. Vào Sài-gòn, 1955, cùng các bạn làm tuần báo Dân Chủ mà Thanh Tâm Tuyền và Trần

Thanh Hiệp phụ trách phần văn nghệ. Mai Thảo, lúc đó chưa nổi tiếng, gửi đoản văn *Đêm giã từ Hà-nội* đến, được đăng, được mời đến tòa soạn. Từ đấy, "nhóm" có thêm Mai Thảo, chủ trương tuần báo Người Việt, tiền thân của tờ Sáng Tạo, sinh hoạt mở rộng thêm với Lữ Hồ, Ngọc Dũng, Duy Thanh, Quách Thoại. Từ 1956 đến 1960, cả nhóm làm nguyệt san Sáng Tạo với Mai Thảo, chủ bút. Thanh Tâm Tuyền cho in những tác phẩm đầu tay *Tôi không còn cô độc* (1956) rồi *Bếp lửa* (1957). 1962 nhập ngũ, 1966 giải ngũ, 1969 tái ngũ và ở trong quân đội đến 1975. Tháng tư năm 1990 sang tới Hoa Kỳ, sống ở tiểu bang Minnesota.

Tác phẩm đã in:

Tiểu thuyết: Bếp lửa (Nxb. Nguyễn Đình Vượng, Sài-gòn, 1957), Cát lầy (Nxb Giao Điểm, 1967), Mù khơi (1970), Tiếng động (1970), Một chủ nhật khác (Văn, 1975).

Truyện ngắn: Khuôn mặt (Sáng Tạo, 1964), Dọc đường (Tân Văn, 1966).

Thơ: Tôi không còn cô độc (Người Việt, 1956), Liên đêm mặt trời nhìn thấy (Sáng Tạo, 1964), Thơ ở đâu xa (Trầm Phục Khắc xuất bản, California, 1990).

Kịch: Ba chị em (1967).

Phiếm luận: Tạp ghi (1970).

Trẻ nhất trong nhóm Sáng Tạo, ở tuổi hai mươi, Thanh Tâm Tuyền đã xây dựng một tư chất văn học độc đáo với hai tác phẩm *Tôi không còn cô độc* (thơ) và *Bếp lửa* (văn).

Trước hết, về văn, truyện vừa *Bếp lửa* cho thấy quan niệm mới về tiểu thuyết của tác giả, rất hiện sinh, rất Sartre: *tiểu thuyết không nhằm giải quyết bất cứ một vấn đề gì mà qua đó nhà văn đòi hỏi việc đặt lại một số vấn đề*. Tác giả cũng không đi vào tâm lý nhân vật theo lối kể lể hoặc giải thích, mà ông chỉ quan sát, ghi lại tiếng nói và hành động của mỗi nhân vật với một lượng chữ cực tiểu, để cho chính những tiếng nói, những hành động hay những bất động ấy tạo nên "bản sắc" nhân vật, toát ra những thao thức, dằy vò, khắc khoải của một cuộc sống *chưa định hình*. Khung cảnh *Bếp lửa* là không khí Hà-nội - Bắc-ninh giữa 45 và 54. Tâm, vai chính, và một số bạn thân, hoang mang trước những lựa chọn vào đời: nghề nghiệp, chính trị, tư tưởng... nhưng tất cả đều chịu nỗi ám ảnh của cô đơn, không định hướng, xa lạ với cuộc sống, không ai có lựa chọn dứt khoát, phía nào. Một sự *đứt đoạn* giữa nhân vật và thế giới chung quanh. Những người bạn rất thân, những người tình, những người trong gia đình của Tâm và Tâm muốn tìm đến nhau, tìm đến một "*bếp lửa*," nhưng họ đều cảm thấy có một *khoảng cách*, một vết *đứt* không thể giải thích, không thể cứu vãn được, có thể đó là nỗi ám ảnh *cô độc* sâu xa nhất của con người trong *Bếp lửa*.

Những truyện đến sau, tập truyện ngắn *Dọc đường* và tiểu thuyết *Cát lầy*, hai tác phẩm nổi trội của ông, Thanh Tâm Tuyền càng đi sâu vào những bí ẩn siêu hình, tìm cách truy lùng nhận thức, mô tả hiện tượng đến cùng, đào sâu cái thế giới đen tối, đổ nát của những khắc khoải nội tâm. Ông đặt nhiều ống kính ở những vị trí khác nhau, để chiếu vào hiện tượng, những hiện tượng tâm thần đầy bi đát, giấu những ẩn ức dồn nén thầm kín nhất của con người. Độc giả có thể tiếp nhận những nhân vật của Thanh Tâm Tuyền như những ám ảnh rất riêng tư, toát ra từ tiềm thức, từ ký ức sống khốc liệt của tác giả. Văn phong độc đáo, cách tạo hình hội tụ thơ tự do, hội họa lập thể, siêu thực và nhạc jazz, gây cho người đọc những vật vã, những căng thẳng, khó chịu lạ lùng.

Tư (trong tập *Dọc đường*) là sự nhập đồng của ý thức Thanh Tâm Tuyền về nỗi cô đơn, nỗi chết, sự khốn nạn, lạc loài của những cuộc đời làm điếm. Lão Chà gác dan (truyện *Người gác cổng* trong *Dọc đường*) mang những ẩn ức dục tình của một đời nhược tiểu, kiếp "chà và", hèn mọn cô độc, khốn cùng, không ai thương xót, như "*một con chó thiến*"; lão cố chống lại định mệnh nhưng vấp phải cõi chết, một cái chết tức tưởi, phi lý, u tối không kém cuộc đời lão đã sống. Truyện ngắn *Dọc đường* trình bầy bối cảnh một người đàn ông lấy xe đò đi thăm em ở một đồn điền cao su, nhưng anh ta xuống nhầm trạm, hay đi nhầm xe, đến một nơi hẻo lánh, có dăm ba hàng quán, cạnh quốc lộ xuyên rừng cao su ở một vùng xôi đậu. Có thể sắp có một trận đánh. Trời tối. Hắn gõ cửa một quán ăn, muốn ăn tối, ngủ trọ. Mụ chủ từ chối. Hắn đi lần qua những nhà khác nài nỉ. Không ai mở cửa. Hắn đứng im bên một lu nước, nhìn hỏa châu bắt đầu sáng. Tất cả chỉ có vậy. *"Không ai chứa người lạ trong nhà."* Bi kịch của kẻ xa lạ dội trong lòng người đọc như tiếng gào thét vô vọng về sự lãnh đạm, ích kỷ của con người. Về *nỗi sợ*. Về *chiến tranh*. Về *bất trắc*. Về *tai họa*. Về mạnh ai cứu lấy mình. Không thể tương

trợ. Không thể có tình người, chỉ có *nỗi sợ* và *nỗi chết*.

Tiểu thuyết *Cát lầy*, tác phẩm chủ yếu của Thanh Tâm Tuyền, một cuốn truyện có nhiều chuyện, một nhân vật ẩn nhiều nhân vật khác. Trí, vai chính, là một nhân vật đầy bí ẩn, có thể mắc bệnh tâm thần nhưng lại mang một ý thức rất sáng suốt chống lại "sự điên." Ở đây, những yếu tố bệnh não, mặc cảm, ẩn ức, dục tình, loạn luân, gia truyền, chiến tranh, chống Pháp, chia cắt đất nước... đều có mặt và đều được pha trộn trong một bi kịch gia đình rất Freud, rất Dostoievsky) cực kỳ đớn đau và tàn khốc. Người đọc, mỗi lần đọc lại *Cát lầy* sẽ còn khám phá ra nhiều cái mới, và lại ngạc nhiên trước một tác phẩm bí mật viết về những thác loạn của con người. *Con người cô độc*.

Thanh Tâm Tuyền là cha đẻ của thơ tự do tại Việt-nam. Tập *Tôi không còn cô độc*, xuất hiện tháng 10 năm 1956, cùng với tạp chí Sáng Tạo, gây những dư luận cực kỳ tương phản. Cùng thời với ông, Quách Thoại, Đoàn Thêm, Nguyễn Sỹ Tế, Trần Thanh Hiệp... cũng làm thơ tự do, nhưng Thanh Tâm Tuyền là chủ soái, có đường lối, có lý luận.

Bài tiểu luận *Nỗi buồn trong thơ hôm nay* (1956) là bản tuyên ngôn về thơ tự do của Thanh Tâm Tuyền. Dựa vào phương pháp luận của Nietzsche (trong *Nguồn gốc bi kịch*) phân biệt hai quan niệm nghệ thuật: nghệ thuật Apollon (thần của ánh sáng và mực thước, yêu cái đẹp hoàn chỉnh, toàn bộ) và nghệ thuật Dionysos (thần của sức sống say sưa, phá vỡ các hình thức sẵn có), Thanh Tâm Tuyền lựa chọn sự "*căng thẳng phá vỡ hết mọi hình dáng để sự vật hiện ra với cái thực chất hỗn loạn không che đậy*" (*Nỗi buồn trong thơ hôm nay*), và đó là đường đi của thơ tự do. Thơ Thanh Tâm Tuyền, trong hai tập *Tôi không còn cô độc* và *Liên đêm mặt trời tìm thấy* (1964) biểu hiệu những đặc điểm:

1. Tìm đến tận cùng của nhận thức,
2. Phá vỡ cấu trúc hoàn chỉnh vần, điệu, bố cục trong thơ cũ,
3. Dùng biện pháp siêu thực để tạo hình, coi tiềm thức là nguồn sáng tạo,
4. Tạo nhạc thầm trong nội tâm và âm tâm của chữ.

Xin nhắc lại: Biện pháp siêu thực của Breton chủ trương:

1. Về mặt nội dung tư tưởng: Con người tự phá vỡ hàng rào "kiểm soát" của lý trí để đưa ra những hình ảnh "cấm kỵ" giấu sâu trong tiềm thức,
2. Về mặt hình thức: Đặt những hình ảnh hoàn toàn *khác nhau*, nằm cạnh nhau, gây sốc, trái ngược với thơ cũ, theo nguyên lý song song, đặt những yếu tố *giống nhau* cạnh nhau, qua những biện pháp tu từ như: so sánh, liên tưởng, ẩn dụ, hoán dụ, v.v....

Ví dụ: Trong câu thơ: *Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông!* Bích Khê đem những yếu tố: (lá) vàng, mùa thu, để nói về nỗi buồn, đó là những yếu tố tương đương, song song, đồng chiều... Ngược lại, khi Thanh Tâm Tuyền viết "*đêm giao thừa thế kỷ mưa sao rơi*" hay "*bàn tay mây mắt trăng môi nhiệt đới*", "*lệ đá xanh*", v.v... ông đã đặt những yếu tố hoàn toàn khác nhau như đêm *giao thừa* và *thế kỷ*, *bàn tay* và *mây*, *mắt* và *trăng*, *môi* và *nhiệt đới*, *lệ* và *đá*, v.v... cạnh nhau. Nếu nói đến nỗi buồn thì nỗi buồn trong thơ Bích Khê man mác, mênh mông, trải rộng trong không gian một cách tuyệt vời; nhưng nỗi buồn trong thơ hôm nay của Thanh Tâm Tuyền "*lệ là những viên đá xanh tim rũ rượi*" khốc liệt hơn: *lệ* hóa *đá*, đá có *tim*, và *tim* của *đá* cũng phải rũ rượi... Ở đây, không chỉ có buồn mà còn cô đơn, héo úa, chết chóc. Thơ Thanh Tâm Tuyền mở đường cho ca từ Trịnh Công Sơn. Từ ảnh hưởng hiện sinh, Thanh Tâm Tuyền tìm đến xương tủy của nhận thức, đưa ra những hình ảnh cực thực, đớn đau. Về một tiếng kèn của người da đen, ông viết:

Một người da đen một khúc hát đen
bầu trời đen sâu không cùng
những dòng nước mắt
xé nát thân thể bằng tiếng kèn đồng
bằng giọng của máu của tủy của hờn bắt đầu ngày tháng

Ở đây âm nhạc và khổ đau nằm trong nội tâm của mỗi chữ, như thể nhà thơ ở dưới da thịt người nghệ sĩ da đen để viết nên những nốt nhạc cực kỳ đớn đau của sự sống *đen* này. Chất đen vò xé thân thể tràn vào bài hát, pha vào giọng, thấm vào máu, lẫn với tủi, hờn trong thân phận nhược tiểu chịu sự phi lý của màu da, không có lựa chọn gì khác, ngoài một bầu trời đen bao trùm sự nghèo đói và những ác tâm kỳ thị của người đồng loại.

T.KHUÊ

Thơ Mừng Năm Tuổi

THANH TÂM TUYỀN

Tặng TRẦN LÊ NGUYỄN,
thi sĩ trữ tình đen đủi như Trâu Trắng
Cũng sinh vào năm chuột.
T.T.T.

Phần một: *Cu Nghệ ba mươi bảy tuổi*
To be or not to be was not the question;
being, like nothing, a mere fact in hand,
.....
The poet knows that what is done is done.
Ronold Bates

Mừng Cu Nghệ ba mươi bẩy tuổi.
Ba mươi bẩy tuổi. Một vợ, bốn con – ba trai, một gái.
Non chục quyển sách in, gần 20 năm văn nghệ (hơn kiếp đoạn trường Kiều) – Thơ, kịch, truyện ngắn, dài và tạp nhạp.
Non chục ngàn trang, đăng bừa bãi – kế độ nhật – chẳng buồn thu lượm / liệng nhét trong ngăn, hộc, tủ, kệ, thùng, rương.../ nhóm lửa lót nồi
Được chê bai, được khen ngợi,
được công kích, được tán dương,
được choàng hoa, được lăng mạ. Ồn ào.
Được gọi nhà văn, nhà thơ miền Nam. Tùy tiện.
Tiền phong, độc lập với người này. Phản động, tay sai với kẻ nọ.
Múa gậy vườn hoang với đám kia (Cũng vui.)
Không thẻ hội viên văn nghệ. Không chân đoàn thể hay đảng phái. Không thế lực Nhà Thờ (La Mã hoặc Tin Lành) hay Chùa Chiền (Ấn Quang hoặc Quốc Tự).
Không thiết Tả, Hữu, Trung, Siêu. Mòng mòng. Hoan hỉ mòng mòng. Nghiêm túc mòng mòng.
Chưa một ngày rời chân khỏi nước. Mê nhớ Paris, mọi thủ phủ, mọi thành phố, chốn đám đông tụ tập chen chúc và hiu quạnh – chưa quen như đã thông tỏ. Phiêu lưu xó nhà xó bếp, tửu quán trà đình, phường phố ngao du. Ngớ ngẩn dăm ba mối tình còm. Tuyệt vọng.
Nợ nhà xuất bản ông Nguyễn Đình Vượng, ông Đinh Thành Tiên, ông Thanh Tuệ, tổng cộng vài trăm ngàn đồng.
Nợ bạn bè chẳng kể.

Mừng Cu Nghệ ba mươi bảy tuổi
Ba mươi bẩy tuổi, Đại úy trừ bị Dư Văn Tâm, Số quân 56/105.382.
(Bonjour Capitaine – điện tín báo mừng của chàng Ký Giả Lô Răng, chàng Văn Bựa. Quà tiễn chân người lên núi. Amis. Merci, quand-même.)
Nhập ngũ 23-8-1962. Khóa 14 Thủ Đức (trên 2.000 mạng. Ai còn, ai mất? Ai đã thảnh thơi, ai còn kẹt cứng?). Tốt nghiệp Trung đội trưởng Bộ binh.
Chuẩn úy, Liên đội phó Liên đội Cảnh phòng 332, Yếu điểm Thạnh Mỹ Tây, Yếu khu Bình Mỹ, Tiểu khu Gia Định. (Coi kho xăng, giữ ba ấp Chiến Lược).
Thiếu úy, Huấn luyện viên Trường Chiến Tranh Chính Trị. (Phụ trách đề tài báo chí và Chủ nghĩa Cộng Sản.)
Giải ngũ 30-9-65. Nằm nhà thương tưởng chết (Hémoragie anale. Ô, cơn điên thổi qua lỗ hậu môn).
Tái ngũ 2-3-68, sau trận Tết Mậu Thân.
Trung úy, bỉnh bút nhật báo quân đội Tiền Tuyến (phụ tá Ký Giả Lô Răng, bút hiệu Ký giả Ba Tê).
Tình nguyện hoán đổi phương vị, rời Sài Gòn, Đại úy Tâm lý chiến Trường Võ Bị Quốc Gia (trông coi Phòng Hát bóng, Bảo Tàng Viện...)
Tám năm quân ngũ chưa nổ một phát súng với địch (May mắn. Mắt phải: 1/20, mù dở. Hồ sơ y bạ năm 62 được ông Y sĩ thiếu tá sửa thành 1/10, đỡ tốn công lui tới Hội Đồng hoãn dịch.)
Địa chỉ cấp báo: Bà Cao Thị Mai Hoa, vợ, Cư Xá Lý Thường Kiệt – Đà Lạt
hoặc bà Thạch Thị Kim, mẹ, tỉnh Long Khánh, xóm Nhà Thờ.

(...)
(Lược bớt một đoạn nói về chuyến viếng thăm Trung Hoa của Tổng thống Nixon)

Mừng Cu Nghệ ba mươi bảy tuổi.
Bước sang năm tuổi Cu Nghệ. Chưa chết (dù nhiều lúc thèm chết, như đàn bà mang thai thèm ăn dở)
"Bính Tý, năm nay sao La Hầu, Nam La Hầu, nữ Kế Đô. Cẩn thận –
Mẹ già lặn lội thân cò, thăm con khuyên nhủ – Ráng cho qua..."
Năm tuổi. Còn sống nhăn. Sớm mai trông năm tháng tràn lan như cỏ bãi
sau giấc mưa khuya. Phút giây rưng tít mù. Trắng xóa sương dưới lũng.
Lui tới kỳ cục. Một đời ngổn ngang bời bời vô vàn kiếp luân hồi.
Đã lớn trọng cùng ngu ngơ sáng hỡ. Vỏ sù sì trơn nhớt ôm khít huyễn mộng gỗ cây rừng.
Trong giòng họ yểu mệnh (bố chết 29, chú 30. Trong bưu thiếp hơn mười năm trước từ Bắc gửi vô, bà bác nhắn: Thằng Tâm năm 30 tuổi phải để râu, mới mong thoát rớp giòng bên nội),
trong xứ sở hằng đống kẻ chết non (chết cả làng, cả họ, cả nước. Chết tươi, chết không kịp ngáp... Chết bụi chết bờ... Chết không manh chiếu bó...
ôi, lời nguyền độc địa con Mụ Rồ Lịch Sử, Mụ dâm loàn)
Cu Nghệ sống sót. Mặc lưới sao giăng bủa, không hay. Đêm thăm thẳm
ngửng trông. Trên đồi gió doanh trại. Cuối cùng trời. Như hành tinh đã rớt chìm bẵn bặt giữa biển không và ánh sao còn rọi tới. Như đứng trên bờ sông sâu.
Cồn cào sóng giận,
Mùa Xuân thất lạc mênh mông Thu trầm,
Sóng gào ca. Vang động. Quanh những vách non mờ vây Thần trí.
Mừng Cu Nghệ ba mươi bảy tuổi.

Ba đoạn viết với Thơ Thanh Tâm Tuyền

ĐỖ QUÝ TOÀN

Tôi được đọc một bài thơ của Thanh Tâm Tuyền, "Ngã trên núi khi đi vác nứa," trong một tuyển tập do nhà Lá Bối in. Bài thơ ký tên là Trầm Kha khi đem phổ biến ở nước ngoài vì lúc đó thi sĩ còn ngồi trong tù "cải tạo." Vào khoảng năm 1990, nhân lúc viết về kinh nghiệm thơ so sánh với kinh nghiệm thiền quán, do bạn tôi anh Châu Văn Thọ yêu cầu đóng góp, tôi đã nhớ tới mấy câu trong bài thơ đó. Sau đây xin trích một đoạn trong bài tôi viết, bài này đã in trên tạp chí Chân Nguyên:

Bài "Phổ Thuyết Hướng Thượng Nhất Lộ" được nhiều nhà Phật học coi là một trong các bài sâu xa, đặc sắc nhất của Trần Thái Tông. Bài này trong quyển thượng bộ *Khóa Hư Lục* của nhà vua thiền-sư (triều đại 1225-1258). Bài "Nói rộng về con đường đi lên duy nhất" kết thúc bằng bốn câu thi kệ như sau:

Xứ xứ lục dương kham hệ mã
Gia gia hữu lộ đáo Tràng An
Hồi trình nguyện hạ nhân hy đáo
Nhất đạo thiền quang đại địa hàn

(Nơi nơi liễu xanh có thể buộc ngựa – nhà nhà có lối để đi tới kinh đô – Đường về dưới trăng người thưa thớt – Một ánh trăng soi mặt đất mênh mông lạnh).

Chúng ta có thể đoán được "ý nghĩa" hai câu đầu. Muốn dừng chân buộc ngựa thì ở đâu cũng có liễu xanh, hoặc, "nơi nào chẳng là liễu xanh để buộc dây cương?" Bắt đầu từ chỗ nào cũng có thấy con đường tới nơi đế kinh. Cả hai ý trên đều có thể hiểu là con người có thể chứng đạo ngay trong giờ phút, nơi chốn, công việc, và trạng thái tâm lý của đời sống mỗi ngày. Giống như "Bình Thường Tâm Thị Đạo" *(Vô môn quan)*. Trong bài *Phổ Thuyết*, Thái Tông cũng viết: "Hãy nhổ cỏ ra sẽ thấy bản lai diện mục; hãy vỡ con đường đất ra để dứt đường sinh tử."

Hai câu sau nhắc đến trong bài *Niệm Tụng Kệ*, cũng thuộc quyển thượng *Khóa hư lục:* "Hấp tận huyền vi yếu; Hồi trình nguyệt hạ hành" (Thở hút đến tận cùng chỗ tinh yếu của lẽ mầu nhiệm; trên đường về đi dưới bóng trăng). Cả bốn câu thơ đầu có thể đem "giải nghĩa" tạm như thế.

Có lẽ chúng ta chỉ nên hiểu câu thơ chót này đúng như điều giản dị mà tác giả viết thôi "Nhất đạo thiền quang đại địa hàn." Thử đọc lại, và trong giây lát sống với hình ảnh đó. Ngồi yên, thở nhẹ, đọc câu thơ. Ở trong hình ảnh và ngôn từ Trần Thái Tông đã gởi cho chúng ta tất cả điều ngài định nói: *"Một ánh trăng soi mặt đất mênh mông lạnh."* Nếu ai hỏi câu đó muốn nói gì, thì ta chỉ nên nhắc lại: "Một ánh trăng soi mặt đất mênh mông lạnh." Tìm cách diễn tả lại câu nói đó bằng ý tưởng này hay khái niệm khác là không sử dụng một luật tắc trong "trò chơi ngôn ngữ" của thiền sư (language game). Cách thiền sư dùng ngôn ngữ trong câu đó là nói cho ta nghe về một hình ảnh. Tìm cách vẽ thêm những khái niệm, ngôn từ khoác lên trên hình ảnh đó, là chúng ta dùng ngôn ngữ theo một kiểu trò chơi khác, và chúng ta đánh rớt mất thông điệp của thiền sư, không đi tìm con đường "hướng thượng nhất lộ" mà ngài muốn vẽ ra. Nhan đề bài giảng lấy trong ngữ lục của Bàn Sơn: "Hướng thượng nhất lộ, thiên thánh bất truyền, học giả lao hình như viên tróc ảnh;" (Một con đường đi lên duy nhất, ngàn thánh không truyền lại, các học giả nhọc thân như con vượn tìm cách bắt lấy bóng của mình). Các học giả tìm cách dùng khái niệm "con đường sáng, con đường cô đơn v.v..." đã làm công việc "bắt bóng" của con vượn, vì đã dùng óc phân tích, trí sảo để cố nắm lấy một điều mà óc phân tích không thể nắm được. Các học giả thường tốn công, nhọc sức lắm. Còn người đọc thơ, người tập thở hút cõi mầu nhiệm, thì chỉ nên đọc lại "Trên đường về một ánh trăng soi mặt đất mênh mông lạnh" – và sống với hình ảnh này.

Kinh nghiệm thơ và thiền tập có chỗ tương đồng là ở đó. Đó là cách cảm nhận trực tiếp thế giới như thế giới đó hiện ra cùng với chúng ta. Người biết đọc thơ thật sự là người tiếp nhận bài thơ tròn đầy, *"như thế."* Người làm ra thứ thơ thật-sự-là-thơ cũng truyền đi một thế giới, là thế giới *"như thế."* Còn vẽ vời thêm như vẽ rắn thêm chân, tìm tòi thêm như con vượn bắt bóng, đó là văn (vẩn) chứ chưa phải là thơ. Mà nhiều phần không phải là thơ.

Có lẽ chúng ta cũng nên đọc câu thơ Trần Thái Tông như khi đọc mấy câu thơ Thanh Tâm Tuyền,

một thi sĩ đời nay:

Trượt dốc té nhào trên đỉnh núi
Chết điếng toàn thân trong giây lâu
Mưa rơi đều hạt mưa phơi phới
Ngày đang tàn hiu quạnh rừng sâu

Nếu ai hỏi trong mấy câu thơ này nhà thơ "muốn nói" gì đây, thì chắc tôi sẽ đọc lại "Mưa rơi đều hạt mưa phơi phới" – Ngày đang tàn hiu quạnh rừng sâu." Như vậy không đủ hay sao? Lối đọc thơ với câu hỏi "muốn nói gì trong câu này, bài này" là lối của các học giả. Người đọc thơ trước khi đóng vai trò học giả hãy nên đóng vai thi sĩ. Nhận bài thơ một cách trực tiếp, trước khi nó bị giải phẫu, chỉnh hình theo con mắt của học giả. Ngay lúc đọc bài này lần đầu (*Tắm mát ngọn sông đào*, Lá Bối, Paris, 1981) chúng ta đã biết tác giả viết về cảnh tù đày, ở trại cải tạo, đi vác nứa trên núi:

Trượt dốc té nhào trên đỉnh núi
Chết điếng toàn thân trong giây lâu.

Đọc hai câu đầu ta thấy những lời mô tả khách quan, như thể thi sĩ bình tĩnh mô tả cái té nhào của một người nào đó – trừ trạng từ "điếng" là một cảm giác chủ quan, ngoài ra không có một thậm từ nào cố ý làm cho "đau" hơn. Trong mười bốn tiếng có ba động từ (trượt, té, chết) năm danh từ (dốc, đỉnh, núi, thân, giây); trong ba trạng từ (nhào, điếng, toàn) thì chỉ có một là chủ quan (điếng). Mười bốn tiếng, hai câu thơ rất đặc. Rất mạnh. Đọc tới hai câu sau hơi thở dãn suôi ra, hơi thơ đổi khác. Hai câu trước bắt đầu bằng hai, ba tiếng trắc. Hai câu sau là những tiếng bằng, êm dịu nhẹ nhàng:

Mưa rơi đều hạt mưa phơi phới
Ngày đang tàn hiu quạnh rừng sâu.

Bỗng dưng chúng ta thư dãn, bỗng quên đi cảm giác "chết điếng toàn thân." Chúng ta dùng con mắt và giác quan của người vừa té xuống, chia sẻ cảm giác về mưa phơi phới, rừng hiu quạnh, ngày đang tàn – tất cả hiện ra trong cùng một lúc với cảm giác "chết điếng toàn thân trong giây lâu." Người đọc thơ ở gần tôi 25 năm, sáng nay nghe lại hai câu:

Mưa rơi đều hạt mưa phơi phới
Ngày đang tàn hiu quạnh rừng sâu.

cũng bật lên khen "thiền thật." Câu thơ chót trầm lặng biết bao nhiêu! Âm điệu trùng xuống ở chữ "hiu quạnh" rồi nâng lên hai bậc nhè nhẹ "rừng sâu."

Tôi quả thấy có vị thiền. Cái ngã nhào chết điếng toàn thân như mở cửa cho ta bước vào một cõi nhận thức khác. Như một thiền giả bị thầy đập một cây gậy vào đầu, thế là chợt tỉnh. Bỗng đi ra ngoài cõi nhận thức của tâm phân biệt, bỗng rơi vào một cõi nhận thức toàn diện tổng hợp và trực tiếp. Trong giây phút chết điếng toàn thân thi sĩ bỗng chợt biến thành ra những hạt mưa rơi phơi phới, cũng là ngày đang tàn, là hiu quạnh rừng sâu. Cơn đau điếng cũng tan vô nỗi hiu quạnh, phơi phới của rừng núi mưa rơi ngày tàn. Người và cảnh ở cùng nhau, như khi Pasternak viết – rất thiền:

Nơi đây bạn đi vào rừng phong
Và rừng nhìn bạn và bạn nhìn rừng

Thi sĩ không trải qua kinh nghiệm thiền quán như các đạo sư, nhưng thi sĩ bẩm sinh có khả năng trực thụ, cầm tay tạo vật, thốt lên thứ ngôn ngữ tinh ròng của thơ, và rừng nhìn bạn, và bạn nhìn rừng. Rừng ở cùng người, thi sĩ tan trong cõi mưa rơi phơi phới hiu quạnh rừng sâu cũng vậy.

Trần Thái Tông viết bốn câu thi kệ để kết thúc bài giảng pháp cho nên chúng ta có thể tin rằng ngài chủ ý diễn tả một kinh nghiệm thiền quán. Kinh nghiệm đó thật khó mô tả bằng lời nói trực tiếp, cho nên ngài đưa một hình ảnh ra để thay thế. Hình ảnh đó cũng giống như cử chỉ của Thiền sư Vô Ngôn Thông khi chỉ vào gốc cây. Hay nét vẽ mà Thiền sư Chân Nguyên đề nghị "vị quân thông nhất tuyến." Kinh nghiệm không thể diễn tả được bằng lời nói, chuyện này không phải là hiếm hoi. Trong đời sống của chúng ta, chúng ta cũng vẫn trải qua nhiều kinh nghiệm như vậy. Chúng ta nếm một múi sầu riêng. Giả thử chúng ta muốn diễn tả kinh nghiệm ngon, thơm, bùi ngọt của vị sầu riêng cho một người không biết ăn sầu riêng, chúng ta cũng thấy lời nói thật lúng túng. Một bản đàn hay, thật khó nói nó hay thế nào, nói ra là hạn chế, giam nhốt tất cả cái hay vào trong mấy lời, thấy thật uổng. Hai nhạc sĩ cùng tấu một bản đàn, mỗi người diễn tả một cách tinh tế ra sao, nói ra cũng khó. Một triết gia Đức khi đến núi Alpes lần đầu, lần đầu sững sờ ngây ngất trước cảnh hùng vĩ, bỗng thấy mình như vừa tiếp xúc với tuyệt đối. Làm sao diễn tả được nỗi xao xuyến đó bằng lời? Ông chỉ thốt lên: Kìa kìa! Có cách nào nói khác được không?

Kinh nghiệm thiền quán thì chỉ người đã tu tập thật sự và tu tập công phu mới cảm thấy. Cho nên muốn truyền đạt cho người sơ cơ thì chỉ có cách là dùng ẩn dụ. Trong tiểu thuyết *Trăm Năm Hiu Quạnh* của Marquez, một chú bé hỏi người anh kinh nghiệm tình yêu lần đầu của ông anh như thế nào, cậu anh chỉ có thể nói: "Như động đất!" Nói như vậy có truyền đạt được điều gì chăng?

Người đã trải qua thì thấy lối diễn tả đó có phần đúng. Nhưng người chưa bao giờ có kinh nghiệm thì tôi e rằng sẽ hiểu lầm, có thể sẽ kinh hãi, sẽ thấy ghê sợ lắm, "Trời ơi, động đất kia à!" Nhưng đại cương thì chú em ngây thơ cũng đoán được vài điều, lơ mơ nhưng cũng có thể đoán. Cũng như khi chúng ta không hề có kinh nghiệm thiền tập, hoặc có tụ tập nhưng chưa đến nơi đến chốn, mà nghe lời ngài Bách Trượng trả lời một vị sư câu hỏi về chứng đắc. Ngài nói: "Độc tọa đại hùng phong": Núi cao ngất một mình (*Bích Nham Lục, 26*) chúng ta có thể phỏng đoán được cái cảm giác ngồi một mình như đỉnh núi cao ngất nó như thế nào. Nhưng việc phỏng đoán đó thực sự cũng không thể thay thế cho cái kinh nghiệm sống thật. Nó chỉ vẽ ra một ẩn dụ, để chỉ dẫn mà thôi.

Nhưng Thanh Tâm Tuyền không diễn tả một kinh nghiệm thiền quán. Thi sĩ chỉ nói về kinh nghiệm ngã đau điếng, toàn thân chết điếng trong giây lâu. Cái kinh nghiệm đó chắc có phần giống kinh nghiệm chứng ngộ trong giây lát. Trong vài giây, thi sĩ quên cái não bộ phân tích, so sánh, đánh mất cả cái chủ thể nhìn. Thi sĩ nhìn, và cái chủ thể tan hòa vào trời đất chung quanh. Thi sĩ có biết điều đó không? Nếu biết thì khó mà làm thơ, ít nhất là khó làm ra hảo cú. Chỉ tan loãng vào cảnh vật, phơi phới như mưa, hiu quạnh như rừng. Nhờ thế mà những chữ bật ra phơi phới, hình ảnh hiện ra phơi phới. Người, và cảnh, và ngôn ngữ, cả ba hòa làm một, đó là lúc đạt được thơ xuất thần.

Người đọc thơ cũng nên thưởng thức bài thơ theo lối như vậy. Người đọc thơ đi vào bài thơ bằng lối khác với thi sĩ. Cái tiếp xúc với chúng ta là ngôn ngữ. Chúng ta chạm vào ngôn ngữ – còn thi sĩ chạm vào thế giới. Những tiếng nói quen tai được thi sĩ xếp thành hai câu thơ. Ta đi vào đó. Như đi vào rừng thu. Và rừng nhìn bạn, và bạn nhìn rừng. Hình như cây đang mở mắt. Hình như cây đang ngó chúng ta. Mỗi một tiếng có linh hồn, có điệu bộ, có đôi mắt riêng đang ngó chúng ta. Đứng giữa rừng đó, trong cõi những âm thanh của ngôn ngữ đó, bao kinh nghiệm của chúng ta về lời nói, về hình ảnh, về tình ý xôn xao thức động. Mỗi tiếng gõ vào một dây thần kinh. Mỗi cụm từ chạm vào một khúc trong não bộ. Kinh nghiệm mà chúng ta chia sẻ vì dùng chung một ngôn ngữ đã nối kết chúng ta với thi sĩ. Có người quả quyết rằng ngôn ngữ là một sinh vật. Chúng ta là những cơ phận ở trong sinh vật đó. Người làm thơ và người đọc thơ chạm vào nhau như dòng điện giữa hai tế bào ở trong một mô chạm vào nhau. Ngôn ngữ rung lên. Chúng ta chạm được vào nhau vì cùng ở trong cái sinh vật gọi là tiếng Việt. Người đọc bỗng thấy mình chia sẻ cái giây phút chết điếng toàn thân. Và rừng hiu quạnh. Và mưa phơi phới. Và chiều đang tàn. Thế giới toàn thân cũng chết điếng trong giây lâu, trong tiếng nói.

Người yêu thơ và đọc thơ với tấm lòng mở ngỏ để trực cảm, sẽ để câu thơ thấm thía vào mình như ngụm trà ngon thấm tan trong miệng ấm. Như hương thơm của một bông hoa tan hòa khắp căn phòng thấm vào thần kinh khứu giác. Như đóa thược dược bên hàng giậu mỉm nụ nhiệm mầu. Bài thơ là như thế, không cần thiết phải tìm chung quanh nó một thông điệp, một chân lý nào khác. Beaudelaire viết: *"La Posésie... n'a pas d'autre but qu'Elle même... Elle n'a pas la Vérité pour objet, Elle n'a qu' Elle même..."* (Thơ không có chủ đích nào khác ngoài Thơ... Thơ không nói về Chân lý, Thơ nói về Thơ...)

Người đọc thơ tiếp nhận thơ bằng cách trực cảm cũng giống như người thiền quán nhận được một giây phút giác ngộ thẳng tự lòng người (trực chỉ nhân tâm). Người nghiên cứu thơ, học giả, có thể khai phá, mổ xẻ bài thơ như nhà khoa học mở một trái cam coi trong đó có chất gì tạo nên vị ngọt, chất gì làm ra vị chua v.v... Người đọc thơ giống như người ăn trái cam. Coleridge bảo rằng "Thơ là loại văn chương khác ngược hẳn lối văn báo cáo khoa học; thơ lấy lạc thú (pleasure) chứ không lấy sự thật (truth) làm đối tượng trước mắt."

Khi chúng ta tìm hiểu một bài thơ với tư cách một nhà ngữ học, một nhà phong cách học, chúng ta dễ gây ngộ nhận là những lời bàn, lời giải thích của mình cũng là thưởng ngoạn bài thơ. Nhưng nếu chỉ bàn, chỉ giải thích, mà không trực cảm, thì chúng ta không nhận được bài thơ nào cả. Như vậy cũng giống như người đọc sách về thiền học mà không thực tập quán niệm, công phu sớm chiều. Người nghe tả vị ngon ngọt của sầu riêng mà không nếm thử múi sầu riêng.

Vũ Khắc Khoan, trong di cảo *Đọc Kinh* (An Tiêm, Paris, 1989) viết ở trang cuối cùng: "Lời ru cháu lẫn vào tiếng gà gáy lẻ loi ngoài sân. Bà lim dim cặp mắt, cháu ngủ đã từ lâu. Cả bà lẫn cháu và lời ru, cả ba nhập một. Tôi lặng lẽ dìu tôi vào một cõi, mới dấy lên. Cõi đó, lạ lạ quen quen. Cõi đó hằng đêm. Cõi đó, riêng tôi. Một mình."

Ước ao chúng ta đọc thơ như Vũ Khắc Khoan lắng nghe và ngắm bà ru cháu ngủ. Vào một cõi lạ, mới dấy lên, mình ở giữa đó. Một mình. Thi sĩ

làm thơ cũng chỉ có một mình. Nhưng không cô độc.

*

Nhiều lần tôi đã viết về thơ, sau khi tập Thơ Ở Đâu Xa của Thanh Tâm Tuyền đã ấn hành, vẫn giữ ý định in thêm một cuốn "tiệp ký," ghi chép nhanh, về thơ sau cuốn Tìm Thơ Trong Tiếng Nói (Nhà xuất bản Thanh Văn, năm 1992). Tôi rất thích nhiều bài trong đó, cho nên trích một số đoạn làm thí dụ. Tôi có gặp và trò truyện với Thanh Tâm Tuyền mấy lần sau đó, nhưng chúng tôi không bao giờ bàn về những bài này mặc dù anh thường khuyên tôi nên để thời giờ viết thêm về hiện tượng làm thơ, đọc thơ. Sau đây là hai đoạn trong hai lần khác nhau, xin trích đăng để cùng tưởng nhớ một thi sĩ.

Cỏ Cựa Quậy Vươn Lên

Nhiều lần đứng trước các họa phẩm chúng ta nôn nao muốn cầm cọ, muốn có một khung vải trắng, muốn vầy trong mầu sắc, muốn rỡn chơi với hình khối, muốn mang tất cả các vẻ đẹp của thế giới để lên một khung vải. Có lúc nghe hay nhẩm lại một giao hưởng khúc lớn, chúng ta muốn đứng dậy, giang tay ra bắt nhịp cho một giàn nhạc tưởng tượng, và trong tâm trí, cũng muốn sáng tác một giai điệu, một hòa âm tuyệt diệu.

Đọc một bài thơ hay, nhớ một bài thơ hay, có lúc chúng ta cũng rạo rực muốn làm thơ. Một bài thơ hay khiến ta muốn trở thành thi sĩ.

Như mầm ở trong hạt cỏ cựa quậy muốn vươn lên thành lời.

Có phải vì nỗi xúc động hay vì một lý tưởng mới lạ mà ta muốn trở thành thi sĩ, muốn cất lên các lời đẹp, các tiếng lạ khác chăng? Có khi mối xúc động hay ý tưởng mới đó không rõ rệt định hình. Chúng ở đâu đó trong tâm tưởng, dấu kín như những hạt giống đã được reo từ bao đời, như các con vi khuẩn tiềm tàng chờ trong cơ thể. Bỗng chốc gặp cơ duyên thuận lợi, nó bừng tỉnh náo nức, nó cựa quậy hiện hành. Cái gì là cơ duyên thuận lợi khiến chúng thức dậy? Ở đằng sau chấn song nhà tù có cái gì làm nguồn cảm hứng, tạo ra xúc động, tạo ra thi tứ?

Sáng nay thức giấc trong nhà giam
Anh nhớ những câu thơ viết thời trẻ
(Thanh Tâm Tuyền, Bài Nhớ Thi Sĩ)

Lời tường thuật giản dị như khi ta nói chuyện hàng ngày. Thí dụ: "Sáng nay bước chân lên xe buýt. Anh nhớ tối qua em dặn lúc đi làm về phải mua giây thung may quần đùi." Câu nói hàng ngày này có bao giờ gợi cho chúng ta cảm hứng để làm một bài thơ hay không? Chắc là hiếm. Một buổi sáng thức dậy trong nhà giam. Suốt một đêm tiềm thức vẫn hoạt động. Câu thơ cũ chợt gọi những thứ trong tiềm thức dậy. Buổi sáng, thời trẻ, những bài thơ tình đầu tiên. *Sớm mai khua thức nhiều nhớ thương*. Nhưng ở đây chắc không phải là một nỗi nhớ mơ hồ bất định.

Những câu thơ viết thời trẻ tức là một nỗi nhớ có định hình bằng ngôn ngữ. Cái hiện lên trong tâm tưởng là ngôn ngữ, những tiếng, những lời, những cách xếp đặt tiếng và lời. Âm thanh reo lên cách đó. Hình ảnh hiện lên cách đó. Câu thơ cũ mang lại một thế giới, thế giới đó được biểu hiện qua ngôn ngữ. Mà chắc phải là một ngôn ngữ đẹp.

Như khi ngây ngất thưởng thức một bức tranh chúng ta muốn vẽ. Bức tranh mở một thế giới có cái đẹp đã định hình. Con chim chết của Rembrandt, hay cái ghế xiêu vẹo của Van Gogh, hay bông hoa súng mờ ảo Monet. Những mảnh đời tầm thường trở nên tuyệt mỹ vì có đôi mắt và bàn tay của thiên tài chạm vào. Những câu thơ cũng vậy. Đọc, nhớ lại, là chạm tay vào một mảnh của thế giới được định hình bằng ngôn ngữ diễm tú. Lê Quý Đôn cảm thấy câu thơ hay như châu ngọc muốn vốc bằng hai bàn tay (diễm lệ khả cúc). Tuy Lý Vương thấy nó như sao ở trên trời rớt xuống (hảo cú hốt từng thiên ngoại đắc).

Chạm vào thơ giống như điện giựt. Như luồng điện nào đó, cách đây hàng tỉ năm, xuyên qua bầu khí quyển, tạo ra nguyên tử đầu tiên của sự sống (nucleid acid). Sự sống được sáng tạo sau khi vũ trụ rùng mình. Sự rúng động nhỏ bé bật lên từ một cõi sâu kín, thăm thẳm. Một bài thơ hay, một câu thơ cũ còn nhớ lại, chắc đối với người đang nhớ phải là một câu thơ hay. Hay, nghĩa là gì? Những tiếng chứa đầy tình tự chăng? Những lời ướt sũng hương thơm, kỷ niệm của các cơn rung động xa xăm chăng? Hay một cấu thức bất ngờ, tiếng nọ tiếng kia va chạm nhau, thôi thúc nhau. Tất cả, là những rung động được chôn kín tấp trong tâm tưởng. Dưới hình thức ngôn ngữ. Chúng nở ra, thức dậy, cũng dưới hình thức ngôn ngữ. Hình thức đẹp nhất của ngôn ngữ. Cho nên nó dễ sinh sản ra ngôn ngữ khác. Những phụ nữ đẹp chắc có nhiều cơ hội sinh sản hơn các phụ nữ thường, nếu xã hội chưa định chế hóa việc sinh sản. Ngôn ngữ đẹp cũng dễ sinh sản ra các đứa con ngôn ngữ khấu khỉnh để nối dõi. Thử đọc:

"Xiêm y nọ tả tơi trước gió." Đọc xong có thấy con vi khuẩn ngôn ngữ trong mình nó cựa quậy hay không? Thử đọc nữa: "Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san." Bỗng nhiên bao nhiêu cõi rừng thu trên trái đất xốn xang muốn lên tiếng. Hãy lên tiếng, hãy nói đi, rừng, rừng thu, và những rừng thu, hãy cất tiếng nói.

Bừng cháy trong lòng anh bấy lâu u ám quạnh quẽ

Ánh lửa mênh mang buổi tình đầu

Ngôn ngữ tú mĩ ở bài thơ cũ nào đó, ở thơ già Ung, hay ở mình, đã sinh sản ra ngôn ngữ mới. Ở trong cõi u ám quạnh quẽ các hạt mầm xưa cũ thức dậy. Nó không phải chỉ là những xúc cảm. Nó là những lời. Lời nói sinh ra lời nói. Lửa cháy lên; đó là một hình ảnh. *Bừng cháy*; đó là một cách nói. Kỷ niệm của các mối tình đầu tiên giống như ngọn lửa đang lớn dậy, đó là một ý tưởng và một hình ảnh. Ánh lửa mênh mang buổi tình đầu, đó là một cách nói. Bừng cháy. *Quạnh Quẽ. U ám. Mênh mang.* Những tiếng đó ở gần nhau, theo một thứ tự mà thi sĩ chợt bắt lấy, gom lại. Đưa chúng ra theo một thứ tự, một cách nói. Chúng ta trở lại một ý tưởng đã nhắc đến nhiều lần: trong thơ, hình ảnh không quan trọng, chính thứ tự xuất hiện, xếp đặt của hình ảnh mới là quan trọng. Thử một lối nói như thế này: Trong lòng anh tối tăm và cô đơn bỗng nhiên những kỷ niệm của thời yêu đương trẻ dại sáng lên như đám lửa vừa bốc cháy. Nói thử như vậy không thấy nó là thơ. Ít nhất, không phải là thơ Thanh Tâm Tuyền. Nếu đùa chơi, lại thử nói thế này (xin lỗi thi sĩ):

Trong lòng quạnh quẽ tối tăm

Lửa tình xưa bỗng cháy bùng mênh mang

Không, nói như vậy cũng chả có vẻ gì là thơ cả. Nó có vần, có điệu lục bát, nhưng không có chất thơ. Đó không phải là những đứa con khấu khỉnh mà cha mẹ chúng (bài thơ cũ, những câu thơ viết thời trẻ) rộn rạo sinh ra. Nó là thứ "cảm hứng" giống như khi nói: "Nhớ lúc đi làm về phải mua giây thung may quần đùi."

Bài thơ hay như hạt giống reo trong mình chờ cơ duyên đến thì nẩy mầm, sinh hoa, kết trái. Lời thơ đẹp cũng giống như mưa hòa gió thuận khích động các tình tự, cảm xúc sâu kín thức dậy. Thơ vừa là nhân, vừa là duyên, mà cũng là quả của thơ. Cho nên hãy cứ ví thơ như một sinh vật nó mượn chúng ta làm chỗ sinh, thành, trụ, hoại. Như các tế bào diệp lục chất mượn tất cả cỏ cây làm cõi hiện hành.

Ngôn ngữ giống một sinh vật tự nó sinh sôi ở trong loài người, nó mượn thanh quản, não bộ, thần kinh, môi, lưỡi, mắt, tai... của chúng ta làm chỗ hiện hành. Đây là một ý tưởng quá quyến rũ. Cưỡng không nổi. Thơ là một cách biểu hiện của ngôn ngữ; cái đẹp ở trong vũ trụ vừa chợt tụ lại, đọng lại trong mấy tiếng, mấy lời, hình ảnh, âm thanh. Cái chất nhu nhuyễn, diễm ảo nào đó đã đọng lại, đó là ngôn ngữ. Goethe gọi kiến trúc là âm nhạc đọng lại, hay đóng băng lại. Bắt chước Goethe, để mở rộng hơn, nói: thơ là thế giới đọng lại bằng ngôn ngữ, nhờ khả năng sinh sản của nó, vì nó đẹp quá, yêu kiều quá đỗi. Như bóng gương lấp ló trong mành, cỏ cây cũng muốn làm công tác sinh sôi.

Đoạn sau đây trích trong bài Lửa Hỗn Mang, đã in trên tạp chí VĂN

Trước khi tác phẩm ra đời chúng ta có một nguồn xúc động rạo rực, hay một ý tưởng bảng lảng, hay là một thứ gì khác chưa định hình. Nhà điêu khắc nhìn vào một khối gỗ, trong đầu có hình dung nào đó của một pho tượng mà dao, đục sẽ khoét vào, gọt thành hay chăng? Nhà soạn nhạc trước khi sáng tác đã có sẵn một giai điệu chủ đề, hay cả một hoà âm đầy đủ? Một bản nhạc cũng có thể bắt đầu bằng một hình ảnh? Có nhạc sĩ đã kể rằng ông ôm trong đầu một cảm hứng nung nấu bao nhiêu ngày, một buổi sáng thức dậy nhìn dòng sông chảy trắng lóa ông chợt nghĩ ra ông phải viết một bản nhạc như thế nào. Nhờ hình ảnh dòng sông sáng loá mà các ý nhạc của Richard Wagner hiện lên.

Còn thơ, chất liệu của thơ là tiếng nói. Ý thơ có khởi đầu bằng âm thanh và hình ảnh của tiếng nói hay chăng?

Có những điều trong tâm tưởng không diễn tả bằng ngôn ngữ; hiện tượng xảy ra trong lòng không xảy ra cùng một lúc với hiện tượng phát âm. Cảm xúc và ý tưởng không nhất thiết phải có tiếng nói mới xuất hiện nơi con người. Chẳng hạn, một cảm xúc: nhìn một đứa trẻ lăn từ trên đồi xuống, sắp rớt xuống giếng, xót thương là một nỗi xúc động bật lên, không cần có tiếng nói đi kèm. Thí dụ khác, một ý nghĩ: nhìn một đám cỏ cháy sắp lan tới một đống rơm, ta nghĩ ngay tới hình ảnh đống rơm cháy, không cần dùng lời nói. Nghĩ, tức là liên hệ hiện tượng này với hiện tượng khác. Trong thí dụ vừa rồi thì ý nghĩ có thể không dùng lời. Trước khi loài người bịa ra cách truyền thông thì chắc họ phải có cảm xúc rồi, và có thể cũng biết liên hệ các sự việc, tức là có ý nghĩ rồi. Nhưng khi chúng ta có tiếng nói để truyền thông, chúng ta không thể coi mỗi tiếng đó như là một dụng cụ,

giống như cái gậy, con dao, hoặc giống như mật mã Morse hoặc các tín hiệu trong dây điện thoại. Vì tiếng nói là mình, không phải là một dụng cụ ở ngoài mình.

Mặt khác, tiếng nói cũng có thể tự nó phát triển, không tùy thuộc ý nghĩ. Nhà tâm lý học Piaget đã nhận thấy trẻ em biết tập dùng các tiếng trước khi chúng học lý luận, học khuôn thức suy tưởng tương đương với câu chúng nói. Chẳng hạn, đứa bé dùng liên tự *bởi vì, nhưng*... "*Bởi vì* bé muốn mẹ ở nhà cơ... *Bởi vì* mẹ phải chơi với bé cơ," v.v... Em bé tập dùng các tiếng "bởi vì" dù em chưa có ý niệm nhân quả giữa hai sự việc. Văn pháp (grammar) của tiếng nói có thể phát triển song song với văn pháp của ý tưởng, không nhất thiết trùng hợp làm một, cái này là cái kia.

Khi chúng ta đang muốn mở miệng nói, "Miêu Khả Tú xinh quá" thì cái ta có trong tâm tưởng là một toàn thể. Trước khi mở lời thì cái tổng thể đó chưa bị chia cắt. Nó giống như một khối đá, một "câu" nguyên vẹn. Nói ra, phát ra tiếng, là chia cắt "câu tổng thể ra: một tên gọi, một tĩnh từ (xinh), rồi một trạng từ (quá). Trước khi thi sĩ viết, thì "Ánh lửa mênh mang mối tình đầu" là một toàn thể, trong tâm tưởng có ánh lửa, có tình đầu, có mênh mang, có quãng thời gian và ánh lửa là một, một hình ảnh hay một diễn trình hồi ức, một xúc động bốc lên như đám lửa, hay màu sắc rực rỡ khi nhớ thuở tình đầu. Người đọc nói câu "*Ánh lửa mênh mang buổi tình đầu*" làm công việc ngược chiều với việc thi sĩ viết, lấy các mảnh ngôn ngữ xây dựng lại một cái toàn thể.

Người đọc bắt đầu bằng các tiếng, bằng chuỗi tiếng nói, và dựng lại một tổng thể, là ý tứ của câu thơ. Người đọc không thấy một ánh lửa, với *ý nghĩa* trong từ điển của nó. Những *ý tứ* do một tiếng, một lời gồm hết thảy các xúc động mà cả câu thơ gợi ra. Ý tứ của câu thơ nằm trong ý tứ của cả đoạn, và ý tứ cả đoạn thơ tùy thuộc vào ý tứ của bài thơ. Không thể nghĩ rằng một từ nào, một câu nào có ý tứ độc lập. Cũng như cắt một đám lông mi của Miêu Khả Tú ra mà hỏi, "Xinh không?" thì chắc chúng ta không thấy xinh bao nhiêu. Vì thiếu cái tổng thể.

Ví thử chúng ta đang bập bẹ tập nói. Chúng ta thấy nẩy lên ở trong lòng một cảm xúc giống như cảm xúc của thi sĩ trước khi viết câu thơ trên. Nếu chỉ có khả năng bập bẹ một tiếng thôi, chúng ta sẽ nói gì ? Bạn sẽ nói, "Nhớ", anh sẽ nói, "Cháy"; chị sẽ nói, "Yêu", chẳng hạn. Nếu biết nói sõi hơn, chúng ta có thể nói hai tiếng, "Nhớ quá", "Nhớ yêu",hay "Lửa cháy". Khi chỉ dùng một, hoặc hai tiếng thì ta cũng đã nói về cái tổng thể, là cảm xúc nguyên khối trước khi có câu thơ. Biết liên kết các tiếng phức tạp hơn, để thành cả câu thơ, "*Bừng cháy trong lòng anh bấy lâu u ám quạnh quẽ – Ánh lửa mênh mang buổi tình đầu*", thì cái toàn thể, tức là cảm xúc nguyên khởi của câu thơ, có khác đi không? Tôi chắc là nó đã đổi khác, không phải chỉ ở người nghe, mà ở chính người nói. Các tiếng bật ra trong chuỗi đó, mỗi tiếng lại biến đổi một chút cảm xúc khởi thủy. Thay vì bập bẹ, "Nhớ", bây giờ ta phải nói, "Ánh lửa," thì hai tiếng "Ánh lửa" đã định hình cho cảm xúc nhớ một cách khác. "Ánh lửa mênh mang," cảm xúc lại khác. Sau các tiếng này thì tiếng khác chảy ra, mênh mang *buổi tình đầu*. Tiếng nói diễn ra thành chuỗi, cũng như âm nhạc tiếng trước tiếng sau. Nhưng không thể tưởng tượng nhà soạn nhạc khi viết một giai điệu lại chỉ viết từng "nốt" nhạc. Ông ta (hay bà ta) đã có toàn thể một câu, một ý nhạc, có cả những tứ nhạc phát triển từ nhạc đề chính, trước cả khi dạo thành câu chủ đề. Còn khi một người làm thơ, và đôi lúc viết văn, mỗi một lời viết ra còn có tác dụng chuyển hoá cái cảm xúc khởi nguyên. Ta không thể nói cái tâm tưởng của ta đã có hình thể sẵn rồi, nó đi tìm ngôn ngữ để khoác vô, trình diễn và tự giới thiệu. Cái tâm tưởng đó, nó chuyển hoá cùng ngôn ngữ, nó thành hình bằng ngôn ngữ.

Nếu người làm thơ viết, "Buổi tình đầu mênh mang ánh lửa," thì cái cảm xúc nguyên khởi nó thành hình khác đi, các ý tứ gợi trong lòng người đọc đã khác đi. Xét về mặt *ý nghĩa*, thì câu vừa rồi hợp với ý nghĩa hơn vì nó đưa "buổi tình đầu" lên vai chính. Cái mà thi sĩ thấy bừng cháy lại là "Buổi Tình Đầu", còn ánh lửa chỉ là hình thức của sự trở lại. Nhưng cảm xúc nguyên khởi cũng là ý tứ chứ không phải chỉ có ý nghĩa. Cảm xúc đó thành hình dưới dạng của bừng cháy, thì Ánh Lửa đóng vai chính chứ không phải Buổi Tình Đầu. Thực sự, có phải hồi ức về một buổi tình đầu bừng cháy, hay tất cả tâm hồn thi sĩ gồm cả quá khứ lẫn hiện tại đều bừng cháy? Và vì khối lửa cháy bừng đó mà ánh lửa buổi tình đầu hiện ra? Câu thơ đi liền cùng ý tứ. Hai câu mở đầu bằng "Bừng cháy..." và "Ánh lửa..." cho nên cảm xúc nguyên khởi thành hình như ngọn lửa mênh mang trên bức màn u ám quạnh quẽ. Vì thế "buổi tình đầu" bị đẩy vào hậu cảnh. Có phải vì thế mà nó xa xôi hơn, mờ ảo hơn? Xa xôi cả trong thời gian – "bấy lâu" – nên u ám quạnh quẽ hơn chăng?

Nhớ nghĩ về Thanh Tâm Tuyền, những điều chợt đến...

TRẦN THANH HIỆP

Đau như thú dữ cháy rừng
Ta đập vỡ hình hài và thức giấc
T.T.T.

Vang vang trời vào xuân

Ngày ấy, dưới vòm trời xám đen của trại tù cải tạo trong một khu rừng, *sâu thẳm cây trút lá*, ở miền Bắc Việt Nam, Trần Kha bỗng nghe thấy *Vang vang trời vào xuân*. Hôm nay, trên thành phố Roseville vùng Minnesota Vạn hồ của nước Mỹ, khi xuân trở về trên cánh gió lạnh thì Thanh Tâm Tuyền vừa nằm xuống trong giấc ngủ không thức dậy. Anh không nói gì nữa. Mùa xuân như cũng nín lặng.

Tôi đã có nhiều dịp nghĩ lan man về cái chết của nhiều người, kể cả của chính tôi. Nhưng chưa hề bao giờ tôi nghĩ tới cái chết của Thanh Tâm Tuyền. Anh là một tác giả không chút bận tâm về cái chết, tuy rằng các nhân vật của anh thường rung động với một cường độ rất mãnh liệt . Với anh, chết là chuyện tự nhiên, tất nhiên của đời sống, chuỗi hành trình bốn chặng tiếng phật giáo gọi là sinh, lão, bệnh, tử. *Chết ở khắp nơi, ở trước mặt chúng ta, ở sau lưng chúng ta*, Sartre viết thế. Trong văn thơ Thanh Tâm Tuyền, cái chết không mang màu sắc siêu hình, không có bóng đen ghê rợn của Tử thần, với lưỡi hái trên tay, trùm phủ. Chết không để tìm lối thoát cho một bế tắc, như ở các nhân vật của Nhất Linh. Thanh Tâm Tuyền không lý luận về cái chết, anh bình thản và lạnh lùng nhìn nó, thấy nó không ngăn cách với anh, *tôi thèm sống như thèm chết, giữa hơi thở giao thoa.* Ở cuối đường thì *ngủ cô đơn trên giường bệnh hay sẽ nằm mãi mãi ngoài nghĩa địa vẫn chẳng có gì khác lạ...*

Sống hay chết *chẳng có gì khác lạ*, Thanh Tâm Tuyền không muốn bè bạn bận tâm về sức khỏe của mình. Cách đây không lâu, anh gọi tôi nhiều lần qua đường dây viễn liên, cho tôi biết đầy đủ chi tiết về tình trạng hôn mê kéo dài của anh Nguyễn Sỹ Tế sau khi mổ tim, về tác phẩm trường thiên cuối đời *Mây Trắng Bốn Phương* của anh Tế và những giờ phút cuối củng lúc anh Tế nhắm mắt. Cũng như trước đây, anh đã kể lại rành rẽ cho tôi tại sao Ngọc Dũng mau lẹ ra đi vì ung thư phổi. Nhưng tuyệt nhiên anh không đả động gì tới chuyện anh mới vào nhà thương khám bệnh, bác sĩ tìm ra anh bị ung thư phổi và dự đóan anh chỉ còn sống thêm chừng sáu tháng nữa. Trong cuộc trao đổi vui buồn lẫn lộn với anh về chuyện sống chết của bạn bè, tôi không thấy có cảm giác gì khác thường về người đối thoại ở đầu dây bên kia. Quả thật tôi không hề nghi ngờ đã có thể có thay đổi đột ngột nào về sự sống của Thanh Tâm Tuyền. Cho đến không lâu sau, sáng ngày 22 tháng 3, giờ Paris, tôi nghe qua diện thoại, chị Tâm nghẹn ngào nói vắn tắt anh Tâm "đang hấp hối trên giường bệnh". Thế là trong cùng ngày - "nó", chính "nó, cái chết, đấy - đã xảy ra sớm hơn ba tháng. Tôi nghe rõ nhưng không tin, hay đúng hơn, chẳng muốn tin sự khám phá bất chợt của mình (chữ khám phá Thanh Tâm Tuyền rất ưa dùng trong lúc chúng tôi chuyện trò thời chúng tôi làm báo Sáng Tạo). Câu thơ của Đỗ Phủ *Thiên nhai cố nhân thiểu* (cuối trời thưa bạn cũ) từ lâu tôi không còn nhớ bỗng trở lại ám ảnh tôi...

Đập vỡ hình hài và thức giấc

Cùng một lứa bên trời lận đận, chúng tôi dăm ba người gốc miền Bắc miền Trung, tuổi khác nhau trên dưới ba mươi nhưng không quá cách biệt, vì tình cờ do chiến tranh, đã gặp nhau vào một thời điểm - năm 1954 - và ở một nơi không định trước của miền Nam - Saigon. Trong một bài đăng trên Tạp chí Thơ, tưởng nhớ Mai Thảo đã khuất, Thanh Tâm Tuyền viết về cuộc gặp gỡ tình cờ này, tôi trích lại một đoạn ngắn:

"Khu lều bạt Thăng Long nơi tạm trú của Sinh viên Hà Nội di cư, nằm ngay trung tâm thành

phố, trên đất Khám Lớn Sigon cũ, tháo dẹp. Sinh viên chuyển vào Đại Học Xá Minh Mạng, dù công trình xây cất chưa hoàn tất. Đặc san Lửa Việt của HSVDHHN [Hội Sinh Viên Đại Học Hà Nội], do anh Trần Thanh Hiệp làm Chủ nhiệm, anh Nguyễn Sĩ Tế làm Chủ bút, sau số Xuân Chuyển Hướng cũng ngưng xuất bản.

Bấy giờ là năm 1955. Di cư đã đến hồi vãn cuộc. Hà Nội khuất biệt từ tháng 10 năm trước. Saigon vẫn còn xô bồ những mới mẻ, những hứa hẹn trong con mắt người di cư.

Chúng tôi - các anh Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sỹ Tế, Doãn Quốc Sĩ và tôi - gặp nhau, cùng làm việc, quen dần nhau qua mấy số Lửa Việt - nơi đã in vở kịch *Trắng Chiều* của anh Tế viết khi còn ở Hà Nội, các truyện ngắn *Chàng Nhạc Sĩ, Gìn Vàng Giữ Ngọc* của anh Sỹ và một vài bài thơ của tôi - đồng ý cần có một tờ báo của mình để *viết cho sướng tay, để may ra đóng góp được cái gì* cho công việc chung.

Trong khi chờ anh Hiệp tìm kiếm nguồn tài trợ, chúng tôi nhận hợp tác với nhật báo Hòa Bình của anh Vũ Ngọc Các, làm trang Văn Nghệ hàng tuần cho tờ báo. Tôi được giao phó công việc đầu bếp lo việc sắp xếp bài vở cho trang báo vì rảnh thì giờ nhất và được nết chịu khó đọc.

Nhờ trang báo này mà tôi gặp thêm bạn (...)

Mai Thảo gửi đến chúng tôi *Đêm Giã Từ Hà Nội*

Tôi nhận được một bao thư dày cộm, không địa chỉ người gửi, trong đựng xấp bản thảo đánh máy. Bút hiệu Mai Thảo hoàn toàn xa lạ với tôi.

Liếc nhìn dòng chữ đầu tiên của bài gửi, tôi giật mình kinh ngạc :

Phượng nhìn xuống vực thẳm : Hà Nội ở dưới ấy (...)."

Thanh Tâm Tuyền gặp Mai Thảo, anh em chúng tôi cho Tạp chí Sáng Tạo ra đời. Biến cố này đã chấm dứt giai đoạn mở đường, trong đó, chúng tôi mỗi người một cách, hung hăng coi trời bằng vung, chẳng khác gì những chàng hiệp sĩ Don quichotte, làm báo, in báo, bán báo, viết văn, làm thơ, vẽ tranh, soạn kịch v.v...Chúng tôi sôi nổi phiêu lưu đi tìm một xứ Viễn Tây ở miền đất mới của nước non cũ. Thật ra sự ngông cuồng này cũng chỉ là những biểu hiện của sự tự do *trời cho*, tức là vào thời điểm những xiềng xích cũ bị chặt đứt chưa được xiềng xích mới thay thế. Con sông Bến Hải chia đôi đất nước thật đó, nhưng cùng lúc lại ngăn được làn sóng độc tài đỏ phương Bắc không tràn ngập phần còn lại của đất nước ở phía Nam. Bộ máy cai trị ở miền Nam thì chưa lắp ráp kịp để chiếm đóng xã hội. Trong một chừng mực nào đó, lịch sử miền Nam tạm thời bỏ trống cho dân chúng. Mấy anh em chúng tôi đã nắm lấy thời cơ, kịp thời tiếp thu tình trạng ưu đãi lịch sử hiếm có này để hình thành một dạng thức tự do vừa cho cá nhân, vừa cho xã hội. Chúng tôi hăm hở sáng tác. Xin nghe lại tiếng kèn vào trận của Nguyễn Sĩ Tế «*...chính trị không còn là một đặc quyền của một thiểu số, một 'quả cấm' đối với đa số.*» Thơ Thanh Tâm Tuyền vang lên đanh thép lời tuyên ngôn «*Đau như thú dữ cháy rừng. Ta đập vỡ hình hài và thức giấc.*» Trần Thanh Hiệp dứt khoát đặt vấn đề «*...nghệ thuật không phải chỉ là sự diễn tả tâm tình, hay là sự thần phục thực tại, hay là sự tuyên truyền chính trị, hay là sự cuồng loạn hư vô (...) chỉ có thể hiểu nghệ thuật bằng y cứ vào sự vận động biện chứng của chính nghệ thuật trong vận động của lịch sử (...) nghệ thuật là một nhận thức của đời sống (...) một tác động của con người để chinh phục thân phận của chính mình (...) sự giao tranh đưa lại sự giải phóng tự giác và giải phóng xã hội để đạt tới một 'toàn thể nhân tính'(...). Nghệ thuật bây giờ là sự tiêu hủy để sáng tạo. Là sự thống nhất tiêu hủy và sáng tạo.*» Đoạn tuyệt với mọi công thức ước lệ cũ, dứt khoát như vậy, dù lòng chẳng vui sướng gì. Làm mới lại hình thức cho văn học nghệ thuật, một điều đương nhiên. Nhưng còn phải giải phóng luôn cả văn học nghệ thuật khỏi kìm kẹp ý thức hệ của chính trị nữa. Sáng Tạo tự nguyện đi tiên phong tiếp tục ở miền Nam hành động của Nhân Văn Giai Phẩm ở miền Bắc công khai đối đầu với chính quyền độc tài cộng sản. Và có điều kiện để tiến xa hơn nữa, bằng tác phẩm, Sáng Tạo chĩa mũi tấn công vào đồn lũy toàn trị. Thái độ lên đường để tiến công dù ngắn ngủi này - đầu thập niên 60 Sáng Tạo tự ý im tiếng - đã mang ý nghĩa một chiến thắng giữa cuộc đời mà ngòi bút trên tuyến đầu Thanh Tâm Tuyền trao tặng Quách Thoại ở bên kia thế giới. Đoạn kết luận sau đây, do Thanh Tâm Tuyền đưa ra và Mai Thảo ghi lại, của bốn cuộc thảo luận thân mật năm 1962 giữa anh em chúng tôi, có thể coi như di chúc tinh thần chung của Sáng Tạo:

«*Cùng với nhau bỏ những ám ảnh quá khứ, để nhìn vào thực trạng, khơi mở con đường tiến tới nghệ thuật hôm nay. Có thể thế hệ sau chúng ta sẽ làm lại hành động này với thế hệ chúng ta.*

Và chúng ta chấp nhận đó là một hành động tất yếu cho sự tiến hóa của nghệ thuật.

Nghệ thuật là một vận động biện chứng của hủy diệt và sáng tạo.»

Người thi sĩ với 21 khuôn mặt
Hãy cho anh khóc bằng mắt em
Những cuộc tình duyên Budapest
.....
Hãy cho anh chết bằng da em
Trong dây xích chiến xa tội nghiệp
Anh sẽ sống bằng hơi thở em
Hỡi những người kế tiếp

Người thưởng ngoạn ở Miền Nam những năm giữa thập niên 50 rất yêu những câu thơ lộng lẫy này của Thanh Tâm Tuyền. Nhưng không phải mọi câu thơ khác của anh đều dễ thương như thế. Lê Huy Oanh, một người yêu thơ, thích đọc thơ của nhiều người từ khi còn mười ba, mười bốn tuổi, đã bỏ công nghiên cứu về thơ, công khai thú nhận rằng "*lối thơ Thanh Tâm Tuyền đã giày vò, hành hạ óc thưởng ngoạn*" của ông, "*khiến ông khổ sở đến độ có ác cảm*" với thơ Thanh Tâm Tuyền. Có người nhận xét rằng vì thơ mà Thanh Tâm Tuyền bị hiểu lầm suốt đời và không được đối xử xứng đáng khi còn sống. Bùi Vĩnh Phúc, người tự cho là hiểu và yêu thơ Thanh Tâm Tuyền, trong bài Thanh Tâm Tuyền, người thi sĩ ấy viết cách đây 20 năm, đã dùng tới 21 tính từ để bàn về thơ Thanh Tâm Tuyền cũng như về con người Thanh Tâm Tuyền. *Kiêu căng, ngạo mạn, lạnh lùng, cô độc, cô đơn, cô lữ, lãng mạn, tha thiết, dằn vặt, yêu thương, khô khan, bùng cháy, mệt mỏi, hoài nghi, thất vọng, siêu hình, trong sáng, rắc rối, phức tạp, xót xa, phẫn nộ*... nếu Bùi Vĩnh Phúc còn kể thêm nhiều nữa chắc cũng chưa hết. Tôi cho rằng ông đã không quá lời. Chính Thanh Tâm Tuyền cũng viết trong bài *Nỗi buồn trong thơ hôm nay* rằng "*Mỗi tiếng, mỗi lời viết ra tôi đều thấy nó chứa đựng những hận thù, khinh bỉ, dày vò, đớn đau, tuyệt vọng, nhơ nhuốc, dối trá, hằn học, trơ trẽn, bệnh hoạn, xấc láo, thô bạo, cục cằn, tủi hổ, yếu đuối, bất lực, chết chóc.*" Thơ mà xông xáo vào cuộc đời thì không thể đơn giản, đơn điệu được. Vả lại người ta thường gọi thi sĩ là *cây đàn muôn điệu*. Đàn là nhạc khí chỉ có dây và cung bậc. Phải có nhạc công thì đàn mới thành điệu. Thơ, ngoài chữ nghĩa còn phải kể đến người làm thơ nữa. Và sau cùng, điệu tùy thuộc vào nhạc công. Cứ theo dòng suy tư của Bùi Vĩnh Phúc, muốn hiểu thơ Thanh Tâm Tuyền cần nhận diện ông qua 21 khuôn mặt. Thanh Tâm Tuyền, cũng trong *Nỗi buồn của thơ hôm nay* nhìn nhận rằng 'tất cả những lời trách cứ đối với thơ anh đều có lý.' "*Xua đuổi Hồn thơ muôn đời* (...), *người làm thơ hôm nay chỉ là tên ăn mày lẫn giữa đám đông khốn cùng với một mẩu tự do sót lại.*" Đám đông bị cuốn đi trong *cơn lốc tối tăm khủng khiếp* (...) để hiện lên *cô đơn trong từng kẻ một*. Anh, người làm thơ hôm nay quay lưng lại với *Nghệ thuật* [Thi sơn, Tượng trưng, Siêu thực v.v..] *ngoảnh mặt với Thiên nhiên* [Lãng mạn], *không chỉ nhìn trông từ ngôi cao vĩnh viễn mà muốn có mặt và cùng cô đơn*,[cùng với đám đông], *cô đơn hơn ai hết....bước sâu vào ý thức thăm thẳm (...) đưa người ta đi tìm sự thực*. Anh biết rất rõ vì sao thơ anh khó đọc, khó hiểu. Người đọc bị thơ anh lay động nên hốt hoảng, không nhận ra đâu là Thơ, đâu là Nghệ thuật, đâu là Thiên nhiên, đâu là Tình ái. Nhưng không vì thế mà anh uốn nắn lại thơ mình để đổi lấy tên gọi thi sĩ. Anh đã khước từ tên gọi này, trả nó lại cho Nghệ thuật, cho Thiên nhiên, cho Tình Ái những thứ người đời coi là *vĩnh viễn*. Vì thế anh không làm thơ để *nói chí* hay *nói tình*. Mà anh đi theo vận hành của ý thức trong cơn cuồng nộ khám phá sự thực ở trong *hiện tại*. Anh dứt khoát lựa chọn rồi. Và sẽ không thay đổi lựa chọn. Ngay từ đầu, khi anh in tập thơ đầu tay *Tôi Không Còn Cô Độc*, anh thẳng thắn loan báo như thế. Nhưng cách nói của anh lại càng làm cho người đọc hiểu lầm thêm. Rằng anh là vị Hoàng đế trong đất thơ của anh, người đọc không bị ép buộc phải đọc, phải chấp nhận. Cung điện của anh bỏ ngỏ để ra vào tự do. Như thế giữa anh và người đọc không có sự *hiểu lầm nhau*. Chỉ *không tìm hiểu nhau* mà thôi. Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, kể từ khi anh chọn con đường làm thơ của riêng anh mà anh đã mô tả trong bài viết *Nỗi buồn trong thơ hôm nay*. Anh đã sáng tạo ra một không gian thơ, một phong cảnh thơ chưa từng thấy trong văn học tiếng Việt. Hay dở ra sao, điều này đến nay vẫn chưa ai định rõ được, nhất là nhiều hiểu lầm vẫn còn đó. Chắc phải đợi cho đến khi có người giải mã được thơ anh. Tôi nghĩ rằng đằng sau 21 khuôn mặt mà Bùi Vĩnh Phúc đã hài ra chỉ có một Dzư Văn Tâm, một Thanh Tâm Tuyền bằng xương bằng thịt dưới một khuôn mặt duy nhất. Khuôn mặt của một lòng thương tự nhiên, thứ tình người tự phát, hay là *lòng trắc ẩn* mà Mạnh Tử đã đưa lên hàng một trong bốn giềng mối của luân lý loài người. Nhìn dưới góc độ ngoài chữ nghĩa

như thế thì Dzư-Văn-Tâm-Thanh-Tâm-Tuyền là một nhà thơ rất đơn giản với một lòng thương vô nhiễm, vô hạn, ngay cả trong cơn *cuồng nộ*. Không phải tôi muốn nói rằng anh là một sản phẩm của nho giáo khi tôi nhắc lại ý kiến của Khổng Tử trong sách Luận ngữ *Chỉ có người người có đức nhân mới biết yêu người, ghét người*. Tôi xin nhấn mạnh, *biết ghét người một cách xác đáng* trong cái *hiện tại* của áp bức, của bất công bất công, bất luận toàn trị hay tự do.

Cái chết mang lại sự sống

Bùi Giáng đã kết thúc bài thơ *Thức giấc và về Quách Thoại* bằng hai câu *Tôi bưng mặt khóc bên thềm. Khi người thi sĩ êm đềm ra đi.* Chúng ta có thể coi như Bùi Giáng cách đây gần 50 năm đã vô tình khóc Thanh Tâm Tuyền khi anh còn sống. Thanh Tâm Tuyền đã êm đềm ra đi. Nghe những lời thương tiếc anh là nghe tiếng nói của tình cảm. Với Thanh Tâm Tuyền tất cả chỉ là ảnh tượng. Trong thơ anh, ảnh tượng có địa vị thống soái, ý thức, ý chí, kiến thức thậm chí cả vần điệu đều hiện ra bằng ảnh tượng. Baudelaire cho tôi một cách nhìn để nghĩ về cái chết của Thanh Tâm Tuyền *C'est la mort qui console, hélas, et qui fait vivre*. Than ôi, có những cái chết đã mang lại niềm an ủi và đã tạo nên sự sống. Đây chỉ là những ảnh tượng trong đầu tôi. Có thể khi anh nằm xuống, Thanh Tâm Tuyền đã gián tiếp làm cho những người bị coi là hèn mọn, bị cuộc đời bạc đãi - chính là đám đông khổ đau - bất chợt khám phá ra rằng một nhà thơ đã từ bỏ hết để cúi xuống ở dưới ấy - vực thẳm — mà nói lời an ủi "*những nỗi tuyệt vọng sầu thảm không được cứu vớt, những hồn chết dần trong thèm khát tương lai, những ràng buộc vô lý vào cuộc đời lạ mặt...*". Có thể ngày anh từ trần sẽ là ngày anh khai sinh, là phục sinh - theo ngôn ngữ của anh - với cả một không gian văn thơ bây giờ anh đã xây dựng trong suốt hơn nửa thế kỷ. Muốn hay không muốn từ nay anh đã đi vào văn học sử bằng cổng chính. Một tờ báo lớn ở hải ngoại đã viết rằng cái chết của Thanh Tâm Tuyền là một mất mát lớn cho văn học. Một công thức nói nghiêm chỉnh của nghi lễ. Sự thực, văn học Việt Nam không hẳn đã mất mát gì vì cái chết của Thanh Tâm Tuyền. Phải nói văn học đã bị mất mát ngay từ khi Thanh Tâm Tuyền còn sống thì đúng hơn. Trong nước, những ông quan văn nghệ tự phong, đã ngang nhiên sau khi bỏ tù anh còn đóng vai ngự sử ngăn cản không cho tên tuổi anh được ghi vào danh sách những tác giả của một Từ Điển Văn Học. Ở ngoài nước, một lần nữa lịch sử lại được "bỏ trống" cho người Việt Nam như ở miền Nam những năm 50. Nhưng Thanh Tâm Tuyền dường như vẫn còn là một khách lạ. Tập thơ của khuôn mặt văn nghệ hàng đầu này của miền tự do đã chỉ là như tiếng vọng từ *đâu xa vẳng đến*. Có ai giải thích được tại sao có hiện tượng này không? Trong buổi phát thanh của Đài RFI ở Paris chiều thứ Bảy vừa qua, Thụy Khuê hỏi tôi có phải Thanh Tâm Tuyền từ khi sang định cư ở Mỹ có ý muốn ở ẩn? (Đoạn trả lời của tôi hơi dài nên Đài không phát đi). Tôi đã nói với Thụy Khuê là không có chuyện Thanh Tâm Tuyền ở ẩn. Anh vẫn tiếp tục cuộc sống bình thường giữa thân nhân và bạn bè. Anh vẫn góp tiếng nói để tưởng niệm Mai Thảo, Ngọc Dũng, để tuyên dương Doãn Quốc Sĩ và tham gia thảo luận ở một trường Đại học ở miền Nam nước Pháp về văn học Việt Nam lưu vong. Nhưng anh có nói riêng với tôi rằng nếu anh không tìm được gì thật mới thì anh sẽ thôi hẳn không viết nữa. Tôi chắc anh đang dựng những ảnh tượng mới về con người, về đất nước. Anh đã thâu thập được ít nhiều khám phá để dựng những ảnh tượng mới này, có tên gọi rất lạ như "không sinh tồn," "vô liên," "không lịch sử" v.v... Anh lục lọi trong ký ức những kinh nghiệm làm thơ ngay tại trại giam. Anh đã luyện được cách sáng tác lưu động bằng ảnh tượng của thực tại. Vậy nếu có cách biệt giữa anh và cộng đồng người Việt ở hải ngoại, chung qui cũng ở nơi anh đã đứng sang bên lề cuộc sống trong môi trường Việt Nam ở hải ngoại để đổi mới ảnh tượng. Trong anh suối nguồn ảnh tượng đang đợi dịp tuôn trào. *Chiều trên phi trường anh bỗng nhớ em, nhớ chuyến đi xa hẹn ước. Không bao giờ nữa.* Câu kết này của bài thơ *Chiều trên phi trường* của anh như chiếc màn nhẹ nhàng từ từ buông xuống trên sân khấu. Những gì xảy ra sau đó? *Không bao giờ nữa.* Anh và em đã cùng đi chuyến đi hẹn ước? Hay đã chẳng có chuyến đi này? Hay đi mà không trở lại? Hay anh đi một mình không có em đi cùng? Không hiểu sao tôi bỗng liên tưởng tới hình ảnh sáng ngày thứ Bảy 25-03-2006, linh cữu anh, trên vai sáu người bạn, Cung Tiến, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng, Nguyễn Cao Đàm, Nguyễn Ngọc Diễm và Vũ Xuân Châu đã được đưa ra nghĩa trang Roselawn nằm trên đường Larpenteur, Roseville, nơi an nghỉ cuối cùng của anh. Có phải anh đã đi chuyến đi ước hẹn? *Không bao giờ nữa,* thơ anh còn vang trong trời xuân của Minnesota.

UNG THƯ,
tác phẩm đi theo cùng tác giả

NGUYỄN CHÍ KHAM

Tối hôm đó, trời mưa to hạt. Ngoài thềm hiên, nước mưa chảy tràn ướt sân, và ngồi ở trong lán tù nhìn ra cửa sổ có chấn song sắt, mới thấm thía đời tù, mới thấu hiểu cái giá lạnh, nặng nề của gió mưa vùng trung du miền Bắc khi mùa đông trở về.

Đã hơn 9 giờ, các tổ đội trong lán vừa mới họp xong, anh em được nghỉ ngơi sinh hoạt tự do. Và, tối nào cũng vậy, giờ sinh hoạt luôn vui nhộn ồn ào, mà tiếng kêu rít thuốc lào nghe là bồn chồn, háo hức, thích thú vô cùng. Từng nhóm tụ tập quanh chiếu nằm với vài ngọn đèn con, chỗ ít là nhóm bạn thân quen, chỗ đông là rạp hát có chương trình kể truyện phim, truyện chưởng, truyện Tàu, hay nghe bình thơ văn. Nhờ vậy, anh em tù mới nguôi nhớ chuyện gia đình, vợ con, luôn cảm thấy có nhau, trước kia là chiến hữu, giờ là bạn tù, sống vui trong sự quây quần của tiếng cười, tiếng nói. Trong tiếng nói, dù mỗi người sinh trưởng mỗi miền nhưng nó có được một dấu ấn riêng biệt của miền Nam trước biến cố 30 tháng 4 năm 75. Những năm tháng qua đi, ngày tháng trong tù vẫn hiện hữu, vẫn ánh lên một niềm cảm thông như hơi ấm của bếp lửa.

Vừa mới nhận được thư gia đình lúc trưa, nên tối đó, tôi không đi đâu. Chỗ tôi, ngay cửa sổ, và mỗi lần mưa đêm, tôi thường nhìn ra mưa ngoài trời và lắng nghe âm thanh tiếng mưa. Bên cạnh chỗ tôi, là chiếu của anh Phong. Anh Phong đang trò chuyện với người bạn nằm bên cạnh về đời sống vùng quê miền Bắc trước thời di cư, sau đó, lại nhắc đến những người bạn ở trên trại tù Lào Kai. Tôi đang nhớ nghĩ tới gia đình, những người thân ở Sài Gòn, ở Huế, ở Quảng Trị, nhưng cũng lắng nghe chuyện của anh đang nói.

Bỗng nhiên tôi vụt ngồi dậy, hỏi :

- Ủa, anh Phong cũng quen anh Thanh Tâm Tuyền?

- Ngoài đời, tôi không quen, nhưng tôi ở chung với anh một đội trên trại Lào Kay.

- Lúc chuyển trại về dưới này, anh biết anh ấy đi đâu không?

- Ông cũng về K2 đây chứ đâu

- Ủa, thế mà cả tháng nay tôi không biết!

- Ông ở bên đội hương nhu.

Khi được anh Phong cho biết anh Thanh Tâm Tuyền về trại này, tôi thực sự vui mừng. Trước đây, tôi được quen anh qua anh Nguyễn Quốc Trụ và gặp anh cũng khá nhiều lần vào mỗi buổi sáng ở quán cà phê La Pagode. Và, nhất là, tôi rất mê văn anh viết trong hai cuốn tiểu thuyết Bếp Lửa và Ung Thư.

Sáng sớm hôm sau, nhận phần ăn sáng xong tôi vội băng qua khu nhà đối diện tìm lán anh Tâm. Chỗ anh nằm gian phía trong, và khi tôi tìm được chỗ, thấy anh đang ngồi ăn chén ngô, đầu đội chiếc mũ cối xanh.

- Anh Tâm.

Đang ăn, nghe tiếng gọi, anh vội quay đầu thấy tôi đứng ngay chỗ khoang giường anh.

- Ủa, cậu.

Tôi ngồi xuống chiếu, và chén ngô chỉ còn hai muỗng anh ăn vội cho xong rồi uống nước. Tôi mở nắp túi áo lấy gói thuốc lào nhỏ bọc trong lá chuối ra mời anh. Anh lấy điếu, chùi sơ qua nõ xong đưa cho tôi. Nhưng tôi nói:

- Anh hút trước đi, em sau.

Còn đến mười lăm phút nữa mới tập họp đi lao động. Trong lúc anh cầm cây đóm châm lửa, tôi nhìn gương mặt anh. Hút xong điếu thuốc, anh hỏi tôi:

- Cậu ở trại nào về đây?

- Em ở trại Hồng K về. Còn anh, ở Lào Kai phải không?

Hai anh em nhìn lại mặt nhau, với bao nhiêu đổi thay, tự dưng có một giây thật yên lặng không biết nói gì. Rồi anh hỏi tôi:

- Thằng Khả ở đâu ?

- Anh ấy ở trại Kỳ Sơn, Đà Nẵng.

Anh Tâm biết đến anh tôi, vì anh tôi đã có thời gian làm việc ở báo Tiền Tuyến. Còn được ít phút, tôi hỏi thăm anh mấy người quen biết trong giới văn nghệ.

Tới hồi kẻng báo giờ tập họp đánh lên, tất cả các đội đều ra sân tập họp đi lao động. Buổi sáng qua mau. Trưa về trại, sau khi cơm nước xong, tôi chạy qua tìm anh và bọc cho anh một gói nhỏ thuốc lào trong lá chuối. Thuốc lào phải gói vào lá chuối mới giữ được độ mềm.

Thấy tôi qua thăm, anh cười vui. Khi tôi biếu anh gói thuốc lào, anh nói:

- Thuốc cậu hút ngon.

- Em nhận được quà tuần trước, may quá, có được một bánh 888.

Anh cũng vừa ăn cơm xong, nên bày bàn đèn ra ngay. Chỗ anh nằm gần cửa sổ, nhưng về phía trong góc tối. Sau mấy chuyện về những người quen biết, tôi hỏi anh:

- Anh có viết được gì không?

Người nằm bên cạnh anh đi đâu vắng. Anh không trả lời câu tôi hỏi, nhưng không tỏ ra bất bình. Một lúc sau, anh mở ba lô lấy ra một tập giấy, xem xét lại xong, anh nói:

- Tôi để cho cậu đọc, đừng có nói với ai.

- Dạ.

Tôi hết sức là vui. Trong cuộn giấy anh lấy ra, có đến khoảng hơn mười bài thơ anh cất giữ. Tôi cầm lấy, mắt cúi xuống chăm chú đọc từng bài. Đọc xong, vẫn còn cầm giữ trên tay, tôi nói:

- Bài thơ này em rất thích. Tặng già Ung là ai, anh?

- Thi sĩ người Ý.

Tôi đọc lại bài thơ dài này một lần nữa. Sau đó ít lâu, bài thơ này được phổ biến cho một số anh em quen, và được nhạc sĩ Hồ Đăng Tín phổ nhạc.

Tôi chuyển từ trại Hồng K. về dưới này trước anh Tâm bốn tháng. Khi tôi về dưới này, đến cả lúc anh chuyển trại từ Lao Kai đến đây, sự quản chế trong tù ngoài quản giáo ra, ban Thi đua vẫn còn đám hình sự. Đến khi, đám tù hình sự về hết, thì bắt đầu chuyển qua toàn bộ Ban Thi Đua cho tù chính trị, anh Nguyễn Xuân Tùng được đề cử làm Trưởng ban Thi Đua, hai anh Trần Chánh Trí và Dương Đình Trung phụ tá, phụ trách về trật tự nội vụ và sinh hoạt của trại. Lúc này, không khí trong phân trại K2 bắt đầu dễ thở, sinh động, trong đó có một phần là hầu hết anh em được thăm nuôi hay nhận quà được nhiều hơn.

Ngày chủ nhật không đi làm, anh em tù thường ra hội trường nghỉ cho thoáng mát. Với anh Tâm, rất nhiều người biết, và rất thích văn anh, nhưng anh Tâm không giao tiếp với ai nhiều, lúc có thì giờ rảnh, anh học tiếng Đức với cuốn sách do một giáo sư người Pháp viết. Và, đặc biệt, anh nghiên cứu thơ chữ Hán của Cao Bá Quát, sách do Hà Nội xuất bản.

Một buổi chiều chủ nhật, tôi và anh Tâm ngồi ở bậc thềm nơi hội trường nói chuyện với nhau. Tôi hỏi anh:

- Cuốn Ung Thư anh viết đã xong chưa ?

- Xong rồi.

- Sao anh không in sách?

Anh không trả lời, chỉ mỉm cười. Trong các tác phẩm của Thanh Tâm Tuyền viết, tôi rất mong đợi cuốn này xuất bản để mua, vì khi còn đăng từng kỳ trên báo Văn và Bách Khoa, kể cả trước đó ở hai tạp chí Hiện Đại và Sáng Tạo, tôi đều có đọc. Không nghe anh trả lời, và thấy anh do dự nên tôi không hỏi thêm. Một lúc, tôi nói với anh:

- Anh viết câu mở trong cuốn Ung Thư thật là tuyệt vời.

Và anh nghe tôi đọc: *Giữa một vùng nước đục ngầu, thành phố nghiêng chìm dưới đôi cánh phi cơ.*

Anh Tâm rất hiểu tôi là người ham mê đọc tiểu thuyết. Anh cũng biết, tôi thích cuốn sách anh đã viết, nên chiều đó, với nguồn cảm hứng trong văn chương, anh rất vui lắng nghe tôi nói về cuốn tiểu thuyết của anh. Lúc này, tôi nhắc đến Thạch, Đồng, An, Liên, và Nga là những nhân vật trong cuốn Ung Thư. Và, trong Ung Thư có một chi tiết thật cảm động, tôi rất thích đó là bối cảnh Hà Nội trong cơn hấp hối, thành phố sắp tan rã, suốt đêm đoạn Thạch đi tìm Liên khắp Hà Nội, nhưng không có nàng, sau đó anh trở về lại con hẻm cũ nơi có nhà nàng ở, đứng đầu hẻm

với nỗi nhớ người yêu Thạch bụm tay lên miệng cất tiếng hú gọi tên Liên, tiếng hú vang dội đã làm bầy chó rống lên, sủa ran cả một khu phố. Tôi gợi lại chi tiết nhớ được đó, anh Tâm mỉm cười trong cặp mắt nhìn qua tôi, tôi đọc được ở anh một nụ cười rất thơ trẻ.

Có thể nói Ung Thư là tác phẩm anh đã cố dồn tài năng và sức lực của mình để viết. Có thể nói Ung Thư là cuốn Bếp Lửa được phóng lớn. Và rồi, sau đó tôi nói đến cuốn Bếp Lửa. Trong cuốn này, có nhiều câu văn của anh là một câu thơ.

Tôi tìm Thanh ở chỗ làm việc của nàng.

Buổi sáng mùa đông ngây ngất, trưa còn xa

Mưa rơi sâu vào giấc mơ

Chuyến xe đưa tôi qua Bắc Ninh với tất cả buổi chiều theo nó

Thanh cứ hát nhỏ cho mọi người nghe lần cuối

Hàng phố bé dần lại trong đêm khuya, lùi xa như tiếng hát

Trở về mái nhà

Xưa.

Buổi chiều hôm đó thật là hạnh phúc cho tôi và có lẽ cho cả anh.

Anh Tâm ở phân trại K 2 được chừng hơn một năm thì chuyển đến K 5 là trại trung ương. Khi anh đến nơi này thì ông Phan Lạc Phúc đã đi Thanh Hóa rồi. Tuy nhiên, ở đây anh cũng còn gặp mấy người quen, trong đó có nhà văn Văn Quang. Đời sống trại tù ngày tháng cứ mỏi mòn, tuyệt vọng. Thỉnh thoảng, từ miền Nam có một số thân nhân ra thăm nuôi, và hàng quí chúng tôi nhận được quà gia đình gởi cho để cầm hơi. Trong một kỳ quà lần đó, có một Bác sĩ ngoại quốc gởi cho anh Tâm một gói quà khoảng 3kg, và ở ngoài thay vì viết tên thật của anh, ông ta ghi bút hiệu Thanh Tam Tuyen (không bỏ dấu tiếng Việt). Cũng may, anh Nguyễn Xuân Tùng cùng một số anh em trong trại biết nên đã giữ lại và chuyển sang K 5 cho anh.

Tôi ở lại trại K 2 hơn bốn năm cho đến ngày được tha về trong số 20 anh

TRẦN MỘNG TÚ

KHÔNG ĐỀ

Nghĩ tới TTT

Anh,
Người thi sĩ đó vừa chết hôm qua

em muốn gọi anh
mà anh đã bỏ đi xa
em hụt hẫng đứng nhìn buổi sáng
trên mặt hồ lặng thinh
và dãy núi thì trắng toát đến rùng mình

Chao ôi lòng em buồn bã!

Những câu thơ tự do
rồi lấp vào trong đất
nó mọc cùng cỏ xanh
gió thổi đi xa tắp

Thời gian rồi đi qua
xóa mờ khuôn mặt
những sợi tóc bỏ trần gian
nằm trong đáy huyệt
và những ngón tay chàng
sẽ mục thành phân bón

Mặt trời đen
mặt trời không mọc nữa
và cả tên chàng
chẳng còn ai bật lên thảng thốt
mặt trời không còn nữa

Chao ôi lòng em buồn bã!

Buổi sáng kéo một vệt dài
trên mặt hồ phẳng lặng
câu thơ kéo dài
một đường thẳng nằm ngang nghĩa trang mùa xuân

Thi sĩ...
cúi xuống
tình yêu và những cuộc biệt ly ở một nơi hư không

Chao ôi, lòng em buồn bã!

Khi anh trở về
một thi sĩ đã đi qua biền biệt.

Tháng 3/06

em tù của tất cả năm phân trại. Khi về, vì còn phải ghé K5 trung ương làm thủ tục nên tôi có được dịp thăm mấy người bạn quen, mấy vị xếp cũ và anh Tâm. Tại lán anh, tôi được gặp nhà văn Văn Quang. Hai anh mừng cho tôi được về, rồi có hỏi thăm anh Khả tôi. Hai ngày ở lại K5 làm giấy tờ, thủ tục ra trại đến ngày về, buổi sáng ngày thứ sáu chúng tôi lên đường. Trước khi đi tôi ghé qua chào anh, lần này, anh mới dặn dò nhờ tôi đến nhà anh ở Sài Gòn để hỏi thăm chị về tin anh Ruy, người về đợt trước. Tôi hứa với anh sẽ làm theo lời dặn.

Buổi trưa chúng tôi lên tới ga Ấm Thượng và ngồi đó đợi đến bốn giờ chiều mới có tàu về Hà Nội. Khi xe lửa đến, anh em tù chúng tôi ngồi toa riêng, và khi tàu chạy, ngồi bên cửa toa tôi cứ nhìn ra ngoài để xem cho thỏa mắt quang cảnh miền Bắc, vừa cố ghi nhận từng hình ảnh một của đời sống người dân ở đây vào ký ức. Tàu chạy qua từng ngôi làng, từng huyện lớn nhỏ, từng thị xã và về Hà Nội vào lúc gần hai giờ sáng. Khi xe lửa chạy qua sông Hồng, nghe tiếng sóng nước đập dội vỗ vào chân cầu, lòng tôi cảm thấy nôn nao khó tả. Hà Nội, chỉ có trong tôi bao nhiêu hình ảnh của văn chương, nhiều nhất là trong tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn, giờ, tôi sắp về tới Hà Nội, Hà Nội chỉ còn trong khoảng cách, trong một đoạn đường ngắn nữa thôi, tôi cứ hy vọng, mong chờ. Tàu chạy chậm, vừa cất từng nhịp còi khi qua cầu Long Biên, đứng bên cửa toa, vừa nhìn xuống sông Hồng, bàn tay tôi thò ra ngoài nhẹ lướt chạm qua những thanh sắt trên vai cầu, mỗi lúc, lòng tôi tự nhiên vui vì có cảm giác như mình được tiếp xúc với lịch sử .

Hà Nội, tàu về tới và đã ngừng lại ở ga Hàng Cỏ.

Tôi có được một ngày Hà Nội sống bằng hiện thực và tưởng tượng. Tôi được nhìn phố xá Hà Nội qua sự hiện diện đích thực của mắt tôi. Tôi có tìm thăm trụ sở báo Phong Hóa của nhóm Tự Lực Văn Đoàn ở căn nhà số 80 đường Quan Thánh. Tôi có đi trên đường Cổ Ngư đến đê Yên Phụ để nhớ đến hai hình ảnh của Loan trong Đôi Bạn và Đoạn Tuyệt của nhà văn Nhất Linh. Và trước khi từ biệt Hà Nội để trở lại ga Hàng Cỏ đợi chuyến tàu về Nam, tôi đã ghé lại Hồ Gươm vốc nước rửa mặt giống như nhân vật "tôi" trong truyện Cuối Đường của Thanh Tâm Tuyền.

Qua đầu năm 82, tôi hay tin anh Tâm được tha về. Vào thời kỳ này, tôi chạy buôn bán hàng sách cũ và bán báo. Một buổi sáng, tôi đến thăm nhà anh ở khu Bà Chiểu và gặp anh ở nhà. Tôi hỏi thăm sức khỏe anh, rồi vui chuyện kể cho anh nghe chuyện Hà Nội một ngày tôi được ghé.

Sau những năm tù được về, anh Tâm hầu như không tiếp xúc ai nhiều. Những người anh gặp, phải là thân thiết với anh lắm. Thỉnh thoảng, tôi có gặp anh ngoài phố một vài lần hoặc trong mấy hiệu sách. Và khi hay biết tôi sống bằng nghề buôn bán sách cũ, anh nhờ tôi tìm kiếm cho anh mấy cuốn thơ Pháp mà giờ tôi không còn nhớ tên tác giả. Anh Thanh Tâm Tuyền song toàn cả hai lãnh vực sáng tác thơ và văn xuôi, nhưng tôi để ý thấy anh tha thiết với thơ nhiều hơn.

Sau những ngày tháng trôi giạt trong cuộc mưu sinh ở Sài Gòn rồi Huế, đầu tháng 11/93 tôi được cùng gia đình sang Hoa Kỳ theo diện HO. Đến đây, gần một năm sau tôi mới liên lạc được với anh, nhờ anh Nguyễn Quốc Trụ ở Canada cho số điện thoại.

Khi nghe tiếng của tôi nói, anh cười hỏi:

- Ai cho số điện thoại của tôi cho cậu vậy ?

Qua cuộc nói chuyện, tôi hỏi thăm anh về công việc làm và anh cũng có hỏi thăm tôi và anh Khả. Anh Khả tôi trước đây làm báo Tiền Tuyến, và dù anh tôi không theo nghề văn nhưng làm chung chỗ này cũng được anh Thanh Tâm Tuyền biết đến.

Ra hải ngoại, họa hoằn lắm tôi mới được đọc một đôi bài anh Thanh Tâm Tuyền viết trên tạp chí Thơ. Anh viết ít, nhưng văn thơ anh vẫn sắc bén như thời xưa.

Đã lâu, tôi không biết được tin tức gì về anh Tâm. Bất ngờ, buổi sáng thứ hai gặp anh Nguyễn Đình Toàn được tin anh đau vào nhà thương. Tôi cũng nghĩ anh vào dưỡng bệnh rồi trở ra. Đâu ngờ, mới hay tin đó, anh đã mất. Anh mất vì bệnh ung thư phổi. Anh đã viết cuốn Ung Thư , nhưng không xuất bản nó, và rồi mang nó theo trong cái chết của căn bệnh này. Tôi vẫn luôn nghĩ rằng, những nhân vật của Thanh Tâm Tuyền trong Ung Thư và Bếp Lửa đều cất giấu một thứ nostalgie. Đó là một thứ tình cảm nhớ quê hương để mang nặng thành một căn bệnh ung thư trong văn chương. Chất nostalgie là chất văn chương đích thực của các nhà văn.

Cuối cùng, dù có đợi chờ chăng nữa, tôi vẫn nghĩ rằng cuốn Ung Thư sẽ không bao giờ được xuất bản, vì những nhân vật trong cuốn sách này đã đi theo tác giả về một nơi yên nghỉ cuối cùng.

03/25/06

Thanh Tâm Tuyền và Đinh Cường.

Biến Khúc "Đêm qua ra đứng bờ ao"

Tặng Đinh Cường.

Đêm qua ra đứng bờ ao
Đêm nay đứng nhìn hồ thanh vắng
Tưởng giải Ngân Hà chúng nhạt lạnh
Trên đồi rừng tối quạnh âm hao

Kìa như tinh đẩu cũng mỏi mòn
Phiêu diêu cô lẽ ngoài mông lung
Đêm qua, đêm nay ánh nước chiếu
Trời chênh chao lặng lẽ tâm ngân

Gặp lại nhiều buồn tỏ không giăng
Năm mươi sợi mỏng lửng lơ ngã
Lắng tiếng gió ướt dây cỏ rối
Gặp hồn ai ~~ngóng~~ chờ kiếp lai sinh.

7/91

Tâm

Thủ bút Thanh Tâm Tuyền, gởi từ Minnesota năm 1991, lúc mới qua Mỹ

Dọc Đường

THANH TÂM TUYỀN

Ba người đàn ông ngồi quây xung quanh cái bàn gỗ tròn trong quán và cùng hướng về phía quốc lộ chạy mất hút trong rừng cao su ở hai bên. Quán bằng lá nằm cuối dãy phố mươi lăm chiếc, sát cạnh con đường đất xe hơi có thể vào ngăn phố với rừng cao su. Đầu trên dãy phố là đồn dân vệ rào ba lần thép gai trên treo lủng lẳng những ống lon rỉ. Người đàn ông ngồi ngoài cùng kế cây cột chống, mặc áo lá quần xà lỏn, một chân co lên mặt ghế, tay bưng ly cà phê uống từ hớp nhỏ. Người đàn ông liền bên vận quần áo kaki sờn rách, đầu đội nón bẻ vành, chân đi giày không vớ, cầm chiếc muỗng nhỏ xíu gõ nhịp lên bàn. Người ngồi tách riêng một phía già hơn hết, tóc tiêu muối, vận quần lãnh đen bám bụi đỏ, áo túi trắng ngả mầu, trước một ly cà phê sữa.

- Có lẽ tụi nó về hết rồi. Ông già nói.

- Còn mà. Ít nhất còn cái 601 chưa về.

- Vậy ai chơi nổi với mày nữa. Mầy thuộc hết số xe còn gì? Thằng này điếm quá.

- Ờ... tôi nhớ nhưng biết cái nào tới trước cái nào tới sau?

Người vận quần áo kaki đỏ mặt cãi với ông già. Người vận áo lá quần xà lỏn nói:

- Ăn chung gì. Giờ mình chơi hết các thứ xe đi.

- Đâu có được mầy. Mắt tao nhìn không rõ. Xe be chạy cà rề cà rề tao còn ngó thấy. Chớ bọn xe đò, xe nhà giờ này nó chạy trối chết làm sao tao trông kịp.

- Ai ăn lận tía mà tía sợ.

Ông già lắc đầu:

- Tao cũng không chơi nữa.

Bà chủ quán mập bự, ngồi phía trong, nửa dòm vô trong nhà, nửa dòm ra trước, hỏi giọng khan như bị cúm:

- Nãy giờ cha nào ăn?

- Huề. Không ai ăn thua hết. Người đàn ông đội nón phân trần. Ông già xỏ dép, đứng lên thọc hai tay vô túi áo, móc tiền:

- Nè, trả tiền ly cà phê. Tao về cho sớm. Tối nay thế nào cũng có hành quân.

Ông đặt mấy đồng bạc cắc lên bàn, bỏ ra theo phía hông quán, bước ngay xuống con đường đất đi sang phía rừng cao su, vòng vào một gốc cây ngoài bìa đứng tiểu. Tiếng nước chảy mạnh soi vào thân cây, người đội nón nghiêng đầu ngó la to:

- Ông già gân dữ quá ta.

Người ngồi ngoài cùng chợt vểnh tai nghe ngóng. Tiếng ầm ì ở tít xa.

- Còn tao với mầy hả?

- Đâu có ngán.

- Bài cào hay sóc dĩa?

- Thứ nào cũng được. Cho mày lựa.

Người vận áo lá vừa nhíu mày suy nghĩ vừa lắng nghe tiếng động. Khuôn mặt dài ốm nhăn nhó. Người đội nón dở chiếc nón xuống dò xét kín đáo hơn, cặp mắt mơ màng nhìn vào những lối cao su thẳng tắp. Ông già từ sau cái gốc cây bước ra đường cũng ngửa cổ nghe.

- Đậu cái này rồi về tía. Người đội nón gạ gẫm.

- Tụi bay tuột dù hết rồi. Máy trực thăng đó.

Hai người đàn ông còn ngồi trong quán ngó nhau. Người đàn bà cũng nói:

- Trực thăng thiệt.

Vài phút sau, tiếng động cơ nổi rõ, tới gần. Chiếc trực thăng bay sà thấp ngang qua quán, sang phía rừng cao su bên kia lộ, quần vài vòng lớn rồi trở lại hướng cũ. Ông già nhìn theo, cười khoái trá biểu: Tao biểu mà. Rồi ông bước đi. Con đường đất chạy men bìa rừng cao su dẫn tới một xóm lá lơ thơ. Buổi chiều vàng rực ở phía đồn Dân vệ, nhưng phía rừng cao su xanh sẫm. Xuyên qua những gốc cây thẳng tắp đến cả hai cây số ngàn một chút trời sáng của quãng lộ queo như rớt xuống ngang tầm đất. Hai người dân vệ từ trong lối xóm trở ra, chân mang giầy bó túm ống quần bám sình và bụi đất; một người đeo súng hai tay bưng trên miệng nút vào chiếc lá tre non kêu chít chít từng hồi như tiếng chim, một người quàng hai tay trên hai đầu súng đặt ngang cần cổ ngó phía trước, cả hai đều mặc đồ đen đội những chiếc nón vải đen có lưỡi. Họ rẽ vào quán, dựng súng vô vách, ngồi vào chiếc bàn gỗ còn dư trống. Một người kêu người đàn ông vận áo lá:

- Còn nước đá không?

Người sau này vẫn ngồi nguyên thế co chân, chỉ xoay nửa thân trên hỏi lại người đàn bà.

- Còn nước đá không mầy?

- Để coi... Chắc còn...

Người đàn bà vác tấm thân nặng, lê bước vô sau bếp, lục cục tìm kiếm và hỏi ra ngoài:

- Mấy chú uống gì?

- La de.

Người dân vệ vẫn bưng tay lên miệng hút kêu những tiếng chít chít, trong khi người bạn ngó lên tấm vách trong có các giá bầy các chai nước hơi màu xanh, màu đỏ, màu vàng, màu trắng, màu nâu, xếp dài theo vách ám khói đen. Chỉ còn hai chai la de trên giá. Người đàn ông vận áo lá, chủ quán, nhăn mặt ngó chỗ khác vì tiếng nút kêu của người dân vệ. Người đàn ông đội nón liệng chiếc muỗng xuống bàn kêu:

- Cha. Lâu thấy mẹ.

Người đàn bà mang hai cái ly đá chặt cục bự nhô khỏi miệng ly đặt trước mặt hai người dân vệ, rồi lại ì ạch quay trở vô giá lấy nước. Mụ dùng răng cắn mở nút chai xong cất tiếng hít hà, đưa cánh tay áo quẹt ngang mồm. Ly của người dân vệ mải chơi với trò chơi bọt sùi tràn xuống bàn. Anh ta buông tay, chiếc lá tre xanh nõn ép dính dọc theo ngón tay bên phải. Anh thủng thẳng lột chiếc lá liệng vào vũng nước trên bàn. Người bạn hỏi:

- Uống lẹ đi mầy. Bọn chúng đi qua thấy về lại cằn nhằn.

Người đàn ông đội nón bỏ ghế ra ngoài hè đứng ngó mông hai đầu đường vắng ngắt như tờ. Đằng chân trời trước mặt, tiếng phi cơ ầm ỳ rồi tắt lặng không thấy dáng. Cách quán hai ba nhà, là tiệm sửa xe máy. Một người thợ liu hiu làm việc với chiếc xe máy lật chổng bánh lên trời. Người đội nón quay vô biểu:

- Tối nay về Biên-hòa ngủ. Còn cái sáu lẻ một mà.

- Ờ, để coi.

Hai người dân vệ uống cạn ly đứng lên sửa lại quần áo, đội mũ đeo súng, trả tiền sửa soạn bước ra khỏi quán. Người đàn bà vừa nhét tiền vô túi vừa nói với chồng:

- Có đi Biên-hòa coi chừng giùm tôi vụ đó.

Hai người dân vệ đi ra khỏi quán, tiến về phía đồn, dáng đi nghiêm chỉnh hơn. Người nút lá tre đi trước cách bạn chừng hai ba thước, cả hai đều quay dòm vô các mặt phố. Có tiếng gọi trong rào kẽm gai ở đồn và họ cất bước chạy lúp xúp. Trong quán người đàn bà nói, trong khi người chồng mở hộc tủ của cái bàn trên bày mấy ve bánh kẹo, chai tôm khô củ kiệu chỉ còn thấy nước đục vàng, kê bên dưới giá xếp nước hơi, lấy tiền. Trên đầu người đàn ông treo tòn ten vào móc sắt hai nải chuối già và chuối sứ:

- Mấy cha chỉ bầy chuyện đi chơi không à?

Người đàn ông đi tới cái ghế bố đặt bên vách, nơi người vợ ngồi để vừa ngó phía sau phía trước, lượm áo sơ mi khoác lên thân, nói:

- Mầy không thấy trực thăng quần nãy giờ sao mầy. Bộ mầy muốn tao chết...

- Còn tôi dễ tôi không chết hả. Cứ đi hoài tiền đâu chịu cho thấu.

- Tao là đàn ông mầy nghe chưa? Ở nhà để

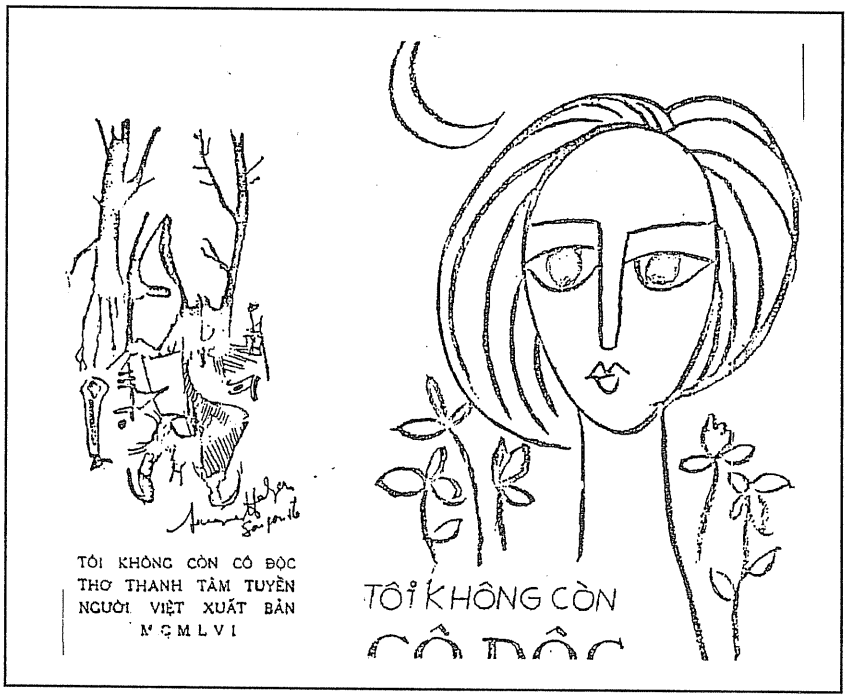

lỡ như lần trước chúng vô bắt kéo thây về rừng cho chúng. Một mình tao phải kéo bốn cái thây mầy nhớ không, cả đêm, cả ngày tới chừng về phát đau còn bị người ta kêu lên kêu xuống hỏi hoài... Đ.m... thứ đồ đàn bà ngu!

Người vợ kéo quần lên tới bắp vế gãi, mặt mụ đờ đẫn không còn phản ứng. Người đội nón trở vô quán nói tiếp:

- Máy bay quần là có chuyện mà...

Người đàn ông chủ quán tỏ vẻ khinh bỉ vợ, bỏ vô sau rửa mặt, rửa chân, rồi thủng thẳng trở ra xỏ quần. Hai người đàn ông ra đứng trước quán. Trong rừng cao su nghe tiếng còi xe nhận inh ỏi, hai ba chiếc xe đò đua nhau chạy tới. Dẫn đầu là một chiếc "bờ dô" mũi khoằm theo sau là hai xe cá. Chiếc "bờ dô" thắng ngay trước quán, hai chiếc xe cá vượt đi luôn. Người đàn ông chủ quán quay vô biểu vợ:

- Tao đi nghe mầy.

Người vợ nặng nề bước ra, dặn dò:

- Mai sáng về ghé chợ mua đồ về nghe.

Người đàn ông mới dớm đặt chân lên thang phía sau xe, đợi bạn chui vô khoang nói:

- Đ.m. Nhớ mà.

Người lơ chạy vô quán nói: Xin miếng nước chị Hai. Không đợi trả lời, thót vô nhà sau. Người tài xế nhấn còi thúc hối, ló đầu ra ngoài:

- Tính ngủ trong đó sao mầy?

Người lơ chạy ra mặt còn nhẫy nước, nhảy bám vào đuôi xe la lên:

- Rồi, chạy đi.

Chiếc xe từ từ ngừng trước đồn dân vệ. Người lính gác trong chòi canh bắc loa tay kêu đuổi: Tới trong kia đậu. Chiếc xe chuyển bánh đi qua hết đoạn đường rào kẽm gai đậu trước quán hớt tóc. Người lơ nhảy xuống đất kêu vô trong:

- Xuống lẹ lên cha nội.

Một người đàn ông tay ôm bọc giấy dầu, lom khom bước xuống. Tới đất, người đàn ông muốn trở lên, nói:

- Không phải đây.

Người lơ đã bước lên bục gỗ đưa tay cản ngang:

- Vậy tía quên hay tía lầm đường rồi. Tía ráng đợi đây đón xe mà về. Chớ tôi cứ ngừng hoài đợi tía kiếm nhà tới đêm tụi tôi mới về nhà. Cô bác kêu quá trời.

- Cho tôi đi khúc nữa.

- Tía hết tiền rồi. Rồi, chạy đi.

Chiếc xe rồ ga vọt thẳng vào phía rừng cao su sẫm lạnh. Người đàn ông đứng lại bên đường ngơ ngác. Hắn vận bộ bà ba đen, chân đi săng đan, tóc cắt ngắn, mặt mũi gồ ghề xanh xao. Hắn ngửa mặt nhìn lên trời trông chiếc trực thăng từ phía rừng cao su bay tới, đứng im rồi hạ thấp trên bãi đất trống bên kia đường. Tiếng nổ ù tai, cánh quạt quay cuốn bụi đất mù một khoảng; cỏ cây ngả rạp. Người lớn, con nít túa ra khỏi nhà ngắm coi, tiếng người kêu gọi bị gió và tiếng động cơ quạt bay tung mất hút. Chiếc trực thăng đáp xuống nhưng không tắt máy, nó đậu vài phút rồi lại từ từ cất lên và bay về hướng đồn dân vệ tránh xa quốc lộ. Trẻ con và người lớn còn đứng lại ngắm và bàn tán. Một vài người nhìn thấy người đàn ông vận bà ba đen ôm bọc giấy dầu đứng trước quán hớt tóc. Quán hớt tóc là một bức vách gỗ thùng sữa và hai cây cột ngoài, ba mặt bỏ trống. Trong quán không có người, thợ đã nghỉ, nhưng vẫn còn một chiếc ghế ngồi trước một tấm gương đóng chặt lên vách, dưới tấm gương là một cái hộc gỗ buộc treo bằng dây kẽm, không có một vật dụng nào để trên. Người đàn ông ngó thấy mặt mình trong gương, con lộ bãi cỏ, mô đất cao xa mờ; hắn ngoảnh mặt bước tới quay lưng lại đồn dân vệ hướng về phía rừng cao su. Kế bên quán hớt tóc là tiệm chạp phô của người tàu tới một căn nhà đóng cửa, trên các cửa đóng dán những bích chương và khẩu hiệu tuyên truyền tới một tiệm trữ Âu dược, một tấm bảng gỗ treo ngang đong đưa với dấu thập đỏ. Qua khỏi tiệm trữ Âu dược là một nền nhà đổ rồi một khoảng đất vuông cao hơn mặt đồng trồng rau muống, làm chỗ họp chợ. Trên nền đất có vết cháy đen loang, cỏ vàng úa không mọc được. Sát chợ là nhà việc, mái thủng, tường lổ chỗ vết đạn, các cửa sổ bể gãy, tấm bảng treo rớt chỉ còn một đầu dính trên tường, nhìn vào trong gạch ngói bừa bãi chưa thu dọn. Nhà kế bên nhà việc cũng bị sập mái trước. Khoi gian nhà đổ, dãy phố nguyên vẹn. Người đàn ông đi qua một tiệm một người con gái Tàu lai ngồi đọc báo sau quầy hàng; một tiệm bán sách vở và tạp hóa; một lớp học với mươi bộ bàn ghế và tấm bảng đen; tiệm sửa xe máy với người thợ đang lui hui sửa ngoài hè. Người đàn ông ôm gói đứng lại nhìn người thợ làm việc. Anh này chợt ngửng lên toe miệng cười với người đàn ông nhưng nụ cười tắt ngay tức thời. Anh thợ ngừng hẳn tay ngắm nghía người lạ. Người đàn ông cố gắng cười, gượng gạo hỏi:

THANH TÂM TUYỀN

LỆ ĐÁ XANH

Tôi biết những người khóc lẻ loi
không nguôi một phút
những người khóc lệ không rơi ngoài tim mình
em biết không
lệ là những viên đá xanh
tim rũ rượi

đôi khi anh muốn tin
ngoài đời chỉ còn trời sao là đáng kể
mà bên những vì sao lấp lánh đôi mắt em
đến ngày cuối
đôi khi anh muốn tin
ngoài đời thơm phức những trái cây của thượng đế
mà bên những trái cây ngọt ngào đôi môi em
nguồn sữa mật khởi đầu
đôi khi anh muốn tin
ngoài đời đầy cỏ hoa tinh khiết
mà bên cỏ hoa quyến rũ cánh tay em
vòng ân ái
đôi khi anh muốn tin
ôi những người khóc lẻ loi một mình
đau đớn lệ là những viên đá xanh
tim rũ rượi
(Trích từ *Tôi Không Còn Cô Độc*)

- Giờ này xe còn trở xuống không anh Hai?

- Có lẽ hết.

Nói xong, người thợ tiếp tục làm việc, bỏ mặc người lạ đứng ngẩn nhìn xuống. Một hồi im lặng người đàn ông nói:

- Cám ơn anh Hai.

Người thợ không đáp, cũng không ngó lên. Và người đàn ông lại bước đi. Kế tiệm sửa xe là tiệm chạp phô của người di cư. Người đàn bà quần áo nâu răng đen, vấn khăn, mắt hấp háy đứng bên mấy bó củi và tĩn nước mắm ngó người lạ mặt chằm chằm. Người đàn ông ngó mông sang rừng cao su bên kia lộ. Hắn đi qua hai căn nhà nữa. Trước một căn nhà đóng cửa, đặt một cái lu nhỏ đậy nắp gỗ và một cái ca nhôm máng trên tường. Người đàn ông tiến lại bên cái lu, đặt gói giấy xuống hè, mở nắp lu lấy cái ca múc nước trong lu uống ừng ực. Uống xong hắn lại múc thêm một ca đầy đứng xích ra gần lộ đổ vào tay rửa mặt và cổ. Nước trà màu nâu đen. Lấy khăn trong túi áo lau khô mặt, hắn đậy lu, máng ca trở lại chỗ cũ, ôm gói đồ đi tới chỗ tận cùng dãy phố là con đường đất đỏ vắng hoe ngăn cái quán và rừng cao su. Hắn đứng ở đầu đường đất ngó mông vào xóm, nhìn con lộ chạy ẩn giữa hai hàng cao su tối. Hắn bước vào quán ngồi bàn phía ngoài, đặt gói đồ lên một cái ghế. Người đàn bà mập từ sau bếp bước ra nói:

- Hết trơn nước đá rồi. Cà phê cũng hết...

- Thím cho ngồi nghỉ đỡ đón xe.

Người đàn bà ngó khách từ đầu tới chân. Trong rừng cao su tiếng ve bỗng kêu từ xa tới gần. Người đàn ông ngó quanh khắp quán hỏi:

- Thím có bán cơm không?

- Không, không có cơm.

Người đàn bà bỏ vô nhà sau. Người đàn ông ngồi thẳng lưng, mó máy bật cái dây thun buộc gói giấy dầu. Hắn móc trong túi áo lấy ra một xấp giấy gói kỹ kiểm lại và đếm những tờ giấy bạc. Mấy tờ giấy năm đồng, mười đồng. Người đàn bà trở ra hỏi:

- Không có xe hả?

- Không có. Sợ hết.

Người đàn bà bỗng lắng nghe bảo:

- Có xe be tới đó.

Người đàn ông vội ôm gói đồ chạy ra lề đường. Hai chiếc xe be kềnh càng rần rần từ trong rừng cao su, xe chạy chậm. Người đàn ông đưa tay lên cao vẫy kêu: Cho quá giang... Hai người tài xế đưa tay vẫy chào và xe vẫn chạy.

Người đàn ông thất vọng lầm lũi trở vô quán. Từ một trại binh xa lắc vọng lại tiếng kèn chào cờ buổi chiều. Ve kêu rộn hơn. Người đàn bà hỏi:

- Chú ở đâu tới?

- Tôi kiếm thằng em của tôi làm đồn điền

cao su. Có lẽ tôi đi lộn xe, mấy năm trước tôi có lên đây một lần nhưng không nhớ rõ. Tôi nhớ khu nó ở gần lộ.

- Ôi, đồn điền cao su biết mấy mà kiếm? Đồn điền tên gì ở đâu mới được chớ?

- Tôi không nhớ, tới đúng nơi thì tôi biết.

- Chú nói chuyện trời đất không à.

Người đàn ông đặt gói đồ lên bàn, hai tay ngồi ôm lấy nó. Người đàn bà đột ngột sấng giọng hỏi:

- Giờ chú tính sao?

- Tôi không biết tính sao hết. Tôi đón xe.

Người đàn bà cao giọng:

- Chú nói cà rốn hoài. Giờ này kiếm xe... Chú tính mà mất toi. Bộ khi không chú ngồi đó không cho tôi đóng cửa tiệm đi ăn cơm hả. Chú tính chuyện gì? Tôi kêu lính trên đồn tới bây giờ...

Người đàn ông sửng sốt, giật hai tay ôm gói đồ vào bụng ngó trân người đàn bà:

- Tôi nói thiệt mà thím. Tôi đón xe mà.

- Mà tôi biểu chú không còn xe nữa. Chú tính cách sao?

Người đàn ông ngó ra lộ, ra ngoài rừng, nói một mình:

- Ờ. Không còn xe.

Tiếng ve kêu chỉ còn lẻ tẻ, rời rạc xa xa. Trời bắt đầu tím trên nền bóng núi xa. Người đàn bà tìm quẹt đốt cây đèn dầu hôi mắt vẫn dòm chừng khách lạ. Một chiếc xe díp vụt ngang ngoài lộ như một cơn gió. Người đàn ông dợm đứng dậy như tính rượt theo kêu, lại ngồi xuống ghế. Đèn thắp lên. Cửa bên hông mở ra phía con đường đất bên kia bìa rừng đã đóng. Người đàn bà đặt cây đèn lên bàn trong, tiến đến gần người đàn ông hỏi:

- Giờ chú tính sao?

Người đàn ông ngập ngừng:

- Thím cho tôi ngủ đậu. Thím làm phước. Mơi tôi đón xe về sớm.

Người đàn bà kêu lên:

- Đâu có được chú. Nhà tôi đâu phải nhà cho mướn. Biết chú là người thế nào mà cho chú ngủ đậu. Lỡ đêm chú cắt cổ tôi sao? Chồng tôi đi khỏi, tôi không chứa đàn ông...

- Thiệt tình mà thím..., tôi đi kiếm thằng em tôi. Thím làm ơn làm phước... Chớ giờ này tôi biết tính sao?

Người đàn bà suy nghĩ vài giây:

- Bộ chú lỡ đường thiệt à...

- Thiệt mà thím. Chớ khi không tôi tới đây làm gì.

Người đàn bà lại cao giọng:

- Không được. Chú ở đâu tới, tôi không biết. Chú xin ngủ đậu, không được. Lỡ đêm có chuyện gì người ta xét nhà, tôi nói sao. Không được. Tôi thương chú, ai thương tôi. Thôi chú đi đi, cho tôi đi ăn cơm. Tôi đói bụng rồi.

- Tôi đi đâu?

- Đi đâu thây kệ chú chớ. Mắc mớ gì tới tôi.

Người đàn ông chậm chạp đứng lên nhưng chưa bước đi. Người đàn bà tự động lùi lại một bước thủ thế. Người đàn ông nài nỉ:

- Tôi đi đâu? Thím nghĩ coi...

- Tôi không biết? Mấy người rắc rối lắm. Tôi không kêu lính trên đồn là may phước lắm.

Người đàn ông ngập ngừng bước ra khỏi quán. Dãy phố và con lộ im lặng như tờ, chỉ nghe tiếng ve rộn xa và tiếng côn trùng khởi trỗi lẻ tẻ ở bãi cỏ. Người đàn bà khép cửa quán lại nhưng vẫn còn ló đầu dòm theo người lạ. Người đàn ông đi trở ngược dãy phố. Trong tiệm chạp phô, gia đình đang ăn cơm trên bộ ngựa ở ngoài. Người đàn bà vấn khăn đang bới cơm không ngó thấy bên ngoài.

Người lạ mặt đứng lại trước tiệm sửa xe. Người thợ đã tắm rửa, thay đồ, ngồi trên ghế ngay trong cửa ôm cây đàn ghi ta đang khẩy. Người đàn ông đứng lại, rồi tiến tới bên cửa:

- Chào anh.

Người thợ ngừng tay khẩy, ngó lên hỏi:

- Gì anh?

Người đàn ông đứng trân một hồi mới nói:

- Anh hai làm ơn chỉ giùm tôi có chỗ nào ngủ đậu một tối, tôi lỡ đường hết xe rồi.

Người thợ cười riễu, gác cẳng lên thềm cửa:

- Chỗ ngủ đậu. Anh tới đầu quán kia hỏi coi...

- Tôi hỏi rồi. Họ không chịu.

- Vậy tôi cũng chịu.

Người thợ lại tiếp tục khẩy đàn và cười một mình. Người đàn ông vẫn đứng yên tại chỗ:

- Anh Hai cho tôi ngủ đậu. Dưới đất cũng được. Mơi tôi đón xe về sớm.

- Cha nầy giỡn hoài ta. Tôi đâu quen biết anh.

- Anh cho tôi ngủ đậu một tối thôi.

- Bộ anh cho là tôi khùng hả. Cha này kỳ quá...

Người đàn ông quay mặt về phía rừng cao su trong ấy bóng tối đã dầy – Ngoài rừng trời chạng vạng nhá nhem. Người đàn ông đi tới bên lề đường. Một vài tiếng đại bác nổ ầm ở

xa. Hắn đi vài bước về hướng nhà việc rồi bỗng quay bước. Trong tiệm xe máy tiếng đàn dạo đến khúc mùi mẫn. Hắn đến trước căn nhà có đặt lu nước ở ngoài và đứng đợi. Nhà cửa đóng kín không thấy ánh sáng. Hắn gõ nhẹ lên cánh cửa rồi nghe ngóng. Có cả mấy phút không tiếng trả lời. Trong nhà tiếng niệm Phật rất nhỏ. Hắn đứng đợi nghe tiếng mõ đều đều thỉnh thoảng đệm tiếng chuông. Trời cứ tối dần. Một hồi hắn lại gõ cửa và sau tiếng ho là tiếng hỏi nhỏ:

- Ai đó?

Người đàn ông không đáp. Hắn lại gõ cửa. Trong nhà lại nghe tiếng hỏi: Ai đó? Tiếng động trên cửa và một lỗ hổng tròn được kéo ra ngang tầm ngực người đàn ông:

- Ai ở ngoài đó?

Người đàn ông cúi nghiêng xuống ngang mặt với lỗ hổng:

- Tôi lỡ độ đường.

- Chú kiếm ai?

- Dạ không, thưa bác, con kiếm chỗ ngủ tối nay. Bác cho con ngủ nhờ.

Bên trong im lặng khá lâu, tiếng thì thào rồi nghe giọng già cả run rẩy:

- Thôi chú ơi, tôi tu hành chú đừng phá tôi.

- Thưa bác thiệt tình con lỡ đường. Con đi kiếm thằng em mần trong đồn điền cao su lại lên lộn xe. Giờ không có xe về. Bác cho con ngủ đậu một tối. Mai con đón xe về sớm.

- Thôi mà chú, chú kiếm nơi khác. Tôi tu hành mà.

- Không đâu họ chịu cả. Bác làm phước thương con.

- Tôi biết chú nói thật. Nhưng chú thương chúng tôi. Chúng tôi không làm hại ai cả. Chú cảm phiền. Trong nhà chỉ có mấy bà cháu không có đàn ông. Lỡ ra tội nghiệp, chú ơi...

- Thưa bác con thật tình. Con không gạt. Con đi kiếm người em.

Bỗng trong nhà có giọng thiếu nữ ngắt ngang:

- Bà tôi nói thiệt mà. Khi không tới ngủ đậu. Ai mà tin được. Tụi tôi la bây giờ là lính trên đồn nghe thấy xuống tới.

- Tôi thiệt tình mà cô hai.

- Thiệt hay không thiệt cũng không ai chứa người lạ trong nhà.

Một tiếng nổ ầm rung chuyển đất. Lỗ hổng đóng sập lại và tiếng chân chạy trong các nhà. Mọi cửa đều đóng vội. Những tiếng nổ tiếp theo còn cách xa. Người đàn ông dáo dác ngó ra đường. Trên trời phía rừng cao su trái hỏa pháo bắn vọt lên lơ lửng vài phút rồi tắt. Tiếp theo một trái hỏa pháo khác. Người đàn ông đứng ôm bọc giấy bên lu nước.

TRỊNH CUNG

Im Lặng Anh

Kính viếng Thanh Tâm Tuyền

Tôi biết
Tù anh có sợ "giây điện cuốn lấy chúng ta"
Không có con đường nào chạy thoát
Cô độc
Cái chết
Chờ đợi bữa tiệc bầy sói
Chúng ta đã thật sự bại trận
Không còn cách nào
Ngoài im lặng

Máu anh đã khô đen "tiếng thét"
Thì hãy tự do
lấy ra từ túi áo bỏ quên trên đường tháo chạy
gọi tên mình "cho đỡ nhớ"

Tôi biết
Bầy sói vẫn không ngừng từ bỏ thói háu ăn
món thịt tuyệt vọng
Chúng ta lầm lẫn bẩm sinh
Hồn nhiên hy vọng
Hồn nhiên tuyệt vọng
Hồn nhiên chết
Bằng im lặng
Im lặng Thanh Tâm Tuyền.

Cali 24.3.2006

Thanh Tâm Tuyền

THẢO TRƯỜNG

Vào những năm 1958-1961 tôi sống ở Huế. Từ thành phố tới chỗ tôi ở phải "qua một chiếc cầu lên một cái dốc," căn nhà khoảng giữa Chùa Từ Đàm và Đàn Nam Giao, nơi đó đêm đêm tôi viết những truyện ngắn, gửi cho ông Mai Thảo đăng trên tạp chí Sáng Tạo. Cũng vì có liên hệ như thế nên mỗi khi vào Sàigòn, tôi thường lui tới tòa soạn Sáng Tạo số 29 đường Ký Con, Quận 1, ở đó tôi có dịp gặp các vị trong bộ biên tập do ông Mai Thảo giới thiệu như: Duy Thanh, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Doãn Quốc Sĩ, Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sĩ Tế, Quách Thoại, Tô Thùy Yên và... Thanh Tâm Tuyền. Trong bản tuyên ngôn "Văn nghệ là vận động biện chứng của hủy diệt và sáng tạo" của nhóm Sáng Tạo đưa ra chủ trương "Phủ nhận văn nghệ tiền chiến," thì tôi nghĩ là không thể phủ nhận được vì "văn nghệ tiền chiến" có vai trò và sứ mệnh đã hoàn thành của thời kỳ đó. Giá trị của "văn nghệ tiền chiến" đã ghi lại trong văn học sử Việt Nam. Chính thể cộng sản ở miền Bắc cũng đã từng có chủ trương xóa bỏ những giá trị "văn nghệ tiền chiến" nhưng họ đã không làm nổi, thì há gì nhóm Sáng Tạo là những người đã từ bỏ cái chính thể lầm lẫn đó di cư vào miền Nam lại chủ trương "phủ nhận." Nhưng đối với tôi, các vị ấy đều đã để lại trong tôi những dấu ấn đặc biệt, bằng họa phẩm, thơ, truyện ngắn, tùy bút, hay biên khảo... Thí dụ như: "Quán Cháo Lú" của Vũ Khắc Khoan, "Hạt Ba Dăng Của Niêm" của Mai Trung Tĩnh, "Niềm Đau Nhức Của Khoảng Trống" của Dương Nghiễm Mậu, "Cánh Đồng, Con Ngựa, Chuyến Tầu" của Tô Thùy Yên, "Dòng Sông Định Mệnh" của Doãn Quốc Sĩ, "Trắng Chiều" của Nguyễn Sĩ Tế, kịch bản "Bão Thời Đại" của Trần Lê Nguyễn... v.v... nhiều lắm.

Những thơ văn của các vị ấy đã kích thích tôi trong công việc sáng tác. Đọc những tác phẩm của họ tôi bèn muốn viết một cái gì đó của tôi.

Riêng với Thanh Tâm Tuyền, bài thơ Budapest mà tôi đọc được đã trụ lại trong tôi suốt từ bấy đến nay. Biến cố bi thảm ở Budapest năm 1956 mà truyền thông khắp thế giới đã nói đến rất nhiều bằng những từ ngữ rất mạnh mẽ, thì nhà thơ của chúng ta đã chỉ dùng hình ảnh của đôi trẻ để mô tả cuộc đàn áp dã man tàn nhẫn đó. Mấy câu thơ giản dị đã gây xúc động và còn lại mãi trong lòng người thưởng ngoạn. Xin đừng hỏi tôi bài thơ ấy hay ở chỗ nào. Chịu. Xin chịu. Tôi không có may mắn được đào tạo về những lý sự thế nào là hay thế nào là không hay và điều đó cũng đã thành thói quen trong tôi. Cho nên tôi chỉ cần thấy được cái nào hay là đủ. Rồi về sau, nhiều lúc, nhiều nơi (kể cả ở nhà tù) tôi đã gặp nhiều người cũng rất thích bài thơ đó. Có ai đó đọc lên một câu liền có người khác phụ họa theo, chứng tỏ bài thơ rất phổ biến.

"Hãy cho tôi khóc bằng mắt em,
Những cuộc tình duyên Budapest
Hãy cho tôi chết bằng da em,
Dưới dây xích chiến xa tội nghiệp..."

Tôi chợt nhớ tới bài khóc Xít ta lin. Người nghệ sĩ tự do chân chính khóc cho tình yêu bị thảm tử vì bạo lực đàn áp. Kẻ mưu đồ chính trị vật vã khóc tên đồ tể. Một bên "Hãy cho tôi khóc bằng mắt em, những cuộc tình duyên Budapest...". Một đằng "Hỡi ôi! ông mất có trời đất không, thương cha thương mẹ thương chồng, thương mình thương một thương ông thương mười! Ông Xít ta lin ơi!..."

Sau này tôi có dịp gặp Thanh Tâm Tuyền thường xuyên ở nhật báo Tiền Tuyến. Hồi đó tôi đã chuyển về Saigon, có viết truyện dài "Bà Phi" và thỉnh thoảng "đi" một bài tạp ghi cho Ký giả Lô Răng. Thanh Tâm Tuyền cũng từ một đơn vị bộ binh chuyển về làm trong ban biên tập. Có một lúc Phan Lạc Phúc phải đi học tham mưu gì đó, Thanh Tâm Tuyền phải lãnh thêm cái mục tạp ghi và mỗi ngày ông phải "cầy" thêm một bài báo nữa, và tôi cũng lai rai mỗi tuần "đi" đỡ cho ông một quả. Ký giả Ba Tê thay cho Ký giả Lô Răng. Dưới bài tôi viết ông Ba Tê nói đùa tôi là Hai Tê. Nhưng tôi vẫn giữ cái bút hiệu Cơ Hảo đã dùng quen bên tuần báo Diều Hâu mục "Một Tuần Sấp Ngửa". Chữ "sấp ngửa" cũng do Thanh Tâm Tuyền gợi ý cho tôi đặt tên mục phiếm luận này.

Chúng tôi gặp lại nhau trong trại tù rừng núi Âu Lâu, Yên Bái. Tôi từ trong Nam chuyển ra bằng tầu thủy, bằng xe lửa và xe vận tải mất gần mười ngày, đến trại ban đêm, sáng ra có họa sĩ

Nguyễn Nguyên đến dẫn tôi sang lán kế bên gặp Thanh Tâm Tuyền. Chúng tôi cười xòa tập hút thuốc lào và tán gẫu chuyện đời. Thanh Tâm Tuyền cho tôi một ít thuốc ký ninh chống sốt rét và căn dặn tôi phải hết sức phòng bệnh: muỗi rừng và nước độc! Trong khi ấy họa sĩ Nguyễn Nguyên lấy giấy và bút chì vẽ luôn cho tôi mấy bức chân dung ngay khi tôi ngồi trên sạp nứa chỗ ngủ của ThanhTâm Tuyền. Những bức vẽ này tôi đã cất giấu và sau đó tôi đã chuyền cho chị ruột tôi lên thăm đem về chuyển cho gia đình tôi ở Mỹ (đã in trong tập truyện TTTTBTG).

Mấy năm sau ở Vĩnh Phú, nhưng mỗi người mỗi trại giam khác nhau, chỉ thỉnh thoảng có tin tức nhau qua những bạn tù. Tôi nhận được mấy câu thơ của Thanh Tâm Tuyền vịnh củ sắn sống. Thời gian này tù binh bị bỏ đói, sức tàn lực kiệt, nhiều anh em đã bị chết, chôn kín cả sườn đồi gần trại, cho nên có khi kiếm được củ sắn sống tù binh cũng dấu đi ăn cho dạ dày bớt thèm thuồng.

Lạ lắm, củ sắn bóc lớp vỏ ngoài để lộ ra một thân hình tròn lẳn, trắng tinh, trắng muốt, trắng như không có gì trắng thế, mịn như không có gì mịn thế, xinh đẹp như không có gì xinh đẹp thế, gợi cảm như không có gì gợi cảm thế, hấp dẫn như không có gì từng hấp dẫn đến thế... Nhưng sắn sống có nhiều độc tố, bập vào là say. Trắng trẻo, xinh đẹp, nõn nà... dễ làm cho anh hùng gục ngã! Loại sắn vỏ màu hồng nhạt (gọi là sắn tầu) thì còn có thể nhưng phải ngâm nước rồi luộc kỹ thải chất độc ra mới có thể ăn được, nhưng loại sắn kỹ nghệ vỏ trắng (chắc là sắn...mỹ) thì tuyệt đối không ăn được. Say sắn cũng lắm chuyện kinh hoàng. Ăn vào chỉ ít phút sau là ói mửa ra "mật xanh mật vàng," tiêu chảy, người sẽ gầy rộc đi, mắt sâu hoắm. Cũng không đến nỗi chết ngay, nhưng từ đó mất sức dễ bị các chứng bệnh hiểm nghèo. Tôi đã thấy một ông trung tá liên đoàn trưởng biệt động quân, cùng khóa 6 sĩ quan trừ bị với tôi đã bỏ mình vì say sắn ở K1 Vĩnh Phú. Núi rừng Việt bắc còn có nấm độc, trái vải guốc, cũng gây ngộ độc chết người. Ăn nhầm mấy thứ này người ta thường vặt một nắm lá nhớt như lá khoai lang bỏ miệng nhai nuốt tí nước cho buồn nôn tống ra hết những thứ trong dạ dày để giảm thiểu chất độc trong người.

Củ sắn ghê gớm. Nó bao vây trùng trùng điệp điệp các trại tù. Nó chất chứa trong các kho nhà bếp dưới dạng sắn sống, sắn khô (còn gọi là sắn nút chai), sắn "dui" (không rõ ý nghĩa cái tên này). Nó bám trụ trong bao tử, trong cơ thể tù binh. Không ăn nó thì đói, nuốt nó vào thực quản nóng ran và dưới hai màng tang mỗi tù binh nổi lên hai cục trông như hai cái bướu nhỏ, hai cái bướu này chỉ mất đi sau cả tháng không ăn sắn nữa. Hàng triệu tù binh miền nam, kẻ nào lỡ sống sót sau tù đày, ít ra cũng phải hội nhập chung vào với cả một thế hệ còi cọc miền bắc, để công cuộc thống nhất đất nước mang trọn vẹn ý nghĩa của nó! Trước cái đói ngơ ngác chết người đang đe dọa và hình tượng củ sắn chiến lược xã hội chủ nghĩa "vĩ mô" như thế, nhưng thi sĩ của chúng ta vẫn bình thản mô tả nó một cách lạnh lùng, có pha chút lãng mạn bỡn cợt:

"Thoát xiêm y, trắng nõn nà,
Lửa lòng bốc cháy ai mà chẳng say"...

Năm 1993 tôi tới Mỹ, Thanh Tâm Tuyền từ Minnesota gửi tặng tôi tập thơ "Thơ Ở Đâu Xa," chúng tôi có vài lần nói chuyện với nhau qua điện thoại, và mỗi khi in được một tập truyện tôi cũng đều gửi tặng Thanh Tâm Tuyền, nhưng suốt mười mấy năm nay chúng tôi chưa được gặp lại nhau lần nào. Nay nghe tin nhà thơ đã ra đi, cũng chẳng phải bất ngờ vì đó là điều tất nhiên cho tất cả mọi người, vả lại chúng tôi cũng đã thất thập, Thanh Tâm Tuyền còn lớn hơn tôi một tuổi, nhưng tin nhà thơ mà mình quí trọng đã vĩnh viễn từ giã cõi đời cũng làm cho tôi ngậm ngùi khôn tả.

Thanh Tâm Tuyền là người điềm đạm, trầm ngâm, ít nói, khi nói thì nói chậm rãi. Tôi và ông chưa hề bao giờ "mày tao," chỉ đôi lần vui chuyện ông dùng chữ "cậu cậu tớ tớ" là đã thân thiết lắm rồi. Khi nói chuyện cũng như khi viết, Thanh Tâm Tuyền dùng chữ rất chuẩn xác. Tôi chưa thấy bao giờ ông hô hoán hay dùng những chữ kích động, nhưng cách nói bình thản của ông lại đem đến những hình ảnh gợi cảm.

Thơ văn của Thanh Tâm Tuyền đã xuất bản phổ biến, nhưng hình như câu thơ vịnh củ sắn thì tôi chưa thấy in trong tác phẩm nào của ông.

Tôi nghĩ chế độ cộng sản chỉ giam giữ và bỏ đói được ông đại úy Dư Văn Tâm, họ không, và không bao giờ, bỏ tù được thi sĩ Thanh Tâm Tuyền. Thi sĩ đã nhìn củ sắn độc trồng lền khên khắp núi đồi xung quanh trại giam bằng cái nhìn của ca dao, bằng cái nhìn của thi ca, bằng cái nhìn riêng của thi sĩ, mà không anh cai tù cộng sản nào nhìn thấy được. Cộng sản ở Liên sô, cộng sản ở Budapest, cộng sản ở Âu Lâu - Vĩnh Phú, hay cộng sản ở bộ chính trị... chẳng thể làm gì được thi sĩ . Họ cũng không được phép xách dép cho nhà thơ tự do.

Vậy. Hôm nay. Chúng ta họp mặt ở đây để tỏ lòng quí trọng thi sĩ của chúng ta.

(25/3/2006)

NGÔ NHÂN DỤNG

KHẤN THUÊ

Ở Hà Nội bây giờ có nghề khấn thuê. "Con lạy chín phương Trời mười phương Phật, con lạy Đức Thánh Bà linh thiêng giúp tín chủ con là Nguyễn Thị ... phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội, xin Thánh Bà bịt mồm bịt miệng mấy đứa bán hàng bên cạnh làm cho chúng nó khuynh gia bại sản để tín chủ con phát tài phát lộc..." Giá 10,000 đồng Việt Nam, bằng 75 xu Mỹ.

Tại sao người ta lại trả tiền cho các bà khấn thuê để cầu lợi cho mình và làm hại người khác? Chắc có người đã khấn và thấy có hiệu quả. Mười người đi cầu khẩn, thế nào cũng có vài ba người trúng. Ai trúng thế nào cũng đến lễ tạ, quảng cáo thêm cho Thánh và nghiệp đoàn khấn thuê. Mấy người không trúng thì biết phận mình vô phúc bị thánh bỏ rơi, đâu còn dám đi khoe với ai. Cho nên cửa hàng khấn vái cứ thế làm ăn phát đạt.

Nhưng tại sao người ta không tự mình khấn lấy mà phải đi nhờ "chuyên gia khấn vái?" Các bà khấn thuê này không phải là bà đồng bà cốt, không đi tu, không tốt nghiệp trường Đảng, cũng không theo các lớp huấn luyện nghiệp vụ nào cả; sao phải nhờ họ khấn vái? Câu trả lời nằm trong tập quán xã hội chủ nghĩa. Ở đâu cũng phải khấn vái, ở đâu cũng có các chuyên gia khấn vái đóng vai trung gian. Trong đời sống, dân ta đã thấy mỗi lần cầu xin cái gì mà có "khấn" thì hiệu quả tốt hơn, bèn suy bụng trần gian ra bụng các thánh. Dù sao, có khấn có lành. Phong trào khấn vái lan từ những cửa quyền sang cửa phủ, cửa đình, cửa chùa, biến các tín ngưỡng truyền thống thành trò mê tín dị đoan. Đó cũng là một thành tựu văn hóa của Đảng sau 50 năm xây dựng chủ nghĩa Xã hội.

Tin trong nước cho biết ông Bùi Tiến Dũng, Dũng Cá độ, tổng giám đốc Pờ MU 18 thuộc bộ Giao thông Vận tải đã từng nướng gần hai triệu đô la vào các cuộc đánh cá bóng đá, cũng là một chuyên viên khấn vái. Dũng đã giúp đỡ rất nhiều tín chủ. Nhờ ông mà nước ta có thêm nhiều triệu phú đô la. Không những chỉ khấn các thánh bằng tiền, ông còn dâng hiện vật nữa. Ông khấn cấp trên cả một cô ca sĩ, nguyên từ đầu đến chân, cấp trên của ông chắc là người rất yêu âm nhạc.

Còn một lý do khác khiến người ta đi khấn Đức Thánh Bà ở La Khê, đó là nguyên nhân tâm lý. Con người lúc nào cũng lo sợ trước những bất trắc ở đời. Mưu sự tại nhân, thành sự tại quỷ thần, cho nên cứ đi hối lộ thần thánh cho nó yên tâm, đêm ngủ ngon được vì trong bụng không phấp phỏng nữa. Khấn vái như vậy khỏi cần phải đến thăm các bác sĩ trị liệu tâm thần, mà loại bác sĩ này ở Việt Nam còn hiếm lắm.

Khấn khứa bớt lo

Hiện nay trong đảng Cộng Sản Việt Nam đang chồng chất những mối lo. Nhiều người lo hụt cái ghế Trung ương trong Đại hội X sắp mở ngày 18 tháng Tư này. Ông Bùi Tiến Dũng chẳng hạn, chắc là hụt rồi, mặc dù đã khấn vái kỹ lắm cho nên được các ông Trần Đình Hoan và Nông Đức Mạnh đề cử vào Trung ương Đảng. Cho nên quý vị sẽ không ngạc nhiên khi thấy các tín chủ đến Đình Bia Bà khấn: "Lạy Bà mớ bái, xin bà phù hộ cho con chuyến này trúng vào Bộ Chính trị, nếu không thì cũng lọt vào Trung ương Đảng." Khấn xong là giải quyết mối lo riêng của mỗi nhà lãnh đạo.

Nhưng còn một mối lo chung cho quý vị quan chức và các đảng viên, là cả bọn họ không biết "định hướng xã hội chủ nghĩa" nó sẽ đi về đâu. Một chuyện quan trọng như thế mà không ai biết, cãi nhau mãi. Thành ra sẽ có người đi khấn: "Lạy bà mớ bái, xin bà phù hộ cho Đảng Ta cứ tiến tới chủ nghĩa Xã hội, tiến ra sao cũng được, miễn là chúng con làm ăn phát đạt bằng năm bằng mười năm ngoái!" Khấn như vậy được cả việc chung lẫn việc riêng.

Những câu khấn khứa lại ngắn gọn, dễ thuộc và dễ hiểu hơn những bản báo cáo chính trị và các bài lý luận đăng trên báo Nhân Dân. Bởi vì chính những bài lý luận về xây dựng chủ nghĩa Xã hội dài dòng thực ra bản chất cũng chỉ là những bài khấn vái, cốt tạo ra tác dụng tâm lý như những lời khấn vái đình Bia Bà mà thôi. Nghe các bài giải thích "Tại sao phải kiên định đường lối xã hội chủ nghĩa," các nhà lãnh đạo ta thấy yên tâm hơn. Trong lúc chính trong bụng họ đã đầy rẫy nghi ngờ chủ nghĩa Cộng Sản, nghe khấn tên các thánh Marx, Lenin xong có thể ngủ một giấc, mai ngủ

dậy lo làm ăn tiếp. Ai lo viết các bài lý luận khấn vái giúp đảng? Đó là nhiệm vụ văn hóa tư tưởng.

Những lý thuyết gia lỗi lạc của Đảng chính là các thầy khấn thuê. Đảng đang phân vân không biết nên tư bản hóa nhanh hơn, hay là nên trở lại lối cai trị thời ông Đỗ Mười cho nó dễ. Nếu thay đổi nhanh hơn thì sao? Trở về lối cũ có được không? Trong lòng ai cũng mang một mối lo canh cánh khi nghe mỗi người một ý.

Đó là lúc cần tới các thầy khấn để giúp các quan chức an lòng. Các thầy viết những bản báo cáo chính trị dài hàng vạn chữ, mục đích chính cũng là trấn an các nhà lãnh đạo rằng công việc làm ăn vẫn tốt, cứ thế mà làm không thay đổi gì nhiều quá, đổi nhiều quá có khi lại sôi hỏng bỏng không. Ý chính chỉ có thế. Nhưng nếu viết chỉ có hai câu như vậy thì cũng giống như một bà khấn thuê ở Đình Bia Bà không biết khấn, không đáng đi học Trường Chính trị Quốc gia. Cho nên phải bầy vẽ ra những chủ nghĩa này với lý thuyết, định hướng kia, toàn danh hiệu các thánh, làm sao cho người đọc mỏi mắt, nhức đầu, không còn đọc tiếp được nữa.

Anh Nguyễn Tiến Trung, đang du học tại Pháp, đã viết một bài "kiến nghị" dài góp ý kiến với bản Dự thảo báo cáo chính trị Đại hội X của đảng Cộng Sản Việt Nam. Anh lại viết một lá thư gửi ông Bộ trưởng Giáo dục Việt Nam. Các bài của anh được phổ biến trên nhiều mạng lưới, như trang lưới của đài BBC tiếng Việt. Một độc giả ở Hà Nội đã viết thư tỏ ý thán phục tài "kiên trì ngồi đọc" bản dự thảo của anh Trung, vì, "tôi đã thử mấy lần nhưng không đọc hết được."

Anh Nguyễn Tiến Trung viết rằng: Phần IV của bản Báo cáo tuyên bố "các thành phần kinh tế bình đẳng trước pháp luật." Mặt khác, bản báo cáo lại nhất định "lấy kinh tế quốc doanh làm chủ đạo." Thế là thế nào? Anh Trung hỏi: Nếu một thành phần kinh tế là chủ đạo, thì bình đẳng ở đâu?

Hỏi như vậy rất hay. Nhưng anh Trung quên rằng Đảng nói "bình đẳng trước pháp luật" tức là chỉ bình đẳng ở "phía trước" của pháp luật thôi. Còn những thứ ở sau lưng pháp luật lại khác. Mà Đảng thì lãnh đạo tất cả nước, kể cả pháp luật, cho nên Đảng lãnh đạo đằng trước hoặc đằng sau, chỗ nào chả được? Câu chuyện kinh tế chủ đạo thuộc loại làm ở phía sau lưng! Bữa rồi có một ông Tổng thanh tra chính phủ Quách Lê Thanh, bị dính dáng tới ba ông phó tổng thanh tra ăn hối lộ khi đi thanh tra công ty Dầu Khí. Báo chí cho biết những anh ăn hối lộ này đã bị bắt lần lượt từ giữa năm ngoái tới đầu năm nay, và họ khai đã từng đem phong bì đến nộp cho ông tổng thanh tra. Nếu sống ở một nước trọng pháp luật thì khi ông tổng thanh tra thấy đàn em để cái phong bì lên bàn sẽ kêu cảnh sát vào lập biên bản liền. Nhưng ông Quách Lê Thanh cứ để yên. Không biết ông có nói "thank you" hay không, vì trong ca dao hiện đại có câu:

"Thanh cha, thanh mẹ, thanh dì
Hễ có phong bì thì lại thanh kìu!"

Tại sao không bắt quả tang một người đang hối lộ mình, đem ra cho pháp luật sử, mà lại lặng im? Ông Thanh lẳng lặng vì ông không có thói quen dùng hệ thống pháp luật. Ông là thành phần trong chính phủ Phan Văn Khải nhưng ông lại đem mấy cái phong bì trình lên Bộ Chính trị, cấp cao hơn ông Khải!

Đó chỉ là một thí dụ để giải thích cho anh Nguyễn Tiến Trung hiểu rằng ở nước ta có pháp luật mà cũng không có pháp luật. Có lẽ anh rời Việt Nam sang Pháp học tiến sĩ mấy năm rồi nên quên tiếng Việt! Cho nên anh đã viết những lời thiết tha, "Đảng phải chấm dứt ngay lập tức việc vi phạm pháp luật: độc quyền chính trị, tham nhũng, bắt người lấy của trái phép, (vân vân)."

Chúng tôi rất kính mến tấm lòng thiết tha yêu nước của anh Nguyễn Tiến Trung, nhưng anh hoàn toàn hiểu lầm bản báo cáo chính trị của Đảng. Nó không cốt đưa ra ý tưởng, đường lối, chính sách nào cả. Đó là những lời khấn khứa để các cấp lãnh đạo đảng đọc với nhau cho yên tâm mà thôi. Sau này họ thấy làm cái gì có lợi thì họ vẫn làm, có ai bắt bẻ được đâu?

Nhưng bản báo cáo này làm nhiều người không hài lòng. Nhiều vị thầy khấn nghĩ họ tài ba lỗi lạc, có thể khấn hay hơn. Bởi vậy cho nên có ông Nguyễn Đức Bình viết thêm một bài trên báo Nhân Dân, bác bỏ lối văn ba phải của bản báo cáo chính trị. Ông Bình chê là phải. Ông muốn đảng Cộng Sản phải "kiên định đường lối xã hội chủ nghĩa" mà bản báo cáo lại cứ lấp lửng. Ông phản đối việc cho đảng viên kinh doanh tư, là việc làm trái với lời các thánh tổ Karl Marx, Lenin, Hồ Chí Minh. Ông còn chê bản báo cáo đánh rớt luôn cái lập trường giai cấp! Báo cáo cái gì mà lại viết: "Đảng ta là đội tiên phong của giai cấp công nhân, ..., đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam." Ông Bình chê rất đúng: Đảng ông là đảng của một giai cấp. Có cái đảng chính trị nào lại là đảng của tất cả mọi người

dân trong một nước, không phân biệt giai cấp hay không? Mất lập trường giai cấp trông thấy! Khấn vái cái kiểu như thế không khác gì "Lạy Thánh Bà mớ bái, đồng thời lạy Thánh Ông, Thánh Cậu cũng được!" Khấn như vậy thì thánh nào tin? Ông Nguyễn Đức Bình đã vạch ra ba nhược điểm trong một câu khấn trên, nói chung, nó làm mất lập trường giai cấp của đảng Cộng Sản. Những biện luận đó chứng tỏ ông Bình là một nhà lý thuyết lỗi lạc của đảng Cộng Sản hiện nay.

Nhưng biện luận như vậy để làm gì? Ông Nguyễn Đức Bình có bắt Trung ương Đảng thay đổi được gì trong bản báo cáo đó hay không? Liệu họ có bỏ luôn không xin vào Tổ chức Mậu dịch Thế giới nữa, để giữ vững lập trường giai cấp hay không? Ông Nguyễn Đức Bình chắc cũng biết thừa là không đổi được gì hết, vì giới lãnh đạo đảng đã biết cái gì có lợi nhất cho họ rồi. Nhưng việc của ông là khấn thuê, ông vẫn phải làm. Ít nhất để chính ông và ông Đỗ Mười yên tâm. Có khấn có lành là như vậy.

MỸ KHÔNG TÔN TRỌNG TỰ DO MẬU DỊCH

Chính phủ Mỹ đang vận động để Ấn Độ mở cửa kinh tế, ít nhất cũng mở rộng thêm chút chút cho bằng Trung Quốc. Mà điều này thì có lợi cho cả Ấn Độ. Năm ngoái, số tiền ngoại quốc đầu tư vào Trung Quốc cao gấp mười lần vào Ấn Độ. Một lý do là Ấn Độ đã cải tổ chậm hơn Trung Quốc 15 năm mà vẫn hạn chế ngay cả việc đầu tư. Thí dụ, công ty bán lẻ Wal Mart; có 6,500 cửa hàng trên khắp thế giới, trong đó có 56 cửa hàng bên Trung Quốc, nhưng vẫn không được phép vào Ấn Độ. Nhân chuyến công du vừa qua của Tổng thống George W. Bush, Ấn Độ mới cho phép công ty Nike mở cửa tiệm bán giầy đầu tiên ở xứ này.

Nước Mỹ vẫn chủ trương kinh tế thế giới phải tự do. Có trao đổi thương mại, đầu tư tự do thì các quốc gia mới cùng tiến bộ. Nhưng trong lúc chính quyền Mỹ vẫn hô hào như vậy, thì quốc hội Mỹ lại ngăn chặn không cho công ty Dubai Ports World (DPW) tiếp thu việc quản trị sáu bến cảng ở Mỹ, sau khi công ty của chính phủ Dubai đã mua công ty P&O của Anh với giá 6 tỷ 8 mỹ kim. Cuối cùng DPW phải chịu thua, sẽ nhượng lại quyền khai thác các bến tầu ở Mỹ.

Nhưng tại sao quốc hội Mỹ lại chống việc công ty Dubai mua quyền quản lý các hải cảng ở Mỹ? Những người chống đối nêu ra lý do an ninh. Nhưng lý do thực là vận động tranh cử cho cuối năm nay.

Hai phần ba dân chúng Mỹ muốn cấm không cho công ty Dubai tiếp thu các hải cảng ở nước họ! Các dân biểu Hạ viện đều phải tái tranh cử năm nay, một phần ba các nghị sĩ cũng phải tranh cử lại, họ đều phải lắng nghe dư luận. Đảng Dân Chủ thì được cơ hội tấn công đảng Cộng Hòa ngay trên sân banh của họ, là vấn đề an ninh quốc gia, họ phải bắt lấy cơ hội hiếm hoi này. Giới lãnh đạo đảng Cộng Hòa trong quốc hội cũng phải ngả theo.

Nhưng nếu công ty Dubai tiếp thu các bến cảng bốc hàng ở Mỹ từ tay công ty P&O thì có gì đe dọa an ninh nước Mỹ hay không?

Trước hết, các công ty trên chỉ quản lý các bến bốc hàng bằng "công" (container), không phải là họ làm chủ các hải cảng như người ta có thể hiểu lầm. Hiện nay 60 phần trăm các bến bốc hàng ở Mỹ là do các công ty ngoại quốc chịu trách nhiệm; 5 phần trăm là các công ty quốc doanh nước ngoài. Mỗi hải cảng có rất nhiều bến bến bốc hàng trong công tê nơ, cho nên các bến bốc hàng ở Los Angeles chẳng hạn, là bến lớn nhất nước Mỹ, do các công ty Đan Mạch, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Singapore quản trị. New York, New Jersey có các công ty Đan Mạch, Hồng Kông. Đứng hạng ba là cảng Long Beach ở California, có các công ty Nhật Bản, Hàn quốc và Hồng Kông. Từ năm 1981, công ty quản lý bốc hàng Trung Quốc là China Ocean Shipping Co. (viết tắt là Cosco) đã sử dụng bến Long Beach.

Trên thế giới những công ty bốc dỡ hàng lớn nhất thuộc Hồng Kông, Singapore, Dubai, Đan Mạch, là những quốc gia và lãnh thổ nhỏ nhưng có tham vọng trở thành những trung tâm thương mại quốc tế. Mỹ không có công ty bốc dỡ hàng hạng lớn quốc tế. Lý do giản dị, vì lương bổng trả người Mỹ cao hơn hẳn các nước kia, mà mức lời của công việc bốc dỡ hàng thì rất thấp. Công ty Sea-Land của Mỹ thành lập từ nửa thế kỷ nay, đã được đem bán cho công ty CSX. Người Mỹ có thể bán lấy tiền đầu tư vào các ngành khác kiếm lời nhiều hơn. Năm 1999 CSX đã bán Sea-Land cho công ty Moller-Maersk của Đan Mạch. Năm ngoái, đến lượt cả công ty CSX được đem bán cho một công ty Singapore.

Các công ty quản lý bến bốc hàng chỉ lo việc bốc dỡ các "công," những bến bốc hàng của họ nằm trong các khu riêng, không phải là nơi hành khách ra vào. Họ không làm chủ các bến mà chỉ

thuê chỗ để làm ăn thôi. Việc kiểm soát an ninh những công hàng nhập vào Mỹ được thi hành ở ngay nơi xuất phát. Chính phủ Mỹ phụ trách bảo vệ an ninh, qua những cơ quan như Biên phòng Lãnh hải, Quan Thuế và Di trú, dù công ty quản lý bến thuộc quốc tịch Mỹ hay nước khác.

Dubai và các tiểu quốc khác trong Liên hiệp Á rập UAE là những quốc gia thân Mỹ hạng nhất trong các nước Á rập. Không quân Mỹ đặt căn cứ trên đất UAE. Hải cảng Jebel Ali ở Dubai là nơi tiếp nhận nhiều chiến thuyền Mỹ nhất thế giới, ở ngoài nước Mỹ. Đó là bến tầu duy nhất trong vùng có thể cho hàng không mẫu hạm Mỹ cập bến. Hải cảng và phi trường ở UAE đóng vai trò quan trọng trong các chiến dịch ở Afghanistan và Iraq; và nếu xẩy ra xung đột với Iran thì quân Mỹ không thể nào không sử dụng các phương tiện này.

Công ty Dubai do một người Mỹ làm tổng giám đốc điều hành, phần lớn nhân viên cao cấp là người Mỹ, Anh, Ấn Độ; khi làm việc ở Mỹ họ sẽ dùng các nhân viên của O&P chứ không đem người Á rập qua; vì ngay trong nước họ cũng thiếu người. Trong dân số 2 triệu rưỡi của UAE có 80 phần trăm là di dân lao động.

Việc các đại biểu quốc hội Mỹ thọc gậy bánh xe sẽ gây khó khăn cho người Mỹ khi họ đi đầu tư ở nước khác, chưa kể là gây thêm hiềm khích với khối Á rập. UAE là một khách hàng lớn của Mỹ, họ đứng hàng thứ 21 trong số các quốc gia mua hàng Mỹ, mua nhiều hơn các nước Nga, Ấn Độ, Tây Ban Nha. Năm ngoái, công ty Boeing đã bán được 42 máy bay kiểu mới 777 cho hãng hàng không Emirates của UAE, một công ty hàng không lớn nhất thế giới.

Sau khi mua được O&P, Dubai Ports trở thành công ty quản lý bến bốc hàng lớn thứ nhì thế giới, cạnh tranh với công ty Hồng Kông của nhà tỷ phú Lý Khai Thành. Trong năm ngoái, P&O bốc giỡ 15 triệu công hàng khắp nơi mà ở Bắc Mỹ chỉ có 2.4 triệu công, đa số là ở Vancouver, Canada. Công ty Dubai bốc giỡ 33 triệu công hàng trên thế giới, sẽ tăng thương vụ lên gấp rưỡi sau khi mua P&O.

MỸ ĐANG CẦN VỐN

Nước Mỹ đang rất cần tiền vốn đầu tư của nước ngoài. Gây trở ngại cho Dubai làm nản lòng nhiều người, nhất là người á Rập.

Năm ngoái cán cân thương mại Mỹ khiếm hụt 726 tỷ. Để cân bằng, nước Mỹ cần thu hút tiền vào, dưới nhiều hình thức. Vào cuối năm 2004, người ngoại quốc đang làm chủ các cổ phần của các công ty Mỹ trị giá 1,900 tỷ mỹ kim. Người ngoại quốc cũng đang cho chính phủ Mỹ vay 2,200 tỷ mỹ kim khi mua các công trái, và cho các xí nghiệp tư ở Mỹ vay 2,100 tỷ mỹ kim qua các trái phiếu xí nghiệp, và 2,900 tỷ mỹ kim cho các ngân hàng và xí nghiệp vay trực tiếp. Đầu tư trực tiếp vẫn là nguồn tài chánh tốt nhất, người nước ngoài đang làm chủ 2,700 tỷ các "tài sản cứng" khi họ mua các công ty, cửa hàng, bất động sản ở Mỹ.

Đầu tư vào "tài sản cứng" tốt nhất cho quốc gia chủ nhà vì món tiền đó tương đối ổn định. Các chứng khoán rất lưu hoạt, dễ mua và dễ bán. Người ta có thể đem bán cổ phần hoặc trái phiếu trị giá nhiều tỷ mỹ kim trong chốc lát, nhưng muốn bán một nhà máy chế tạo xe hay một xưởng lọc dầu thì rất lâu.

Nhiều quốc gia trên thế giới dư tiền nhờ bán hàng hóa cho Mỹ cũng có nhu cầu cho đồng tiền luân chuyển, cho nên họ sẵn sàng đầu tư vào Mỹ. Trung Quốc, Nhật Bản có những kho ngoại tệ dự trữ thặng dư đang lớn lên gần một ngàn tỷ mỹ kim mỗi nước. Các nước Trung Đông kiếm lời lớn nhờ giá dầu lửa tăng vọt, cũng tìm đường đem tiền sang Mỹ đầu tư. Nhưng các quốc gia đang phát triển thường không đầu tư trực tiếp, như các xí nghiệp Âu châu và Nhật Bản. Họ thường mua các chứng khoán, những mảnh giấy công nhận quyền sở hữu cổ phần hay món nợ. Trung Quốc là một thí dụ, họ không mua trực tiếp các tài sản ở Mỹ, nhưng trong 11 tháng đầu năm 2005, người Trung Hoa đã mua các trái phiếu ở Mỹ trị giá 81 tỷ mỹ kim. Các nước ở Trung Đông, không kể Israel, trong năm 2004 chỉ đầu tư trực tiếp 192 triệu đô la vào nước Mỹ, trong khi họ đầu tư hơn 121 tỷ đô la trong các trái phiếu và cổ phần là những tài sản có tính lưu hoạt cao.

Vụ Dubai mua quyền khai thác các hải cảng Mỹ bị ngăn cản sẽ khiến người Á rập dè dặt hơn không muốn đầu tư trực tiếp vào Mỹ nữa.

Cả bẩy nước trong UAE chưa tới 4 triệu dân mà trong đó 80 phần trăm là dân ngụ cư làm lao động. Dubai là xứ ít dầu lửa nhất trong số bẩy nước đo. Cho nên tiểu vương Mohammed bin Rashid al-Maktoum đã tìm cách phát triển quốc gia về hướng khác, muốn biến nước này thành một trung tâm thương mại, tài chánh và du lịch. Đó là một cách bảo đảm nguồn lợi tức cho dân hưởng trong tương lai. Vì vậy, Dubai đã mở rộng ngoại giao với tất cả các quốc gia trên thế giới.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

HIẾN

Chuyện này là một chuyện hoàn toàn thật vì là chuyện của một người quen của tôi. Anh du học tại Canada từ thập niên 1960 và lập gia đình với một cô gái bản xứ. Vài năm trước đây vợ anh bị ung thư. Khi biết mình không thể sống được, chị đã cho anh và các con biết ý định sẽ hiến cơ thể mình cho khoa học. Những người thân cố can ngăn nhưng chị đã quyết và ký giấy hiến trước. Khi chị mất, xác thân chị đã đi vào phòng thí nghiệm. Không một dấu tích để lại. Buổi lễ tưởng niệm chị được tổ chức sau đó không có quan tài, không có tro cốt, chỉ có tấm hình chị nhìn lại những người thân quen còn sống.

Chết là hết, ít nhất là về mặt thể chất, nhiều người tin như vậy. Nhưng chết không lành lặn, đầy đủ vẫn là một cấn cái với phong tục của chúng ta. Trong trường thiên tiểu thuyết "Mùa Biển Động" của nhà văn Nguyễn Mộng Giác có một cảnh khá thương tâm. Một bà già nhà quê có con đi lính bị thương, vào bệnh viện. Các bác sĩ bắt buộc phải cắt đi một chân của anh. Bà mẹ già cứ quanh quẩn bên phòng giải phẫu để xin lại cái chân bị cắt đó. Được hỏi bà xin mang cái chân về làm gì, bà cho biết là để sau này khi anh qua đời sẽ chôn cái chân cùng với thân xác anh cho đầy đủ! Dương sao âm vậy, cổ nhân vẫn tin như thế. Khi lìa cõi đời này con người sẽ qua một cuộc sống khác, tiếp tục nói cười, ăn uống, đi đứng. Vậy mà thiếu mất một cái chân thì phiền toái quá!

Nghĩ như vậy nên nói đến chuyện hiến một phần cơ thể mình sau khi mình chẳng cần dùng tới chúng nữa chúng ta vẫn ngại ngần. Như thể khi ra đi một cách thiếu sót như thế có điều chi không ổn. Cái bằng lái xe của chúng ta, trước đây, có một khoản ghi là khi xảy ra tai nạn thương vong, nếu bằng lòng hiến các cơ phận cho người khác thì chúng ta ký vào đó. Vậy mà qua mấy chục năm, đổi biết bao bằng lái, tôi vẫn chưa bao giờ đặt bút ký vào cái khoản... khó chịu đó. Ngại, đã đành. Chúng ta lại còn kiêng nữa. Ký vào đó xui chết! Ông dân biểu đảng Tân Dân Chủ Peter Kormos của tỉnh bang Ontario, Canada, cũng biết vậy. Thế nên ông vừa trình nghị viện tỉnh bang một dự luật qui định là nếu không ký có nghĩa là không phản đối, bệnh viện có quyền... tùng xẻo xác thân liền. Muốn tránh cảnh thân xác không còn toàn vẹn thì phải ký trước là không cho. Như vậy, ông nghị khôn khéo này đã làm đảo lộn chu trình ngại ngần của bàn dân thiên hạ. Trước thì không ký là không cho, bây giờ không ký là cho. Muốn không cho thì phải ký. Mà ký thì cũng... ngại, vì lộ ra cái ích kỷ của mình!

Lý do ông nghị Kormos phải... mánh là vì cầu nhiều hơn cung gấp bội. Mỗi năm, chỉ tại Canada, có khoảng bốn ngàn người chờ được thay cơ phận, vậy mà những cơ phận cứu được mạng sống con người lại bị chôn đi để bị thối rữa trong lòng đất! Thật phí của trời! Đúng là của trời thật vì con người chưa chế ra được những bộ phận nhân tạo. Dự luật vừa được đệ nạp đã gây sóng gió. Phải chờ tới khi quốc hội tỉnh bang tái nhóm vào mùa xuân tới mới bàn cãi nhưng các ông bà nghị đại diện các chính đảng phải bày tỏ lập trường ngay tức khắc, khi được giới truyền thông han hỏi. Ông bà nào hình như cũng mắc quai. Chống đối thì kỳ mà tán thành thì chưa dám. Đành chơi trò... chuyền banh. Các ông bà nghị được phỏng vấn đều bảo rằng đây là vấn đề lương tâm nên tùy quyền các dân biểu tự do bỏ phiếu. Bà Mary Ellen Douglas chẳng nghị nghiếc gì cả mà thuộc hội Liên Minh Vận Động Đời Sống (*Campaign Life Coalition*) có ý kiến rõ ràng một chút. Bà bảo là dự luật mới vi phạm nhân quyền!

Kể ra chơi trò ép nhau như dự luật toan tính thì cũng hơi quá đáng nhưng ở vào địa vị người mang trọng bệnh đang trông chờ... phụ tùng phế thải để hy vọng có thể sống còn thì dự luật quả là một cái phao quý giá để họ bám được vào cuộc sống.

Bạn tôi, nhạc sĩ Trương Văn Tuyên, ngụ tại Montréal là một trong số người ngắc ngoải này. Anh bị anh chàng Hépatite C hành nhỏ xác. Ra vào nhà thương cả 12 năm trời, bệnh tình anh cứ mỗi ngày một xấu đi. Tới khi bụng chướng, mắt vàng khè, chân sưng tấy lên, mỗi lần vào nhà thương là rút cả năm bảy lít nước trong bụng ra.

Tất cả những biến chứng trên nói lên một điều: gan anh đã nghỉ chơi! Chỉ còn một phương cách cuối cùng: thay gan. Nếu không thay được thì chỉ còn ngáp ngáp được ba tháng! Gan đâu mà thay? Danh sách chờ đã cả ngàn tên đứng ngóng. Gặp anh lúc đó là gặp cả một trời tuyệt vọng. Anh vốn chẳng tin thần tin thánh nhưng đường cùng cũng dẫn anh tới *Oratoire Saint Joseph* trên đường Queen Mary. Đây là một địa điểm nổi tiếng khắp thế giới về sự linh thiêng. Bạn bè, thân nhân tôi tới chơi Montreal thì trăm người như một đều bắt dẫn tới nơi đền thánh này. Một bà chị tôi ở bên Cali qua chơi thấy đứa con gái chưa chồng đang thành kính thắp nến trước bàn thờ đã nói giỡn: "Chắc nó đang cầu xin cho có chồng đó!" Thế mà về tới Mỹ, ít lâu sau, đám cưới thật! Ông bạn tôi đã lên đền thánh Giuse cầu xin. Ba ngày sau, nhà thương gọi lên thay gan liền. Trong cuộc nói chuyện mới đây, 5 năm sau khi thay gan, anh bạn chẳng thần chẳng thánh này vẫn phân vân không biết có phải đúng là ông thánh tốt bụng này đã mang gan đến cho anh không. Anh ngôn: "Kể cho toa nghe cho vui, coi như một chuyện bên lề!"

Cuộc thay gan của anh diễn ra thật bất ngờ. Tôi là người cứ đúng hẹn lại lên, tháng tháng mang cái đầu đến cho anh cắt tóc, vậy mà cũng chẳng biết gì. Khi được tin, tôi cùng với nhà thơ Luân Hoán lên bệnh viện thăm anh, anh đã xăng xái vác áo choàng ra ngồi nói chuyện tận ngoài phòng tiếp khách của bệnh viện, khỏe re, như chưa hề bị mổ bụng móc gan ra thay. Anh về nhà. Ít lâu sau, không ổn! Ống nối gan cũ và gan mới không tương hợp. Lại vào nhà thương điều chỉnh lại. Xong, bác sĩ giải phẫu lại cho về, dặn nếu nóng sốt thì phải trở lại ngay. Ít ngày sau, nóng thật. Đo nhiệt độ: 37 độ rưỡi. Chắc cảm cúm thông thường. Khuya, vợ con đã an giấc, thấy người khó chịu, đi ra đi vào không ngủ được, anh viết mấy chữ dằn lên bàn cho vợ, một mình trở lại bệnh viện, vào phòng cấp cứu. Anh ngồi chờ và ngất đi. Khi anh tỉnh dậy thì một ngày đã trôi qua, thấy mình nằm trên giường bệnh, vợ con xúm xít bên giường. Hỏi ra mới biết bác sĩ đã lại phanh bụng anh ra, làm *bypass* ống dẫn thẳng vào ruột. Chỉ chậm chừng một tiếng đồng hồ thì anh đã ôm gan mới ra đi. Hú vía! Ngày nay anh đã hoàn toàn bình phục, mỗi ngày đều chơi quần vợt trừ thứ bảy chủ nhật nghỉ như... công chức. Nghỉ cuối tuần nhưng vẫn pác ti pác tiết, đàn địch tửng từng tưng, yêu đời như yêu mình!

Ấy cái gan đáng lý được chôn theo cái xác hay đốt thành tro bụi nó quý đến thế. Phải là người trong cuộc mới cảm hết được ơn cứu tử. Phải là người thân mới thấm được nỗi xót xa khi có người nhà cần loại đồ phụ tùng sinh tử này. Bởi vậy nên dù chưa xuôi tay, người ta vẫn cứ... hiến như thường. Tạo hóa cho hai trái thận, tốt! Nhưng một trái cũng đủ xài. Chia bớt cho người khác được chăng? Ông Daysha Red ở Memphis, tiểu bang Tennessee đã chia như thế. Ông làm việc tại Trung Tâm Phân Tích Thận nơi có một bệnh nhân, bà Tamika Dobbins, đã quả cảm chống chọi lại với căn bệnh thận tới hồi chung cuộc. Cảm phục ý chí của bà Tamika, ông tình nguyện hiến một trái thận cho bà. Con người nghị lực như thế không thể bị bỏ phí, ông đã nói như thế về lý do hy sinh của ông. Mẫu thận của ông là tương hợp nhất với bệnh nhân sau 20 cuộc phân tích, kể cả với thân nhân của người bệnh. Cuộc thay thận thành công. Hai tháng sau, không hiểu có phải vì cùng chung một gốc nên nửa thận này tìm tới nửa thận kia hay không, họ yêu nhau. Và họ cưới nhau mặc dù tuổi tác chênh lệch. Cho đi một trái thận, ông Daysha nhận về được một trái tim. Lời đấy chứ!

Món lời bất ngờ này không hề được tính toán. Khi cho là cho không biếu không! Nhưng lòng nhân của một tội phạm mới là điều bất ngờ. Trần Xuân Hà là một trùm ma túy ở Việt Nam, bị bắt trong vụ mua bán 78 kí *heroin*. Ngày 28 tháng 12 năm 2005, ba ngày sau lễ Giáng Sinh, phiên tòa xử đã kết thúc phần tranh luận. Các bị cáo được nói lời sau cùng. Chánh phạm Trần Xuân Hà đã bình thản nói trước vành móng ngựa:"Bị cáo biết tội của bị cáo đáng chết, bị cáo có một nguyện vọng là xin tòa xem xét khi bị cáo thi hành án, cho bị cáo được hiến tặng nội tạng cho người nghèo!"

Những người có lòng thường hiếm hoi. Khi số cầu nhiều hơn số cung là có ngay một anh thương gia xuất hiện. Thì nội tạng của con người cũng là một món hàng. Đã là một món hàng thì dưới con mắt của một anh chuyên bán buôn lợi nhuận đã nằm chình ình trước mắt. Khi một món hàng hút nhiều thì giá cả cũng theo đó mà leo thang. Đó là luật thị trường. Rất lạnh lùng. Nếu nắm được con số thống kê mỗi ngày có 17 người Mỹ chết vì các bệnh liên quan đến lục phủ ngũ tạng, nếu biết là ở Do Thái, trung bình thời gian một người chờ ghép thận là bốn năm, thì máu buôn bán có ngồi yên không? Nhất định không! Bởi thế mới có việc buôn bán nội tạng xuyên quốc gia. Một anh ở nước nghèo, trước món tiền có nằm mơ cả đời

cũng chẳng bao giờ dám nghĩ tới, có sẵn sàng xả thân chộp lấy ngay không? Đó là cái chắc! Bởi thế mới có những cuộc "du lịch chữa bệnh." Nơi được các du khách bệnh hoạn tới viếng thăm nhiều nhất là Trung Quốc. Dĩ nhiên không phải vì tim phổi thận của dân Trung Quốc thuộc loại xịn hơn dân các nước khác mà vì "hàng" ở đây sẵn hơn và giá cả bèo hơn. Sẵn vì đã có nhiều cáo buộc là nhà cầm quyền Trung Quốc đã bán các bộ phận nội tạng còn tốt của những tử tội bị hành hình cho các bệnh viện để thay thế cho những bệnh nhân cần tới. Dân Nhật đang cần thay thế các bộ phận trong người ùn ùn kéo sang Trung Quốc xỉa tiền ra để mua mạng sống. Theo ước tính thì từ năm 2004 đến năm 2005, đã có 180 người Nhật được ghép gan và thận tại Trung Quốc. Của rẻ là của ôi, đó cũng là... chân lý trong thương trường. Trong hai năm qua đã có bảy trường hợp tử vong của những người Nhật sang Trung Quốc thay nội tạng. Lý do chính là bị nhiễm trùng.

Kỹ nghệ bán buôn nội tạng tưởng chỉ có thể xảy ra ở các nước nghèo đói, vậy mà giàu có như anh Mỹ vẫn cứ bán buôn như thường. Chuyện xảy ra tại Nữu Ước với ông tài xế taxi Michael Bruno. Ông bị bệnh ung thư và đã căn dặn con trai hỏa thiêu thân xác ông sau khi ông chết. Hai năm chống trả với bệnh tật, ông thua. Anh con trai Vito Bruno làm y như ý muốn của cha và vẫn cứ tưởng là hũ tro nhà quàn trao cho anh là di thể của cha anh. Không phải! Xác cha anh đã bị mang ra làm thịt đem bán. Nội vụ bị phát giác vì nhà quàn được bán lại cho một chủ khác. Chính ông chủ sau này đã phát giác ra khi thấy xương chân của một tử thi được thay thế bằng một ống nước. Nội vụ được trình báo và Biện lý quận Brooklyn, Nữu Ước, đã mở cuộc điều tra. Không phải chỉ một nhà quàn này có vấn đề mà tất cả có sáu nhà quàn trong quận đã... ăn xác người! Họ hợp thức hóa hành động phi pháp bằng cách làm giả mạo các giấy hiến tặng cơ phận. Chính anh Vitto đã không nhận ra chữ ký mạo tên anh khi được cảnh sát điều tra cho anh coi giấy hiến xác cha anh. Đồ tể bị truy tố là Michael Mastromarino, chủ nhân một công ty dịch vụ mô y tế ở New Jersey. Ông trả một ngàn Mỹ kim mỗi xác chết từ nhà quàn đưa tới và đưa vào một nhà mổ bí mật để cắt lấy... phụ tùng. Ông thu được trung bình bảy ngàn đô cho mỗi tử thi.

Theo một bài báo trên *New York Times* thì mỗi năm có khoảng 10 ngàn người Mỹ tình nguyện hiến xác cho các mục đích nghiên cứu khoa học. Họ không bao giờ ngờ rằng xác họ có thể trở thành một món hàng đắt giá. Người ta thấy trên một *website* rao bán các bộ phận của cơ thể có niêm yết giá cả đàng hoàng: xương sống 3.500 đô, đầu gối 650 đô, giác mạc 400 đô! Một hãng dược phẩm đã trả 4 ngàn đô cho một hộp móng tay và móng chân người chết. Năm 2003, Michael Francis Brown, chủ một lò thiêu tại Riverside, California, đã bị xử 20 năm tù về tội "tùng xẻo" các bộ phận trên xác người trước khi thiêu. Tổng số tiền hắn kiếm được đã lên tới 400 ngàn đô! Ernest V. Nelson là một đồ tể đã rã xác người bán từ năm 1998 đến khi bị bắt vào tháng 3 năm 2004. Khách hàng của hắn là khoảng 100 viện nghiên cứu và các công ty trong đó có công ty Johnson&Johnson!

Nhà báo Annie Cheney của tạp chí Harper's đã phát giác ra một trong những nơi cung cấp bộ phận cơ thể con người nhiều nhất hiện nay là Viện Nghiên Cứu và Giáo Dục Y Khoa (MEARI) tại Memphis. Chỉ nguyên trong năm 2005, Viện này đã tổ chức 478 cuộc hội thảo về giải phẫu học và 90% các cuộc hội thảo này có xử dụng xác người.

Mới đây, một nhân viên thuộc chi nhánh St. Louis của hãng *Federal Express* đã phát hiện ra một gói hàng rỉ máu. Tên người nhận gói hàng là Richard Leutheuser, một tổ sư bán xác. Từ đầu mối này, người ta tìm ra Vidal Herrera, người đã có 30 năm thâm niên trong nghề bán các bộ phận cơ thể con người. Anh chàng này cho biết các nguồn cung cấp chính là: các trường đại học, nhà xác bệnh viện và các lò thiêu của các công ty mai táng!

Điều phức tạp về phương diện đạo đức của loại thương mại này là nó thực sự cứu được mạng sống của con người. Trung bình mỗi năm tại Hoa Kỳ có khoảng 20 ngàn người được cứu sống bằng cách ghép các bộ phận nội tạng và một triệu người nhờ cấy ghép mô!

Còn một loại hiến khác vui hơn và ồn ào hơn. Đó là hiến tinh trùng. Ở Mỹ và Canada, khách hàng của các ngân hàng tinh trùng thường là các bà độc thân hay đồng tính muốn có con. Các bà có quyền chọn tại các bệnh viện hoặc trên các *website* trên *internet*. Bà Brenda Blass, dân Canada sống tại Nữu Ước, cho việc được chọn lựa này là ngon lành. Tôi cảm thấy như mình đang đóng vai trò của Tạo Hóa! Thường thì một mẫu tinh trùng có những chi tiết sau: năm sinh,

nòi giống, chiều cao, sức nặng, đặc điểm của tóc, có lông ngực hay không, số giầy, màu mắt, độ dài của lông mi, dị ứng thực phẩm, dị ứng gia súc, chỉ số thông minh IQ và hình dáng giống tài tử màn ảnh hay nhân vật nổi tiếng nào. Dĩ nhiên, để bảo đảm bí mật thì không có quyền để tên họ mà chỉ có một mã số. Kèm theo đó là một tấm hình của đương sự lúc... còn bé! Nguyên tại Hoa Kỳ mỗi năm có khoảng từ 80 ngàn đến 100 ngàn ca thụ tinh nhân tạo bằng tinh trùng của người hiến. Gọi là hiến chứ "ân nhân" cũng được trả công... xúc lọ 100 đô mỗi lần. Đây cũng là một cách kiếm tiền của những sinh viên rách. Bác sĩ y khoa John tiết lộ, khi ông còn là sinh viên, ông đã cho tinh trùng hai lần mỗi tuần trong suốt hai năm rưỡi để "xoay xở cuộc sống." Quan tòa John Sylla ở San Francisco cũng... hiến trong thời gian còn học luật.

Ở Việt Nam ngày nay cũng... hiến! Chúng ta thử theo chân một người tên Quang Dũng kể chuyện đi hiến tinh trùng trên báo *Sài gòn Tiếp Thị*. Anh còn độc thân và đi cho tinh trùng để giúp một người bạn hiếm muộn. Trường hợp giống bạn anh không phải là ít. Theo số liệu tại bệnh viện Từ Dũ, Sài Gòn, tỷ lệ vô sinh do người chồng chiếm khoảng 40% trong đó 10% là không có tinh trùng. Như qui định hiện nay thì muốn nhận tinh trùng, gia đình phải mang tới một người hiến để... bù lỗ cho cái ngân hàng không có vốn là Ngân hàng Tinh trùng. Tinh trùng của người này không được dùng cho người giới thiệu đến mà chỉ góp thêm vốn cho ngân hàng. Ngân hàng sẽ dùng một mẫu tinh trùng khác giúp người giới thiệu thụ thai để đảm bảo qui định của luật pháp là người cho và người nhận không biết nhau. Muốn hiến tinh trùng phải đáp ứng được một số quy định tối thiểu: học vấn tối thiểu là lớp 9; từ 20 tuổi đến 55 tuổi; không mắc các bệnh tâm thần và di truyền; đạt tiêu chuẩn qua các xét nghiệm về viêm gan và các bệnh liên quan đến tình dục; chất lượng tinh trùng đạt tiêu chuẩn của Tổ Chức Y Tế Thế Giới (tỷ lệ tinh trùng sống sau trữ lạnh trên 50%); nhiễm sắc thể đồ bình thường. Ngoài ra chỉ được cho tinh trùng một lần và không được xuất tinh từ ba đến năm ngày trước khi đi hiến. Tới ngày hẹn, anh Quang Dũng đi thi hành nghĩa vụ giúp bạn. Anh ngồi chờ giữa nhiều... hiến nhân khác. *"Trong khi chờ đợi đến lượt 'hành động,' tôi tranh thủ quan sát xung quanh. Những nét mặt lo lắng, căng thẳng, nhấp nhổm ngồi đứng không yên. Một đặc điểm 'nhận dạng' là trong tay mỗi người ai cũng khư khư một ống nhựa trong veo như đang nắm giữ một báu vật. Cánh cửa phòng số 1 chợt mở, một gương mặt trạc 30 tuổi, đầy vẻ tự tin và... hãnh diện bước ra, trên tay là ống nhựa... đã đầy. Một người khác lại vào thế chỗ, cứ thế lần lượt từng người... Nhưng ơ kìa, mọi người bắt đầu sốt ruột hẳn lên: đã hơn 30 phút trôi qua mà cửa phòng số 2 vẫn "im hơi lặng tiếng." Những nét mặt lộ rõ vẻ mất kiên nhẫn. Mọi thắc mắc được giải đáp khi 15 phút sau, một gương mặt mồ hôi ròng ròng, đầy căng thẳng xuất hiện. Một anh chàng với bộ dạng thất thần, áo quần xộc xệch bước ra ngoài và lắc đầu ngao ngán: "Sao khó quá... Em chịu!" Những ánh mắt đầy cảm thông và chia sẻ trên những gương mặt còn lại. Đang còn chưa hiểu chuyện gì xảy ra thì đã đến lượt tôi. Một anh ngồi gần tôi động viên: 'Cứ thoải mái nhé!' và không quên dặn thêm: 'Nhưng lẹ lên nha ông! Ngoài này còn đông lắm, bao nhiêu người chờ nè!' Thú thật là tâm lý còn căng thẳng hơn cả ngày đi thi tốt nghiệp Đại học nữa kìa! Vừa bước vào trong, tôi đưa tay khóa cửa căn phòng rộng chừng sáu thước vuông, bên trong có một ghế sô-pha, một bàn kiếng nhỏ và bức tranh vẽ một đôi nam nữ đang hôn nhau. Trong lòng vẫn còn ám ảnh bởi hình ảnh người đàn ông khi nãy, nhưng đã vào đến đây, phải chứng tỏ 'bản lĩnh đàn ông' của mình chứ. Tôi biết mình phải làm gì... Ơn trời, cuối cùng tôi cũng 'hoàn tất hành vi' một cách mỹ mãn."*

Khó nhọc quá! Cứ đơn giản như nhân vật trong truyện ngắn "*Thuê Tình*" của Trang Châu có khi lại hay. Truyện có nhiều khúc mắc, nhiều nút thắt mở khá hấp dẫn. Nhưng hấp dẫn nhất là nhân vật nữ, Cẩm Tú, đóng vai một trình dược viên đến phòng mạch của bác sĩ Trung để đề nghị một chuyện không liên quan gì đến thuốc men: xin tinh trùng. *"Xin ông đừng nghĩ đó là một việc làm sai quấy mà xin ông hãy nghĩ ông đang làm một việc thiện, nếu không phải cho đời thì ít nhất cũng cho tôi."* Trung bằng lòng cho. Nhưng cách cho cũng do Cẩm Tú đề nghị. *"Giữa ông và tôi, chúng ta nên có một khế ước. Thôi bỏ chữ khế ước đi, nghe có vẻ thương mãi quá. Giữa chúng ta nên có một thỏa thuận. Tôi còn ở đây hai tuần. Thời gian này phù hợp với chu kỳ kinh nguyệt của tôi. Vậy xin ông chấp nhận sống với tôi như vợ chồng suốt thời gian đó. Ban ngày ông đi làm việc, tối ông về với tôi. Cuối tuần ông cũng ở luôn với tôi. Nếu kết quả tốt đẹp tôi xin*

nhớ ơn ông suốt đời."

Thật đơn giản! Chẳng bệnh viện bệnh viếc gì cả, chẳng ống chẳng lon gì cả, cứ tự nhiên như ý con Tạo mà làm việc thiện. Làm việc thiện như vậy, nếu là bạn, bạn có làm không?

03/2006

CẮT

Một bữa nọ, Thượng Đế nói với Adam:

"Ta có một tin vui và một tin xấu cho con. Con muốn nghe tin nào trước?"

Adam ngước nhìn Thượng Đế và trả lời:

"Xin hãy cho con được biết tin vui trước."

"Được! Ta cho con hai bộ phận mới, một cái gọi là não. Nó sẽ giúp con tạo ra những thứ mới lạ, giải quyết các vấn đề và có những cuộc trò chuyện thông minh với Eva. Cái thứ hai là bộ phận sinh dục. Nó sẽ mang lại cho con những khoái cảm thể chất, giúp con lưu truyền lại trí tuệ của mình và nhân rộng cuộc sống trên trái đất. Eva sẽ rất hạnh phúc khi con có bộ phận này để giúp nàng sinh con.»

Adam vui sướng thốt lên :

"Đó là những món quà thật tuyệt vời mà Ngài ban cho con. Còn tin gì xấu sau sự kiện vui mừng này, xin Ngài cho con biết."

Thượng Đế nhìn Adam với đôi mắt xót xa và nói:

"Con sẽ không thể sử dụng hai món quà này cùng một lúc!"

Nhận được hai món quà quý giá này Adam giữ chúng bằng hai cách khác nhau. Ông giấu bộ não vào sâu trong một chiếc hộp trên đầu và khơi khơi gắn bộ phận sinh dục vào giữa hai chân. Ở trong một vị trí chông chênh như vậy, bộ phận quý giá này đã không biết nép mình kín đáo lại cứ hay nghểnh cổ lên nhìn khắp chung quanh. Cứ vênh váo lên như một khẩu súng ngoài chiến trường, bộ phận này quên chỉ thị của Thượng Đế là "Eva sẽ rất hạnh phúc khi con có bộ phận này để giúp nàng sinh con" mà hào phóng ban... hạnh phúc cho khắp bàn dân thiên hạ. Đó là chuyện về sau này của con cháu ông Adam, còn vào thời kỳ của chính Adam thì ông chẳng còn cách nào khác hơn là chỉ có mỗi bà Eva để... mưa móc.

Chính lòng... bác ái của con cháu ông Adam đã gây chiến tranh trên khắp quả địa cầu này! Nguyên do là tại... Thượng Đế. Ngài đã ban cho ông Adam và dòng dõi của ông một khẩu súng thần! Cứ tha hồ tác xạ mà đạn vẫn cứ còn.

bao năm đeo lủng lẳng
một khẩu colt 45
khóa an toàn mở sẵn
viên đạn vẫn trong lòng...
(Luân Hoán)

Dư đạn, súng cứ ngông nghênh đi tác chiến trên khắp các vùng chiến thuật, chẳng màng tới lãnh thổ nhà. Vậy là có chuyện. Chuyện lớn chứ không phải chơi. Đó là chuyện chia lìa tức tưởi. Chuyện biệt ly này xảy ra trên khắp thế giới và Việt Nam chúng ta cũng là một bãi chiến trường lớn. Dư luận ở Việt Nam vừa hoảng hốt ghi nhận những "trận đánh" sau xảy ra ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tháng 7 năm 2005, ông C., 55 tuổi, bị chị T. dùng lưỡi hái cắt lúa phăng ngay cái hoang đàng hư đốn. Ngày 25/8/2005, ông N.H.T. ở Tân Biên, Tây Ninh bị vợ cắt phăng súng khi đang ngủ. Tối 14/9 ông Nguyễn văn Đ. ở Đức Hòa cũng bị vợ phong tước hoạn quan. Ngày 5/10 ông Nguyễn K. ở quận 2, Sài gòn, bị lưỡi dao lam của vợ sớt đẹp cục thịt dư. Rồi anh M., cư ngụ tại ấp Xóm Lớn, xã Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau bị vợ thiến trong khi anh đang say mèm, máu chảy ra lênh láng cả nhà mà không ai biết!

Đó là tình hình chiến sự mới nhất tại Việt Nam. Bản tin chiến sự đau buồn này chỉ là tiếp nối tình hình sôi động trên khắp thế giới mà vụ anh John Wayne Bobbitt xảy ra vào ngày 23 tháng 6 năm 1993 tại Virginia, Mỹ, là cao điểm. Cũng cần nhắc lại vụ cắt nổi danh này để cùng nhau... học tập. Trong cái ngày "lịch sử" đó, bà vợ Lorena Bobbitt để cho chồng thỏa mãn sau khi anh đi uống rượu về, và sau khi chồng ngủ say, bà mới vào bếp lấy con dao bén nhất ra thi hành... án quyết! Cắt xong, bà cho cái của nợ vào túi nhựa mang đi vứt vào một bụi cây tại một khu vực của thành phố Manassas, tiểu bang Virginia. Cảnh sát đã phải mất nhiều thời gian kiếm tìm mới thấy được cái túi oan nghiệt đó. Họ liền bỏ ngay vào thùng nước đá mang về bệnh viện để cho các bác sĩ nối lại. Sau đó là màn ly dị như mọi người đều đoán được. Phiên tòa xử vụ án này diễn ra vào tháng 2 năm 1994, theo cuộc thăm dò của tuần báo *Newsweek*, đã được 60% dân số Hoa Kỳ căng mắt theo dõi! Nhưng câu chuyện của anh Bobbitt lại ồn ào hơn khi anh chơi một màn náo động dư luận sau khi... súng gãy lại lành. Anh chứng tỏ cùng bàn dân thiên hạ là súng của anh vẫn tốt bằng cách đi đóng phim sex! Dĩ nhiên những cuốn phim này bán đắt như tôm tươi vì anh nào cũng muốn rút kinh

nghiệm.

Cái thứ đầy gân cốt nhạy cảm khi trồi khi sụt đó khi bị cắt lìa lại có thể... nối vòng tay lớn đánh đông dẹp bắc được như vậy sao? Được chứ! Bác sĩ Dương Quang Vũ thuộc chuyên khoa niệu, bệnh viện Chợ Rẫy, Sài Gòn, đã bật mí việc phẫu thuật tế nhị này. Trong trường hợp bị cắt, bệnh nhân phải đến bệnh viện trong vòng sáu tiếng mới có khả năng nối lại và hồi phục được. Thông thường một ca phẫu thuật mất từ hai tiếng rưỡi đến ba tiếng rưỡi. Trong thời gian sửa soạn ra tay, các bác sĩ phải... tu sửa khúc đoạn trường này trong môi trường lạnh. Đầu tiên, phẫu thuật gia sẽ khâu nối hai thể hang và thể xốp. Sau đó mới nối các mạch máu. Phải rửa sạch máu trong lòng mạch để tránh tắc mạch sau khi nối. Tiếp theo là sử dụng các dụng cụ vi phẫu thuật nối động mạch và tĩnh mạch lưng của chú nhỏ. Động tác này khá rắc rối vì có khi không tìm được động mạch và tĩnh mạch để nối, các bác sĩ bắt buộc phải bỏ qua giai đoạn này mang tới kết quả thảm sầu là chú nhỏ chỉ có thể là một vật trang trí cho đẹp mắt chứ không sử dụng được trong trường đao trận kiếm! Trong trường hợp phẫu thuật thành công thì chỉ 20 ngày sau vết thương có thể lành. Khi các mạch máu đã được nối và thông trở lại thì mọi hoạt động tâm sinh lý đều có thể coi là bình thường.

Việc có thể phục hồi được những vật thể ý nghĩa nhất của cuộc đời đã phân chia ra hai loại... sát nhân!

Thứ nhất là loại "còn một chút gì." Cái còn đây là những... mảnh đời đứt đoạn. Cắt nhưng vẫn còn vương vấn chẳng nỡ đành đoạn. Trong năm trường hợp ra tay của những bà vợ Việt Nam trong năm ngoái, 2005, đã được diễn tả ở trên thì có ba trường hợp các bà vợ vẫn còn... từ tâm! Các bà đã nộp chiến lợi phẩm cho bệnh viện và các bác sĩ đã nối lại thành công.

Thứ hai là loại "cạn tàu ráo máng." Cắt xong là phi tang phần mềm vừa rời khỏi nguồn gốc một cái rột! Các bà thuộc loại này có rất nhiều sáng kiến. Như bà Kim Trần ở Alaska. Sau khi cắt xong, bà ném cái của nợ vào bồn cầu rồi giật nước cho trôi đi. Cảnh sát đã phải gọi cho Sở Vệ Sinh đến xem xét mọi ngõ ngách trong ống cống để tìm xem nó có toòng teeng ở đâu không. Phúc bảy mươi đời cho nạn nhân, sau hai tiếng đồng hồ lục lạo, họ đã tìm được anh chàng cố thủ ngay dưới cổ bồn cầu hình chữ S.

Bên Đài Loan, bà Hsiu Chan cũng làm y chang bài bản như bà Kim Trần ở Alaska. Cũng mạnh tay dục vào trong bồn cầu, cũng giận dữ giật nước cho trôi đi cái thứ khó nuốt. Báo hại cảnh sát cũng phải mầy mò tìm kiếm. Lần này "chàng" phiêu lưu xa hơn, chạy tuốt ra tận ống cống!

Nàng Antoinette Pasquez, 26 tuổi, bên xứ Côte d'Ivoire, chơi trò... nội trợ! Sau khi dùng dao bén cắt phăng thằng nhỏ của anh chàng chồng hờ lãng mạn 39 tuổi người Pháp từ mẫu quốc sang, nàng bèn bắc chảo chiên cục thịt không mất tiền mua như chiên xúc xích. Sau đó nàng trút ra đĩa làm một màn điểm tâm ngon lành. Khi bị bắt, nàng khai là vì quá thương yêu anh chàng Jean này mà chàng thì cứ mang gươm đi múa loạn xạ trong vườn của người khác nên cắt đi để giữ độc quyền. Cắt xong, báu vật đã nằm trong tay, nàng vẫn còn thương nên cho vào bụng để có được niềm riêng một cách chắc ăn. Nghe dễ thương biết bao!

Cũng thuộc trường phái bếp núc nhưng kỹ càng hơn là bà Kristina Popova, 28 tuổi, người Nga. Chắc là vì bà kiêng mỡ nên sau khi cắt cái... gậy thằng ăn mày của chồng là anh nhân viên hỏa xa Nikolai Ivanovich, 36 tuổi, bà liền cắt thành từng khúc, cho vào nồi hầm với khoai và cà rốt như hầm ragout rồi ngồi ăn ngon lành món ngầu pín!

Tại Houston, Texas, cô Delmy Ruiz lại mở ra một trường phái khác. Cô đã ra tay hành động khi ông chồng Rene Aramando đang say giấc điệp. Cô vứt cái thứ bạc bẽo đó qua cửa sổ cho chú cẩu sơi tái!

Dù vì lý do gì đi nữa thì hành động đành đoạn của các bà vợ có máu hoạn thư nồng độ cao này cũng phải ra tòa trả lời trước pháp luật. Họ bị kết tội gì bây giờ nhỉ? Tội ăn cướp đồ vật của người khác? Hay là tội xâm phạm... tư gia? Tội chiếm đoạt một thứ đã tưởng như là của riêng? Hay là tội ăn cắp... thịt?

Luật gia Huỳnh Minh Vũ cho biết là những bà cắt của quý của chồng bị ghép vào tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được dự liệu trong điều 104 của Bộ Hình Luật ở Việt Nam. Nguyên văn điều luật này như sau: "Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm: dùng hung khí gây nguy hiểm; gây cố tật nhẹ cho nạn

nhân; người ốm đau hoặc không có khả năng tự vệ; đối với người nuôi dưỡng mình; có tổ chức; có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm."

Như vậy rõ ràng cắt là tội cố ý gây thương tích chứ không phải những cái tội cà chớn mà tôi đã hài ra ở trên. Nhưng có phải chỉ là cố ý gây thương tích thôi chăng? Có mỗi thằng nhỏ làm vốn cho cuộc sống có hương hoa mà chơi luôn một phùa trăm phần trăm như thế e rằng chuyện phải... ầm ĩ hơn nhiều. Đau đớn thay phận đàn ông! Chưa hết. Người vợ chỉ bị ra ba tòa quan lớn nếu ông chồng làm đơn khởi tố theo đúng qui định trong Điều 105 của bộ luật Tố Tụng Hình Sự! Như vậy, nếu sự giận dữ không lớn bằng sự mắc cỡ không muốn chường mặt ra trước công chúng với vết thương lòng thì huề cả làng. Nếu ông chồng nhất định khiếu tố thì hình phạt và mức án do tòa án tuyên xử tùy theo tính chất của hành vi vi phạm và mức độ thương tích. Ngoài ra còn có những yếu tố giảm khinh: các bà thuộc loại "còn một chút gì" mà lại còn tỏ ra ăn năn hối lỗi, bảo vệ con chim đã rời tổ ấm, đưa chồng đi bệnh viện nối cánh chim giang hồ sẽ có điểm trước tòa. Còn các bà chằng thuộc trường phái "cạn tàu ráo máng" cho tang vật một đi không trở lại thì sẽ bị coi như là tăng trách nhiệm hình sự.

Luật thì như vậy, nhưng với tòa án... nhân dân thì luật nó lung tung lắm. Như trường hợp bà Kim Trần. Không phải bà Kim Trần ở vùng xứ lạnh cóng Alaska nói ở trên đâu mà là bà cũng tên Kim Trần ở Vancouver, Canada cơ. Bà này 38 tuổi, có sáu con với ông chồng tên Phùng Học Vi, 42 tuổi. Ông Vi ham vui có một cô bồ non trẻ đẹp khiến bà vợ nổi máu tam bành lên. Bà cắt lìa gươm thiêng của chồng bằng một con dao làm bếp. Sự việc ra trước tòa án của Tỉnh bang British Columbia, Canada do ông chánh án Patrick Dohm chủ trì. Tòa đã cân nhắc các sự kiện như sau. Thứ nhất, người chồng Phùng Học Vi đã chung sống 18 năm với bà Kim Trần và có sáu đứa con, nay lại léng phéng có nhân tình khiến bà vợ ra tay cắt đứt của quý, tuy đã được nối lại nhưng hoạt động tiểu tiện và truyền giống không còn được như xưa. Thứ hai, người vợ Kim Trần là người lo săn sóc cho sáu đứa trẻ mà nếu bà vào tù thì sáu đứa trẻ này sẽ mất đi tình mẫu tử thiêng liêng, gia đình sẽ tan vỡ để lại hậu quả điêu đứng cho những trẻ nhỏ. Do đó, tòa tuyên án hai năm tù treo.

Tòa xử xong, tòa án... nhân dân mới cãi cọ. Dựa vào sự kiện bà Kim Trần đã trình bày trong nước mắt trước tòa là bà đã nài nỉ van xin chồng bỏ người tình trở về chung sống với vợ con mà ông vẫn say duyên mới không đoái hoài gì tới gia đình nên bà mới cắt vì quá thương yêu ông. Hội Phụ Nữ Chống Bạo Hành Với Phụ Nữ mà đại diện là bà Fatima Jaffer mới phát biểu: "Thật là bất công khi người chồng đi theo một phụ nữ khác mà bỏ rơi người đàn bà có con cái như vậy!" Phía các ông phản pháo lại. Tiến sĩ Gerry của Hội Bảo Vệ Người Đàn Ông Bị Sách Nhiễu vùng Vancouver mỉa mai: "Thật kinh ngạc khi một người làm hành vi tệ mạt đến thế mà vẫn được quyền sống chung và săn sóc đám trẻ thơ." Một hội đực rựa khác, Liên Đoàn Các Người Đàn Ông vùng Lower Mainland tại Canada hỏi móc lại: "Chúng ta thử lấy ví dụ người vợ bị cắt mất một vú thì người chồng làm việc đó trong cơn cuồng nộ sẽ bị tòa án xử phạt ra sao?" Ừ, không trả thù được vào cái chỗ đáng phải cắt mà không thể cắt được thì kiếm chỗ dễ cắt mà cắt chứ sao? Nhưng đã biết tìm tới điểm đáng cắt mà cắt như vậy thì bình tĩnh quá đi chứ, cuồng nộ ở chỗ nào? Trong ví dụ này, các ông đã xử dụng tới cái não, bộ phận mà Thượng Đế đã cấm dùng khi đã dùng tới cái thứ ở miệt dưới. Hóa ra Con Tạo thông minh tiên liệu hết mọi chuyện từ trước rồi. Có thấy vụ cắt cái gò bồng đảo của vợ bao giờ đâu! Cũng rắc rối đấy chứ!

Anh chàng Tarzan mình trần chỉ có độc một cái khố trong rừng xanh tưởng một mình một cõi, thế mà cũng rắc rối. Chàng đã mất cái chỗ để giải thủy. Chẳng ai cắt cả, chỉ là một... chiến công!

Sau trận huyết chiến với chúa tể sơn lâm để dành quyền cai trị khu rừng già, cọp chúa bị hạ gục nhưng Tarzan bị thương nặng: mất một mắt, một cánh tay và... cái đó. Tất cả thú rừng bèn họp lại để quyết định cứu người hùng. Chim ưng tặng Tarzan một con mắt, đười ươi tặng một cánh tay và một chú voi con tặng chàng& cái vòi. Sau cuộc phẫu thuật tại bệnh viện, Tarzan trở lại rừng xanh, báo đen hỏi:

"Chẳng hay người hùng có bằng lòng với một thân thể mới như thế này không?"

Tarzan ngậm ngùi trả lời:

"Mắt chim ưng cho ta rất tốt, ta có thể nhìn được rất xa và rất rõ. Cánh tay của đười ươi cũng rất tốt, dài và khỏe. Chỉ duy có cái vòi của chú voi nhỏ tặng ta thì hơi bất tiện. Suốt ngày nó cứ vặt cỏ rồi nhét vào mông của ta!"

03/2006

Website: www.songthao.com

THẪN THỜ

VÕ PHIẾN

Mình viết lách từ hồi nào? được bao lâu rồi nhỉ? Mần mò nghĩ ngợi cho ra, e khó. Tí toáy tập tành, viết lèm nhèm, thì làm sao nhớ được từ năm tháng nào. Viết được ra trò, được cái đáng kể, thì biết cái nào là cái đáng kể mà ấn định lúc bắt đầu?

Vậy hãy phỏng chừng từ độ tuổi đôi mươi đến giờ: Sáu mươi năm. Trong chừng ấy thời gian, được gì nào?

Hai tiếng "được gì" hàm ý chọn lựa. Thế nào là "được." Thế nào là chưa "được." Khó thay. Tự nó, cái viết có giá trị gì, có tầm quan trọng nào chăng? Cũng khó nói quyết.

Viết, đại khái có cái sáng tác, cái suy tưởng. Sáng tác, như thơ, truyện, tùy bút thuộc về một phía. Còn suy tưởng, tra cứu, biên khảo, thuộc phía khác. Một bên là nghệ thuật, một bên là học thuật; nên tách riêng mà nói.

Đồ dùng và đồ chơi

Chuyện sáng tác có gì đáng nói? Hồi nhỏ, tự dưng náo nức viết; rồi theo đà cứ viết hoài. Đó không phải là lý do chính đáng làm cho cái viết thành quan trọng.

Phàm đồ làm ra, xét về mục đích sản xuất, có một thứ là đồ dùng, một thứ là đồ chơi. Cái có công dụng gọi là đồ dùng; dù nhỏ bé như cái kim, sợi chỉ, như cái tăm xỉa răng, cái que ráy tai v.v... đều là đồ dùng. Còn những cái làm ra không có sở dụng thực tế, chẳng hạn con diều giấy, thì dẫu có to lớn bằng cái nong cũng gọi là đồ chơi. Đồ dùng thô sơ như cái búa, cái gối, cái đòn ngồi, vẫn là đồ dùng. Đồ chơi thì tinh xảo như chiếc phi cơ, gắn cục pin vào có thể bay tít lên cao cũng gọi đồ chơi thôi. Đồ dùng thì một viên thuốc nhỏ bằng hạt tiêu, đen sì, nằm lăn lóc, vẫn là để dùng một cách thận trọng. Còn đồ chơi thì dù cái pháo đốt kêu ầm ĩ, cây pháo bông tỏa sáng huy hoàng cả một góc trời, cũng đồ chơi thôi.

Tôi e những món thơ thẩn với tùy bút nọ kia đều phải xếp về phía đồ chơi. Những cái mình miệt mài bấy lâu, khi đầu bạc nhìn lại là đồ chơi cả. Không riêng mình, bao nhiêu người miệt mài vẽ tranh, soạn nhạc, hát xướng, bao nhiêu hình vẽ ở các hang động tiền sử, các tranh dân gian (nào gà lợn, nào đô vật, nào đánh đu), các câu ca dao, hát ví, quan họ... một thời, các món nghệ thuật là cùng chơi thôi.

Nói thế mà dám nói, không phải là liều. Thực ra xưa nay đời vẫn giữ một sự phân biệt như thế. Thế thường vẫn nói: chơi nhạc, chơi đàn, chơi tranh v.v... May cái áo cái quần, đóng đôi giày đôi guốc, là *làm*; còn tấu lên bản đàn là *chơi* nhạc, treo cái tranh để ngắm thì bảo là *chơi* tranh v.v... Cách nói ấy thông dụng trong ngôn ngữ dân tộc. Ta nói theo là tiếp tục một truyền thống nhận định.

Vả lại nhận định ấy cũng không riêng phản ảnh trong tiếng nói của ta. Chúng ta không cô đơn, không kỳ quặc. Nói về việc chơi đàn, người Pháp dùng chữ *jouer*, Anh,

Mỹ gọi là *play*. Tôi tiếc không biết được bao nhiêu ngoại ngữ; giả sử có thể kiểm tra tiếng nói mọi giống người, không chừng còn nhiều gặp gỡ.

Ở nước láng giềng của ta, người Tàu liệt bốn món đàn hát, đánh cờ, làm thơ (!), với vẽ tranh (cầm, kỳ, thi, họa) vào loại món chơi cả. Thi hào Nguyễn Du của ta nhân đó tỏ thái độ minh bạch: đưa thẳng cái đàn địch vào cuộc truy hoan:

"Khi hương sớm khi trà trưa
Bàn vây điểm nước, đường tơ họa đàn
Miệt mài trong cuộc truy hoan."
(*Truyện Kiều,* câu 1295-1298)

Cụ liệt trò chơi đàn ngang hàng với trò chơi rượu:

"Chưa xong cuộc rượu lại bày trò chơi
Rằng hoa nô đủ mọi tài
Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe."
(Câu 1848-1950)

Trò chơi ấy, cụ Nguyễn để Kiều xếp vào hạng nghề *mọn*. Nghề mọn ấy được đánh giá phũ phàng. "Sá chi"

"Thưa rằng tiện kỹ sá chi,
Đã lòng dạy đến, dạy thì phải vâng."
(Câu 465-466)

Mặt khác cũng nên để ý rằng cách nói ấy không bao trùm khắp các bộ môn nghệ thuật. Ta không nói: Thạch Lam giỏi chơi truyện ngắn, Hồ Biểu Chánh thường chơi món truyện dài, Nguyễn Tuân lại sành chơi tùy bút v.v... Nói chơi đàn mà không nói chơi truyện. Truyện được nể nang, có lẽ vì xưa kia nó từng mang sứ mệnh dạy dỗ. Những truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện truyền kỳ, truyện huyền thoại, chuyện hăm bốn gương hiếu thảo, chuyện trăm trứng... ở ta, ở bên Tàu, bên Tây... thảy đều phục vụ, xây dựng tinh thần, đạo đức, đều vì hảo ý cả, đâu phải... chơi!

Mãi đến thời Đồ Chiểu gần đây, kể truyện *Lục Vân Tiên* cụ còn lớn tiếng hăm he: "Ai ơi lắng lặng mà nghe." Cụ trịnh trọng vì cụ đang dùng truyện để dạy đạo làm người: trai phải trung phải hiếu, gái phải giữ tiết nghĩa. Xưa trong truyện thường có bên lành bên dữ, bên thiện bên ác, bên trung bên nịnh, bên tốt bên xấu; truyện đặt ra có dụng ý tốt, không ai dám "chơi truyện." Sau này đám hậu sinh nảy ra nhiều quan niệm mới về truyện, về tiểu thuyết, mạnh tay vất bỏ chủ đích phục vụ, nhưng không can thiệp được vào cái ngôn ngữ đã thành hình muôn đời của dân tộc, cho nên chúng ta tiếp tục nói *chơi* đàn mà không nói *chơi* truyện. Sự thể có vậy chăng?

Có chơi và chơi

Thực ra, không phải cái chơi nào cũng giống cái chơi nào.

Khi Gustave Flaubert cho xuất bản cuốn *Madame Bovary*, Sainte-Beuve kêu là sách thiếu hẳn cái tốt, không một nhân vật nào đưa ra được khía cạnh đẹp đẽ có thể đem lại cho người đọc sự thoải mái. Sau đó George Sand còn viết thư phiền trách Flaubert tại sao toàn chỉ trích, chê bai, toàn làm cho độc giả nản lòng mà không nghĩ tới việc an ủi những kẻ đọc mình? Gustave Flaubert trả lời: ông chưa bao giờ có ý muốn chỉ trích muốn chê bai gì cả, ông không viết để nêu lên một sự phán đoán nào cả. Ông chỉ có một ý định thiết tha: "Tôi lúc nào cũng cố gắng đi vào cái hồn của tạo vật..." (Je me suis toujours efforcé d'aller dans l'âme des choses...)

Flaubert khách quan, đứng đắn, nghiêm chỉnh, thành tâm. Ông nói vậy, ta nên tin vậy... Nhưng quả tình khó tưởng tượng ra cái cảnh một ông Flaubert lò mò rình rập, nén hơi, chờ cơ hội nhảy xổ ra vồ được, tóm được quả tang cái linh hồn tạo vật hớ hênh nào đó. E rằng cái linh hồn tạo vật mà ông bắt được cũng chỉ là cái ông cảm thông được qua tâm hồn của chính ông thôi.

Đời sau có truyền tụng một câu của Flaubert: "Bà Bovary, chính là tôi." (Madame Bovary, c'est moi). Câu ấy hoặc do Flaubert viết ra đâu đấy, hoặc chỉ do bà Amélie Bosquet nghe nói rồi thuật lại, thì cái nhân vật Bovary trong cuốn truyện cũng vẫn mang ở tính tình, ở cảm xúc, ở tâm sự bà phần đóng góp lớn lao của Flaubert. Ông đã bảo mình đi vào hồn tạo vật thì tâm hồn của nhân vật nào lại không có ông xâm nhập?

Bà huyện Thanh Quan qua đèo Ngang dừng chân ngắm nghía, thấy:

"Lom khom dưới núi tiều vài chú
Lác đác bên sông chợ mấy nhà."

Giả sử có vị quan lớn nào đó do vua Quang Trung phái ra trấn nhậm ngoài Bắc chẳng hạn. Vị quan người miền Nam vẫn tưởng tượng một cảnh đìu hiu hiểm trở; lần đầu đến đèo Ngang trông thấy chợ búa họp bên sông, thấy tiều phu ngư phủ làm ăn sinh sống an lành dưới thời thịnh trị, sau cuộc bình định của nhà Tây Sơn. Quan ông vung bút đề thơ:

"Lăng xăng dưới núi tiều hồ hởi
Xúm xít bên sông chợ nhộn nhàng."

Cảnh vẫn cảnh ấy, bà kia ông nọ bắt gặp hai cái hồn khác hoắc. Hồn tạo vật được cảm thông như thế chăng? E rằng cả ông lẫn bà đều lấy cái hồn riêng của mình đem trùm lên, phủ lên sự vật.

Trò chơi gởi hồn vào sự vật không riêng của giới cầm bút; thực ra trong các giới ca nhạc, giới hội họa, giới điêu khắc, các giới cầm búa, cầm kèn, cầm cọ, cầm đục v.v..., ở đâu cũng có chuyện ấy. Kẻ gửi trao hồn mình cho con sông Danube xanh, người chụp hồn mình lên nụ cười mơ hồ của một người đẹp bí ẩn, kẻ nhúi hồn mình vào triết nhân trần trụi ngồi trầm tư, người thổi hồn mình vào lũ tôm tung tăng trong nước, vào tiếng sáo đêm khuya, vào giọt mưa rả rích suốt canh trường..., gửi vào lời thơ, tiếng nhạc,

nét vẽ, màu sơn, tượng đồng tượng đá v.v...

Gởi hồn như thế chẳng nhằm sản xuất món đồ vật dùng vào việc gì. Không là đồ dùng, chỉ là đồ chơi. Chơi cho khoái thôi. Cho thỏa thích mê tơi thôi.

Là chơi cả. Nhưng cái chơi này khác cái chơi kia. Đốt cái pháo nổ đùng một tiếng rầm trời, đám trẻ reo cười rồi cho qua. Nghe nhạc sông Danube xanh, ngắm nụ cười bí ẩn La Joconde..., cảm xúc âm ỉ ám ảnh ta, tác động đến tâm tình ta sâu xa. Bài nhạc ấy tồn tại lâu dài, bức họa nọ tồn tại lâu dài, ảnh hưởng bền bỉ, từ thời này qua thời nọ.

Hữu dụng và hữu ích

Vì chỗ khác ấy — mỗi nghệ phẩm mang một chút hồn người, mà đồ dùng thì không có hồn — người làm thứ máy tinh xảo nhất vẫn không ký tên mình vào từng chiếc máy, mà tác giả một câu đối, vài câu lục bát, bốn câu thơ tứ tuyệt... đều có lưu tên dính vào tác phẩm.

Đây không còn là chuyện phân biệt đồ dùng với đồ chơi, mà là đối chiếu khoa học với văn học, kỹ thuật với nghệ thuật. Phát minh khoa học liên hệ đến kiến thức, đến lý trí; sáng tạo nghệ thuật liên hệ đến tâm hồn, đến xúc cảm, đến cá tính, bẩm chất từng người.

Khi nhu cầu xã hội cần đến, khi trình độ kiến thức đạt tới, thì nẩy ra sự phát minh. Lúc bấy giờ, ở nhiều nơi khác nhau, nhiều giống người khác nhau cùng có kẻ phát minh ra cái búa, cái cày, lưỡi dao, cây cuốc... Những món này không có cá tính.

Câu thơ, bản nhạc... liên hệ với từng cá nhân. Vào thời điểm này ở xứ nọ — thời kỳ lãng mạn ở Việt Nam chẳng hạn — Xuân Diệu lãng mạn cách này, Huy Cận lãng mạn lối kia; không có Chế Lan Viên thì không ai nhất thiết lên tiếng khóc thương dân Chàm kiểu ấy, không có Hàn Mạc Tử không ai chơi giữa mùa trăng như Hàn cùng chơi với người chị, không ai rủ rê "em" về chơi thôn Vỹ thiết tha như lời lẽ kiểu cách của Hàn...

Nghệ thuật liên hệ đến tâm hồn, đến xúc cảm. Trong lãnh vực nghệ thuật, mỗi thời mỗi khác, mỗi xứ mỗi khác, mỗi người mỗi khác, mỗi tác phẩm một nét khác nhau. Milan Kundera nói: "Nếu Edison không phát minh ra chiếc bóng điện thì một người khác cũng phát minh ra thôi. Nhưng nếu Laurence Sterne không có cái ý kiến ngông cuồng là viết ra một thứ tiểu thuyết không có chuyện gì xảy ra cả, thì sẽ không có ai thay thế ông mà làm công việc ấy và lịch sử của ngành tiểu thuyết sẽ không giống như ta thấy hiện nay."1 Sterne là

THANH TÂM TUYỀN

NGÃ TRÊN NÚI VIỆT HỒNG Ở YÊN BÁY KHI ĐI VÁC NỨA

Tuột dốc té nhào trên hẻm núi
Chết điếng toàn thân trong giây lâu
Mưa rơi đều hạt mưa phơi phới
Ngày đang tàn hiu quạnh rừng sâu

Duỗi soải chân tay gối trên nứa
Ngó trời nhá nhem nghe mưa mau
Tưởng chừng thi thể ai thối rữa
Hồn viển vông chẳng chút oán sầu

Mưa giăng tấm lưới trắng dầy khít
Làng xóm dưới núi ở phương nào?
Gió lạnh tái tê bó liệm chặt
Lả thiếp người quên bẵng sước đau

Đầm mình trong hạnh của ẩn mật
Mắt hoen nhòa hứng giọt thiên thâu
Dò dẫm lối về đêm tối mịt
Sông xa núi thẳm quê nhà đâu?

thế, Kundera cũng vậy, không kém: không có Kundera thì chẳng làm gì có những cuốn hệt như *Risibles amours, La vie est ailleurs* v.v...

Nghệ thuật mật thiết với tâm hồn, với cá nhân, với xã hội, với thời đại, cho nên muốn tìm hiểu về loài người, muốn theo dõi diễn tiến của tâm tư người, các tác phẩm nghệ thuật có phần đóng góp của nó.

Muốn biết hình dạng, kích thước của người đã thay đổi như thế nào từ cổ sơ đến ngày nay, thì những bộ xương, những mảnh xương bắt gặp ở các ngôi cổ mộ cung cấp tài liệu. Muốn biết tâm hồn người mỗi thời mỗi xứ khác nhau thế nào thì hỏi tác phẩm nghệ thuật.

Gửi lại xương cốt hay gửi lại cho hậu thế cái hồn mình trong thơ, nhạc, cùng là đóng góp. Xương cốt với tâm hồn không phải những cái khả dụng. Không ai dùng tâm hồn làm ra cái gì cả. Hồn bất khả dụng, hồn vô sở dụng; nhưng là cái sở cứ. Có thể căn cứ vào nó để hiểu người xưa. Nghệ phẩm là những tài liệu, những chứng tích, chứng liệu. Nghệ phẩm không hữu dụng, nó hữu ích.

A, nghệ thuật!

Nhớ bà Trùng Dương từng có cuốn sách tên *Vừa đi vừa ngước nhìn.* Tôi không còn nhớ rõ sách ấy viết gì. Đại khái, chỉ nghĩ rằng đi như thế là một cách đi lý thú; vừa đi vừa ngước nhìn, chắc chắn một cái đi hớn hở. Tôi đoán trong suốt mấy chục năm trước đây, lúc bắt đầu cầm bút, tôi cũng hứng chí lắm, như kẻ vừa đi vừa ngước nhìn. Nghĩa là đi cách xun xoe, hớn hở.

Bây giờ, gần cuối đời, nếu còn lích nhích bước, thì phải là vừa đi vừa cúi nhìn. Tức thị một cái đi... thẫn thờ.

Đi thế thì còn đi làm gì cho nó chán mắt thiên hạ? Cho nó khiến thiên hạ ngao ngán?

Kỷ niệm

Nói vậy e là cách nói bạc bẽo. Cổ nhân đóng góp từng bộ xương không để tiếng phàn nàn, mình chưa chắc đã được dự góp khúc xương tâm hồn nào đã chê ỏng chê eo, ra giọng khinh bạc. Làm công việc gì lại chẳng có phía hay phía dở. Bộ viết hoài không gặp lúc khoái sao? không gặp được một kỷ niệm nào đáng ghi nhớ sao?

- Phải. Có. Cuối năm 1998, trên một số báo *Văn Học,* ở đoạn cuối bài viết của Nguyễn Hưng Quốc, tôi dọc thấy một câu: "Tôi2 giật mình: hay là... hay là... tại trong lúc viết cuốn *Thơ v.v. và v.v...,* ngoài việc đọc thơ, các sách lý luận về thơ, tôi còn phải đọc đi đọc lại nhiều lần các tác phẩm của Võ Phiến? Chả lẽ cái cười cợt của ông nhiễm vào trong tôi lúc nào tôi không biết? Chả lẽ?"

Xin thú thật, tôi khoái quá chừng. Nhưng trong bảy năm, tôi chưa dám nói gì, với ai. Nói, hóa ra khoe: kỳ quá. Chuyện không phải chuyện đáng khoe: Cười cợt thì hay ho gì? Nhiễm cái cười cợt đâu phải vì thấy nó đẹp đẽ mà noi theo? Giả sử ông Nguyễn đọc thấy tôi có tư tưởng cao siêu, có lời văn lộng lẫy mà theo, thì tôi mới nên dè dặt, nín miệng. Đàng này cái ông vô tình nhiễm phải chỉ là cười cợt. Cười cợt: chẳng qua một thái độ, một nét tâm tính, không tốt và có thể cũng không xấu. Có ai cố tình học hỏi bắt chước làm chi một "cái" như thế! Chẳng qua vô tình "nhiễm" phải. "Nhiễm" không có nghĩa noi gương. Cái nhiễm phải, nếu không là cái xấu đã may mắn, đâu phải cái tốt? Còn tôi biết vậy mà lấy làm khoái thích, tất nhiên cũng không do hãnh diện. Thực ra là một cảm thông. Ngấm ngầm, sâu xa.

Nghịch ngợm, ranh mãnh, hay trầm ngâm chững chạc, chẳng qua nết riêng từng người, "trời sinh" ra vậy. Nết trời sinh ẩn trong nét mặt, cử chỉ, lời ăn tiếng nói, trong phong cách con người. Tất nhiên trong cả phong cách văn chương. Nó có sẵn, chẳng qua có khi tiềm tàng, khi hiển lộ. Kẻ đồng điệu gặp phải, chạm phải, tự dưng đánh thức cái "điệu" ẩn tàng nơi kẻ ấy, nó vùng dậy, phát lộ. Thế thôi. Ông Nguyễn Hưng Quốc, ông ấy đọc rộng bao la, đọc khắp sách vở các nơi mà chưa gặp, tự dưng tình cờ gặp tôi, vô tình chạm phải cái ẩn tật nơi tôi, làm cho ẩn tình nơi ông bật thức giấc...Tôi thích thú biết mấy.

Chuyện đọc sách lang thang mà chạm, mà cọ phải nhau như thế, tôi cũng từng gặp. Tôi cũng nhiễm đây đó cái này cái nọ, sao cho khỏi. Nhưng tội không có cơ hội thông báo cho người truyền nhiễm. Chuyện ông Nguyễn Hưng Quốc, tôi lấy làm một kỷ niệm lý thú, cái thú đã nín giữ bấy lâu. Đây tưởng là dịp nên tỏ bày sự biết ơn ông về cái thú ấy, nếu không e muộn. Nay mai, sang thế giới khác, mình có muốn nhắn gửi về trần gian bằng e-meo, bằng cách lên lưới lên mạng điều gì, biết có đến không?

Quận Cam, tháng 2 – 2006

Chú Thích:

1. *Milan Kundera,* Le rideau, *Gallimard xuất bản, 2005*
2. *Tức ông Nguyễn Hưng Quốc*

CHỊ THOA

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

Chị Thoa có lần nói với tôi:

- Em biết không? Cậu lấy tên của chị đặt cho một nhân vật trong tiểu thuyết của cậu đấy!

Tôi hỏi:

- Truyện gì?

- Hai Buổi Chiều Vàng. Em đọc truyện ấy chưa?

- Có lẽ em đọc rồi. Hồi bé. Bây giờ em chả nhớ truyện ấy thế nào.

- Em đọc lại đi. Buồn lắm...

Bao nhiêu năm trôi qua. Tôi quên lời chị nói và không hề đọc lại Hai Buổi Chiều Vàng.

Mãi gần đây nhớ đến chị tôi lại tủ sách lục tìm quyển truyện ấy của Nhất Linh ra đọc lại. Đọc xong tôi gấp sách ngồi thờ thẫn một hồi lâu. Rồi tôi buột miệng nói với chị như thể chị vẫn còn ở trước mặt:

- Vâng, em cũng thấy truyện ấy buồn man mác...

Tôi nghĩ thầm trong bụng: "Đời chị còn buồn hơn..."

Nếu chị ở trước mặt tôi sẽ nói với chị thế này: "Chị lầm rồi! Không phải cậu lấy tên chị đặt cho nhân vật Thoa trong Hai Buổi Chiều Vàng đâu, mà cậu lấy nhân vật Thoa để đặt tên cho chị đấy! Chị quên rồi à? Hai Buổi Chiều Vàng xuất bản năm 1937, một năm trước khi chị ra đời."

Bố tôi khi đặt tên Thoa cho chị chắc hẳn mong rằng sau này đời chị sẽ gặp may mắn, ít ra cũng như cô Thoa trong Hai Buổi Chiều Vàng, bởi vì ở trong truyện cuối cùng rồi nàng cũng được xum họp bên chồng, hơn thế, lại có người yêu mình mãi mãi bằng mối tình thầm lặng.

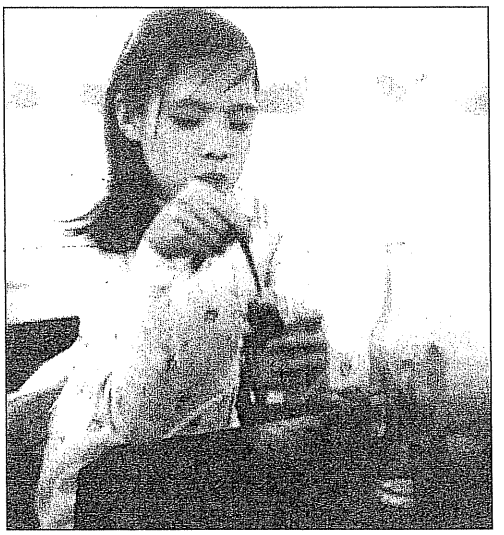

Chị Thoa, thời Hà Nội

Thực tế chị Thoa không có cái diễm phúc ấy như cô Thoa trong truyện.

*

Chị sinh ở Hà Nội năm 1938 và sống bên Pháp lâu năm. Chị ở một mình trong một căn buồng nhỏ trên lầu hai tại số 3 đường Chateauredon thành phố Marseille. Không chồng con.

Chị ra đi lặng lẽ như cuộc đời chị. Không người thân bên cạnh. Tại Clinique d'Angelus, lầu hai, phòng 210 vào lúc 0 giờ 30 sáng ngày 6 tháng 2 năm 2006.

Chị đi êm ả. Đó là niềm an ủi lớn nhất cho chúng tôi. Vào những ngày cuối người chị yếu dần đi và lả vào cơn hôn mê nó tránh cho chị cái đau đớn tột cùng mà nhiều người mắc bệnh ung thư ở giai đoạn chót phải chịu đựng.

Khi tôi đáp chuyến xe hỏa tốc hành từ Paris đến Marseille thăm chị thì chị đã hôn mê. Lúc ấy tôi lại tưởng chị ngủ. Tôi ngồi bên giường chị, nắm tay chị, ngắm chị ngủ say sưa. Kiên nhẫn tôi đợi chị tỉnh.

Tôi đợi. Đợi mãi. Đợi từ sáng đến chiều. Đợi hai ngày liền như thế.

Để qua thì giờ... Tôi viết những dòng sau này cho chị.

*

Em viết ngay trước mặt chị. Chị không biết đâu. Và có lẽ, có lẽ thôi, em hy vọng là em lầm, chị sẽ chẳng bao giờ biết được điều này.

Bây giờ là 11 giờ 30 phút trưa ngày mồng 5 tháng 2 năm 2006 và chúng mình đang ở trong phòng 210 của bệnh viện Angelus. Người ta mới chuyển

chị sang phòng này từ căn phòng số 211 theo lời yêu cầu của chị. Anh Việt nói chị chê căn phòng cũ tối tăm quá và không có cửa sổ trông ra ngoài. Em không biết là chị có nhìn thấy căn phòng mới này chưa?

Hay để em tả cho chị nhé. Em hứa là em viết xong đoạn nào thì em sẽ đọc ngay cho chị nghe.

Em tin rằng mặc dù bây giờ chị đang ngủ nhưng chị nghe được những lời em nói. Không những chị nghe được mà lại còn nghe rất rõ. Như chị đã nghe rất rõ tiếng còi tàu xe hỏa của năm mươi năm về trước.

Chị nhớ không? Có lần em gọi điện thoại từ Mỹ nói chuyện với chị, chị bảo em lúc chị mổ trong cơn mê chị đã nghe lại được tiếng còi tàu vẳng lên từ thung lũng sau nhà. Hồi đó, đúng 5 giờ chiều mỗi ngày chuyến tàu hỏa từ Đơn Dương đi lên cứ đến Trại Mát trước khi vào thành phố thì hụ còi. Tiếng còi tàu lướt qua thung lũng Prenn loang vào không gian Đà Lạt vọng vào căn nhà đá số 19 đường Đặng Thái Thân nơi cậu và hai chị em mình ở; tiếng còi hồi đó nghe mơ hồ thế mà sao mới đây chị lại nghe rõ mồn một.

Marseille hôm nay trời rét lắm. Buổi sáng u ám. Khi em đến đây thì trời bỗng trong ra và có nắng to, thứ "nắng mới trông ngon lạ" như cậu tả trong Bướm Trắng, chị nhớ không? Nắng lọt qua khung cửa thả xuống sàn phòng vắt ngang giường chị nằm, nắng đang sưởi ấm đôi chân của hai chị em mình đấy.

Để em đứng lên nhìn ra ngoài nhé!

Bên ngoài đẹp lắm chị ạ! Mình đang ở trên lầu hai của clinique. Cửa sổ trông thẳng ra một hành lang dài. Hành lang phía trái có rất nhiều cột gạch vuông, ánh nắng lọt qua những khoảng trống đổ xuống sàn những vệt sáng chéo nối tiếp. Những chiếc ghế xếp đặt dọc theo hành lang, có lẽ để bệnh nhân ngồi ngả lưng hứng nắng và hưởng không khí tươi mát bên ngoài. Hôm nay dù nắng to nhưng nhiệt độ hạ thấp gần không độ nên em không thấy ai ngồi trên những chiếc ghế đó. Hành lang trống trải. Chỉ có nắng chan hoà. Kiễng chân lên một chút em có thể thấy được công viên của bệnh viện ở dưới kia, công viên với rất nhiều lối đi trải sỏi, với bức tượng đức mẹ Maria cúi mặt dựng ở giữa những chiếc ghế đá dài lạnh lẽo. Một cặp vợ chồng già di chuyển chậm chạp trong vườn cây trên lối đi. Em đoán ông già là bệnh nhân được người vợ đỡm dìu đi dạo nắng.

Em tạm ngừng đọc! Có ai vừa gõ cửa phòng...

Tôi quay người lại. Cửa phòng hé mở. Một người y tá thò đầu vào. Thấy tôi ông ta gật đầu chào rồi quay nhìn cái bình nước biển treo trên cao. Đoạn ông ta rụt đầu ra, khép cửa lại, trả căn buồng 210 về sự vắng lặng. Sự vắng lặng làm tiếng nói của tôi vừa mới thoát khỏi cửa miệng đã lạc lõng quay về với chính mình. Trả lời tôi là tiếng sủi nhỏ nhỏ đều đều của chiếc bình dưỡng khí.

Chị Thoa đầu ngả một bên. Cứ cách quãng đều đặn có tiếng thở hắt của chị. Tiếng thở ấy, dấu hiệu duy nhất của sự sống, tôi nghe không tự nhiên, có vẻ như một nhịp thở nhân tạo. Một ống plastic nhỏ xíu vắt qua mặt dưới hai cánh mũi nối với bình dưỡng khí đặt ở cạnh giường. Treo trên giá cao là bình nước biển nối thông xuống một ống plastic khác truyền vào mạch máu cánh tay dưới tấm chăn trắng. Tóc chị cắt ngắn, trơ ở dưới chân tóc màu bạc trắng. Hai má chị hóp hẳn vào. Hai mắt chị không nhắm cũng không mở hẳn, chỉ hé nửa chừng cho thấy tròng mắt đục đục.

Cặp mắt ấy hướng về một bên tường. Trên tường treo một cây thánh giá nhỏ bằng gỗ màu nâu. Không biết là vô tình chị quay mặt về hướng ấy hay là chị cố ý nhìn cây thánh giá cầu nguyện trước khi chị rơi vào tình trạng hôn mê?

Chị thiếp đi vào cõi mê từ thời điểm nào tôi không biết. Có lẽ trong thời gian khi chuyến tàu hỏa từ Paris đưa tôi đến Marseille. Tôi đoán thế bởi vì khi chuyến tàu rời ga Lyon tôi có cảm tưởng rất lạ là tôi sẽ không bao giờ gặp lại chị.

Chị Thoa à... Em đến thăm chị ngày hôm qua. Anh Việt có nói với chị trước khi anh ấy đi Paris là em vừa từ Mỹ qua Paris mấy hôm thì bị ốm phải hoãn thăm chị mấy ngày. Hôm qua dù chưa khỏi hẳn em cũng ráng lấy vé tàu đi Marseille.

Paris mùa Đông năm nay rét quá chị ạ. Nhiệt độ hình như xuống tới tám độ âm. Lần đầu tiên đứng trên sân ga Lyon em bỗng nhớ đến bài Tiễn Em chị hát cho em nghe ngày nào tụi mình còn ở Đà Lạt. *Lên xe tiễn em đi. Chưa bao giờ buồn thế... Trời mùa Đông Paris... Suốt đời làm chia ly...* Ga Lyon lúc đó không có đèn vàng nhưng có tuyết rơi. *Tuyết rơi mỏng manh buồn....*

Em đứng ngơ ngác trên sân ga. Gió thổi lốc vào nhà vòm. Gió như có hàng trăm mũi kim chích buốt da mặt. Gió rét em đứng co ro với chiếc mũ len chụp xuống tận mang tai. Em dáo dác đi tìm bến xe đi Marseille, không biết bến nào, muốn hỏi thì vốn tiếng tây mấy chục năm

không dùng đã bay đâu hết. Em đứng trước một cái kiosque có đề chữ lớn Accueil. Có phải đó là chòi Information? Em tiến tới cửa sổ chìa tấm vé hỏi bằng tiếng Anh bến đi Marseille thì người đàn ông sau cửa cau mày trả lời tiếng tây bằng một giọng rất sẵng: "Tôi chỉ nói tiếng Pháp!" Em tức quá chị ạ, sao họ bất lịch sự thế, bên Mỹ không thế đâu. Bỗng em nghe có tiếng nói nhẹ nhàng ở phía sau. Em quay lại bắt gặp nụ cười hiền hậu của một bà già. Bà lập lại câu nói của mình bằng một giọng Anh rất "đầm": "Tôi có thể giúp gì cho ông được không?" Bà ta tốt quá chị ạ. Chỉ cho em từng ly từng tí. Nào là phải tìm bến Grande Ligne, phải ngó lên tấm bảng quang điện có hiện lên số tàu, nơi tàu đến và số bến đậu, những chữ này chỉ hiện ra khoảng 15 phút trước giờ tàu chạy thôi.

Chuyến tàu chạy qua suốt chiều dọc của nước Pháp em chỉ thấy toàn một màu tuyết trắng. Nhìn qua cửa sổ tàu những bông tuyết bay xiên xiên lặng lẽ. Em có cảm tưởng con tàu như bất động không di chuyển trên một sa mạc trắng xóa mặc dù đây là tàu cực nhanh TGV nối Paris-Marseille chỉ trong có ba giờ đồng hồ..

Ngồi trên xe hỏa em lục ba lô lấy bánh mì ra ăn rồi em lấy bản đồ Marseille do anh Việt đưa tối hôm trước ở Paris ra nghiên cứu. Em cần biết đường từ nhà ga St Charles đến nhà chị và đường xe buýt đến bệnh viện Angelus. Anh Việt cũng giao cho em chìa khóa nhà chị. Em mang theo đầy đủ giấy bút theo lời chị dặn để viết vì trên giường bệnh chị sẽ kể em nghe về những kỷ niệm với cậu, với mợ từ thời ở Cẩm Giàng, ở Phượng Vũ. Em rất phục trí nhớ của chị. Bài Thanh Ngọc Đình em viết trước tết ta vừa rồi tả về đêm giao thừa với cậu ở Fim Nôm phần lớn em dựa vào lời kể của chị. Em có mang cả cuốn tập san Thế Kỷ 21 số Xuân Bính Tuất có đăng bài này. Em sẽ đọc bài này cho chị nghe và tặng chị cuốn sách.

Có tiếng gõ cửa rồi cửa mở. Một cô y tá bước vào. Cô nàng rất trẻ, đeo cặp kính trắng, trông cô như một sinh viên. Trên túi áo blouse trắng của cô có bảng tên Virgile. Cô nói Bonjour và tiến lại bắt tay tôi. Tôi đứng lên tự giới thiệu bằng tiếng Pháp tôi từ Mỹ qua, là em của bệnh nhân, mới đến Marseille ngày hôm trước. Tưởng tôi rành tiếng Pháp Virgile tuôn thêm một tràng dài. Nàng đâu biết là sau câu nói đó tôi hết đạn. Tôi ngượng nghịu thú nhận bằng tiếng Anh rằng vốn tiếng Pháp của tôi chỉ có thế và hỏi cô có thể nói chuyện bằng tiếng Anh được không? Nàng nheo mắt giơ hai ngón tay trước mặt, đầu ngón cái ngón trỏ khép nhau, chừa một khoảng cách nhỏ tí, nói A little! Tôi cũng bắt chước, quặp ngón trỏ và ngón cái, nói Un peu! Hai chúng tôi cùng mỉm cười và dùng cả hai thứ tiếng lẫn lộn nói chuyện với nhau. Tôi hỏi Virgile về tình trạng của chị Thoa, có phải chị đang trong tình trạng coma không, cô ta gật. Nhưng khi tôi hỏi sâu hơn như tình trạng coma này kéo dài bao lâu và có hy vọng hồi phục không thì cô nói là cô không phải bác sĩ nên không có quyền trả lời.

Virgile đến bên giường bệnh. Hai tay cô cầm lấy một bàn tay của chị Thoa xoa nắn nhè nhẹ. Ở bên này giường tôi cũng nâng bàn tay của chị lên xoa bóp và cảm nhận qua làn da một bàn tay lỏng le và lạnh lẽo. Chúng tôi yên lặng cúi đầu. Hồi lâu tôi ngửng lên thấy bên kia giường đôi môi mím của Virgile rung rất nhẹ như thể cô ta đang cầu nguyện. Rồi cô ta đặt bàn tay chị tôi xuống, lấy tấm chăn phủ lên, lẳng lặng đi ra khỏi phòng, đôi mắt nhìn xuống sàn, đôi mắt ấy thật buồn.

Chiều hôm qua lúc rời bệnh viện tôi đã ngờ chị Thoa bị coma, không phải ngủ mê. Về phòng nơi chị ở tôi vội gọi điện thoại cho anh Việt báo anh biết tình trạng bất thường của chị; anh nói sẽ quay trở lại Marseille ngay hôm sau. Tuy nhiên sự xác nhận của Virgile cộng thêm đôi mắt buồn rượi của nàng làm tôi xúc động. Tôi nghĩ là Virgile phải còn rất trẻ và mới ra trường vì cái nghề của nàng nhanh chóng sẽ buộc nàng phải giết chết mọi biểu lộ tình cảm như thế.

Virgile ra khỏi phòng đã lâu. Tôi không còn tâm đâu để viết tiếp. Tôi gấp tờ giấy có chữ viết rất nhỏ của tôi kẹp vào trong cuốn Thế Kỷ 21 rồi tôi cúi xuống gần mặt chị Thoa tay sờ má lay chị dậy. Tôi nhìn vào đôi môi chị Thoa và nói với chị:

- Chị Thoa ơi! Em đây. Thiết đây. Chị dậy đi! Chị ngủ lâu quá rồi! Em chờ chị đã hai hôm rồi. Nếu quả thật chị nghe được lời em nói thì chị hãy cho em một dấu hiệu. Dấu hiệu nào cũng được. Chị chớp mắt cho em biết. Hay là... để em sờ các ngón tay chị nhé, chị cử động các ngón tay đi...

Mặc dù nói thế nhưng tôi chỉ nhìn vào và quan sát đôi môi của chị. Không hiểu tại sao tôi tin rằng nếu chị Thoa muốn thông tin cho tôi bằng một tín hiệu thì tín hiệu ấy phải đến từ cặp môi ấy.

Cặp môi có một cái tật nó làm nên dấu ấn của chị Thoa. Môi chị rộng lúc nào cũng hơi méo méo ở một bên trông tựa như hình quả lê, cặp môi ấy hình như luôn luôn có ngầm một sự hoạt động liên tục ngay cả khi chị ngừng nói, cứ lát lát bắp thịt ở cuối môi lại tự động nhích khẽ một cái, giật nhẹ một cái, nhưng chỉ thoáng thôi, như một nghi ngờ.

Trong bao nhiêu năm hình ảnh đôi môi ấy đã ăn vào tôi không những như một biểu tượng của chị và còn là hình ảnh linh động của sự sống. Cho nên khi tôi thấy cặp môi ấy hoàn toàn bất động trên gương mặt chị tôi hiểu là có lẽ tôi đã mất chị Thoa.

Cả một chuỗi những hình ảnh thời thơ ấu hiện lên từ những ngày xa xưa chúng tôi ở Hà Nội. Thủa ấy sau cái chết của Thái em tôi thì chị Thoa và tôi bé nhất nhà. Chúng tôi cùng học mẫu giáo trường Nhà Chung gần nhà thờ lớn Hà Nội. Vào Sài Gòn những năm trước hiệp định Genève hai chị em lại học chung trường tiểu học tư Decroly ở góc đường Hồng Thập Tự và Lê Văn Duyệt. Nhưng dạt dào kỷ niệm thân thương nhất vẫn là những ngày chị em tôi cùng với bố sống trên vùng đất cao nguyên, chị em tôi theo dấu chân bố qua từng căn nhà, từng con phố của Đà Lạt: bắt đầu từ 27 Phan Đình phùng cho đến 31 Minh Mạng, 12 Yersin, 19 Đặng Thái Thân, 7 Yagut và sau cùng là 71 Hoàng Diệu. Trong tất cả những ngày tháng tuyệt vời ấy của những năm 1955 đến 1958 mẹ không có bên cạnh, chị Thoa đóng vai mẹ lo cho bố cho tôi từng bữa cơm sáng chiều. Ba bố con những buổi đi chơi núi picnic, những lần tắm suối vào rừng tầm lan, những buổi hòa nhạc tại gia, tiếng kèn của bố tiếng hát của chị, những hình ảnh đó thần tiên quá như chỉ có trong giấc mộng đẹp chứ không thể nào có thực trong cuộc đời này.

Hồi nhỏ chị Thoa bị bệnh đau mắt hột chữa mãi mới hết nhưng từ đó thị giác chị rất kém. Chị phải đeo kính cận rất sớm. Vì mắt kém chị bỏ học ngang. Kiến thức chị chỉ ở trình độ trung học phổ thông. Đôi kính dầy cộm làm giảm nhan sắc chị vốn tự nó cũng chỉ ở mức trung bình. Người chị tương đối cao to so với phụ nữ Việt Nam. Bên trong cái thân hình ấy là một con người thực thà đến độ ngây thơ, một lòng tin yêu nhẹ dạ và một tâm hồn mộng mơ xa rời thực tế.

Năm 1966 chị Thoa làm việc tại Ty Xã Hội Tuyên Đức được Bộ cấp giấy phép sang Pháp chữa bệnh mắt. Trước khi chị đi tôi đến thăm chị nằm điều trị ở trung tâm nhãn khoa bệnh viện Chợ Rẫy. Chị khóc. Tôi cũng khóc. Chị nói là chị em mình không biết đến bao giờ mới gặp lại nhau vì chị có ý định sau khi chữa mắt sẽ ở luôn bên ấy không về nước.

Chị em tôi từ đó mỗi người mỗi ngã. Sang Pháp chị định cư ở Paris có anh chị Việt ở gần giúp đỡ. Chị làm những nghề vặt vãnh để sống trong các nhà hàng ăn nhưng vì mắt kém và chậm chạp chị khó làm một chỗ nào lâu. Có một nghề, nếu tạm gọi đó là nghề, hợp với chị Thoa nhất là trông nom người già. Chị ở chung và trông nom ông bà Hoàng Xuân Hãn trong một thời gian khá dài.

Đời tình cảm của chị tôi không được biết nhiều. Chị không bao giờ lập gia đình. Trong khoảng thời gian đầu ở Pháp chị sống với anh Hiếu, một bạn trai của chị. Mẹ tôi biết chuyện này, buồn lắm. Mẹ tôi thuộc thế hệ xưa không thể hiểu nổi lối sống chung chạ nam nữ của thế hệ mới này. Mẹ tôi rất mong được thấy hai người lấy nhau. Nhưng mong ấy không thành. Sau một thời gian dài chung sống, chị Thoa và anh Hiếu chia tay.

Khi ông Hãn mất chị xuống Marseille ở nhà một người chú họ đã cao tuổi cần người săn sóc. Việc nặng nhọc quá chị không kham nổi. Chị bỏ việc nhưng quyết định ở lại Marseille không trở lại Paris. Có lẽ thời tiết ấm áp của miền biển hợp với sức khỏe của chị hơn. Chị xin vào quốc tịch Pháp và từ đó sống nhờ trợ cấp chính phủ. Tiền trợ cấp không bao nhiêu. Chị thuê một căn phòng nhỏ trên lầu hai của một chung cư nằm trên một con đường nhỏ cách nhà ga St Charles khoảng 15 phút đi bộ. Địa chỉ căn nhà đó tôi thuộc nằm lòng vì bao nhiêu bức thư của tôi đã gửi đến đó, bao giờ cũng kèm những bài viết mới nhất của tôi. Bao nhiêu năm, bao nhiêu cánh thư về đó, nhưng mãi đến ngày hôm qua tôi mới có dịp đến tận nơi.

Bầu trời u ám khi chuyến tàu hỏa vào ga. Dù ấm hơn Paris nhưng Marseille vẫn còn rất lạnh. Tôi ra khỏi ga St Charles vai đeo ba-lô, một tay kéo va-ly, tay kia cầm bản đồ, theo đám đông bước xuống những bực thang đá rất dài. Anh Việt dặn tôi xuống hết bực thang cứ nhắm phía trước đi thẳng. Đại lộ Athènes. Đại lộ Dugommier. Đại lộ Garibaldi. Gọi đại lộ (boulevard) cho to chứ những con đường này ngắn và không lớn lắm. Theo bản đồ đi quá đường Académie rẽ tay phải thì đến đường nhà chị Thoa. Nhưng tôi đi

quá rất xa vẫn không thấy đành quay lui và khám phá ra mình đã đi qua đường ấy mà không biết: Chateauredon chỉ là một con ngõ bé tý, hai bên nhà cao nhiều từng cũ kỹ. Tôi bước đi trên vỉa hè hẹp tránh những bãi rác những cục phân chó bị dẫm bết và dò tìm số nhà. Trước một cánh cửa gỗ lớn tôi tra chìa khoá mở rồi bước lên một cầu thang cuốn tối tăm. Đến trước phòng của chị tôi dùng ba chìa khóa mở ba ổ khoá khác nhau mới vào được phòng. Vào phòng tôi quẳng va-ly xuống ghế rồi lật đật quay trở ra ngay, lại dùng cả ba chìa, khóa đủ ba ổ trước khi xuống cầu thang. Tôi phải đi đến trạm xe ngay để đáp chuyến buýt số 55 đến bệnh viện Angelus: chị Thoa chắc mong gặp tôi từng giờ từng phút.

Có tiếng gõ cửa. Virgile bước vào. Nàng nhìn dáo dác quanh phòng rồi cầm lấy chiếc cặp da lúc nẫy nàng để quên trên bàn. Nàng đi ra. Trước khi đóng cửa, Virgiles nói vọng vào: "Anh của ông tên là Việt phải không? Tôi vừa nói chuyện với ông ấy ở dưới nhà. Ông Việt vừa từ Paris tới, đang ngồi dưới nhà đợi nói chuyện với bác sĩ." Tôi xem đồng hồ. Năm giờ rưỡi chiều. Tôi nghĩ bụng tối nay không phải ngủ một mình trong căn buồng của chị Thoa.

Cả đêm hôm qua tôi chỉ chợp mắt được khoảng hai ba tiếng. Một mình nằm trên chiếc giường của chị tôi thao thức. Ánh sáng phòng mờ mờ do ngọn đèn đường chiếu qua khe cửa sổ chấn song lọt vào. Tôi nhìn khắp căn buồng và cảm nhận một nỗi trống vắng quạnh quẽ thấm vào da thịt.

Đồ đạc bầy ngăn nắp. Bộ salon giữa phòng chỉ độc một ghế. Sofa đặt cạnh cửa sổ. Tủ áo cao có tấm gương lớn. Vài bức tranh trên tường. Mấy lọ hoa giấy. Một cái TV. Một máy nhạc. Trên tủ sách cạnh lò sưởi có đặt hai bức ảnh chụp lại từ hai bức chân dung của bố mẹ tôi do bác Nguyễn Gia Trí vẽ. Giữa hai bức ảnh là cốc gạo còn cắm mấy chân hương.

Nửa khuya thức giấc tôi đứng dậy đến sát cửa sổ để khép bớt ánh sáng. Qua khe song tôi nhìn xuống đường. Dưới ánh đèn đường vàng vọt con phố quạnh hiu. Bên kia hè từ đáy một thùng rác lớn một con chuột cống chạy vụt ra. Từ một thời quá vãng một đêm nào không ngủ được tôi ra đứng trên balcon của chung cư nhìn xuống hè đường chợ An Đông nhìn những con chuột mập ú ướt át thập thò ngoài lỗ cống. Em biết không có những đêm nằm ngủ trong phòng chị nhìn ra cửa sổ cứ ngỡ như ở ngoài kia là chợ An Đông. Hồi đó ở Sài Gòn có những hôm chị bị ốm nằm liệt giường chị nhìn qua cửa sổ hàng giờ ngắm mãi những chữ bằng gỗ sơn màu đỏ tươi, những chữ gỗ thật to dựng sát nhau trên bờ tường cao xếp thành chữ Chợ An Đông, cái chữ O sao mà tròn và to thế... Hồi đó ở Đà Lạt... Hồi đó ở Hà Nội... chị miên man nói với tôi hàng giờ trên điện thoại...

Tội trở về giường. Chính trên chiếc giường này chị đã sống trọn vẹn cho dĩ vãng.

Nghĩ đến hình ảnh chị Thoa mất kém đi mò mẫm trong gian phòng trống trải này trong đêm tối mà những giọt nước mắt cứ chẩy dài trên má tôi...

*

Vieux Port là một bến tàu nằm ở mỏm một cái vịnh nhỏ thuộc biển Địa Trung Hải. Vịnh ăn sâu vào trung tâm của thành phố Marseille. Đến gần bến tàu chúng tôi xuống xe buýt. Lúc ấy trời vừa tối. Marseille đã lên đèn. Anh Việt bảo tôi:

- Chúng mình ghé Vieux Port tìm cái gì ăn đã trước khi về nhà. Thiết muốn ăn gì?

- Tối hôm qua em đã la cà ở đây thấy có nhiều Restaurant nhìn ra view rất đẹp lại quảng cáo có món soupe bouillabaisse Marseillaise em muốn vào quá, nhưng chờ hôm nay anh đến cùng vào ăn luôn thể.

- Bouillebaisse ở đây anh ăn rồi. Dở lắm. Soupe ngon thì rất đắt, cả trăm euros, mà cũng không biết ở đâu có. Thôi mình tìm cái khác ăn. Quán Le Quai có cá ngon lắm!

Tôi khẩn khoản:

- Em chỉ muốn ăn soupe bouillabaisse thôi. Ngon dở gì cũng được.

- Vậy thì mình đi xa một chút. Chỗ này tuy không có view nhưng chắc là khá hơn.

Chúng tôi đi dọc theo bến tàu. Ban đêm tuy rất lạnh nhưng ở Vieux Port vẫn tấp nập người qua lại, như thể sinh hoạt của cả thành phố đổ dồn về đây. Những chiếc thuyền đủ loại màu sắc với những cánh buồm trắng đậu san sát ở bến. Nơi này 80 năm trước bố tôi đã đặt chân khi chuyến tàu từ Hải Phòng cặp bến khởi đầu chuyến Đi Tây thứ nhất của ông. Cũng nơi này 40 năm trước anh Việt và chị Phượng ra đứng ở đây đón chị Thoa khi chuyến tàu từ Sài Gòn cập bến Marseille. Tối qua đi ngang đây tôi bỗng nhớ lại một kỷ niệm xưa ở Đà Lạt bố tôi

trổ tài nấu bếp nhân dịp mẹ tôi từ Sài Gòn lên thăm ông. Mẹ tôi ra chợ Đà Lạt mua đồ biển gồm cá, cua, tôm, sò và nhìn bố tôi nấu xúp bouillabaisse, cái món xúp màu vàng nghệ lổn ngổn những sò hến cua cá mà mẹ tôi gọi là xúp bát nháo. Múc thìa xúp còn nóng bốc khói trong một cái đĩa sâu đưa lên miệng bố tôi xuýt xoa tự khen:

- Ngon không kém gì xúp bouillabaisse Marseillaise!

Năm mươi năm sau nhớ câu nói đó tôi háo hức đi tìm một món ăn như tìm về một kỷ niệm. Tôi nghĩ bụng nếu phải bỏ ra một trăm euros để tìm lại được một đĩa xúp đầy ắp hương vị xưa nhất là hương vị do chính tay bố tôi tạo nên thì cũng đáng tiền lắm!

Chúng tôi vào một nhà hàng khá sang trọng sau khi đọc tấm menu ở trước cửa có đề giá 18 euros cho món súp bouillabaisse Marseillaise. Ăn xong tôi thất vọng. Tôi không nhìn thấy nghêu sò tôm cá mà tất cả đồ biển đã nghiền nát thành một thứ nước vàng đặc sệt không có một chút nào hương vị ngày xưa. Dù sao thì chúng tôi cũng uống hết một chai rượu vang. Trong men rượu tôi bồi hồi thương cảm cho chị Thoa và mong chị sớm tỉnh dậy để chị đưa tôi đi ăn tại một quán "có món súp bouillebaisse giống y hệt như cậu làm" như chị đã từng hứa.

Chúng tôi trở về nhà chị Thoa. Con đường Chateauredon tăm tối và vắng vẻ. Anh Việt tra chìa khoá mở cổng ngoài. Tôi bật đèn cầu thang. Ngọn đèn vàng tù mù. Anh Việt phải loay hoay một hồi lâu mới mở được ba ổ khoá. Vào phòng anh Việt nói:

- Bác sĩ cũng không biết tình trạng coma của Thoa sẽ kéo dài bao lâu. Thôi thì cứ chuẩn bị trước mọi việc. Đến ngày về Mỹ thì anh em mình cứ phải về thôi. Nhiều khi coma kéo dài mấy tháng ấy chứ, nếu đợi thì đợi đến bao giờ? Bây giờ anh phải lục tìm các giấy tờ quan trọng Thoa cất trong tủ. Còn Thiết thì xem có những gì quí cần giữ như hình ảnh, vật dụng của Thoa cứ để riêng ra.

Hai anh em cho đến khuya không ai nói với ai một câu, lẳng lặng lục hết tủ áo, ngăn kéo. Trong một ngăn tủ chị đựng đầy những bức ảnh và giấy tờ lỉnh kỉnh. Tôi đọc những bài thơ do chị viết. Thơ chị không hay. Lời thơ chất phác như con người chị. Ảnh thì phần lớn do tôi gửi cho chị chụp trong những chuyến đi chung về Việt Nam và trong lần cuối hai chị em tôi gặp nhau khi chị đến Seattle vào dịp giỗ thứ 40 của bố. Tôi nhìn bức hình năm anh em tôi đứng trên bực thang trước cửa nhà tôi, đứng theo thứ tự anh Việt trên cùng còn tôi đứng bậc thấp nhất. Mới đó mà đã ba năm qua. Có một bức ảnh đen trắng của chị được phóng to, bức ảnh chị Thoa hồi bé tôi chưa bao giờ thấy. Có lẽ chị khoảng 13 tuổi khi chụp ảnh. Phông của ảnh nhòe mờ nhưng tôi đoán là ảnh chụp chị ngồi uống nước chanh ở Hà Nội trên con đường Cổ Ngư bên Hồ Tây.

Nửa khuya tôi đi ngủ. Trước khi thiếp đi tôi vẫn còn thấy anh Việt lui cui xem xét trước đống giấy tờ của chị Thoa.

*

Tôi choàng dậy. Có tiếng chuông điện thoại reng liên hồi. Trời còn tối. Từ sofa anh Việt nhổm dậy bắt ống điện thoại. Đồng hồ bàn của chị Thoa có ánh lân tinh chỉ sáu giờ sáng. Tôi linh cảm ngay có chuyện không hay xẩy ra. Hơn hai mươi năm trước vào đúng giờ này tôi đã nhận được cú điện thoại của anh Việt từ Paris báo tin mẹ qua đời...

Có tiếng anh Việt thở dài. Tôi nghe tiếng hỏi của anh: "Vào lúc nào?" Và tiếng anh nói, chắc là lập lại những gì anh đã nghe qua đường giây: "Không giờ ba mươi sáng."

Tôi lặng người. Chị đã mất năm giờ đồng hồ trước.

Hình ảnh chị Thoa hiện lên trong tôi. Hình ảnh ấy của ba năm trước chị vẫy tay từ biệt chúng tôi ở phi trường Sea-Tac trên đường trở về Pháp. Cũng với hình dáng chị vẫy tay ấy tôi tưởng tượng chị đã trở về căn phòng này lần chót vào lúc nửa khuya nhìn anh Việt và tôi đang ngủ. Rồi chị ra đi. Những bước thanh thản nhẹ nhàng. Lùi dần sau chị là căn phòng chị ở, chiếc cầu thang cuốn, cánh cửa gỗ căn nhà số 3, con đường Chateauredon dài hẹp và cả cuộc đời cô đơn của chị. Marseille vào lúc không giờ hoang vắng. Bóng chị đi về hướng Vieux Port lên lại con tàu đã đưa chị đến đây 40 năm trước để trở về chốn cũ, gặp lại những người thân yêu của chị mà có lẽ trong bao năm nằm trằn trọc trên chiếc giường đơn độc này chị đã nghĩ tới và mong sẽ có ngày gặp.

Seattle tháng 3 -2006

Ô chó

ĐẶNG TIẾN

Trên báo Thế Kỷ 21 số 203 tháng 3.2006, có thư độc giả Nguyễn Đức Thảo rất lý thú. Sau khi truy tầm trong các từ điển không thấy chữ ô trong nghĩa gọi chó, bạn Nguyễn Đức Thảo ân cần hỏi nguồn gốc. Tòa soạn, tôi ngờ là chủ bút Phạm Phú Minh, đã trả lời đúng và hay. Mỗi cuộc trao đổi chữ nghĩa là một niềm vui, tác giả bài báo *Con Chó dọc đường Lịch sử* xin có lời cảm ơn cả hai bên, và tham vui, xin ké vào cuộc '*giao hoan*' - hiểu theo định nghĩa của các nhà làm Từ Điển Tiếng Việt, 1977 Văn Tân chủ biên, 1986 Hoàng Phê chủ biên, 1999 Nguyễn Như Ý chủ biên, là «cùng vui với nhau,» đúng với bài bản Truyện Kiều viết vào cuối thế kỷ 18, *chén quỳnh giao hoan.*

Ô chó là một tiếng thông dụng từ Quảng Nam vào Bình Định, chủ yếu là ở nông thôn; ngày nay, chính người địa phương có thể đã quên, hoặc không biết. Nhưng chắc chắn là có. Trong tiểu thuyết *Gia Đình Má Bảy*, 1968, (tr.92), Phan Tứ viết «*Tư Sỏi dọn sạch chỗ này đi. Coi có con chó nào đó không, ô cho nó liếm nền nhà.*» Được hỏi, giáo sư Đào Ngọc Chương, thuộc Đại Học TPHCM có cung cấp cho chúng tôi bài hát dân gian *ô vàng ô* rất vui:

Sầu tương tư
ăn đậu phụng sống với đường
Dầm mù sương
Uống nước lạnh
Ỉa cùng giường
ô vàng ô ! !

Bài hát tinh nghịch, dí dỏm, đưa đến câu cuối ranh mãnh, hai nghĩa, bất ngờ, lý thú.

Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn, con chim đầu đàn của nền ngữ học Việt Nam hôm nay, đã vui lòng mách chúng tôi : khi gọi chó, miền Bắc dùng từ *êu* hay *êu êu*, Nghệ An dường như có từ *huung, hôông*, Thừa Thiên dùng chữ *hu*. Thử kiểm chứng lại, động từ *êu, êu êu* có trong các từ điển, từ *huung, hôông* không có, kể cả trong Từ Điển tiếng Nghệ của Trần Hữu Thung (1998), từ *hu* có trong Từ Điển Tiếng Huế của Bùi Minh Đức (2004). Giáo sư Nguyễn Văn Hiệp, dạy ngữ học tại Hà Nội, gốc Huế, cho biết trong gia đình anh, bố dùng từ *ô chó*, có lẽ vì đã đi nhiều nơi, mẹ dùng từ *hu chó*, vì chỉ sống ở quê nhà. Anh ngờ rằng nguồn gốc chữ *ô, ô chó*, là thán từ *ô*, diễn tả tính bất ngờ, ví dụ khi chó chồm lên khách lạ, và nhất là khi cần phải dọn sạch nhà thật nhanh.

Phần tôi, khi viết, đã không «dùng tiếng ô một cách tự nhiên» như tòa soạn đã giải thích với hảo ý bao che, theo chủ nghĩa địa phương Quảng-Nam-Quốc, mà tôi đã cân nhắc ngòi bút chi ly. Đã đành là để đánh thức một âm hao trong dĩ vãng, mà còn tham vọng khôi phục một động từ hay, chính xác, ngắn gọn mà giàu âm sắc, trong từ vựng Việt Nam. Ngày xưa, học văn học Pháp chúng ta nhớ: vào thời Phục Hưng, thế kỷ 16, các tác gia muốn thoát ly ra khỏi văn học la-tinh và xây dựng văn học mới đã khuyến khích việc dùng từ ngữ dân gian, địa phương, nông nghiệp, thủ công... để làm giàu cho văn chương. Ngày nay chúng ta, nhiều người dùng tiếng Tây tiếng Anh vì muốn nói cho nhanh, hoặc cho là sang, dùng tiếng địa phương bị xem là «quê.» Dĩ nhiên là ngoại trừ những địa phương có uy thế và quyền lực.

Nói như vậy không phải là tôi viết bao giờ cũng đúng. Khi tôi viết tự nhiên thì cứ 'tự nhiên' sai. Ví dụ trong bài *Con chó dọc đường lịch sử,* tôi nhắc đến câu «đít ông cưỡi lừa, mồm ông huýt chó,» đặt nó trong bài văn tế Ri-vi-e (Riviere) chết trận tại Ô Cầu Giấy, 1883, là sai be sai bét. Vì đây là bài văn tế Cơ-ri-viê (Crivier) chết trận tại Yên Lũ, Thái Bình, khi đi đánh nghĩa quân của Bùi Như Quảng, tức Đốc Đen, khoảng 1887-1891. Mình viết sai, vì viết tự nhiên; ngày xưa học như thế nào, thì nay hồi quang lại y chang như thế ấy. May là tôi không gán bài này cho Nguyễn Khuyến như ngày xưa đã học. Độc giả có người vạch chỗ sai, là nhà toán học Bùi Trọng Liễu, Paris. Các độc giả khác, thản nhiên, không quan tâm, vì ngày xưa cũng học như thế. Chúng ta nuôi dưỡng nhau bằng kỷ niệm, và có khi dùng sai lầm để dưỡng nuôi kỷ niệm.

Chỉ một chuyện ô chó, mà đã «giao hoan» với nhau như thế này kể cũng lạm dụng tận tình chữ nghĩa! Mong dịp khác sẽ cùng nhau lại *chuốc chén quỳnh* (...) theo cách nói Nguyễn Du.

Orleans, Tây Xuân Nhật, 21/3/2006

BETTY FRIEDAN,

Người Đàn Bà Tiên Phong Cho Quyền Phụ Nữ

TRẦN VIẾT MINH-THANH

Sáng lập viên cũng là chủ tịch đầu tiên của Hội Phụ Nữ Toàn Quốc năm 1966, (National Organization for Woman, viết tắt là NOW), bà Betty Friedan vừa qua đời. Không riêng gì đời sống phụ nữ Hoa Kỳ, mà có thể nói là phụ nữ khắp thế giới đã thay đổi nhờ người đàn bà gốc Do Thái, mắt sâu, to, mũi bự, dáng thấp, giọng nói trầm nhưng rang rảng, uy nghi, đầy sức thu hút như nhận xét của bà.

Betty Friedan

Vào thập niên 60, thế hệ baby boomers – những trẻ con sanh sau chiến tranh – được hưởng một nền giáo dục tốt với sự hình thành và tiến bộ của nhiều đại học danh tiếng, trong đó có đại học lớn dành riêng cho phụ nữ. Đàn bà đã tranh đấu được quyền bỏ phiếu, giờ này lại có nền giáo dục tốt, sẵn sàng là một đóng góp cho xã hội. Luật pháp nhà nước cũng xác định rõ quyền của mọi người dân. Thế mà trên thực tế thì tất cả quyền lợi luật định chỉ nằm trên giấy tờ. Giới phụ nữ trung lưu, trí thức của Hoa Kỳ, trình bày dưới mắt thế giới một hình ảnh đẹp: đời sống êm đềm, ổn định, chồng có chức vụ, vợ có học giúp nuôi con thành tài trong một căn nhà có hàng rào trắng bọc chung quanh. Cho đến khi The feminine Mystique, Sự huyền diệu của phụ nữ - của tác giả Betty Friedan ra mắt quần chúng! Quyển sách châm ngòi cho một cuộc nổi dậy của Phụ nữ Hoa Kỳ.

Betty Friedan chào đời ngày 4 tháng 2, năm 1921 tại Peoria, Illinois, gia đình gốc Do Thái, bố là Hary Goldstein, chủ tiệm kim hoàng, và mẹ, tên Miriam, đã nghỉ việc làm cho một tòa báo về phụ nữ để thành một nội trợ như mọi người. Lúc lớn lên, Betty nhận thấy mẹ thường có lời lẽ khinh thường bố, mà sau này bà nghiệm ra đó là những hành vi che giấu những ấm ức đè nén trong lòng.

Năm 1938, Betty Friedan xong trung học, thủ khoa trường. Năm 1942 tốt nghiệp đại học Smith, hạng tối danh dự. (Smith là trường đại học danh tiếng dành riêng cho phụ nữ). Học rất giỏi, nhưng như mọi phụ nữ cùng thời, Betty chỉ muốn làm vừa lòng nam giới. Cô sinh viên vừa mới tốt nghiệp hạng Ưu đã từ chối một công trình nghiên cứu (fellowship) lớn, vì không muốn mình hơn một anh bạn trai đương thời, để nhận một chương trình nhỏ hơn tại trường Berkeley, California. Mà mối tình cũng đi đến tan vỡ! Betty Friedan đi New York, trở thành nhà báo chuyên về tường trình các vấn đề Lao động tại một tòa báo phụ nữ. Bà lập gia đình với Carl Friedan, một bác sĩ. Lúc Betty Friedan có bầu lần đầu tiên, bà được phép nghỉ việc một thời gian, trở về làm việc như thường, nhưng đến lần có mang thứ hai, thì tòa báo cho nhà báo Friedan nghỉ việc luôn và thay chức vụ đó bằng một nhà báo nam. Gia đình Friedan rời nhà ra ngoại ô sống. Friedan trông nuôi con cái, và là nhà báo độc lập.

Chuẩn bị cho kỳ họp mặt sau 15 năm của trường đại học Smith, Friedan đã làm nhiều bài phỏng vấn với các bạn cùng lớp. Từ những lần phỏng vấn đó, bà khám phá rằng các bạn đồng khóa 1942, những phụ nữ có học vấn cao, giờ đây là các bà nội trợ sống chịu đựng và đặt câu hỏi: Đời tôi chỉ thế này thôi sao? Có thể nào các đàn bà của thập niên 50 có cái nhìn hạn hẹp hơn đàn bà của nửa thế kỷ trước? Nửa thế kỷ trước qua phong trào đấu tranh đòi quyền được bỏ phiếu, để thế hệ phụ nữ có tương lai hơn, thế mà qua sự tường trình tỉ mỉ của Friedan, xã hội đã uốn nắn cách nào mà thế hệ phụ nữ đương thời chỉ là một hỗ trợ cho sự nghiệp người đàn ông.

Các cô học sinh, sinh viên trí thức ao ước vớt được một ông chồng có chức tước để cùng nhau xây dựng một thiên đường đẹp như bức tranh xã hội đã vẽ vời. Thế nhưng đàng sau bức màn nhung thì các nữ diễn viên cảm thấy chán nản, buồn bực, mà không thể tỏ lộ cùng ai, ngoài những viên thuốc an thần, hay những giờ phút tại phòng mạch các nhà tâm lý học.

Một bài nghiên cứu dài, với nhiều chi tiết đáng suy gẫm mà chẳng tờ báo nào chịu đăng! Friedan tiếp tục công việc nghiên cứu, mở rộng vấn đề. Năm năm sau bài báo biến thành quyển sách the Feminine Mystique, dài trên 400 trang, là một sự tổng hợp nghiên cứu xã hội, với các bài tường trình chi tiết, rõ ràng, sống động của một nhà báo, chứa đựng những cảm xúc chân thành của phụ nữ của nhiều tầng lớp, từ các bà nội trợ đến các bà các cô có sự nghiệp, và còn có một chương nghiên cứu sự việc theo tâm lý học nữa!

Sách mau chóng bán chạy trên thị trường, được xem như một bản tuyên ngôn, một nền tảng cho Phong trào Phụ Nữ Hoa Kỳ, để từ đó lan rộng thành phong trào phụ nữ quốc tế.

Feminine Mystique đã thay đổi cái nhìn của mọi người về vai trò của cá nhân người phụ nữ trong đời sống. Friedan mạnh dạn tuyên bố: Đàn bà phải có quyền đứng lên đòi hỏi, mà không mang cảm giác tội lỗi, ích kỷ, hay bị gọi là mất dây: Tôi là ai, tôi muốn gì trong cuộc đời này? Tôi muốn có một sự nghiệp, muốn góp tiếng nói chính trị, góp ý kiến trong những vấn đề xã hội. Mục đích của đời người phụ nữ không chỉ có chồng con. Phụ nữ cần tách rời tính chất đó ra khỏi cá nhân mình. Họ cần thiết có một đời sống riêng, thỏa mãn khả năng sản xuất, làm việc, suy nghĩ. Có những người đàn bà chọn nghề nghiệp trong lãnh vực khoa học, chính trị, đừng xem họ như là những người thiếu nữ tính!

Friedan tiếp: Sự độc lập của phụ nữ không phải là trò đùa. Người đàn bà kỳ diệu là một danh xưng giả hiệu mà xã hội tôn vinh. Đó là một đời sống bề ngoài, che giấu những cảm xúc chán chường, bởi một đời sống chịu đựng vì ước vọng không được toại nguyện. Một vấn đề xã hội chưa có danh xưng!

Tuy thế không phải tất cả phụ nữ đều đón nhận quyển sách của Friedan. Nhiều bà cảm thấy khó chịu, làm mặt lạnh với tác giả, rút tên tác giả khỏi những sinh hoạt hội đoàn. Rồi có những phê bình chỉ trích nặng nề hơn: Friedan còn nguy hiểm hơn cả Cộng Sản Nga (thời bây giờ là chiến tranh lạnh giữa hai khối Tự Do – Cộng Sản). Friedan mất dây, nên đi bác sĩ tâm lý! Vân vân. Thế nhưng quyển sách tiếp tục được biết đến, lần xuất bản đầu tiên 3000 cuốn, đã được tái bản 600,000 cuốn bìa cứng, và trên 2 triệu cuốn bìa mỏng.

Năm 1964, sau khi gia đình dọn trở lại vào trung tâm thành phố New York. Betty Friedan bắt đầu vận động chính phủ liên bang buộc các hãng xưởng lớn tôn trọng những quyền đã được liệt kê trong bộ Luật Dân quyền (Civil Rights Act), nhấn mạnh phải tôn trọng các quyền trên phương diện giới tính, chứ không riêng gì màu da, chủng tộc, và tôn giáo.

Sự việc thành lập tổ chức NOW (National Organization for Women) là một đáp lại việc chính phủ thờ ơ với những đòi hỏi của Phụ nữ. Tháng 8 năm 1970, NOW tổ chức một cuộc biểu tình lớn nhất từ sau 50 năm khi phụ nữ Hoa Kỳ đứng lên đòi quyền được được bỏ phiếu (Women's suffrage Movement). Có tới 500,000 phụ nữ tham dự, tạo sự chú ý rộng rãi đến phong trào phụ nữ khắp nơi. Betty Friedan là chủ tịch đầu tiên của Hội Phụ nữ NOW, hội hiện có khoảng 500,000 thành viên tại cả 50 tiểu bang, mà khởi đầu là tại căn hộ của bà Friedan.

Phong trào phụ nữ lan tràn mạnh mẽ toàn quốc Hoa Kỳ: Các đại học mở các lớp về phụ nữ, Viện Dân Biểu thông qua Đạo luật Bình Đẳng (Equal Rights admendment), nhiều quyển sách viết về nữ quyền xuất hiện, như quyển "Sức Mạnh của Chị Em Bạn Gái" (Robin Morgan), và đặc biệt sự thành lập của tờ nguyệt san Ms Magazine, để vài năm sau từ điển có thêm thành ngữ, danh từ mới xuất phát từ Phong trào Phụ Nữ. Riêng từ Ms: cách gọi người đàn bà, một cá nhân không lệ thuộc vào đàn ông.

Betty Friedan đi xa hơn với những đòi hỏi cho quyền người phụ nữ, mà lúc bấy giờ được xem là quá khích, như đòi hỏi bình quyền về lương bổng, đòi hỏi các mẩu quảng cáo tìm kiếm nhân viên của hãng xưởng không được giới hạn giới tính, đàn bà phải được ngang quyền khi đề bạt tăng chức, phụ nữ mang thai được nghỉ phép, khi trở lại làm việc không bị mất việc cũ trong thời gian hạn định. Đấy là những quyền mà thế hệ sau thấy là việc đương nhiên!

Betty Friedan cũng tranh đấu cho quyền phá thai, bà là sáng lập viên của Hội chống hủy bộ Luật phá thai. Về Chính trị, năm 1971, bà là đồng sáng lập viên Hội Phụ Nữ Chính Trị Toàn Quốc (National Women's Political Caucus). Friedan thuyết phục đảng Dân Chủ dành cho phụ nữ

nửa số đại biểu tại đại Hội Đảng. Năm 1984, khi Geraldine Ferraro được đề cử phó tổng thống Hoa Kỳ, bà là một đại biểu.

Thời gian sau, có những va chạm giữa Friedan và những lãnh đạo nữ quyền (feminists), vì các Ms nữ quyền đưa ra những đòi hỏi mạnh mẽ, có phần quá khích. Lại có hội phụ nữ đồng tính đòi hỏi những quyền đặc biệt riêng mà bà Friedan không đồng ý. Bà không muốn Phong Trào Phụ nữ nhập vào với sự đòi hỏi của Phụ nữ đồng tính, mà theo bà đi lệch khỏi chiều hướng căn bản: tạo ý thức trong quần chúng về quyền thiết yếu của phụ nữ. Trong một buổi thuyết trình trước cử tọa sinh viên bà khuyên: "Đừng đốt nịt vú, đừng chống đàn ông, đừng gia nhập vào những hội chính trị quá khích! Phong trào phụ nữ phải được sự ủng hộ của gia đình, toàn quốc và luật lệ!" Sau bốn năm, bà Friedan từ chức chủ tịch Hội phụ nữ NOW.

Sự nổi tiếng của Friedan làm cho đời sống gia đình căng thẳng, để rồi vợ chồng bà phải chia tay sau 22 năm chung sống. Năm 1969, bác sĩ Carl Friedan qua đời mấy tháng sau khi hai người ly dị

Thập niên sau Betty Friedan đi dạy, đi thuyết trình, và năm 1981 cho xuất bản quyển "The Second Stage" *Giai đoạn thứ hai* , khẳng định sự độc lập của Friedan với các lãnh đạo nữ quyền đã thay thế bà. Bà Friedan phần nào chấp nhận những chỉ trích của một số phụ nữ cho rằng phong trào thuở đầu có lúc đi đến những quá khích, đó là giảm thiểu vai trò người đàn bà chọn là nội trợ. Friedan thú thật: Điểm thiếu sót của chúng tôi là không để ý đến gia đình. Chúng tôi đã mở đường cho thế hệ con gái tôi có một sự nghiệp, thoát khỏi cảnh bị đè nén trong bốn bức tường gia đình, nhưng lúc này có những cô lại hỏi: Tôi có tất cả, học vấn, sự nghiệp, nhưng giờ thì tôi muốn có gia đình

Giai đoạn thứ hai không phải chỉ nói về cá nhân người đàn bà là một người bình đẳng với đàn ông, mà bao hàm gia đình, tình yêu và công việc. Giai đoạn này không khởi đầu một phong trào, mà đây là giai đoạn vượt qua các tranh luận để thành lập thể chế với các quyền hạn tự nhiên.

Bà Friedan nhận định chức năng là mẹ là một sự chọn lựa tự do, giải phóng. Giai đoạn Thứ Hai của Friedan đã mở đường cho phía bảo thủ cũng như phía chống đối quá khích đem vấn đề gia đình vào những vấn đề của Phụ nữ. Thời gian cho thấy mỗi cách mạng nếu có lúc đi quá đà, và từ đó có những người quá khích, không khỏi có sự sai lầm. Friedan đã sáng suốt nhìn thấy sự sai lầm đó, tìm giải pháp chữa đi những chính sách quá khích, cân bằng đời sống người phụ nữ trong gia đình và xã hội.

Thập niên 90, Betty Friedan bước qua những vấn đề khác của xã hội. Quyển sách *The Fountain of Age* của bà, xuất bản năm 1993, đề cập vấn đề của người già trong xã hội. Xã hội đã quên lãng tầng lớp tuổi về hưu như đã chối từ sự hiện diện của người phụ nữ hai mươi năm trước. Tuổi già không nghĩa là chán nản, rỗng tếch, tàn tạ, suy nhược.

Năm 2000, gần 80 tuổi, Betty Friedan cho ra mắt quyển sách cuối cùng, quyển hồi ký có tựa là *Life So Far*.

Betty Friedan ra đi vào ngày sinh nhật của mình, hưởng thọ 85 tuổi.

Không ai có thể phủ nhận chỗ đứng lịch sử của bà Friedan trong phong trào phụ Nữ. Nghị sĩ Hillary Rodham Clinton nói: Những hành động và các bài viết của bà Friedan đã mở cánh cửa cho nhiều người, đã bẻ gảy những bức tường ngăn cấm cũng như mở rộng cơ hội cho phụ nữ và cho cả đàn ông nhiều thế hệ kế tiếp. Tất cả chúng ta là những người được hưởng quyền lợi từ tư tưởng của Betty Friedan.

Elean Smeal, chủ tịch của cơ quan phụ nữ đa số, nhà sản xuất của tờ báo Ms, cựu chủ tịch của Hội NOW, ca ngợi di sản của Friedan: Bà Friedan là một người đàn bà vĩ đại cho quyền phụ nữ, một người hướng dẫn, một xúc tác của thế kỷ 20, việc làm của bà đã đưa dẫn đến những thay đổi để cải thiện thân thế, địa vị của phụ nữ trong gia đình và trong xã hội khắp thế giới. Quyển sách The feminine mystique giúp định nghĩa địa vị thua kém của đàn bà, mở rộng tư tưởng của phụ nữ, tạo điều kiện cho nhiều phụ nữ thoát khỏi một đời sống xã hội uốn nắn.

Vào thập niên 60 và 70, tiếng nói của Friedan là một tiếng nói lớn, uy nghi. Không biết bao nhiêu đời sống phụ nữ đã lắng tai nghe để rồi thay đổi được với một đời sống phong phú và toại nguyện hơn. Bà là tiếng nói quan trọng của Phong Trào phụ nữ, đã ảnh hưởng đến thế hệ sau, tới khắp nơi trên thế giới. Bà cũng ngạc nhiên với cái ảnh hưởng mình tạo ra, nhưng đã tuyên bố một cách giản dị: Tôi chỉ nói lên sự thật, và sự thật tạo uy quyền và sức mạnh.

Phụ nữ khắp nơi nghiêng mình trước một cái tên lớn đã thay đổi suy nghĩ và đời sống của họ: Betty Friedan (1921-2006).

Tiếc Cho Một Người Lầm Lỡ Vừa Nằm Xuống

MAI THANH TRUYẾT

Thân tặng tất cả những người Việt
còn có tấm lòng yêu quê hương

Bà Bác sĩ Dương Quỳnh Hoa vừa nằm xuống ngày thứ bảy 25-2-2006 tại Sài Gòn, và được hỏa táng vào ngày thứ ba 28/2. Báo chí trong nước cho đến hôm nay, không hề loan tải tin tức trên. Đài BBC có phỏng vấn ông Võ Nhơn Trí ở Pháp về tin nầy và phát đi ngày 28/2. Sự im lặng của Việt Nam khiến cho người viết thấy có nhu cầu trang trải và chia xẻ một số suy nghĩ về cái chết của Bs Dương Quỳnh Hoa để từ đó rút ra thêm một kinh nghiệm sống về tính chất "chuyên chính vô sản" của những người cầm quyền tại Việt Nam hiện tại.

Bà Dương Quỳnh Hoa

Ông Bà Dương Quỳnh Hoa và Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam

Bs Dương Quỳnh Hoa là một người sống trong một gia đình theo Tây học, có uy tín và thế lực trong giới giàu có ở Sài Gòn từ thập niên 40. Cha là Giáo sư Dương Minh Thới và anh là Luật sư Dương Trung Tín; gia đình sống trong một biệt thự tại đường Hồng Thập Tự xéo góc với Bộ Y tế (VNCH). Ls Tín đã bị ám sát tại Đà Lạt vào thập niên 1960, cái chết của ông không được soi sáng, nhưng đa phần có nhiều nghi vấn là do lý do chính trị vì ông có khuynh hướng thân Pháp thời bấy giờ.

Về phần bà Hoa, được đi du học tại Pháp vào cuối thập niên 40, đã đỗ bằng Bác sĩ Y khoa tại Paris và về lại Việt Nam vào khoảng 1957(?). Bà có khuynh hướng cấp tiến và xã hội, do đó bà đã gia nhập vào Đảng CS Pháp năm 1956 trước khi về nước.

Từ những suy nghĩ trên, bà hoạt động trong lãnh vực y tế và lần lần được móc nối và gia nhập vào Đảng CSVN. Tháng 12/1960, Bà trở thành một thành viên sáng lập của Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam dưới bí danh Thùy Dương, nhưng còn giữ bí mật cho đến khi bà chạy vô "bưng" qua ngõ Ba Thu - Mõ Vẹt xuyên qua Đồng Chó Ngáp. Ngay sau biến cố Tết Mậu Thân, tin tức trên mới được loan tải qua đài phát thanh của Mặt Trận.

Khi vào trong bưng, bà gặp Giáo sư Huỳnh Văn Nghị và kết hôn với ông. Gs Huỳnh Văn Nghị cũng là một sinh viên du học tại Pháp, đỗ bằng Cao học (DES) Toán. Về Việt Nam năm 1957, ông dạy học tại trường Petrus Ký trong hai năm, sau đó qua làm ở Nha Ngân sách và Tài chánh. Ông cũng có tinh thần thân Cộng, chạy vô "bưng" năm 1968 và được kết nạp vào đảng sau đó.

Do "uy tín" chính trị quốc tế của bà Hoa thời bấy giờ rất cao, Mặt Trận, một lá bài của CS Bắc Việt, muốn tận dụng uy tín nầy để tạo sự đồng thuận với chính phủ Pháp hầu gây rối về mặt ngoại giao cho VNCH và đồng minh Hoa Kỳ. Từ những lý do trên, bà Hoa là một người rất được lòng Bắc Việt, cũng như ông chồng của bà cũng được nâng đỡ theo. Vào đầu thập niên 70, ông Nghị được chuyển ra Bắc và được huấn luyện trong trường đảng. Tại đây, với một tinh thần thông thoáng dân tộc, cộng thêm nhiều lý luận toán học, ông đã phân tích và chứng minh những lý thuyết giảng dạy ở trường đảng đều không có căn bản lý luận vững chắc và ông tự quyết định rời bỏ không tiếp tục theo học trường nầy nữa.

Chính nhờ uy tín của bà Dương Quỳnh Hoa trong thời gian nầy mà ông không bị trở ngại về an ninh. Cũng cần nên nói thêm là ông đã từng được đề cử vào chức vụ Bộ trưởng Kinh tế nhưng ông từ chối.

Ông bà Dương Quỳnh Hoa và Đảng Cộng sản Việt Nam

Chỉ một thời gian ngắn sau khi CS Bắc Việt giải tán Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam, ông bà lúc đó mới vở lẽ ra. Về phần mình, ông Huỳnh Văn Nghị hoàn toàn không hợp tác với chế độ. Năm 1976, trong một buổi ăn tối với năm người bạn thân thiết, có tinh thần "tiến bộ," ông đã công khai tuyên bố với các bạn như sau: "Các 'toi' muốn trốn thì trốn đi trong lúc nầy. Đừng chần chờ mà đi không kịp. Nếu ở lại, đừng nghĩ rằng mình đã có công với 'cách mạng' mà 'góp ý' với đảng." Ngay sau đó, một người bạn thân là Nguyễn Bá Nhẫn vượt biên và hiện cư ngụ tại Pháp. Còn bốn người còn lại là Lý Chánh Trung (giáo sư Văn khoa Sài Gòn), Trần Quang Diệu (Tổng Thư Ký Viện Đại học Đà Lạt), Nguyễn Đình Long (Nha Hàng không Dân sự), và một người nữa người viết không nhớ tên không đi. Ông Trung và Long hiện còn ở Việt Nam, còn ông Diệu đang cư ngụ ở Canada.

Trở lại Bs Dương Quỳnh Hoa, sau khi CS chiếm đóng miền Nam tháng 4/1975, bà được "đặt để" vào chức vụ Tổng trưởng Y tế, Xã hội, và Thương binh trong nội các chính phủ. Vào tháng 7/75, Hà Nội chính thức giải thể chính phủ Lâm thời và nắm quyền điều hành toàn quốc, chuyển bà xuống hàng Thứ trưởng và làm bù nhìn như Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thị Định... Chính trong thời gian nầy bà lần lần thấy được bộ mặt thật của đảng Cộng sản và mục tiêu của họ không phải là phục vụ đất nước Việt Nam mà chính là làm nhiệm vụ của CS quốc tế là âm mưu nhuộm đỏ vùng Đông Nam Á.

Vào khoảng cuối thập niên 70, bà đã trao đổi cùng ông Nguyễn Hữu Thọ: "Anh và tôi chỉ đóng vai trò bù nhìn và chỉ là món đồ trang sức rẻ tiền cho chế độ. Chúng ta không thể phục vụ cho một chế độ thiếu dân chủ và không luật lệ. Vì vậy tôi thông báo cho anh biết là tôi sẽ trả lại thẻ Đảng và không nhận bất cứ nhiệm vụ nào trong chính phủ." Đến năm 1979, Bà chính thức từ bỏ tư cách đảng viên và chức vụ Thứ trưởng. Dĩ nhiên là Đảng không hài lòng với quyết định nầy; nhưng vì để tránh những chuyện từ nhiệm tập thể của các đảng viên gốc miền Nam, họ đề nghị bà sang Pháp. Nhưng sau cùng, họ đã lấy lại quyết định trên và yêu cầu bà im lặng trong vòng mười năm.

Mười năm sau đó, sau khi được "phép" nói, bà nhận định rằng đảng CS Việt Nam tiếp tục xuất cảng gạo trong khi dân chúng cả nước đang đi dần đến nạn đói. Và nghịch lý thay, họ lại yêu cầu thế giới giúp đỡ để giải quyết nạn nghèo đói trong nước. Trong thời gian nầy bà tuyên bố: "Trong hiện trạng của đất nước hiện tại (thời bấy giờ), xuất cảng gạo tức là xuất cảng sức khỏe của người dân," và bà cũng là một trong những người đầu tiên lên tiếng báo động vào năm 1989 cho thế giới biết tệ trạng bán trẻ em Việt Nam ngay từ chín, mười tuổi cho các dịch vụ tình dục trong khách sạn và các khu giải trí dành cho người ngoại quốc do các cơ quan chính phủ và quân đội điều hành.

Sau khi rời nhiệm vụ trong chính phủ, bà trở về vị trí của một bác sĩ Nhi khoa. Qua sự quen biết với giới trí thức và y khoa Pháp, bà đã vận động được sự giúp đỡ của hai giới trên để thành lập Trung Tâm Nhi Khoa chuyên khám và chữa trị trẻ em không lấy tiền, và bà cũng được viện trợ thuốc men cho trẻ em Việt Nam suy dinh dưỡng nhất là acid folic và các loại vitamin. Nhưng tiếc thay, số thuốc trên khi về Việt Nam đã không đến tay bà mà tất cả được chuyển về Bắc. Bà xin chấm dứt viện trợ, nhưng lại được "yêu cầu" phải xin lại viện trợ vì... nhân dân (của Đảng!). Về tình trạng trẻ con suy dinh dưỡng, với tính cách thông tin, chúng tôi xin đưa ra đây báo cáo của bà Anneke Maarse, chuyên gia tư vấn của UNICEF trong hội nghị ngày 1/12/03 tại Hà Nội: "Hiện Việt Nam có 5,1 triệu người khuyết tật chiếm 6,3% trên tổng số 81 triệu dân. Qua khảo sát tại 648 gia đình tại ba vùng Phú Thọ, Quảng Nam và thành phố Hồ Chí Minh cho thấy có tới 24% trẻ em tàn tật dạng vận động, 92,3% khuyết tật trí tuệ, và 19% khuyết tật thị giác lẫn ngôn ngữ. Trong số đó tỷ lệ trẻ em khuyết tật bẩm sinh chiếm tới 72%."

Vào năm 1989, bà Dương Quỳnh Hoa đã được ký giả Morley Safer, phóng viên của đài truyền hình CBS phỏng vấn. Những lời phỏng vấn đã được ghi lại trong cuốn sách của ông dưới tựa đề *Flashbacks on Returning to Việt Nam* do Random House, Inc. NY, xuất bản năm 1990, qua đó, người ta được biết là con của bà, Huỳnh Trung Sơn bị bịnh viêm màng não mà bà không có thuốc để chữa trị khi còn ở trong bưng và đây cũng là một sự kiện đau buồn nhất trong đời bà. Cũng trong cuốn sách vừa kể, bà cũng đã tự thú là đã sai lầm ở một khoảng thời gian nào đó nhưng Bà không hối tiếc vì Bà đã đạt được mục đích là làm cho những người ngoại

quốc ra khỏi đất nước Việt Nam.

Sau cùng, chúng tôi xin liệt kê ra đây hai trong những nhận định bất hủ của Bác sĩ Dương Quỳnh Hoa là: "Trong chiến tranh, chúng tôi sống gần nhân dân, sống trong lòng nhân dân. Ngày nay, khi quyền lực nằm an toàn trong tay rồi, đảng đã xem nhân dân như là một kẻ thù tiềm ẩn." Và khi nhận định về bức tường Bá linh, bà nói: "Đây là ngày tàn của một ảo tưởng vĩ đại."

Bác sĩ Dương Quỳnh Hoa và vụ kiện Da Cam

Theo nhiều nguồn dư luận hải ngoại, trước khi ký kết Thương ước Mỹ-Việt dưới nhiệm kỳ của Tổng thống Clinton, hai chính phủ đã đồng ý trong một cam kết riêng không phổ biến là Việt Nam sẽ không đưa vụ Chất độc màu Da cam để kiện Hoa Kỳ, và đổi lại, Mỹ sẽ ký thương ước với Việt Nam và sẽ không phủ quyết để Việt Nam có thể gia nhập vào Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Có lẽ vì "mật ước" Mỹ-Việt vừa nêu trên, nên Việt Nam cho thành lập Hội Nạn nhân chất Độc Da cam/Dioxin Việt Nam ngày 10/1/2004 ngay sau khi có quyết định chấp thuận của bộ Nội vụ ngày 17/12/2003. Đây là một Hội dưới danh nghĩa thiện nguyện nhưng do Nhà Nước trợ cấp tài chính và kiểm soát. Ban chấp hành tạm thời của Hội lúc ban đầu gồm:

- Bà Nguyễn Thị Bình, nguyên Phó chủ tịch nước làm Chủ tịch danh dự;
- Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp, nguyên Phó chủ nhiệm Tổng cục chính trị QĐND làm Chủ tịch;
- Giáo sư, Bác sĩ Nguyễn Trọng Nhân, nguyên Bộ trưởng Y tế, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam làm Phó Chủ tịch;
- Ô Trần Văn Thụ làm Thư ký.

Trong buổi lễ ra mắt, bà Bình đã khẳng định rõ ràng rằng: "Chính phủ Mỹ và các công ty sản xuất chất độc hoá học da cam phải thừa nhận trách nhiệm tinh thần, đạo đức và pháp lý. Những người phục vụ chính thể Việt Nam Cộng Hòa cũ ở miền Nam không được đưa vào danh sách trợ cấp." Theo một bản tin của Thông tấn xã Việt Nam thì đây là một tổ chức của những nạn nhân chất Da cam, cũng như các cá nhân, tập thể tự nguyện đóng góp để giúp các nạn nhân khắc phục hậu quả chất độc hoá học và là đại diện pháp lý của các nạn nhân Việt Nam trong các quan hệ với các tổ chức và cơ quan trong cũng như ngoài nước. Thế nhưng, trong danh sách nạn nhân chất da cam trong cả nước được Việt Nam ước tính trên 3 triệu mà chính phủ đã thiết lập năm 2003 để cung cấp tiền trợ cấp hàng tháng, những nạn nhân đã từng phục vụ cho VNCH trước đây thì không được đưa vào danh sách nầy (Được biết năm 2001, trong Hội nghị Quốc tế tại Hà Nội, số nạn nhân được Việt Nam nêu ra là 2 triệu!). Do đó có thể nói rằng, việc thành lập Hội chỉ có mục đích duy nhất là hỗ trợ cho việc kiện tụng mà thôi.

Vào ngày 30/1/2004, Hội đã nộp đơn kiện 37 công ty hóa chất ở Hoa Kỳ tại tòa án liên bang Brooklyn, New York do luật sư đại diện cho phía Việt Nam là Constantine P. Kokkoris. (Được biết Ls Kokkoris là một người Mỹ gốc Nga, đã từng phục vụ cho tòa Đại sứ Việt ở Nga Sô và có vợ là người Việt Nam họ Bùi). Hồ sơ thụ lý gồm 49 trang trong đó có 240 điều khoản. Danh sách nguyên đơn liệt kê như sau:

- Hội Nạn nhân Chất Da cam/Dioxin Việt Nam;
- Bà Phan Thị Phi Phi, giáo sư Đại học Hà Nội;
- Ông Nguyễn Văn Quý, cựu chiến binh tham chiến ở miền Nam trước 1975, cùng với hai người con là Nguyễn Quang Trung (1988) và Nguyễn Thị Thu Nga (1989);
- Bà Dương Quỳnh Hoa, Bác sĩ, nguyên Bộ trưởng Y tế Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam, và con là Huỳnh Trung Sơn; và
- Những người cùng cảnh ngộ.

Đây là một vụ kiện tập thể (class action) và yêu cầu được xét xử có bồi thẩm đoàn. Các đương đơn tố các công ty Hoa Kỳ đã vi phạm luật pháp quốc tế và tội ác chiến tranh, vi phạm luật an toàn sản phẩm, cẩu thả và cố ý đả thương, âm mưu phạm pháp, quấy nhiễu nơi công cộng và làm giàu bất chánh để (1) đòi bồi thường bằng tiền do thương tật cá nhân, tử vong, và dị thai và (2) yêu cầu tòa bắt buộc làm giảm ô nhiễm môi trường, và (3) để hoàn trả lại lợi nhuận mà các công ty đã kiếm được qua việc sản xuất thuốc khai quang.

Không có một bằng chứng nào được đính kèm theo để biện hộ cho các cáo buộc, mà chỉ dựa vào tin tức và niềm tin (nguyên văn là upon information and belief). Tuy nhiên, đơn kiện có nêu đích danh một số nghiên cứu mới nhất

về dioxin của Viện Y khoa thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Hoa Kỳ, công ty cố vấn Hatfield Consultants của Canada, Bác sĩ Arnold Schecter của trường Y tế Công cộng Houston thuộc trường Đại học Texas, và Tiến sĩ Jeanne Mager Stellman của trường Đại học Columbia, New York.

Chúng tôi đặc biệt quan tâm đến trường hợp của Bs Dương Quỳnh Hoa cũng như quá trình hoạt động của bà từ những năm 50 cho đến hiện tại. Tên bà nằm trong danh sách nguyên đơn cũng là một nghi vấn cần phải nghiên cứu cặn kẽ.

Theo nội dung của hồ sơ kiện tụng, từ năm 1964 trở đi, bà thường xuyên đi đến thành phố Biên Hòa và Sông Bé(?) là những nơi đã bị phun xịt thuốc khai quang nặng nề. Từ năm 1968 đến 1976, nguyên đơn Bs Hoa là Tổng trưởng Y tế của Chính phủ Lâm thời Cộng hòa miền Nam và ngụ tại Tây Ninh. Trong thời gian nầy Bà phải che phủ trên đầu bằng bao nylon và đã đi ngang qua một thùng chứa thuốc khai quang mà máy bay Mỹ đã đánh rơi. (Cũng xin nói ở đây là chất da cam được chứa trong những thùng phuy 200L và có sơn màu da cam. Chất nầy được pha trộn với nước hay dầu theo tỷ lệ 1/20 hay hơn nữa và được bơm vào bồn chứa cố định trên máy bay trước khi được phun xịt. Như vậy làm gì có cảnh thùng phuy rơi rớt!?).

Năm 1970, bà sinh đứa con trai tên Huỳnh Trung Sơn (cũng có tên trong đơn kiện như một nguyên đơn, tuy đã mất) bị phát triển không bình thường và hay bị chứng co giật cơ thể. Sơn chết vào lúc tám tháng tuổi.

Trong thời gian chấm dứt chiến tranh, Bs Hoa bắt đầu bị chứng ngứa ngáy ngoài da. Năm 1971, Bà có mang và bị sẩy thai sau tám tuần lễ. Năm 1972, bà lại bị sẩy thai một lần nữa, sau sáu tuần mang thai. Năm 1985, Bs Hoa đã được chẩn bịnh tiểu đường. Và sau cùng năm 1998 bà bị ung thư vú và đã được giải phẫu. Năm 1999, bà được thử nghiệm máu và Bs Schecter (Hoa Kỳ) cho biết là lượng Dioxin trong máu của Bà có nồng độ là 20 ppt (phần ức).

Và sau cùng, kết luận trong hồ sơ kiện tụng là: Bà Bs Hoa và con là nạn nhân của chất độc Da cam.

Qua những sự kiện trên chúng ta thấy có nhiều điều nghịch lý và mâu thuẫn về sự hiện diện của tên bà trong vụ kiện ở Brooklyn.

Để tìm giải đáp cho những điều nghịch lý trên, chúng tôi xin trích dẫn những phát biểu của bà trong một cuộc tiếp xúc thân hữu tại Paris trung tuần tháng 5/2004. Theo lời bà (từ miệng bà nói, theo lời của một người bạn tên VNT có mặt trong buổi tiếp xúc trên) thì "Người ta đã đặt tôi vào một sự đã rồi (fait accompli). Tên tôi đã được ghi vào hồ sơ kiện không có sự đồng ý của tôi cũng như hoàn toàn không thông báo cho tôi biết. Người ta chỉ đến mời tôi hợp tác khi có một ký giả người Úc thấy tên tôi trong vụ kiện yêu cầu được phỏng vấn tôi. Tôi chấp nhận cuộc gặp gỡ với một điều kiện duy nhất là tôi có quyền nói sự thật, nghĩa là tôi không là người khởi xướng vụ kiện cũng như không có ý muốn kiện Hoa Kỳ trong vấn đề chất độc da cam." Dĩ nhiên cuộc gặp gỡ giữa bà Hoa và phóng viên người Úc không bao giờ xảy ra.

Bà còn thêm rằng: "Trong thời gian mà tất cả mọi người nhất là đảng CS bị ám ảnh về việc nhiễm độc dioxin, tôi cũng đã nhờ một Bs Hoa Kỳ khám nghiệm (khoảng 1971) tại Pháp và kết quả cho thấy là lượng dioxin trong máu của tôi dưới mức trung bình (2ppt)."

Đến đây, chúng ta có thể hình dung được kết quả của vụ kiện.Vào ngày 10 tháng 3 năm 2005, ông chánh án Jack Weinstein đã tuyên bố hủy bỏ hoàn toàn vụ kiện tại tòa án Brooklyn, New York.

Bài học được rút ra từ cái chết của Bác sĩ Dương Quỳnh Hoa

Hôm nay Bác sĩ Dương Quỳnh Hoa đã đi trọn quãng đường của cuộc đời bà. Bà đã vào đời với bầu nhiệt huyết của tuổi thanh niên, với lý tưởng trong sáng phục vụ cho tổ quốc. Nhưng cũng chính vì quá nhiệt huyết và trong sáng, bà đã không phân biệt và bị mê hoặc bởi những lý thuyết không tưởng của hệ thống cộng sản thế giới. Do đó bà đã đã đứng về phía Cộng sản và bị lôi cuốn vào cơn lốc của cuộc chiến Việt Nam.

Khi đã nhận diện được chân tướng của họ, bà bị vỡ mộng và có phản ứng ngược lại. Nhưng vì thế cô, bà không thể nào đi ngược lại hay "cải sửa" chế độ. Rất may cho bà là bà chưa bị chế độ nghiền nát. Không phải vì họ sợ hay thương tình một người đã từng đóng góp cho chế độ (trong xã hội CS, loại tình cảm tiểu tư sản như thế không thể nào hiện hữu được), nhưng chính vì họ nghĩ còn có thể lợi dụng được bà trong những mặc cả kinh tế - chính trị giữa

các đối cực như Pháp và Hoa Kỳ, trong đó họ chiếm vị thế ngư ông đắc lợi. Vì vậy, họ không triệt tiêu bà.

Hôm nay chúng ta có thể tiếc cho bà, một người Việt Nam có tấm lòng yêu nước nhưng không đặt đúng chỗ và đúng thời điểm, đến khi phản tỉnh đã bị chế độ đối xử tệ bạc. Cái chết trong im lặng, không kèn không trống, không một thông tin trên truyền thông về một người đã từng có công đóng góp cho sự thành tựu của chế độ như bà đã khiến cho chúng ta phải suy nghĩ về sự vô cảm của người cộng sản, cũng như về tính chất chuyên chính vô sản của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Đối với chế độ hiện hành, sẽ không bao giờ có được sự đối thoại bình đẳng, trong đó tinh thần tôn trọng dân chủ dứt khoát không hề hiện hữu như các sinh hoạt chính trị của những quốc gia tôn trọng nhân quyền trên thế giới. Những người cộng sản Việt Nam sẽ không bao giờ biết lắng nghe những tiếng nói "đóng góp" đích thực cho công cuộc xây dựng đất nước.

Bài học Dương Quỳnh Hoa là một bài học lớn cho những ai còn hy vọng rằng cơ hội ngày hôm nay đã đến cho những người còn tâm huyết ở hải ngoại ngõ hầu mang hết khả năng và kỹ năng về xây dựng quê hương. Hãy hình dung một đóng góp nhỏ nhặt như việc cung cấp những thông tin về nguồn nước ở các sông ngòi ở Việt Nam đã bị kết án là vi phạm "bí mật quốc gia" theo Quyết định của Thủ tướng Việt Nam số 212/203/QĐ-TTg ký ngày 21/10/2003. Như vậy, dù là "cùng là máu đỏ Việt Nam" nhưng phải là máu đã "cưu mang" một chủ thuyết ngoại lai mới có thể được xem là chính danh để xây dựng quê hương Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Kỷ niệm ngày Lễ Tro 3/01/2006

***Ghi chú**: Ngày 3/3/2006, trên báo Sài Gòn Giải Phóng, Gs Trần Cửu Kiếm, nguyên ủy viên ban Quân y miền Nam, một người bạn chiến đấu của bà trong MTDTGPMN, có viết một bài ngắn để kỷ niệm về Bác sĩ Dương Quỳnh Hoa.*

WWW.RADIOVNCR.COM

Phục vụ đồng hương Việt Nam trên khắp thế giới với tin tức, chương trình phát thanh *LIVE* mỗi ngày phóng sự bằng Video, Radio là phương tiện quảng cáo hữu hiệu nhanh chóng.

RADIOVNCR.COM

Thế Giới Trong Tầm Tay

Muốn biết thêm chi tiết và nội dung các mẫu quảng cáo xin vào trang nhà
WWW.RADIOVNCR.COM
Hoặc gọi cho cô Phan Mỹ Sương
714-891-8142

PHAN CHÂU TRINH, NHÀ TIÊN TRI CỦA THỜI ĐẠI

TRẦN GIA PHỤNG

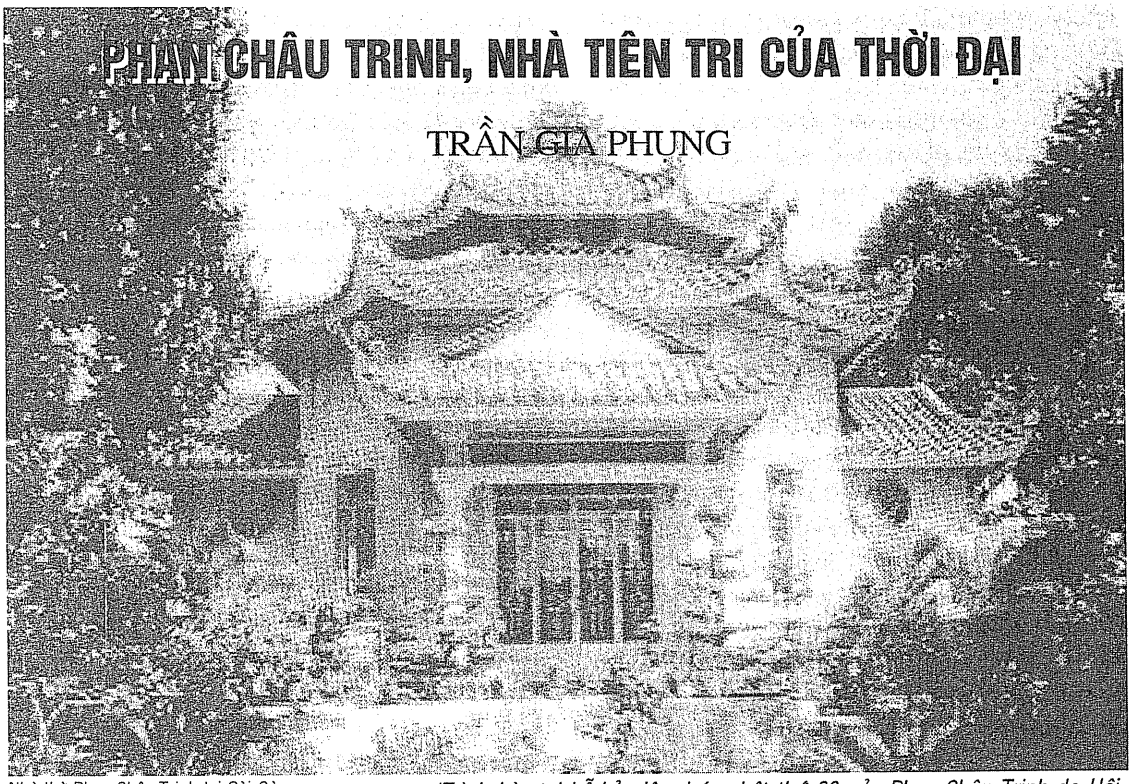

Nhà thờ Phan Châu Trinh tại Sài Gòn

(Trình bày tại Lễ kỷ niệm húy nhật thứ 80 của Phan Châu Trinh do Hội Đồng Hương Quảng Nam và Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Phan Châu Trinh Đà Nẵng tổ chức tại Quận Cam California, ngày Chủ nhật 19-3-2006.)

1.- ĐẶC ĐIỂM CHỦ TRƯƠNG CỦA PHAN CHÂU TRINH

Điểm thứ nhất, Phan Châu Trinh là người đề xướng Phong Trào Duy Tân (PTDT) và là người Việt Nam đầu tiên đề xướng thuyết nhân quyền và dân quyền tại nước ta vào đầu thế kỷ 20. Xin chú ý PTDT là một TIẾN TRÌNH VẬN ĐỘNG VĂN HÓA VÀ CHÍNH TRỊ. Tiến trình vận động văn hóa rất chậm chạp, không hùng tráng, không đau thương, nên ít gây xúc động, ít hấp dẫn hơn những biến cố ở dạng bùng nổ.

Điểm thứ hai, người PHÁP THẤY RÕ SỰ NGUY HIỂM CỦA PHAN CHÂU TRINH VÀ PTDT. Pháp chận đứng bằng hai cách: **Thứ nhất** Pháp bắt giam Phan Châu Trinh và những nhà lãnh đạo PTDT trên toàn quốc sau vụ xin xâu chống thuế năm 1908. **Thứ hai, sau đó không lâu,** Pháp mở hai phong trào văn hóa khác là **phong trào luyện tập và thi tài thể dục thể thao của Ducouroix** để thanh niên giải trí, và **phong trào văn chương lãng mạn,** thay thế đề tài thơ ca yêu nước của PTDT bằng đề tài tình cảm uỷ mị. Cả hai phong trào nầy nhắm làm cho thanh niên quên đi chuyện tranh đấu chính trị, chuyện đòi hỏi dân quyền.

Điểm thứ ba, PTDT KHÁC VỚI PHONG TRÀO ĐÔNG DU (PTĐD) của cụ Phan Bội Châu ở hai điều căn bản là:

* Điều thứ nhất: PTDT chủ trương bất bạo động, trong khi PTĐD chủ trương bạo động chống Pháp.

* Điều thứ hai: PTDT chủ trương không cầu viện nước ngoài, trong khi PTĐD chủ trương cầu viện Nhật Bản, để chống Pháp.

Tuy nhiên, **Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu có một điểm rất giống nhau** là cả hai là những nhà yêu nước vĩ đại vào đầu thế kỷ 20, hy sinh bản thân, hy sinh gia đình để phụng sự đất nước vô vị lợi, và hai người rất tôn trọng nhau.

Điểm thứ tư, CHỦ TRƯƠNG CỦA PHAN CHÂU TRINH và PTDT HOÀN TOÀN ĐỐI NGHỊCH VỚI HỒ CHÍ MINH và ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (CSVN). Có **sáu điều** đối nghịch căn bản:

* Điều thứ nhất: Phan Châu Trinh và PTDT kết hợp chủ trương "dân vi quý" của Mạnh Tử với tư tưởng dân chủ Tây phương của Voltaire, Montesquieu, Rousseau... trong khi Hồ Chí Minh và CSVN chủ trương độc tài theo chủ nghĩa Mác

xít duy vật.

* Điều thứ hai, PTDT là phong trào văn hóa bất bạo động trên nền tảng văn hóa dân tộc. Chủ nghĩa CS là chủ nghĩa dựa trên bạo động, tranh đấu giai cấp, theo chủ thuyết ngoại lai.

* Điều thứ ba, Phan Châu Trinh chủ trương tự lập, chống lại việc cầu viện ngoại bang. Hồ Chí Minh và đảng CSVN chẳng những cầu viện và còn tình nguyện thừa hành mệnh lệnh của ngoại bang, làm tay sai cho ngoại bang. Mục đích bạo động và cầu viện nước ngoài của HCM và CSVN cũng khác với mục đích bạo động và cầu viện nước ngoài của cụ Phan Bội Châu.

* Điều thứ tư, Phan Châu Trinh và PTDT chủ trương NÂNG CAO DÂN TRÍ, ĐỀ CAO DÂN QUYỀN VÀ NHÂN QUYỀN. Ngược lại, Hồ Chí Minh và CSVN thiết lập một chế độ độc tài toàn trị mà một học giả Pháp, ông Jean Lacouture, đã đặt tên là "autocolonisation," tức là một chế độ thực dân do người trong nước tự lập, có thể dịch là "thực dân nội địa." Thực dân nội địa cũng giống thực dân Pháp, thi hành chính sách ngu dân, vì dân càng ngu, càng dễ khống chế, càng dễ độc tài, càng dễ bóc lột.

* Điều thứ năm, Phan Châu Trinh chủ trương **xã hội pháp trị**, tức tổ chức xã hội trên căn bản pháp luật công bình. Mọi thành phần xã hội, từ người đứng đầu quốc gia đến người cùng đinh đều phải chịu sự chế tài của luật pháp, đều được xét xử như nhau trước pháp luật.

Hồ Chí Minh và CSVN chủ trương độc tài đảng trị, hết sức dị ứng với chủ trương pháp trị do Phan Châu Trinh đề xướng. Đảng CSVN chẳng những chống đối chủ trương pháp trị của PTDT, mà quyết tâm tiêu diệt tất cả những ai nói đến pháp trị.

* Điều thứ sáu, Phan Châu Trinh chủ trương tự do chính trị, **tự do bầu cử và tam quyền phân lập** theo quan niệm của Montesquieu (Pháp), tức tổ chức chính quyền theo mẫu mực tây phương hiện nay. Hành pháp, lập pháp, tư pháp hoàn toàn độc lập với nhau.

Chế độ CSVN ngày nay không chấp nhận tự do chính trị. Việc bầu cử theo khẩu hiệu đảng cử dân bầu, và đặc biệt CSVN cũng có hình thức **tam quyền**, nhưng **không phân lập**, mà là "**tam quyền đồng quy,**" nghĩa là hành pháp lập pháp và tư pháp đồng quy về một mối, do đảng CSVN cầm đầu.

Đưa ra sáu điều so sánh trên đây để thấy rõ chủ trương của Phan Châu Trinh và PTDT hoàn toàn khác biệt với đường lối của Hồ Chí Minh và đảng CSVN. Vì vậy Tố Hữu đã mỉa mai Phan Châu Trinh như sau: "*Muôn dặm đường xa, biết đến đâu?/ Phan Châu Trinh lạc lối trời Âu...*" ("Theo chân Bác", viết năm 1970.) Năm 1975, sau khi chiếm Đà Nẵng, CSVN đã thăm dò dẹp bỏ bức tượng Phan Châu Trinh tại trường Phan Châu Trinh, nhưng gặp dư luận bất lợi, nên đã bỏ qua việc nầy. **CSVN rất sợ truyền bá chủ trương dân chủ pháp trị của Phan Châu Trinh.**

2.- CẦN TRỞ LẠI CHỦ TRƯƠNG CỦA PHAN CHÂU TRINH

Ôn lại lịch sử cận đại, chúng ta không khỏi ngạc nhiên khi thấy hoàn cảnh thời Phan Châu Trinh vào đầu thế kỷ 20 khá giống với hoàn cảnh Việt Nam ngày hôm nay vào đầu thế kỷ 21.

Thứ nhất là vào đầu thế kỷ 20, các phong trào võ trang kháng Pháp đều thất bại. Xu thế ngày nay trên thế giới không tiện cho việc sử dụng quân sự, nghĩa là cũng không thể võ trang chống cộng.

Thứ hai là vào đầu thế kỷ 20, chế độ Pháp là chế độ thực dân. Ngày nay, CSVN cũng là một chế độ thực dân. Chế độ thực dân nội địa CSVN xem ra còn hiểm độc hơn chế độ thực dân Pháp.

Về văn hóa, giống như chế độ thực dân Pháp, CSVN chủ trương ngu dân để dễ bề thống trị. Đảng CSVN kiểm soát hoàn toàn nền giáo dục,

sách vở, báo chí trong nước. Bằng nhiều cách khác nhau, CSVN làm cho dân Việt trở nên đui mù câm điếc, và hoàn toàn bị cộng sản chi phối, ám ảnh. **Chính bệnh "cộng ám" là chất độc màu da cam làm tê liệt não bộ dân Việt trong hơn nửa thế kỷ qua.**

Về chính trị, hiện nay, người dân trong nước dưới 30 tuổi ở miền Nam và dưới 50 tuổi ở miền Bắc, chưa được đọc bản TUYÊN NGÔN QUỐC TẾ NHÂN QUYỀN của Liên Hiệp Quốc, hoàn toàn không biết gì về những nguyên tắc dân chủ, dân quyền, nên chỉ biết sống theo bổn phận và nghĩa vụ công dân do CS quy định.

Như thế, căn bản của vấn đề là PHẢI CÓ DÂN TRÍ MỚI CÓ THỂ PHÁT HUY DÂN CHỦ. Trước tình hình hiện nay ở trong nước, chủ trương NÂNG CAO DÂN TRÍ, để từ đó VẬN ĐỘNG DÂN QUYỀN, do Phan Châu Trinh và PTDT đề xướng cách đây đúng một thế kỷ, **rất cần được phát động trở lại**. Việc phát động trở lại chủ trương của Phan Châu Trinh và PTDT hiện có một số thuận lợi như sau:

Thứ nhất, thời đại trước là thời đại của phong trào thực dân trên toàn thế giới. Các nước tiên tiến trên thế giới đều chủ trương thực dân. Ngày nay là thời đại của xu thế dân chủ hóa toàn cầu, các nước tiên tiến trên thế giới đều kêu gọi dân chủ. Ngoài chủ trương dân chủ hóa toàn cầu do Hoa Kỳ đưa ra, vừa qua ngày 25-1-2006, Hội đồng Âu Châu đã công bố nghị quyết số 1481, lên án chủ nghĩa cộng sản là tội ác chống nhân loại, và các chế độ toàn trị cộng sản đã vi phạm nhân quyền tập thể.

Thứ hai, thời trước, vì thiếu thông tin, báo chí, các chế độ thực dân, độc tài che giấu những cuộc đàn áp, những cách bóc lột của họ, nên không ai biết tội lỗi của CS. Ngày nay, báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình, Internet tràn lan trên thế giới. Do đó, CSVN không còn có thể giấu kín hoạt động được nữa.

Thứ ba, hiện nay, CSVN đang muốn gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). CSVN bắt buộc phải thay đổi luật lệ, mở rộng dân chủ trong một số phạm vi. Do đó, chúng ta có thể tận dụng tối đa các phương tiện truyền thông ngày nay, để phổ biến sinh hoạt dân chủ trên toàn cầu về Việt Nam.

Xin hãy cùng nhau tiếp tục con đường Phan Châu Trinh. Hãy góp phần nâng cao dân trí, hãy gieo trồng hạt giống dân quyền, hãy thắp sáng ngọn đuốc dân chủ. Cuộc vận động tuy chậm chạp, lâu dài, và đòi hỏi nhiều kiên nhẫn, nhưng là đây con đường dẫn đến tương lai đất nước, tương lai dân tộc.

Khi nói đến vận động quần chúng, xin hãy **chú ý khối đại đa số quần chúng ở nông thôn**, chứ không phải chỉ có một thiểu số ở thành thị. Đừng bao giờ quên lời Phan Châu Trinh,"*dân đã biết có quyền thì việc khác có thể tính lần được.*"

Vấn đề còn lại là vận động như thế nào dưới chế độ độc tài CS. Giống như thời Phan Châu Trinh, điều nầy tùy thuộc vào khả năng của từng cá nhân, từng tổ chức hay đảng phái chính trị, trong việc liên lạc, giao thiệp, trao đổi với người trong nước. Tuy công cuộc vận động rất khó khăn, chúng ta chưa biết khi nào sẽ đến đích, nhưng nếu chúng ta không bắt đầu, thì không khi nào chúng ta kết thúc. Dầu mức đến còn xa, nhưng nâng cao dân trí vẫn luôn luôn thiết thực bổ ích về lâu về dài cho dân tộc chúng ta.

Tóm lại, **Phan Châu Trinh là nhà tiên tri của thời đại**, thấy trước hướng đi dân chủ của thế giới và của Việt Nam. Chủ trương của ông chẳng những thích hợp với thời đại của ông, mà còn thích hợp với thời đại hôm nay và sẽ thích hợp với mọi thời đại trong tương lai. TỰ DO, DÂN CHỦ, DÂN QUYỀN, NHÂN QUYỀN LÀ GIẤC MƠ VÀNG MUÔN THUỞ của loài người, chứ không phải riêng của dân tộc Việt Nam. XIN THÀNH KÍNH BIẾT ƠN CHÍ SĨ PHAN CHÂU TRINH.

(Cali, 19-3-2006)

PHAN CHÂU TRINH

ĐẬP ĐÁ Ở CÔN LÔN

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn
Lừng lẫy làm cho lở núi non
Xách búa đánh tan năm bảy đống
Ra tay đập bể mấy trăm hòn
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi
Mưa nắng càng bền dạ sắt son
Những kẻ vá trời khi lỡ bước
Gian nan chi kể việc con con.

Nhạc Jazz, Mèo và Một Lời Tạm Biệt

NGÔ NGUYÊN DŨNG

Mùa đông năm nay ấm lạnh thất thường. Quang giẫu cợt, thời tiết trồi sụt không đều như kinh nguyệt đàn bà. Thẩm cự nự, nói làm ăn mất ngon. Tuần này tới lượt Học đi chợ nấu cơm, Quang rửa chén, Thẩm hút bụi. Thời khoá biểu sống chung của ba người được phân định mạch lạc, rõ ràng như giờ giấc trực việc của y tá bệnh viện. Thỉnh thoảng xảy ra vài trục trặc, đôi ba xung khắc nhỏ, nhưng được chấn chỉnh ngay. Thẩm thường ca kệ mớ luận điệu cũ rích, chỗ trọ của bộ tam xên tụi mình giống như cái gò mối kiên cố, thành trì phòng vệ cuối cùng của nam giới. Nói vậy, không có nghĩa không ai được phép dìu bạn gái, bạn trai về tá túc qua đêm. Thả cửa, miễn sao đừng làm phiền giấc ngủ của kẻ khác.

Mỗi lần tới phiên Học lãnh nhiệm vụ làm bếp là cả ba được ăn ngon. Học pha trộn, nêm nếm khéo. Món đông món tây rành rẽ sáu câu. Còn Quang và Thẩm thường bổn cũ soạn lại. Thịt kho trứng một nồi năm lít, ăn ba ngày mới hết. Hay một chảo lớn sốt cà chua thịt bằm, tới bữa chỉ cần luộc thêm một bịch mì là xong món cao lâu Ý ba sao đàng hoàng. Nhiều khi đông tây thoả hiệp, cơm thịt kho ăn với cải chua kiểu Đức, hoặc mì Ý dặm giá sống, ngò ta. Lạ miệng, sạch nồi cơm là chuyện thường.

Chuyện nấu nướng không phải là điều đáng kể, mà là vấn đề rửa chén. Mặc dù đã được sắp xếp giấy trắng mực đen minh bạch, rõ ràng, vậy mà vẫn có chuyện đụng chạm. Lịch trình bắt đầu sáng chủ nhật. Tối thứ bảy thường có "dạ tiệc," bè bạn rình rang. Xong xuôi, chén dĩa dơ chất đống trong bồn rửa. Cả ba lui vào phòng riêng, hí hửng với nệm êm chăn ấm. Cứ vậy mà thẳng giấc tới trưa trờ trưa trật hôm sau. Kẻ lãnh phiên bếp núc kế tiếp, không khỏi cự nự, la lối.

Học nấu ăn ngon mà cự nự cũng giỏi. Thẩm và Quang gọi anh là "người đàn ông có cửa miệng nằm dọc." Học không giận, còn đùa, may là con người chỉ có một cái miệng. Những hôm giờ giấc thơi thả, sau một bữa ăn ngon, ba người thường bỡn cợt tiếu lâm về chức năng của "cửa khẩu." Thẩm khơi mào:

- Cái miệng là nguyên nhân của mọi vấn đề, là tác giả của tham sân si.

Học nói gọn:

- Còn để hôn hít.

Quang chúm chím:

- Là nơi truyền vi khuẩn cho nhau.

Quang và Học cùng lượt lao xao:

- Loài vi khuẩn ái tình hiền lành, vô hại.

- Coi chừng, còn nhiều thứ vi khuẩn dữ dằn khác nữa.

Thẩm gật đầu:

- Tóm lại, cái miệng là chủ nhân của mọi căn bệnh tâm sinh lý. Muốn tránh, phải làm sao?

Học ra mặt nhiêm chỉnh:

- Trước khi phát biểu, phải đánh răng và uốn lưỡi bảy lần.

Quang đề nghị:

- Tốt nhất là không nói.

Thẩm búng tay cái "tróc":

- Mày nói làm tao nhớ tới đại thiền sư và công án thiền "Vô ngôn, đại vô ngôn." Có thiền sinh kia đặt câu hỏi về vô ngôn, ngậm miệng không nói cũng dễ thôi, nhưng làm sao vô ngôn trong ý thức? Đại thiền sư không đáp, lấy chổi chà nện cho thiền sinh một trận tơi bời hoa lá. Thiền sinh bỗng ngộ, từ đó không hỏi điều cắc cớ nữa. Ngôn bất nhập, ngôn bất xuất, là vậy.

Quang chĩa mỏ:

- Nho chùm xổ một nùi thúi hoắc.

Học cười lấc cấc như gà mái đẻ trứng so:

- Hai đứa mày giết nhau đi, tao lãnh phần

gọi sảnh sát. Tuần này đứa nào dọn bàn, rửa chén vậy? Tao đi đái xong, ra thấy bàn còn nguyên là có chuyện lớn.

Thẩm nhăn nhó:

- Mai rửa được không? Truyền hình sắp có phim hay, "Vũ điệu của ma cà rồng."

Không ai nói gì. Thẩm uể oải đứng lên, xếp dọn chén dĩa vào bồn, xả nước nóng một lượt, rồi lau tay chuồn lẹ sang phòng khách. Mai là chủ nhật, tha hồ ngủ muộn. Tối nay không có đứa nào cấp bạn về nhà, ra vào tiêu tiểu không cần ý tứ. Học đi ngang phòng khách cửa mở, thấy Thẩm đang đo dài ghế nệm, xem truyền hình. Mèo cái Vũ Nữ nằm quấn đuôi trên bụng Thẩm, trông như tấm tranh mà Học đã thấy đâu đó một lần rồi. Con mèo này, không biết của ai, một buổi tối đi làm về, Học bắt gặp cúm rúm trước cửa nhà. Tối ấy trời rắc sương muối, lạnh cứng quai hàm. Học mở cửa chính, con mèo chui lẹ theo vào. Anh đoán, mèo hàng xóm đi hoang về. Nào ngờ, Học đi đâu, nó lẩn quẩn theo đó, lặng lẽ, run rẩy. Học vào nhà, toan xập cửa lại thì nó đã lách chân vào theo. Từ đó nhà có thêm kẻ ở trọ thứ tư.

Thẩm là người phản đối trước tiên. Ngặt nỗi anh là thiểu số. Ở xứ dân chủ, đa số có quyền định đoạt. Vậy mà, sau đó không lâu, mèo cái quyến luyến Thẩm hơn ai hết. Thẩm nói, kiếp trước anh là mèo, nhờ khéo tu nên kiếp này được đầu thai làm người. Cho tới lúc đó, mèo cái vẫn chưa có tên. Một bữa, đủ mặt ba người, với sự hiện diện của mèo cái ngủ gật trên nóc tủ, chuyện đặt tên cho mèo được đưa ra tranh luận.

Quang giành nói trước:

- Cũng "giản đơn" thôi, tụi mình đặt tên cho nó là Bạch Miêu.

Thẩm nhắc:

- Mèo nhị thể đen trắng mà.

- Thì Hắc Bạch Miêu.

Học phản đối:

- Tên dài dòng bất tiện. Mình đặt cho nó tên Tây, Kitty hay Pussy gì đó.

Quanh cười hệch hạc:

- Nó biết ăn cơm với nước mắm, Tây tà nỗi gì?

Thẩm đề nghị:

- Con mèo này leo trèo, phi thân giỏi như kiếm khách trong chuyện chưởng, xứng tên Miêu Nữ.

- Chữ Nữ nghe văn chương bác học, còn chữ Miêu tầm thường quá.

Quang bàn bạc. Học gõ bàn lộp cộp:

- Tao là người dẫn độ mèo về nhà, tụi mày cho tao cái quyền tối thiểu, được chọn tên cho nó.

Quang và Thẩm im re. Học ra chiều quan trọng:

- Tao thấy con mèo đi đứng õng ẹo, uyển chuyển như vũ công hộp đêm. Tao đặt cho nó cái tên Vũ Nữ. Có đứa nào phản đối gì không?

Thẩm cười hềnh hệch:

- Nghe vui tai đấy!

Quang lúc lắc đầu nhát chừng:

- Tên nghe không đàng hoàng.

- Trời ạ, mèo hoang vô chủ, cần gì đàng hoàng? Bọn mình, một lũ trôi sông lạc chợ, đứa nào dám vỗ ngực tự xưng mình đàng hoàng?

Học bực bội. Quang giơ tay đầu hàng:

- Tao nói vậy thôi, đâu phải phản đối.

Trong ba người, Quang tương đối ít nói. Anh thích đọc sách báo, thỉnh thoảng còn làm thơ gởi kèm vi thư cho bạn bè bốn phương đọc chơi. Thơ anh vần điệu nhịp nhàng, không khí u tịch cổ kính, trái ngược với kiểu đùa cợt của anh, không hẳn sống sượng mà thẳng thừng, lộ liễu. Thẩm so sánh văn vẻ, Quang là thi sĩ kinh điển với óc hài hước của một người có trái tim vuông. Quang gật gù, lối ví von có khuynh hướng "cách tân," nghe thú vị đấy. Thật ra Quang làm thơ cho đỡ buồn vậy thôi, chứ đâu có tham vọng gì. Nhiều lúc anh có cảm giác no ứ của người bội thực chữ nghĩa. Nó bắt anh nâng bút, tuôn chữ ra giấy. Một điều ngẫu nhiên, ý tưởng ấy là thơ. Dẫu vậy, thỉnh thoảng Quang cũng không khỏi bận tâm với ý nghĩ, dường như mình đầu thai nhầm thế kỷ. Hoặc, biết đâu chừng mảnh vụn tiền kiếp anh còn vướng víu đây đó trong vọng thức?

Nhiều tuần qua, truyền hình trình chiếu một loạt phóng sự về những người đi tìm tiền kiếp. Họ được một người thôi miên chuyên môn đưa vào tình trạng tỉnh thức. Từ từ họ nhớ lại. Một quê quán, một thành phố, một cái tên, ... Tất cả đều xa lạ. Ngay cả phái tính, đôi khi cũng khác. Ngôn ngữ lạ tai. Rồi họ được đưa tới nơi chốn đã chiêm nghiệm trong giấc mê trầm. Nhiều người xúc động tới chảy nước mắt khi thấy lại góc phố quen, con đường làng, những nét hoa văn trên tường vách phố cổ, những ô kính tạp sắc trong ngôi giáo đường đã quá thời

thịnh mãn.

Quang theo dõi chương trình này với nhiều nhiệt tâm. Anh thông cảm toàn vẹn với nỗi giao động của những người có chủ ý tìm lại tiền thân. Và anh không khỏi tự hỏi, kiếp trước mình là ai, ở đâu, gia cảnh ra sao?

Trong buổi phát hình đầu tiên, Thẩm và Học cùng coi chung với Quang, thỉnh thoảng lại thêm thắt mấy lời đùa cợt.

Thẩm lặp lại câu khẳng định cũ mèm:

- Tiền kiếp tao là mèo, nhờ khéo tu nên kiếp này thành người.

Học hỏi, tại sao mày biết. Thẩm mau mắn:

- Chính vì vậy mà Vũ Nữ tha thiết với tao hơn hết. Tao còn biết mình là mèo cái nữa kìa.

Không đợi ai hỏi, Thẩm đã tự động đáp:

- Vì tao đái ngồi.

Rồi anh ngoác miệng cười hềnh hệch. Quang thản nhiên:

- Nói vậy chớ tụi mày có đứa nào dám để cho người khác thôi miên tìm lại tiền kiếp?

Thẩm và Học tủm tỉm ngó nhau, không nói. Quang bồi thêm:

- Tụi mày sợ gì?

Học chống chế:

- Có gì phải sợ, chỉ không muốn.

Quang xổ một tràng:

- Đàn ông tụi mình là một lũ nhát nhúa, chỉ có cái miệng huênh hoang là giỏi. Khi phải đối đầu với những hiện tượng huyền bí là co vai, rụt cổ như rùa. Phụ nữ coi vậy mà gan dạ, chịu đựng được những thử thách, dám phiêu lưu vào lãnh vực tâm linh. Tụi mày thấy đó, trong chương trình "Hành trình tìm lại tiền thân," một tá nhân chứng được đưa ra, chỉ độc nhất một thằng đàn ông. Hèn thì thôi!

Thẩm đứng lên, giọng mệt mỏi:

- Không phải hèn mà vì đàn ông không tin ở mấy chuyện nhảm nhí.

Học tán đồng:

- Đúng vậy! Đời sống thiếu gì chuyện phải làm, hơi sức đâu mất thì giờ và sức lực...

Học bỏ lửng câu nói, ngáp một cái dồn dào, rồi vươn vai đứng dậy, bỏ đi không đóng cửa.

Quang vào phòng riêng, thay quần ngủ. Anh có thói quen ngủ trần, mùa hè quần cụt, mùa đông quần dài. Đêm nào lạnh lắm, anh mới tròng thêm cái áo thun. Cửa sổ lúc nào cũng mở nghiêng. Quang khó ngủ, dễ giấc bằng nhạc dịu phát thanh hằng đêm. Trong bóng tối căn phòng kín màn một khuya không trăng, Quang nằm nghiêng, hồn phách thơ thẩn đắm chìm vào cuộc du ngoạn tìm lại những ngõ ngách tâm linh.

Anh thấy ra miền thảo nguyên ngút ngàn. Xa tít tắp là rặng núi viền tuyết trắng, sừng sững cắt vòm trời xanh lam một lằn ranh nhiều góc nhọn. Không một gợn mây che. Gió đồng hoang lướt nhẹ lên thảm cỏ mênh mông, dấy động triền sóng lớp lớp. Tiết trời dịu mát như lòng tay mùa xuân vuốt ve mặt đất. Một bầy cừu nhàn nhã gặm cỏ, lưng trắng lốm đốm trên thảm xanh. Vài con chó chăn chiên rảo vòng canh giữ. Thị lực Quang từ trũng đêm trong căn phòng tha hương nhập vào tia sáng lăng kính của giấc mơ rực sắc, cho anh thấy lại ánh mắt của cậu bé chăn cừu vùng bình nguyên trung á. Cậu đâu chừng mười tuổi, da nâu sạm, áo bông quần da dơ bẩn, đắp vá lỗ chỗ, thắt lưng móc trễ tràng chuỗi hạt hổ phách. Chân cậu mang vớ lông cừu, đi giày da trâu, đầu lem nhem chân tóc cạo cẩu thả. Cậu đứng trên mô đất cao, tì gậy gỗ sát ngực, nhíp mắt lơ đãng canh chừng bầy thú. Tia nhìn cậu có ánh sáng quang phổ của vòng cung mặt trời sau cơn mưa, thấu rọi qua chiều dài thời gian, cuối cùng đọng giọt trong tiềm thức lai khứ Quang, rành rành một cõi ảnh sắc.

Lúc tỉnh dậy, giấc mơ lưu lại trong trí Quang niềm giao động khó tả. Cảnh tượng thấy lại tươi rói như tất cả sự việc vừa xảy ra tuần trước, hôm qua, mới nãy. Hơn thế nữa, vì kèm theo đó là thứ cảm xúc chỉ có trong liên hệ ruột thịt. Như thể giữa anh và cậu bé chăn cừu lạ mặt kia hiện hữu một ràng buộc vô hình. Vòm sáng ấm áp của khung trời miền đất đai xa lạ. Đường máu khô ngoằn ngoèo trên cỏ, không để lại xác thú. Liên tiếp nhiều đêm rồi, tiếng sói hú loang rộng lũng hoang khiến cậu bé lo âu không ít.

Dạo sau này, Quang có thói quen ghi lại đầu đuôi những giấc mơ vào một quyển sổ con. Chính chúng đã cho anh nhiều thi hứng.

*

Trong ba người, Thẩm là kẻ thích nghe nhạc jazz. Sở thích âm nhạc cũng là đề tài thường được đưa ra để tranh luận. Quang chuộng loại nhạc hoà tấu êm dịu. Học ưa nghe nhạc pop rock thời thượng. Tuy nhiên cả ba có một quan niệm chung về tân nhạc Việt Nam: uỷ mị quá.

Quang cho rằng, đã vậy thì nghe cổ nhạc cho buồn nhểu nhão luôn. Thẩm nhận định, thời trước nghề ca diễn không được xã hội trọng vọng, muốn thành công phải có tài năng thật sự; thời nay kỹ thuật điện tử nâng đỡ giọng ca, tiếng đàn quá nhiều, thị hiếu người nghe bị ảnh hưởng theo. Rồi anh bồi thêm, trong thập niên sáu mươi, bảy mươi của thế kỷ hai mươi, mỗi giọng ca thời danh là một nguyên bản không người sao chép, còn người hát bây giờ nhái giọng nhau nhiều quá, đánh mất căn cước của chính họ, âm nhạc vì vậy không còn tính đa dạng. Quang tán đồng. Học góp ý, thuở xưa loại nhạc sến bình dân rỉ rả tối ngày, nghe mòn con ráy, giờ đây chính thứ nhạc đó, nghe lại, nhớ nhà đứt ruột.

Riêng Thẩm còn nhận ra một điểm rõ rệt, ý thích nghe nhạc của anh có nhiều thay đổi theo tuổi. Thuở nhỏ, Thẩm chuộng loại tân nhạc bình dân thường nghe qua đài phát thanh. Ở tuổi thanh niên, anh hầu như chỉ nghe nhạc ngoại quốc thịnh hành. Từ ngày xa xứ, có thêm điều kiện khám phá và tìm hiểu, anh tập tành thưởng thức nhạc cổ điển tây phương. Và gần đây nhất, nhạc jazz.

Trong thương xá phố chính, mỗi trưa thứ bảy, có cửa tiệm bán dương cầm tổ chức một buổi hoà nhạc jazz miễn phí. Thẩm thường hẹn Lĩnh tới nghe. Jazz không phải là loại nhạc Lĩnh ưa thích. Cô cho rằng, âm nhạc phải có giai điệu nhịp nhàng, du dương, còn jazz chỉ là một cách đùa giỡn với nhạc cụ, làm khó thính giác người nghe. Thẩm phản đối, nhạc hoà tấu là một loại thi ca phát âm: nhạc cổ điển là thơ Đường luật, còn nhạc jazz là thơ tự do. Lĩnh chỉ cười.

Thẩm tới trễ vài phút. Có hẹn trước nên Lĩnh đã giành cho anh một ghế trống bên cạnh. Ban nhạc gồm một dương cầm, một đại hồ cầm và một giàn trống. Thẩm tìm tay Lĩnh, nắm lại đặt lên đùi. Đúng như Lĩnh nói, jazz không có giai điệu mạch lạc. Dương cầm, đại hồ cầm và chiêng trống quyện vào nhau thành một tấu khúc nhiều đối âm lạ tai, kích động thính giác. Thẩm nghĩ thầm, người chơi nhạc jazz phải có một khiếu thẩm âm nhạy bén lắm mới có thể hoà điệu chặt chẽ như vậy. Phải chăng đó là thứ trật tự của hỗn độn? Jazz bẻ gấp cảm xúc Thẩm thành vô số góc nhọn nhói đau dịu dàng. Thêm vào đó là hơi mát lòng tay Lĩnh truyền sang. Thẩm nghiêng mặt thì thầm vào tai Lĩnh, tay em tươi mới như cơn mưa nhiệt đới đầu mùa. Lĩnh cười nhẹ, không nói, tia mắt rạng rỡ. Nhạc chuyển điệu dồn dập. Đại hồ cầm ấm đục gạn lọc dương cầm từng giọt ngọt lịm nhỏ xuống âm trống tròn trịa, kiêu hãnh điệu rumba phá thể. Thẩm chuộng nhạc điệu châu Mỹ La-tinh. Chúng sinh động, cuồng nhiệt của sức sống sung mãn. Thẩm để ý, có nhiều người lúc lắc đầu vô ý thức theo nhịp điệu, trông thật ngộ nghĩnh.

Trong hơn một tiếng đồng hồ im lặng thưởng thức, Thẩm không khỏi nghĩ ngợi vá víu nhiều chuyện không đâu. Thời hoa niên anh nơi quê quán nhiều biến động. Sống chết kề cận nhau thường bữa. Nhiều thảm cảnh lớn trong đời sống. Nghèo đói, bất hạnh được che đậy bằng tiếng cười châm biếm và ánh mắt chứa chan hy vọng về một tương lai tốt đẹp. Tương lai ơi, tương lai, Thẩm kêu thầm và nhận ra cánh cửa thời gian ấy đang từ từ khép lại, chậm rãi, vô tâm.

Người nhạc sĩ dương cầm đứng lên giới thiệu tấu khúc mới nãy, Rumba digital và ngỏ lời cám ơn thính giả mộ điệu. Tràng tay vỗ lào rào. Bấy giờ Thẩm mới thong thả kề môi hôn nhẹ lên má Lĩnh. Người con gái hôn trả. Son phấn, nước hoa Lĩnh dùng bắt Thẩm liên tưởng cánh đồng hoa mùa xuân một ngày tươi nắng. Lĩnh thắt lại khăn nỉ quàng cổ màu rêu sẫm. Hôm nay cô mặc áo len cổ rộng màu lục nõn thời trang. Cô chép miệng vu vơ:

- Ngoài trời lạnh lắm, anh ạ!

- Nắng ráo là được rồi.

Thẩm nói một câu vô vị. Hai người sóng đôi rời hành lang thương xá ấm nhiệt sưởi, nhập vào dòng người ngang dọc ngược xuôi bên ngoài. Nắng chia bóng tối sáng xuống lòng phố. Rất thường khi, Thẩm chợt nhận ra mình lạ mặt trong cuộc sống bản xứ náo động. Những đồng nghiệp chung sở làm với anh chỉ giới hạn trong thường nhật cơm áo, vài buổi lễ lạc cuối năm, và trong những dịp ăn mừng sinh nhật theo thông lệ. Thẩm không có những nhu cầu cao. Anh bằng lòng với cuộc sống hiện tại: một chỗ làm tương đối ổn định, một chỗ trọ ấm cúng với hai người bạn đồng hương hợp tính và mối liên hệ tình cảm với Lĩnh. Anh đâu muốn gì hơn? Thỉnh thoảng Thẩm tự so sánh, tuy anh không bằng nhiều người, nhưng hơn vô số người về phương diện vật chất. Riêng mặt tinh thần, anh nghĩ mình có

thói thưởng ngoạn không theo số đông. Anh nghe nhạc jazz, thăm viếng bảo tàng viện cổ vật, đi xem triển lãm tranh, tìm tòi thăm thú những toà lâu đài, các thánh đường cổ. Nhiều khi có Lĩnh theo cùng, nhưng có đôi lúc Thẩm đi một mình... Trong một tiếng rưỡi hoà nhạc nhấn ngủi, tai Thẩm lắng nghe nhịp điệu âm thanh, mắt chểnh mảng theo dõi những diện mạo xung quanh. Mỗi nhân tố là một cá biệt, nhỏ bé và yếu đuối, nhưng cực kỳ phức tạp và thoảng hoặc mạnh bạo không ngờ.

Từ hôm nghe Quang lý luận về tiền kiếp, mặc dù Thẩm để ngoài tai, nhưng dường như nó đã ít nhiều tiêm nhiễm vào mộng mị anh. Như mới khuya qua, anh chiêm bao thấy lại những khuôn mặt thân quen trong một bối cảnh không phải quê nhà thuở trước. Thời gian là một đêm quang đãng. Em gái Thẩm đi đâu về muộn, cha anh nằm trông ngóng trong phòng ngủ. Bên ngoài vọng lại tiếng cười nói, nghe như một đám xem hát về ngang nhà. Em gái anh cất giọng trong trẻo từ giã những người khác. Thẩm vén rèm trông xuống bằng ánh mắt của cha anh, thấy dáng em bước vội qua vườn cỏ bên dưới. Đêm sáng như ban ngày. Lúc Thẩm trở về, trời còn tinh mơ. Anh trèo lên những bậc thềm nhô ra thụt vào, gần như dựng đứng. Mặt gạch đỏ tươi, không một nét quen mắt với cảnh nhà Thẩm đã sống qua. Bà ngoại và má đón anh trong gian phòng tường vách tưới đẫm ánh sáng. Gương mặt ngoại già nua, trổ đốm thời gian như một chứng bệnh ngoài da. Những khung cửa hẹp vừa đủ một người lách qua. Ký ức Thẩm cũng có nhiều khe hở đủ rộng để những hoài niệm quá khứ trôi tuột, mất hút vào đáy tối của ý thức. Có phải vì vậy mà Thẩm không còn nhận biết tiền kiếp anh là ai, ở đâu, làm gì?

Thẩm tần ngần kể cho Lĩnh nghe về giấc mộng khuya qua, lúc hai người ngồi đối mặt nhau trong một quán nước có bán thức ăn nhẹ. Lĩnh nhỏ nhẹ:

- Em không thể nhớ nổi mình đã nằm mơ thấy gì.

- Em là một người may mắn.

Lĩnh do dự:

- Có lẽ vậy... Vài tháng tới, em sẽ dọn sang một thành phố khác.

Thẩm ngơ ngác, miếng bánh nướng đột ngột nhạt vị trong miệng:

- Em đi đâu, bao giờ?

Lĩnh loay xoay lòng muỗng trong chén súp đậu ve lóng lánh váng mỡ:

- Em tìm được một chỗ thực tập ở Bá-linh.

- Xa dữ vậy sao?

- Thời buổi kinh tế khó khăn, phải đi, chứ thật lòng em không muốn.

Thẩm buông dao nĩa, chép miệng:

- Ừ, đành thôi.

Giọng Lĩnh như phân trần:

- Nghe nói Bá-linh xô bồ, hỗn tạp, nhiều tệ trạng xã hội, em không muốn đi chút nào. Em thích sống ở một thành phố lớn vừa phải, nhưng phải có vài tiệm thực phẩm á châu để mình tới lui tìm lại hơi hướm quê nhà.

Thẩm không nói gì thêm, tiếp tục ăn uống, cố gắng che giấu những xúc động bất ngờ. Giữa hai người là mặt bàn với ly dĩa, dao muỗng gia đình ấm cúng. Không gian linh hoạt với những tiếng động nhân sinh một trưa thứ bảy mùa đông khô ráo. Trong khoảnh khắc lặng lẽ, Thẩm rờn rợn thấy ra lòng mình loá rạn một rãnh sáng, không một hứa hẹn nào sôi nổi.

*

Học ngỡ ngàng đọc lại lần nữa tờ bố cáo tìm gia súc thất lạc dán trên bảng thông báo linh tinh trong siêu thị gần nhà. *"Tìm mèo cái đi lạc. Điểm nhận diện: lông đen trắng, cái bớt đỏ cỡ một phân dưới bụng. Ai tìm thấy, xin liên lạc qua điện thoại, số... Sẽ hậu tạ."* Đính kèm là mẩu ảnh mèo nhỏ. Rõ ràng là Vũ Nữ, không lầm vào đâu được.

Học về nhà, lật bụng Vũ Nữ ra săm soi. Rành rành cái bớt đỏ hỏn. Vũ Nữ nào hay tâm trạng xốn xang trong lòng Học, thản nhiên cong bụng vặn vẹo theo thói tính mỗi khi được ve vuốt. Học miết dọc gáy lưng mèo. Con thú rậm rựt ư ử khoái cảm. Hai đốm mắt bi ve nhíp rãnh. Chóp mũi hồng tươi mấp máy. Vũ Nữ bắt Học nhớ lại tiếng mèo ngao đòi ăn mỗi sáng sau lớp cửa đóng. Nó làm anh ngập ngừng bồn chồn trong cơn động tình đầu ngày với người bạn ở lại qua đêm. Tiếng thú nghe như nỗi hờn giận, ghen tuông. Khoái cảm Học tê buốt giây lát rồi bung ra vật vã. Hoan lạc thốc tháo một đường ấm áp dọc sống lưng Học. Da thịt rã rượi thoải mái. Học phân vân tự hỏi, không biết có phải tiếng mèo kêu là chất xúc tác cho phản ứng sinh hoá anh?

Cho dẫu nó là gì đi nữa, Học cũng phải giã biệt Vũ Nữ thôi. Trong bàn cơm tối, Học cho Thẩm và Quang biết chuyện có người rao tin

tìm mèo lạc. Nhìn vẻ mặt Học dàu dàu, Thẩm dụ dự cất giọng:

- Mày tính sao?

Học thở ra:

- Tao cũng muốn hỏi tụi mày câu này.

Quang lý luận:

- Tụi mình thương con mèo bao nhiêu, người chủ cũng thương nó bấy nhiêu.

Học dứt khoát:

- Lát nữa tao sẽ điện thoại báo cho họ biết.

Giọng đàn bà luống tuổi bên kia đường dây rộn lên mừng rỡ. Học cho bà địa chỉ và hẹn ngày giờ gặp nhau.

Đúng như Học dự đoán, chủ mèo là một bà cụ cao niên, diện mạo phúc hậu. Hai vòm mắt bà trong xanh rạng ngời, ấm áp. Sau vài câu chào hỏi, giới thiệu thông thường, Học cất tiếng gọi Vũ Nữ. Bà cụ tò mò:

- Anh đặt tên cho nó là gì vậy?

Học lặp lại lần nữa cái tên Việt Nam, rồi dịch cho bà cụ hiểu nghĩa. Bà cười xoà:

- Còn tôi quen gọi nó là Nina.

Học cúi xuống xốc Vũ Nữ vào lòng. Con vật cong lưng nằm ngoan trong khoanh tay Học, đuôi ve vẩy vào bụng anh. Bà cụ nghiêng đầu kề sát mặt thú, thầm thì gọi tên Nina cùng đôi lời hỏi han, như thể bà vừa gặp lại đứa con giang hồ phiêu bạt lâu năm. Con mèo chăm bẩm hai tròng mắt ve chai nhìn bà cụ, dò xét. Bà xoè lòng tay lướt nhẹ qua lại ngấn cổ con vật. Nó ra chiều thích thú, áp đầu vào lòng tay bà, rồi thè lưỡi liếm láp. Học xúc động nhận ra mối liên hệ vô hình nhưng sâu xa giữa người và thú.

Trước khi bà cụ mang Vũ Nữ về, bà ghi cho Học địa chỉ, mời anh tới chơi, rồi móc túi trao cho anh một phong bì, nói:

- Cám ơn anh đã chăm lo chu đáo cho Nina. Đây là món tiền nhỏ thay lời hậu tạ và chi phí thực phẩm mèo.

Học tiễn chân bà cụ và Vũ Nữ ta tới cửa chính, rồi rầu rĩ trở vào. Gian nhà trở nên tịch lặng. Không còn nhịp chân mèo hấp tấp theo chân mỗi khi anh vào bếp nấu ăn. Vũ Nữ có thói quen ngồi trên bệ cửa sổ hong nắng những hôm thời tiết đẹp. Chỗ đó Học kê một chậu ngò ta, húng lủi, hành lá và vài thứ rau thơm tây phương. Bên dưới là thau bài tiết trải cát vụn, đặt cạnh ba bát nhôm đựng nước, thức ăn khô và ướt. Mèo là giống thú sinh hoạt về đêm. Học thường bị những âm thanh khua chạm trong nhà bếp đánh thức những khuya khoắt. Và tiếng mèo ngao đòi điểm tâm mỗi sáng. Học không ngờ, thứ tiếng động phiền nhiễu ấy lại ảnh hưởng sâu đậm ý thức anh tới như vậy.

Cuối tuần, có bạn tới thăm, hừng sáng Học chờ nghe tiếng mèo kêu réo, lay thức cả dục tính anh bứt rứt da thịt. Ngũ quan anh ngứa ngáy những xúc cảm không thể định nghĩa. Học mãn khai rực rỡ vầng trăng mùa động tình, hoá thân thành kẻ mộng du loã thể dạo chơi trên đỉnh phố xá no ứ ánh sáng. Những đốm mắt mèo lạnh lẽo tinh tú. Tiếng chân thú đuổi nhau lào rào trên mái ngói. Học chới với nắm bắt dục vọng như người săn thú rượt theo những bóng mồi di động quanh quất. Anh hụt hơi hổn hển. Mồ hôi tươm hạt trên lưng trần. Rồi anh gục mặt xuống bờ ngực tóc xoã. Lũ mồi săn tan biến như hồn ma bóng quế. Học rã rượi mềm nhão với mớ hoang tưởng nhầu nát không chất xúc tác.

Thẩm kiên nhẫn lắng nghe những bất an sinh lý của Học kể từ hôm vắng mặt Vũ Nữ. Thẩm ra mặt nghiêm trọng:

- Tao như mày sẽ tới một nhà phân tâm học.

Học hầm hè:

- Mày cho là tao khùng?

Thẩm xua tay, giọng tỉnh khô:

- Chưa tới độ vậy, mày chỉ mới chớm khủng hoảng.

Học bực bội:

- Phân tâm cái lỗ đít tao! Bọn tâm lý gia là một lũ lang băm chữa loà thành mù, chữa khùng thành điên.

- Mày làm gì dữ vậy?

Học dịu giọng:

- Tao nhất định tìm nuôi một con mèo khác.

Thẩm gật đầu không lưỡng lự:

- Có vậy thôi mà làm rùm beng!

Những ngày sau đó Học để ý tìm đọc trang rao vặt trong nhật báo thành phố. Tuyệt nhiên không thấy ai tặng hay bán mèo. Anh nóng lòng quay số điện thoại toà soạn hỏi thăm, thì được giải thích, thông thường khoảng tháng năm mèo mới đẻ con vì chúng có mùa rượn tình nhất định. Học lẩm bẩm, không giống như người. Cô gái cười khẽ, bảo Học nhẫn nại thêm vài tháng nữa. Cô còn đề nghị, trong khi chờ đợi, Học nên tham khảo sách viết về mèo để hiểu thêm tâm tính và cách nuôi dạy chúng sao cho hợp lý.

Mùa đông năm nay, với Học, sao dài lê thê.

(tháng 3.2006)

"Tôi Biết Sợ"

Phần IV - Nỗi Sợ Vẩn Vơ

NGUYỄN HỮU CHI,
Tiến Sĩ Tâm Lý Chính Trị Học

Đời này ai dại, ai khôn?
Sống mặc áo rách, chết chôn áo lành.
Ca dao

Được tin ông bạn già bất thình lình *"ra đi"*, tôi vội mang vòng hoa đến chào từ biệt. Ông bạn tôi mặc bộ đồ rất đẹp, bình thản nằm đó. Tôi mừng thầm cho ông bạn đã *"ra đi"* một cách nhẹ nhàng trong lúc đang ngủ ngon lành. Sau đó, trên đường lái xe về nhà, tôi suy tư về khoảng thời gian còn lại trong đời tôi. Dù sao năm nay tôi đã trên bẩy chục tuổi đầu rồi. Theo thống kê ở Canada, người đàn ông trung bình có thể sống tới năm 76 tuổi mới được phép *"ngao du vùng tiên cảnh"*. Có nghĩa là tôi còn có thể sống được chừng 5 năm nữa. Vì thế, tôi nghĩ rằng đã đến lúc tôi phải phác họa ngay một "chương trình ngũ niên" cho tôi, kẻo lúc *"ra đi"* lại tiếc rẻ khôn nguôi.

Cũng may hiện nay tôi vẫn còn khỏe mạnh, tiền hưu trí cũng đủ để "phè phỡn với đời". Vấn đề quan trọng bây giờ là phải "phè phỡn" làm sao cho "phải đạo"? Chuyện "ong bướm" ư? Mục này tôi không còn khả năng để "đụng" tới. Những người đến tuổi sắp *"ra đi"* như tôi không nên quá tham lam. Chúng ta hãy để đám con cháu có dịp "thi thố tài năng", không nên tranh dành với thế hệ trẻ. Biết nhường nhịn như vậy mới được người đời kính nể.

Đối với tôi, ăn uống cũng không còn là một mục khoái lạc đáng để ý tới. Có mấy cái răng hàm thì rụng gần hết, huyết quản thì bị mỡ bám đầy, máu thì ngọt như mật ong. Theo tôi nghĩ, ông Trời cho mỗi người một số lượng đồ ăn nhất định để sinh sống trong suốt cả cuộc đời của mình. Người nào dùng hết "khẩu phần" của mình là phải *"ra đi"*. Ông Trời đâu có cho phép chúng ta kéo dài cuộc sống để "ăn ké" vào khẩu phần của người khác. Nói tóm lại, "ăn nhiều, ăn nhanh, ăn mạnh, vét cho sạch nồi cơm", không phải là bí quyết trường sinh. Các bác sĩ ở các nước Âu Mỹ cũng đã nhận ra điều này, nên đã luôn luôn khuyên già trẻ cũng như nhớn bé phải ăn uống chừng mực. Hơn nữa, chúng ta cũng đã từng được nghe các cụ nhắc nhủ nhiều lần: "Ăn để mà sống chứ không phải sống để mà ăn", hoặc "tham thì cực thân, Phật đã bảo thầm thì chớ có tham [ăn]".

Thế là tôi đã mất hai trong bốn mục khoái lạc mà người đời gọi là "tứ khoái". Sau cùng, tôi chỉ còn thấy có hai thú vui hợp với túi tiền và sức lực của tôi: đó là đọc sách, và đi du lịch. Tôi thấy, đi ngao du những nơi danh lam thắng cảnh là thuận tiện nhất: ban ngày thì đi tham quan đó đây, tối về khách sạn ngồi đọc sách. Đối với người có tuổi như tôi, thời giờ rất là cấp bách, làm "công đôi ba việc" như vậy mới "tranh thủ được thời gian". Thế là hai vợ chồng tôi bàn nhau đi ngao du vùng nắng ấm để trốn mùa lạnh ở Canada. Ôi, mùa đông ở xứ "tình nồng" này, sao mà lạnh thế! Càng về già, tôi càng cảm thấy lạnh, lạnh từ ngoài vào tới tận đáy lòng con người.

Tối hôm đó, tôi chui vào mền nằm nghĩ đến ngày mai tới Miami sưởi nắng... Đang say sưa mơ màng thì vợ tôi đánh thức dạy:

— Dạy đi anh. Đến giờ ra phi trường rồi, máy bay không đợi anh đâu. Em đã chọn cho anh một bộ quần áo rất đẹp để mặc đi đường.

Bỗng nhiên tôi nhớ đến ông bạn già của tôi đã được Nhà Đòn mặc cho một bộ quần áo rất đẹp trước khi lên xe *"ra đi"*. Tôi nhìn vợ tôi xếp quần áo của tôi vào va-li, tôi vội hỏi:

— Ủa, em không đi cùng với anh hay sao?

— Em còn bận công việc nên đành phải ở lại. Anh đã đến tuổi có quyền được đi ngao du, nay đây mai đó. Anh cứ đi chơi thanh thản là em mừng rồi.

Cuối cùng tôi đành phải lên xe taxi ra phi trường một mình. Tôi quay đầu nhìn lại mái nhà

thân yêu của tôi cho đến khi nó mờ dần sau màn tuyết trắng, mầu trắng tang tóc làm tôi khẽ rùng mình. Phải chăng kẻ *"ra đi"* thường nghĩ tới kẻ *"ở lại"*?

Quả thiệt máy bay không đợi tôi. Tôi vừa ngồi xuống ghế thì máy bay bắt đầu cất cánh. Lòng tôi buồn rời rợi vì tôi đang bay về vùng nắng ấm trong khi họ hàng thân yêu tôi còn phải ở lại vật lộn với băng tuyết từ Bắc Cực ù ù thổi về. Khi máy bay hạ cách xuống phi trường Miami, xe của hãng du lịch đã chờ sẵn để đưa tôi về khách sạn R.I.P ("Resort of International Peace", mà tôi tạm dịch là "Lưu Xá Hòa Bình Thế Giới"). Mới nhìn thoáng qua tôi đã nhận thấy phong cảnh thành phố này quả có đẹp, đúng như những bích trương quảng cáo du lịch đã trình bày. Hai bên đường là những cây cao vời vợi, cành lá um tùm. Xung quanh khách sạn của tôi là những biệt thự xinh xắn nằm sau những hàng rào hoa đủ mầu đủ loại.

Ngồi uống trà trong vườn của khách sạn, tôi thoải mái nghe chim hót líu lô và nhìn mấy con bướm bay tung tăng trong nắm ấm. Một lát sau, người hướng dẫn du lịch mời tôi lên xe đi xem phong cảnh thành phố. Đó là một chiếc xe buýt chở chừng 50 du khách đủ loại người. Đa số là người có tuổi như tôi, nhưng cũng có vài người rất trẻ. Ngoài một số người Mỹ ra, tôi còn nhận thấy vài người ngoại quốc mặc quần áo cổ truyền của nước họ. Ông tài xế cho biết là xe sẽ dừng nhiều nơi nổi tiếng trong thành phố, du khách có thể xuống bất cứ chỗ nào để tham quan, một giờ sau đó xe sẽ trở lại đón để đưa đi thăm viếng nơi khác, hoặc chở về khách sạn R.I.P.

Xe đi vòng vòng trong thành phố và vùng ngoại. Xe ngừng nhiều nơi nổi tiếng của vùng này: có những khu biệt thự sang trọng lộng lẫy, có những bãi cát vàng óng ả chạy dài xuống biển xanh mầu ngọc thạch, có những trung tâm thương mại xầm uất, v.v... Mỗi khi xe ngừng lại, thì có vài du khách túi tít xuống xe. Khi xe tới Tropical Garden (Vườn Bách Thảo Nhiệt Đới), tôi bèn xuống xe vì muốn sống lại trong khung cảnh xanh tươi của đất nước tôi khi xưa. Tôi sung sướng khi thấy lại những cây đa cổ thụ cao ngất từng mây, những cành hoa phượng vĩ rực rỡ dưới nắng chan hòa, những con chuồn chuồn vui đùa giữa những cụm bông sen trên mặt hồ phẳng lặng...

Tôi đang thẩn thơ hưởng khung cảnh tĩnh mịch gần như thoát tục, thì bỗng nhiên nghe có tiếng người gọi tên tôi. Quay lại thì thấy anh Tùng, người bạn chí thân của tôi từ ngày học đệ thất. Đã hơn bốn chục năm rồi bây giờ mới lại gặp nhau. Chúng tôi bắt tay nhau thiệt lâu, mừng mừng tủi tủi. Chúng tôi dạo chơi dưới bóng mấy cây liễu già bên hồ, kể lại cho nhau nghe những kỷ niệm vui buồn khi xưa. Sau khi học hết bậc trung học, anh Tùng đi động viên, nay đây mai đó, theo tiếng súng của thời cuộc ở nơi tiền tuyến. Còn tôi được may mắn được đi ngoại quốc du học. Tuy vậy, chúng tôi vẫn liên lạc mật thiết với nhau bằng thư từ. Lá thư cuối cùng của anh tôi nhận được hồi cuối năm 1967. Trong thư anh cho tôi biết là anh đang hành quân ở Quảng Trị, và trong vài tuần nữa anh được nghỉ phép để về Cần Thơ ăn tết và nhân tiện cưới vợ luôn một thể. Thế rồi trận Mậu Thân bất thình lình xẩy ra. Từ đó tôi không nhận được tin tức gì về anh. Tôi cho rằng anh đã bị tử trận. Bây giờ lại gặp được anh, tôi mừng muốn khóc. Trong khi đi bách bộ trong vườn, chúng tôi nói chuyện huyên thuyên, không để ý đến thời gian. Đến lúc xe buýt tới, chúng tôi đành phải chia tay nhau. Tôi lên xe *ra đi*. Anh ở lại vì anh muốn tiếp tục cuộc du ngoạn trong vườn mà anh ví "như vườn Tao Đàn ngày xửa ngày xưa, nơi mà chúng mình thường tới chơi trong những giờ trốn học". Bắt tay anh, tôi hẹn với anh ngày tái ngộ. Anh cười vui vẻ, rồi thốt ra một câu triết lý bâng quơ:

—Vũ trụ này thực ra bé nhỏ lắm, chúng mình đi loanh quanh, luẩn quẩn, mãi rồi sẽ có ngày cũng lại gặp nhau.

Đến lúc lên xe chạy ra ngoài phố, tôi mới sực nhớ là đã quên hỏi địa chỉ của anh. Tuổi già lẩm cẩm, hay quên. Thiệt là vô tích sự!

Xe chạy vào khu ăn chơi buôn bán nổi tiếng trong vùng. Tôi tò mò xuống xe đi xem cảnh "ngựa xe như nước, áo quần như nêm." Đường phố đông nghịt những người. Họ đi ngắm nhau, hoặc ngắm những hàng hóa đắt tiền bầy trong tủ kính. Tôi mỉm cười nhìn một bà Mỹ to béo đang chăm chú nhìn một bộ áo dạ hội mỏng dính với bảng giá "Special Sale: 299.95 dollars." Tôi cảm thấy tội nghiệp cho cái "cái cối xay" đang bị thôi miên bởi cái áo "hớ hênh," vừa hở lưng đằng sau, vừa hở rún đằng trước. Đã thích ăn cho mập xù, lại còn thích mặc quần áo khiêu gợi! Đang ngẫm nghĩ về cái ham muốn quá đáng của con người, thì tôi đã bước tới trước

cửa một tiệm kim hoàn. Tôi đứng ngắm những vòng ngọc đủ mầu, những dây chuyền vàng chạm chổ tinh vi, những chuỗi hạt trai sáng rực dưới ánh đèn trong tủ kính. Bỗng nhiên có tiếng ồn ào trong tiệm, rồi có bóng một thanh niên chạy vọt ra ngoài, đằng sau là những tiếng hô hoán ầm ĩ. Hai tiếng súng nổ liên tiếp làm tôi giật mình quay lại. Tôi thấy một cô cảnh sát cầm súng thản nhiên đứng nhìn người thanh niên đang nằm quằn quại trên vũng máu, tay còn nắm chiếc đồng hồ vàng nạm kim cương. Khách bộ hành tò mò nhìn cảnh chết chóc như đang xem chương trình Miami Vice trên ti-vi. May sao vừa lúc đó thì xe buýt của hotel tới, tôi vội chạy lên xe, để trốn cảnh si mê và tàn bạo.

Xe ngừng bánh nhiều nơi cho du khách xuống du ngoạn. Nhưng tôi vẫn ngồi yên trên xe vì tôi thấy mất hết cảm hứng đi ngắm cảnh phồn hoa giả tạo. Cuối cùng xe cũng về tới khách sạn R.I.P khi thành phố bắt đầu lên đèn. Tôi mệt mỏi xuống xe và rất ngạc nhiên khi thấy bố mẹ tôi mừng rỡ chạy ra đón tôi, và ôm tôi vào trong lòng. Mẹ tôi vỗ về tôi, rồi nhẹ nhàng trách tôi:

— Con mải đi chơi ở đâu mà mãi bây giờ mới về, làm bố mẹ mong chờ.

Tôi cảm thấy hối hận vô cùng, tôi gục đầu vào vai mẹ tôi khóc nức nở như ngày tôi còn bé...

Bỗng nhiên tôi nghe văng vẳng có tiếng gọi tôi:

— Dậy đi anh. Anh nằm mơ cái gì mà khóc lóc thảm thê vậy?

Tôi chợt bừng tỉnh, nước mắt hãy còn rỏ xuống gối. Sau đó, tôi nghĩ nhiều lắm. Tôi nghĩ đến ông bạn già của tôi mặc bộ quần áo rất đẹp đang nằm trong nhà quàn. Tôi nghĩ đến chuyến du ngoạn mà tôi đã thực hiện được trong giấc mơ. Tôi nghĩ đến giờ phút kỳ lạ cho phép tôi gặp lại những thân nhân của tôi đã bỏ tôi *"ra đi"* lâu lắm rồi. Tôi nghĩ đến cái sống và cái chết. Sau khi tôi *"ra đi,"* tôi sẽ đi về đâu? Là "người trần mắt thịt," làm sao tôi biết được. Chỉ những "chuyên gia" nghiên cứu về linh hồn hay duyên kiếp mới "biết rõ ràng" những chuyện gì "chắc chắn" sẽ xẩy ra khi chúng ta sang "bên kia thế giới." Những vị này thường cho chúng ta biết rằng: sau khi chết đi, con người sẽ khốn khổ lắm nếu không biết thành kính thờ phụng Chúa hoặc ra chùa tụng kinh giải oan. Có người lại nghĩ rằng sau khi chết đi, con người sẽ trở thành cát bụi, chứ không đi đâu hết. Trái lại, giấc mơ kỳ lạ mà tôi đã trình bày ở trên làm cho tôi nghĩ rằng cuộc sống cũng như sự chết không khác gì một cuộc ngao du. Linh hồn chúng ta có thể là một hành khách trên một chuyến xe buýt du ngoạn. Xe buýt tới thì ta phải lên xe *"ra đi."* Làm sao mà biết được xe sẽ ngừng ở nơi nào. Khi xe tới trạm, ta phải xuống. Trạm xe bus có thể là một khu "Vườn Nhiệt Đới," có thể là một trung tâm thương mại phồn thịnh giả tạo đầy si mê và tội lỗi, có thể là một khu tối tăm, nghèo nàn, có thể là một ổ trộm cướp đầy sì ke, ma túy...

Nếu cho sự chết là một du ngoạn, tại sao chúng ta không sửa soạn cuộc *"ra đi"* của chúng ta cho chu đáo. Khi chúng ta vượt biên, chúng ta sửa soạn rất kỹ càng. Nhưng khi chúng ta đến tuổi phải *"ra đi,"* chúng ta lại không tính toán như người vượt biên, dù rằng chúng ta vẫn còn đủ tỉnh táo để sửa soạn cuộc *"ngao du"* của chúng ta. Chúng ta không chịu sửa soạn trước khi *"ra đi"* vì chúng ta sợ chết, nên chúng ta không dám nghĩ đến cái chết cho đến khi chúng ta thở hơi cuối cùng. Thế là chúng ta "thẩy" trách nhiệm đó cho những người thân thiết có nhiệm vụ cáng đáng thân xác của chúng ta. Trong lúc "tang gia bối rối," người nào càng thân thiết với chúng ta bao nhiêu, thì lại càng bối rối bấy nhiêu. Khi bối rối như vậy, làm sao họ có thể tính toán một cách hợp lý được. Kết quả là người thương yêu của chúng ta sẽ bị các Nhà Đòn lợi dụng triệt để. Chuyện này rất dễ hiểu: vì thương tiếc *"người ra đi,"* nên những người thân thích tưởng rằng càng tiêu nhiều tiền cho chuyện ma chay bao nhiêu, thì *"người ra đi"* càng sung sướng bấy nhiêu. Thiệt là nhầm to. Những bài kinh giải thoát, những sớ cầu siêu không hóa giải được những tội lỗi của con người. Một cuộc mai táng huy hoàng không làm cho *"người ra đi"* được "mát mặt" thêm một chút nào. Tuy vậy, những người thân thích luôn luôn muốn có một đám tang thiệt là linh đình và tốn kém để tỏ lòng thương tiếc của mình đối với *"người ra đi."* Trong trường hợp này, *"người ra đi"* chỉ còn biết thở dài (sau khi thở hắt ra). Rồi người đến viếng cũng muốn mua một vòng hoa thiệt to, thiệt đắt tiền để tỏ tình bạn hữu với *"người ra đi"* và nhất là để chứng minh cho bà con lối xóm biết rằng mình là "người đàng hoàng, có thủy, có chung." Thấy cảnh này, *"người ra đi"* cũng lại thở dài, chỉ

muốn thốt ra câu từ biệt: "Này bạn ơi, đã quá trễ rồi. Sẽ có ngày tái ngộ," và "tức cảnh" làm bài thơ như sau:

Khi một thằng nằm xuống
Lại có thằng luống cuống đứng lên
Vái lạy thằng nằm xuống
Hy vọng khi mình nằm xuống
Lại có thằng khác luống cuống đứng lên.

Điều mà chúng ta biết chắc là đa số những người sắp *"ra đi"* đều lo lắng thiết tha cho *"người ở lại,"* và nghĩ rằng mình còn có thì giờ thu xếp mọi việc trước khi *"ra đi."* Tiếc thay, khi xe buýt bất thình lình tới đón đi *"ngao du,"* chúng ta vội vàng lên xe nên không giúp gì cho những *"người ở lại."* Trong khi đó, *"người ở lại"* đau đớn muôn phần. Khi bố mẹ tôi lần lượt qua đời, một mình tôi *"ở lại,"* tôi lỉm người đi vì thương tiếc. Rồi khi tôi loáng thoáng được tin anh bạn chí thân của tôi bị tử thương, tôi buồn ngẩn ngơ, tội nghiệp cho số phận long đong của người trai thời loạn. Tôi bối rối vì tôi cảm thấy hối hận vì tôi cho rằng mình đã cư xử không đầy đủ tình nghĩa đối với *"người ra đi,"* không có dịp tổ chức một đám táng trọng thể đưa người quá cố sang "Bên Kia Thế Giới." Ngoài ra, trong thâm tâm, tôi cảm thấy lo sợ vì không biết những thân nhân của tôi sẽ đi về đâu: có được "về với Chúa không"? có thoát khỏi "vòng nghiệp chướng" hay không? Đó là những phản ứng tự nhiên của những *"người ở lại."* Vì thế, chúng ta thường thấy những vụ ma chay linh đình để *"người ở lại"* có dịp "trả nghĩa" đối với *"người ra đi"* (thà "trả nghĩa" trễ hạn, còn hơn là bị mang tiếng "bạc tình, bạc nghĩa"). Chúng ta lại còn thấy trong những cuộc cúng lễ nguy nga, mọi người thiết tha cầu xin Trời hay Phật giúp *"người ra đi"* được lên Thiên Đàng hay vào Cõi Niết Bàn. Mọi tín đồ đều "biết chắc chắn" rằng một linh hồn đầy tội lỗi khó có thể siêu thoát được nếu thân nhân không thành khẩn cầu xin Đấng Tối Cao nhủ lòng khoan hồng đại lượng với *"người ra đi"*! Phải chăng vì chúng ta nghĩ rằng cái quá khứ của *"người ra đi"* thiếu đạo đức, nên chúng ta mới phải làm lễ cầu siêu cho *"người ra đi"* như vậy? Thiệt là tội nghiệp cho người *"ra đi"*: Đã *"nằm xuống"* rồi mà còn bị người đời gán cho cái tội "thiếu đạo đức."

Nói cho cùng, *"người ở lại"* đáng thương hơn *"người ra đi."* Trong khi *"người ra đi"* thản nhiên nằm đó, thì *"người ở lại"* không những bị xúc động tinh thần mà còn phải xả thân cáng đáng công việc tiễn đưa *"người ra đi."* Vì thế, tôi không thắc mắc về việc tôi sẽ *"ra đi,"* nhưng tôi nghĩ rất nhiều, và lo lắng rất nhiều cho *"người ở lại."* Tôi muốn *"người ở lại"* khỏi phải quàng lên vai một gánh quá nặng nề về tinh thần cũng như vật chất khi tôi *"nằm xuống."* Có lẽ ít người nghĩ như tôi và làm như tôi, vì đến lúc gần ngày tận số, mỗi người nghĩ một kiểu, và người nào cũng cố gắng làm những việc mà mình cho rằng thỏa đáng nhất. Do đó, tôi không dám khuyên ai. Những điều tôi trình bày sau đây chỉ là một thí dụ ***không điển hình***, một lối nhìn đời "không giống ai."

Trước hết, tôi không muốn những bạn bè thân thuộc tôi quá u sầu về chuyến "ngao du" của tôi. Do đó, tôi đã trình bày cho mọi người biết rằng khi "chuyến xe buýt" tới, tôi sẽ thản nhiên *"ra đi"* như tất cả mọi người khác đã từng *"ra đi."* Tôi sẽ *"đi"* về đâu? Có lẽ tôi sẽ về với bố mẹ tôi. Có lẽ tôi sẽ ngao du vùng tiên cảnh cùng với bạn bè tôi. Dù sao đi chăng nữa, tôi không cần biết tôi sẽ *"đi"* đâu, vì có biết hay không biết thì tôi và những người thân thuộc của tôi cũng chẳng làm được gì cả.

Sau đó, việc tôi phải làm trước khi *"ra đi"* là sửa sang lặt vặt trong nhà, vì vợ tôi không phải là một người khéo tay biết sửa chữa nhà cửa. Ngoài ra, những gì của tôi mà tôi thấy không cần dùng cho bản thân tôi hoặc cho *"người ở lại,"* tôi mang đi cho người khác, hoặc đổ vào thùng rác. Khi tôi quẳng đi gần hai ngàn quyển sách của tôi, tôi cảm thấy nhẹ nhõm trong người. Trái lại, vợ tôi rất xúc động, và hỏi tôi:

— Những cuốn sách này là kỷ niệm gần 40 năm dạy học, tại sao anh vất đi?

— Anh không cần nữa.

— Thì cứ để đấy, đôi khi anh muốn đọc lại thì sao?

— Đọc đi, đọc lại làm gì? Người ta lại tưởng rằng anh dốt, học mãi mà chưa thuộc bài.

Sau khi dọn dẹp nhà cửa, tôi bắt đầu nghĩ đến phí tổn chôn cất. Tôi thấy ở Ottawa mấy gia đình mà tôi quen biết đã chi phí trên 15 ngàn dollars cho mỗi vụ ma chay. Tôi tính nhẩm trong đầu thì thấy rằng chỉ trong vài chục năm nữa, cộng đồng người Việt ở Ottawa (hơn bốn ngàn nhân mạng) sẽ phải chi cho Nhà Đòn và nghĩa địa một tổng số vào khoảng 60 triệu dol-

lars (không kể tiền chi cho các vị tu sĩ cúng lễ, cùng tiền bạn bè bỏ ra mua hoa phúng viếng). Như vậy, phí tổn ma chay cho nửa triệu người Việt đang sinh sống ở Bắc Mỹ sẽ lên tới gần 8 tỷ dollars — bằng tiền viện trợ mà những nước tư bản kiêm tài phiệt đã cấp cho "Đảng ta" trong một khoảng thời gian kéo dài hơn bốn năm trời. Thiệt là oai hùng! Thiệt là vĩ đại!

Để biết rõ chi tiết của vấn đề, tôi bèn mời một đại diện Nhà Đòn quen biết ở Ottawa tới bàn chuyện ma chay cho tôi. Ông "tiếp thị" (salesman), quần áo chỉnh tề, mặt trang nghiêm và đầy kính cẩn, ăn nói nhẹ nhàng và từ tốn trong khi trình bày giá cả cho tôi nghe. Tập tài liệu về giá biểu in rất đẹp như tờ thực đơn của một tiệm ăn sang trọng ở Paris (năm sao). Điều quan trọng mà mọi người nên biết là "người mua" không được kỳ kèo về giá cả, vì Nhà Đòn làm ăn đàng hoàng "trước sau như một," không khác gì "Bác và Đảng" đã đối xử với dân ta hơn nửa thế kỷ nay.

Tôi đọc kỹ tờ giá biểu, rồi tham khảo với các bạn bè, tôi thấy rõ phí tổn **nặng nề** mà *"người ở lại"* phải chi cho Nhà Đòn ở Canada (có lẽ cũng tương tự như ở bên Mỹ). Để có một thí dụ cụ thể, tôi xin liệt kê sau đây các "món hàng" căn bản mà Nhà đòn Tubman đã trình cho tôi:

(1) Dịch Vụ Chuyên Môn (Professional Services)

* 900$ — dịch vụ do các chuyên viên Nhà Đòn cung cấp (professional and support staff services);

* 250$ — giấy tờ lên quan đến vấn đề khai tử (documentation);

* 125$ — dịch vụ ở nghĩa địa hoặc công việc trao lọ đựng tro cho thân nhân (gravesides service or delivery of urn as arranged).

(2) Dịch Vụ Chăm Lo "Người Ra đi" (Prrofessional Care of Deceased)

* 200$ — tắm rửa và làm vệ sinh cho *"người ra đi"* (sanitary care of deceased);

* 570$ — ướp xác và trang điểm *"người ra đi"* (embalming and cosmetology of deceased).

(3) Phòng Ốc Và Dụng Cụ

* 400$ — xử dụng Nhà Đòn (basic use of funeral home);

* 990$ — xử dụng phòng thăm viếng, phòng làm lễ và những dụng cụ (visitation room, chepel, and/or service equipment);

* 225$ — xử dụng phòng sửa soạn và gìn giữ xác *"người ra đi"* (use of facilities for preparation of deceased and/or shelter of remains).

(4) Xe Cộ Và Vận Chuyển (Automotiles and Transportation)

* 295$ — chuyển xác về Nhà Đòn (transfer from place of death – radius 40 km);

* 200$ — xe cộ cần dùng cho các nhân viên Nhà Đòn (vehicles required for administrative tasks, clergy, funeral director);

* 270$ — xe chở quan tài ra nghĩa địa (funeral coach);

* 125$ — xe limousine chở thân nhân.

Chi phí căn bản cho Nhà Đòn là $5,604.03 (gồm cả thuế)

(5) Chi Phí Cho Thành Phố

* 75$ — khám nghiệm tử thi.

* 52$ — thuế vệ sinh cho thành phố.

(6) Phí Tổn Mai Táng

* 3,700$ (trung bình) — Tiền mua quan tài tùy theo loại sang hay hèn, đúng theo giai cấp: từ thứ rẻ nhất là vải quấn xác (890$) cho tới quan tài rẻ tiền bằng gỗ ván ép (1,695$), tới loại quan tài vừa đẹp vừa bền dành cho các nhà giầu thích sài sang (11,000$);

* 5,500$ — Tiền mua chỗ "An Nghỉ Ngàn Thu" (R.I.P – Rest In Peace) tại nghĩa địa: miếng đất to hơn cái giường đáng giá khoảng chừng 5,500$;

* 1,000$ — Tiền dựng mộ bia tùy theo túi tiền của mỗi người (từ 1,000$ cho tới 5,000$, hoặc nhiều hơn nữa).

<u>Chi phí mai táng trung bình khoảng chừng $13,000</u>

Tôi đọc tờ giá biểu thấy nhân dân ta bị Nhà Đòn và Nhà Nước làm tiền một cách rất là quy củ. Không những thế, ông "tiếp thị" lại còn khuyến khích tôi "mua" nhiều món "hàng" khác vừa đắt tiền, vừa ... vô dụng. Tôi bèn chặn lại với một câu hỏi rất ư là "rẻ tiền":

— Mai táng kiểu nào rẻ tiền nhất?

Hắn ngỡ ngang vì đang "rao hàng" thì bị cụt hứng. Nhưng ngay sau đó, hắn mỉm cười, rồi nhìn tôi một cách rất ư là đại lượng:

— Ông thích chơi trò rẻ tiền thì ông nên chọn con đường hỏa táng, vì ông sẽ không mất tiền chi phí chôn cất và mua đất ở nghĩa địa.

— Ngoài tiền hỏa táng ra, còn có mục chi phí nào khác nữa không.

— Có chứ. Thân xác của ông sẽ được tắm rửa, thoa son đánh phấn, và được đặt trong một cỗ quan tài thiệt đẹp. Chúng tôi sẻ tổ chức linh

đình cho ông. Ai trông thấy nằm đó cũng phải thèm cái địa vị của ông.

— Nếu tôi thích đi con đường hỏa táng, thì tôi đâu có cần mua quan tài làm gì cho tốn tiền?

Lần này hắn nhìn tôi một cách khinh thường ra mặt, và nói với một giọng mỉa mai:

— Ông cũng cần phải được trang điểm và nằm trong một cỗ quan tài đàng hoàng khi bạn bè thân thuộc đến thăm viếng ông lần cuối cùng. Trưng bày thân xác ra như vậy mới là người đàng hoàng chứ! Tuy nhiên, nếu ông thích bủn xỉn, thì cũng không sao. Chúng tôi cũng có thể chiều ông được. Đáng lẽ ông mua một cỗ quan tài rẻ tiền, ông có thể thuê một cỗ quan tài sang nhất hạng. Cỗ này đáng giá 11,000$. Những người giầu sang mua loại này, rồi mang đi chôn hay đốt cùng với cái xác của họ. Nhưng nếu ông mướn cỗ quan tài này, để nằm vài ba bữa, lấy le với bà con lối xóm, thì ông chỉ phải trả tiền thuê là 2,850$. Thiệt là rẻ mạt! Làm sao mà người đời biết được rằng ông là người hà tiện, đến lúc *"nằm xuống"* mà còn không dám bỏ tiền ra mua một cỗ quan tài để nằm cho thoải mái.

— Nhưng tôi không muốn "trình làng nước" cái thân thể xám ngắt của tôi cho mọi người chiêm ngưỡng thì sao?

Hắn thở dài đến sượt một cái như một thầy giáo làng nhìn thằng học trò bướng bỉnh lại còn có tật cù nhầy:

— Làm như vậy cũng bớt được vài ngàn: tiền son phấn, tiền thuê quan tài, tiền thuê Nhà Đòn v.v.. Mà ông cũng không cần phải chi cho các vị tu sĩ đến tụng kinh gõ mõ tùm lum trong Nhà Đòn của chúng tôi làm gì. Thế là ông đỡ thêm được vài ba trăm nữa. Đối với hạng người "rẻ tiền" như ông, đỡ được trăm nào hay trăm đó, có phải không?

Thằng cha "tiếp thị" cho tôi là người bủn xỉn nên có vẻ bực mình lắm. Hắn chỉ muốn thu được nhiều tiền cho chủ Nhà Đòn để được ăn nhiều tiền hoa hồng do gia đình *"người ra đi"* cung phụng. Vì thế, mỗi lần tôi bớt được món chi phí nào là hắn có vẻ đau đớn như đang bị bà nha sĩ nhổ một cái răng hàm bự trong mồm. Cuối cùng, tôi chọn một chương trình hỏa táng hợp với ý tôi. Tổng số tiền tôi phải chi ra là 2,709.24$ cho những mục như sau:

* tiền giấy tờ (khám nghiệm xác chết, giấy khai tử, v.v.);

* tiền xe đưa xác tôi từ nhà xác đến Nhà Đòn;

* tiền hòm bằng giấy cứng (50$) đựng xác chết để mang đi hỏa táng;

* tiền đưa hòm xác tới lò đốt (không có vụ bầy biện thân xác ra cho mọi người "dòm ngó");

* tiền đốt xác;

* tiền hộp đựng tro để trao cho vợ tôi mang đi thả xuống biển (tôi mua loại rẻ tiền nhất nên chỉ tốn có 20$; còn loại sang và đẹp thì lên tới 500$);

* tiền thuế trả cho thành phố, tiểu bang, và liên bang.

Người "tiếp thị" đại diện Nhà Đòn Tubman và tôi cùng ký vào tờ khế ước (bốn bản). Sau đó, tôi hân hoan trao cho hắn tấm ngân phiếu 2,709.24$. Tôi phải trả tiền trước. Đối với tôi, điều này rất thuận tiện, vì sau này giá cả có gia tăng thì Nhà Đòn ráng mà chịu, chứ những *"người ở lại"* không còn phải lo lắng điều gì cho *"người ra đi."*

Khi vợ tôi đi làm về, tôi hý hửng đưa cho cô nàng xem tờ khế ước. Thế là cô nàng khóc bù lu bù loa, rồi hỏi tôi một câu mà tôi cho là lãng nhách:

— Trong cả cuộc đời của anh, anh chỉ thích chơi sang. Tại sao đến cuối cuộc đời, anh lại định chết một cách rẻ tiền như vậy?

— Em hỏi một câu thiệt là lãng nhách! Thế nào là chết rẻ tiền? Chết sang thì đi đến đâu? Mang tiền ra cúng Nhà Đòn và Nhà Nước làm gì? Chúng nó làm gì có quyền cấp visa cho anh vào Thiền Đàng, hay vào Vùng Cực Lạc. Việc gì mình phải "đút lót" chúng nó? Dù sao anh cũng "save" hơn 12,000$, chứ đâu có phải là ít.

— Em không cần món tiền đó đâu!

— Nếu em không cần số tiền đó, thì em mang nó đi giúp người nghèo, có sao đâu? Đa số dân ta hiện đang sống trong cảnh nghèo túng. Em có biết rằng nếu em mang 12,000$ về Việt Nam, em có thể nuôi hơn 60 em mồ côi trong một năm. Như vậy, anh là người "chết sang" hay là người "chết rẻ tiền"?

Thấy tôi lý luận như vậy, cô nàng vừa lau nước mắt vừa cười đùa:

— Thôi, anh muốn chết kiểu nào cũng được. Cái đó tùy anh. Nếu anh *"ra đi"* trước em, em sẽ chúc anh theo kiểu Tàu: *"Thượng Lộ Bình An,"* và xin anh *"Bảo Trọng."*

— Vậy, trước khi *"ra đi,"* anh sẽ chào em theo kiểu Mỹ: *"Hẹn Ngày Tái Ngộ"* — *"See You Later."*

Kiếm Sống

HOÀ ĐA

Sau giải phóng, Hùng còn được tiếp tục lưu dụng dạy thêm một năm nữa. Gần hè bảy mươi sáu, tỉnh ra quyết định gọi một số giáo viên biệt phái đi học tập cải tạo. Hùng có tên trong danh sách số một, phần lớn là trung uý trở lên, chỉ có Hùng và hai người khác là thiếu uý và chuẩn uý. Đợt này hơn hai trăm năm chục giáo viên toàn tỉnh bị gọi.

Lúc còn trong trại học tập cải tạo, Hùng nghe mấy anh bạn có thân nhân thăm nuôi nói người nhà kể, ở thị xã đang có "xe đạp ôm." Hỏi kỹ mới rõ, bây giờ xăng nhớt không còn bán công khai nữa, muốn mua chỉ còn xăng lậu, bán từng lít bên lề đường, nên số honda ôm cũng vơi đi nhiều lắm, mà kiếm cho ra được đồng tiền cũng khó quá, nên có người nghĩ ra cách lấy xe đạp, dùng sức người, khách muốn đi đâu chở đó, trước có cái gì để bỏ vào bụng, sau còn dư ít nhiều đong gạo cho vợ con, nhất cử tam tứ tiện. Cũng nghe kể, ban đầu chỉ có mấy chú thanh niên, dù gì cũng có sức, chở khách năm sáu chục ký lô đạp chạy vù vù, sau đội ngũ xe đạp ôm ngày càng nhiều, thậm chí mấy anh bên honda ôm cũng đào ngũ sang đầu quân bên đội xe đạp ôm. Hùng thầm nghĩ, sau này được ra trại về nhà đạp xe đạp ôm, ít ra cũng tránh được cái cảnh ngồi không ăn bám vợ .

Sau hơn một năm học tập, Hùng được thả ra cùng đợt với mấy người khác, dù gì thì bọn anh cũng chỉ là giáo chức biệt phái, những hiểu lầm về danh xưng do hai bên cùng nói tiếng Việt nhưng không ai hiểu người kia nói gì cũng qua đi; với lại chính quyền thấy giữ mấy anh thầy giáo tuy có lợi chút đỉnh về nước sông công tù, nhưng không bù được với dư luận quần chúng bên ngoài; thôi thì bất không được, tha làm phước; ít ra nhà nước cũng được tiếng khoan hồng đối với thành phần chế độ cũ. Hùng về sống với vợ con, hàng tuần xuống công an phường trình diện với cuốn sổ ghi rõ những việc làm trong tuần, đi đâu, gặp ai..., mà trước khi xuống phường, phải đưa trước cho công an khu vực ký chứng thực "những gì ghi chên là đúng xự thậc"... Rồi những ngày trình diện thưa dần, cho đến một hôm, anh công an phường trịnh trọng tuyên bố "từ nay, các anh không cần phải trình diện nữa, nhưng đi đâu ra khỏi thị xã, phải làm đơn xin phép, có được chấp thuận, mới được đi." Một anh, tay mân mê quyển sổ trình diện ngây thơ hỏi " Thưa cán bộ, tui chạy xe đạp ôm, rủi khách muốn đi xa thì sao?" - "thì đừng đi" - cán bộ công an đổ quạu.

Việc anh bạn cùng cảnh ngộ nhắc tới ba tiếng 'xe đạp ôm' làm Hùng nhớ lại ý nghĩ ngộ nghĩnh ngày nào trong tù. Đem ý này kể cho Khánh cọp (đội trưởng đội Hổ ngày trước trong Hướng Đạo), Khánh bàn:

- Cực lắm à nghen! với lại bây giờ phụ tùng xe khan hiếm, căm, niền, vỏ, ruột... cái gì cũng dởm hết, ráp thành cái xe chạy thì được, nhưng chở khách thì không an toàn đâu!

- Mấy người khác đang chạy thì sao? - cực sao bằng hồi còn học tập!

- Tui sửa xe, tui biết mà, tụi nó bỏ đây cho tui sửa hoài, có khi phải quăng luôn. Tui nói vậy, chớ nếu ông muốn, tui lo. Để tui kiếm cho ông cái sườn cũ rồi chắp vá, ráp cho. Ông chỉ trả lại cho tui những gì tui phải mua, không tốn lắm đâu. Học tập về, còn mẹ gì mà lo.

Mấy ngày sau, Khánh đưa cho Hùng chiếc xe, nói đùa

- Ráng cày đi, ai biểu hồi đó ông chọn đội Trâu, nên bây giờ cứ phải kéo cày hoài, ông thấy thằng Thu Ngựa không, cũng học tập về mà chạy rong không thôi, nó có đói đâu?

Mấy ngày đầu ra bến kiếm khách, Hùng phải tự đấu tranh với bản thân nhiều lắm vì dù sao Hùng cũng đã dạy tại trường trung học của thị xã nửa quê nửa tỉnh này hơn bảy năm rồi, học trò của Hùng có mặt ở cả bên này, lẫn bên kia. Giành nhau với cái đám xe ôm bu quanh tranh khách khi chiếc xe đò mới xịch vào bến, Hùng

làm không được, đành đứng ở ngoài chầu rìa chờ khách, vậy mà ngày nào cũng đem về được hơn chục đồng, nhờ những người khách không thích để bị giành giựt. Người quen hỏi "bây giờ làm nghề gì?" Hùng khôi hài trả lời "Công Nhân Công Ty Chuyên Chở Công Cộng Hành Khách Nội Thành."

Một hôm, có một thanh niên túi xách nhỏ gọn nhẹ quàng trên vai, xuống xe, đi thẳng tới phía Hùng, ngồi lên yên sau nói

- Cầu Đôi.

Hùng mừng thầm, được cuốc đi này ít ra cũng kiếm được năm, bảy đồng. Vừa qua khỏi quận mới, khách vỗ nhẹ nhẹ vào vai

- Ngừng, ngừng, ghé đây chút!

Hùng ngừng xe, lấy chiếc nón vải lau mồ hôi trên mặt.

Khách lễ phép mời

- Thầy vô quán, uống chút nước đã, thầy không nhận ra em hả? - em là Thái đây, tụi nó ưa kêu em là Thái dọt đây, thầy nhớ chưa.

Hùng nhớ lại, sáu năm trước, dạy cho Thái ở lớp 12, lần nào cũng vậy, khi có việc gọi đến tên Nguyễn Văn Thái là cả đám con trai cô hồn trong lớp đồng thanh đáp "Thái dọt rồi thầy!" - "Tụi nó nói bậy đó thầy" - Thái đứng dậy đáp.

Hùng tần ngần, anh không hề sửa soạn trước cho tình huống này, dù biết rằng thế nào cũng có ngày anh phải gặp, có tiếng Thái thúc:

- Vô quán uống chút nước, thầy.

Hùng ngồi xuống ghế, hai ly cà-phê đá được mang ra.

- Thầy không còn đi dạy nữa sao?

- Không! Học tập về...

- Hả ?... Thái kêu lên

- Em không biết có một số thầy giáo biệt phái phải đi học tập cải tạo à? Tôi nằm trong số đó, mới được tha về mấy tháng nay.

- Thầy không làm đơn xin dạy lại?

- Có, nhưng chắc không ăn thua gì, lý lịch của tôi nặng quá, bản thân thì chỉ là thầy giáo, sĩ quan biệt phái, nhưng mấy anh em đều là sĩ quan nhảy dù, thuỷ quân lục chiến, toàn thứ dữ; hôm mới về tôi có làm đơn, đọc lời phê của công an Phường bên dưới, thấy trước là không xin dạy lại được, nhưng cũng cứ góp.

Thái hỏi thăm về hoàn cảnh sống của Hùng, rồi cũng kể sơ về việc làm của nó: tốt nghiệp kỹ sư Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ ngành Điện, vừa được bổ nhiệm thì giải phóng tới, hiện đang công tác ở Thành Phố, vẫn còn độc thân, ăn ngủ ngay tại cơ quan, thỉnh thoảng vẫn về thăm gia đình...

- Thôi mình về Thầy, bây giờ ai cũng khổ hết, kỳ trước gặp Thầy Thuận vẫn còn đi dạy mà phải chạy honda ôm để kiếm thêm tiền, ốm nhom, ốm nhách.

Hùng chở Thái về lại bến xe, nhà nó gần đó. Trước khi chia tay, Thái nhét vào túi Hùng tờ hai chục, vừa nói vừa đi như chạy "em gửi ít quà cho mấy em, con thầy." Hùng thấy cay ở mắt.

Ngày lại ngày qua, Hùng dày dạn và xông xáo hơn và cũng có một số khách quen, hễ thấy mặt là lên xe ngồi, khỏi cần mời chào. Nhưng một tai nạn nhỏ khiến Hùng phải tìm việc khác. Một chiều nọ, một người đàn bà khá đẩy đà kêu Hùng chở lên bến xe. Ước chừng trọng lượng của bà khách, Hùng muốn từ chối, nhưng hôm đó kiếm không được bao nhiêu, nên Hùng tặc lưỡi nhắm mắt làm đại. Qua khúc cua ngang bưu điện, bánh xe trượt trên lớp cát phủ trên mặt đường, quăng bà khách nằm dài trên mặt lộ.

- Trời đất quỉ thần ơi, chạy xe như vậy mà cũng đòi chạy xe ôm - tiếng bà khách tru tréo - làm rách mẹ nó cái quần sa ten của người ta, còn trầy đầu gối nữa chớ...

- Xin lỗi... xin lỗi chị - Hùng ấp úng, lúng túng kéo bà khách ngồi dậy.

- Rồi bây giờ cậu tính sao đây?

Hùng cứ ấp úng... Đám đông bu quanh mỗi lúc một đông, có tiếng nói

- Tai nạn chớ ai muốn vậy sao mà tính - muốn bắt thường hả, chả cũng hổng có gì mà thường, hay là xiết xe của thằng chả đi.

Đám đông cười ồ; hai bánh xe thành hai hình số tám, sườn bị cong qua một bên...

- Tại con mẻ mập quá lại hà tiện, không dám đi honda ôm...

- Ủa! thầy giáo đây mà, thầy có sao hông?

- Mèn ơi! vậy là quăng luôn chiếc xe rồi.

- Bây giờ ai cũng thiếu ăn, đâu có da có thịt như con mẻ, tại con mẻ dư ký lô quá mới ra vậy chớ.

...

Hùng luôn miệng xin lỗi, đưa mắt van lơn nhìn đám đông như muốn xin họ ngừng châm chọc nạn nhân, vì dầu sao cũng là lỗi do anh gây ra.

Chừng như không chịu nổi lời ra tiếng vào của đám đông, bà khách leo lên một xe khác,

sau khi quăng lại một câu rủa:

- Đồ hà bá ám chướng gì đâu không hà! Sao công an không hốt hết đám âm binh này cho rảnh mắt.

Hết việc, đám đông giản dần, Hùng ngao ngán dựng chiếc xe lên, thở dài thầm "chắc bỏ luôn, sửa gì được." Anh vác xe lên vai, lủi thủi cuốc bộ về nhà Khánh Cọp...

Mấy ngày sau, Khánh tìm gặp Hùng, nói ngay

- Thu Ngựa nhắn ông lên gặp nó, có chuyện cần bàn với ông.

- Chuyện gì vậy?

- Bây giờ, kem Sa Đéc bán chạy lắm, ngon hơn kem ở đây nhiều. Tính ra, bán năm cây, sau khi trừ tiền nước đá và muối, kiếm lời gần chục bạc, nếu chịu khó, ngày kiếm được vài chục đồng lời, dư sức mua gạo.

Hùng có nghe qua về kem sữa sản xuất tại Sa-Đéc, đóng thành cây, người bán cắt thành miếng lớn nhỏ tuỳ giá, bán cho khách. Người lớn con nít, ai cũng ưa, ăn một miếng xong là muốn ăn miếng nữa. Ngặt một điều, vốn bỏ ra khá lớn so với túi tiền của Hùng, nặng nhất là phải trang bị thùng hai lớp, lớp trong chứa kem, lớp ngoài có vách cách nhiệt chứa hỗn hợp sinh hàn muối và nước đá, để giữ lạnh cho kem. Hộp càng kín, càng ít tốn tiền mua nước đá và muối, càng giữ được kem lâu tan, càng có lời. Hùng nói thiệt với Khánh về khả năng tài chánh của mình thì Khánh cười khà rồi nói.

- Vì vậy Thu Ngựa mới nói ông lên gặp nó. Nó có cách, nó là thợ hàn, gò thùng cho vợ nó bán ngoài chợ mà. Nó chỉ muốn biết là ông có chịu lội đi bán không. Nếu chịu nó lo cho ông.

- Tiền đâu mà trả cho Thu?

- Nó sức mấy dám đòi tiền ông. Nó còn nợ tui mà. Nói chơi thôi! Tiền tôn làm thùng không bao nhiêu. Ông mua thì mắc còn nó có mối lấy theo giá sĩ, rẻ thôi, nó không lấy tiền công đâu. Ông không nhớ "Hướng đạo sinh là bạn tất cả mọi người, và coi các hướng đạo sinh khác như anh em ruột thịt" à.

Hơn tuần sau, Hùng có nghề mới: bán cà-rem, đúng hơn là bán kem Sa Đéc, sau một lớp huấn luyện ngắn hạn chừng ba mươi phút trong quán cà phê, do thầy giáo kiêm khổ chủ Thu Ngựa. Địa bàn hoạt động là nơi đông người qua lại: cửa chợ, trường học, bến xe đò, xe buýt, xe lam. Cửa chợ thì nhiều người qua lại, nhưng ai cũng có việc, trường học thì chỉ bán có giờ: trước khi vào học và giờ chơi. Chỉ có bến xe là dễ. Khách chờ giờ xe khởi hành ưa ăn vặt, mà hễ ăn một miếng là xem chừng ăn thêm vài miếng nữa, nhất là vào những buổi trưa nắng. Tiếng leng keng của quả chuông treo lủng lẳng ở ghi đông xe là tiếng động khêu gợi nhất cho khách chờ xe trong mùa nắng, bất kể khách là nam hay nữ, già hay trẻ... Mà thói thường, đâu có mật, thì đó có ruồi, mật càng ngọt thì ruồi càng nhiều. Cũng đã có vài đụng chạm nho nhỏ trong cuộc tranh sống, nhưng lề đường có những luật lệ bất thành văn của nó, chỉ cần tôn trọng những qui luật đó thì sẽ không xảy ra những xô xát hay đụng chạm lớn. Nếu đã có người bán kem ở một xe hay một bến, thì người đến sau phải tôn trọng sự ưu tiên đó, bán ở xe hay bến khác. Đơn giản chỉ như vậy, ai cũng biết qui luật đó vì ai cũng muốn kiếm sống.

Một ngày, khi Hùng tay giắt xe đạp với thùng kem nặng trịch trên yên sau, đi vòng quanh chiếc xe chạy về Càng Long, tay lắc chuông leng keng, mắt ngước lên hành khách trên xe. Một cô gái ngồi trên xe đang đọc một cuốn sách trong lúc chờ xe chạy... Hùng vẫn lơ đãng lắc chuông leng keng...

- Thầy! trời ơi, thầy...

Hùng khựng lại! Ngày trước, Hùng dạy ở thị xã, nên chỉ muốn kiếm sống quanh bến xe chạy về huyện, ít ra có thể tránh được nhiều nhất những cuộc gặp mặt không cần thiết với học trò cũ. Anh không mặc cảm gì nhiều trong việc phải kiếm sống bằng một nghề không cần đến kiến thức của một thầy giáo môn khoa học ở trung học. Đơn giản chỉ vì anh không muốn là đối tượng của những tình cảm uỷ mị và thương xót không tránh khỏi.

Cô gái hấp tấp xuống xe, Hùng nhận ra ngay Tuyết Hồng, học với anh liên tiếp hai năm cuối của trung học. Ngày các thầy giáo phải đi trình diện để học tập cải tạo, Hồng và những học sinh, phụ huynh trong thị xã hiếu kỳ nhưng bất lực chờ và nhìn mấy ông thầy cũ lên những chiếc GMC đậu dọc trước trường trung học thị xã.

- Thầy học tập về hồi nào, thầy? Trời ơi, thầy ốm đi nhiều quá, cô và mấy em bây giờ ra sao rồi thầy.

Hồng nói một hơi trong nước mắt. Hai thầy trò đưa nhau vào xe nước mía xộc xệch cạnh đó. Hồng hỏi chuyện, hết chuyện này đến

chuyện khác, thỉnh thoảng lại lấy khăn lau nước mắt, Hùng trả lời vừa đủ những câu hỏi của cô học trò, ngày trước dưới mái trường cũ mấy năm liền là phó lớp học tập. Cuối cùng, Hùng cười nói giễu:

- Thôi, không có gì phải khóc, nếu các em khóc mà tôi có đủ gạo để ăn thì tôi sẽ kêu học trò cũ có cảm tình với tôi, mỗi đứa khóc giùm một ngày.

Liên, cô hàng nước mía, cũng là học sinh cũ của trường, góp ý.

- Bây giờ ai cũng vậy hết chị ơi, khóc cũng không thay đổi được gì, chị đi học xa, ít về nên không biết, mấy thầy cô, dù còn đi dạy cũng phải kiếm gì bươi móc thêm mà sống, chớ lương giáo viên bây giờ, chỉ hơn một tuần là hết, dù là hà tiện hết mức, mấy tuần còn lại lấy gì mà sống. Cô Hoa dạy Lý ở trường cấp ba đó, ngoài giờ dạy ngồi bán thuốc lá ở ngoài chợ, hôm trước bị công an kinh tế lùa, chạy hàng không kịp, bị tụi nó lấy cụt hết vốn, còn lãnh thêm mấy dùi cui và nuôi muỗi ở công an Phường hết một đêm, hôm sau trường phải đến lãnh về để lên lớp...

Chiếc xe chót về Càng Long sắp chuyển bánh, Hồng phải lên xe, lại chảy nước mắt. Hùng lại nói diễu:

- Đừng lo, thầy chưa chết đâu! Thầy bói nói thầy sống tới chín mươi tám tuổi lận.

Xe từ từ rời bến, Hồng còn cố ngoảnh lại nhìn ông thầy cũ. Hùng ngao ngán cho hoàn cảnh trớ trêu này. Bây giờ, câu nói thường xuyên trên cửa miệng của Hùng là "kem, kem đây, kem Sa Đéc đây!" thay cho những cường độ dòng điện, độ lệch pha, sóng điện từ, những dao động, tần số, chu kỳ... Từ khá lâu, Hùng tránh con đường qua lại trước trường cũ. Kỷ niệm cũ ở đó nhiều quá, nhìn lại chỉ thấy lòng tê tái, bẽ bàng của kẻ bị bứng khỏi môi trường của mình.

Cuộc sống vẫn đòi con người phải cựa quậy. Những ngày nắng nóng rát mặt, áo đẫm mồ hôi, nhưng vui khi bán xong thùng kem, lời được gần hai chục đồng, mua một ít quà về cho hai thằng con, góp thêm ít tiền cho vợ đong gạo. Những bữa mưa dầm, ướt lem nhem, mặt méo xẹo, ôm thùng kem ế lỏng bỏng về nhà... hai đứa nhỏ vỗ tay mừng "hay quá, hôm nay còn kem!" Đàng nào, công việc của Hùng cũng mang niềm vui cho hai đứa con.

Hùng chuyển về bán ở bến đầu của mấy tuyến đường xe buýt, mong nhờ vào số lượng khách qua lại nhiều hơn ở bến xe. Trớ trêu thay, bến này nằm ngay tại cửa ty giáo dục của tỉnh. Những đồng nghiệp cũ có việc ra vào cơ quan; ai cũng ngại khi phải gặp anh. Thời gian đã trui rèn anh nhiều, tâm lý cũng chai lì đi, Hùng cứ tỉnh bơ như chưa từng là thầy giáo, có khi còn đùa cợt bằng cách mời họ ăn kem.

Chỉ cách đây hai năm thôi, ngay đầu năm học bảy lăm bảy sáu, Hùng ra vô cơ quan này gần như hàng ngày vì anh là tổ trưởng bộ môn anh dạy ở trường, có trách nhiệm phải coi lại bản đánh máy và vẽ hình trên stencil giáo án trước khi đưa in roneo để gửi cho giáo viên cùng bộ môn toàn tỉnh vì sách giáo khoa chưa in kịp. Tổ trưởng bộ môn toàn tỉnh là giáo viên chi viện từ ngoài Bắc, hồng hơn chuyên, hoàn toàn không biết gì về kỹ thuật in roneo. Bây giờ, Hùng tỉnh bơ tay dắt xe đạp, rê thùng kem, quanh chuyến xe buýt chờ giờ xuất phát, ngay trước cửa ty giáo dục, để kiếm sống. Thỉnh thoảng cũng có những bạn dạy chung trường cũ rủ uống cà phê, ngồi nói chuyện trời trăng mây nước, họ tế nhị không nhắc đến việc làm của Hùng bây giờ và ngày trước, anh cũng biết vậy và thông cảm cho họ. Ngẫm lại, không chừng bây giờ, anh lại là người hạnh phúc nhất, vì không còn bận tâm gì về giáo án, họp tổ, hoàn thành chỉ tiêu... Anh chỉ tiếc mình đã không còn cơ hội đứng trước học trò và bảng đen. Nhớ thì cũng nhớ đó, nhưng anh còn làm được gì?

Cho đến một hôm, anh Thanh làm trong phòng học vụ của Ty, rủ Hùng đi uống cà phê. Thanh ngày trước cũng làm việc văn phòng ở trường trung học, cho đến sau ngày giải phóng, chuyển về công tác ở Ty.

- Anh Hùng này, Thanh hắng giọng rào đón, tôi với anh quen biết nhau cũng lâu rồi, nói chuyện này, anh không thích cũng đừng giận tôi. Vì quí anh tôi mới nói với anh.

- Chuyện gì vậy?

- Việc anh bán cà rem ở trước cửa Ty đó mà! Anh nên tìm chỗ khác để bán, như vậy có lợi cho anh hơn, Thanh lúng túng nói.

- Sao vậy?- Hùng đột nhiên đổ quạu - tôi bán ngoài đường, bến xe, chớ có đụng gì đến ty đâu? Anh nói thử, đây là lệnh của ty hay là lời khuyên của anh? Tôi đâu còn là nhân viên của ty nữa mà ty ra lệnh cho tôi? Nhưng nếu là

lệnh thì tôi đi, còn lời khuyên thì...

- Tuỳ anh nghĩ sao cũng được - Thanh hạ giọng, gần như năn nỉ - anh nghe theo hay không thì tuỳ, tôi không có gì giúp được anh...

Sau hôm đó, Hùng nghĩ lại anh không có lý do gì để giận Thanh. Chắc có gì khó nên Thanh không tiện nói ra. Không giận bạn, nhưng anh lại tự đổ quạu với chính mình, anh bất giác chửi thề "Mẹ nó, đến bán cà rem cũng không yên thân." Anh lần xuống chợ, đám quản lý thị trường không cho. Mỗi lần công an càn, đám xe đạp ôm, buôn bán lẻ lề đường tháo chạy dễ dàng vì gọn nhẹ, dân bán kem như anh, với thùng kem nặng nề phía sau, lãnh đạn. Có lần, một anh bán kem cố chạy thoát thân với thùng kem nặng nề sau boọc- baga, mất thăng bằng, té dài trên đường, xe đạp đè lên người, đám công an xông tới, tịch thu xe và thùng kem, lạnh lùng trút hết ra đất; kem, nước đá tan chảy lầy nhầy trên đường, trước sự van xin mếu máo của nạn nhân và trước mặt bao người qua lại.

Tức mình, Hùng quyết định mang thùng kem của mình đến ngay lề đường trước cổng trường Hùng dạy ngày trước, mà cũng là đầu chợ, để bán. Đám học sinh mới sau này, số đông không biết Hùng là ai, ngạc nhiên khi thấy thầy cô đang dạy chúng, chào hỏi ông bán cà rem trước cổng trường, cả mấy bác lao công trong trường cũng vậy. Có người hỏi "Bộ thầy giáo không mắc cỡ khi bán cà rem ngay trước trường của mình à?" Anh cười trả lời:

- Bây giờ "mất dạy" rồi, không "bán" chữ nữa, thì bán cà rem. Có sao đâu!

Thật ra, trong thâm tâm, Hùng nghĩ, "người" đáng mắc cỡ là ty giáo dục, là chính quyền, anh không có gì phải mặc cảm trong chuyện này. Lâu dần, chuyện ông thầy giáo bán cà rem trước cổng trường của mình ngày trước cũng lan dần ra quần chúng, người ta nói về anh, cảm thông và cả thương hại anh...

Cho đến một ngày, chị Hương, một đồng nghiệp cũ, tìm gặp Hùng ngay trước cổng trường. Chị nói ngay vào vấn đề:

- Anh Hùng, năm nay con Kim Anh nhà tôi phải thi vào Đại học, nó nói ở trường chỉ dạy theo giáo án, nó không đủ sức, tụi nó chừng mười đứa muốn học thêm, hiện đã có thầy môn Toán và Hoá rồi, chỉ còn thiếu môn Lý, tụi nó nhờ tôi hỏi anh giúp, vì không tin vào mấy thầy cô trong trường. Anh giúp giùm cho tụi nó được không?

- Chị nói giỡn? - Hùng khôi hài - ai lại hỏi anh bán cà rem dạy học?

- Tôi nói nghiêm túc, trong trường hầu hết là giáo viên nâng cấp, dạy tụi nó không hiểu, nó muốn nhờ anh nên cậy tôi nói. Anh giúp giùm cho tụi nó, mà như vậy anh cũng đỡ cực. Quanh quẩn cũng chỉ là mấy cháu con công chức và thầy cô giáo cũ, anh không có gì phải ngại. Anh nhận lời là coi như anh giúp cho chúng tôi.

Không biết từ lúc nào, những từ nghe chói tai ngày trước cũng quen thuộc dần, người nói và nghe không còn thấy lạ và kỳ cục nữa. Hùng nghe trong lòng có chút "mát mẻ" vì tự ái được uống nước đường, cho dù đó là sự thật. Cuối cùng anh nói:

- Thôi được, chị nói Kim Anh đến gặp tôi, thầy trò tôi sẽ nói chuyện với nhau, hơn là nhờ chị nói đi nói lại.

- Như vậy cũng tốt thôi! Nghe anh nhận lời, tụi nhỏ chắc mừng lắm. Tụi nó kiếm anh ở đâu?

- Chị nói Kim Anh ra đây gặp tôi, đừng lại nhà vì tôi ít khi có mặt ở nhà lắm.

Hùng định bụng, anh sẽ đặt điều kiện cao khi nói chuyện với nhóm, vì trong lòng vẫn còn ấm ức khi bị loại ra khỏi trường học, phải kiếm sống nơi trường đời, nhưng khi gặp Kim Anh và vài bạn của nó, nhìn ánh mắt trong sáng của chúng, lòng anh bỗng chùng xuống, bao hình ảnh thân thương ngày nào còn đứng lớp vụt hiện về. Lòng nôn nao một cảm giác hoài niệm, anh thấy sự giận hờn chế độ, giận hờn cuộc đời của mình, như thể là một giận lẫy trẻ con vô lý. Học trò, muôn thủa vẫn là những mầm cây xanh cần vun bón. Một câu hát ngày xưa bỗng lướt nhanh qua "học sinh là người Tổ Quốc mong cho mai sau..." Tuy vậy, anh vẫn châm biếm do tính lạc quan trước mọi nghịch cảnh:

- Các em không ngại khi phải nhờ một anh bán cà rem dạy cho học à?

- Có gì mà sợ, thầy! Người ta không cho thầy dạy, chớ đâu phải thầy muốn vậy. Ba mẹ em nói, nhờ được thầy thì có thể yên tâm. Thầy Dũng dạy Hoá cũng giới thiệu thầy...

Chỉ hơn tháng sau, Hùng có thêm hai nhóm nữa, một do nhóm Kim Anh giới thiệu, một nhóm khác do phụ huynh tìm đến, Hùng chuyển nghề lần nữa, từ "bán" cà rem ngoài đường, thành "bán" chữ cho các nhóm luyện thi Đại học.

Houston, tháng 6 - 2005

Trong tiệm nail

TƯỞNGNHƯ HẠ

Giọng nói của chị Huệ có âm hưởng trọ trẹ, hay hay của miền Trung, xứ Quảng. Dáng vóc cao ráo. Nếu chia thân thể ra làm ba phần thì chị có một phần lưng và hai phần chiều dài từ eo trở xuống. Lối nhắm đo giản dị không cần dụng cụ, thước đo, chỉ cần liếc mắt một cái là chị sẽ được thầy bói xếp ngay vào tướng "trường túc bất chi lao"...

Chị Huệ có hàm răng rất đều và trắng. Nụ cười của chị rất tươi, hồn nhiên, mộc mạc. Không che giấu, làm điệu vì với âm thanh he he tự nhiên của tiếng cười, tự nó đã cho người nghe một cảm giác vui vui, thân thiện. Đôi mắt chị khi cười, nó nhỏ hẳn lại thành hai lá liễu thon dài và sắc. Tựu trung khuôn mặt của chị có nét dễ nhìn, dáng người cân đối, đẫy đà, làn da hơi ngăm ngăm vừa đủ để người ta cảm thấy ấm áp của tình người... cũng có thêm một quyến rũ ngầm nào đó.

Chị Huệ có mái tóc dài, dầy, đen nhánh hơi dợn sóng tự nhiên. Hôm nay chị cột mái tóc lên cao, mặc quần jean capri lơ lửng. Cái áo ngắn tay mầu hồng phấn, để lộ cánh tay trần phơn phớt nhẹ một lớp lông măng mầu nâu thẫm. Cổ áo hơi rộng, có điểm một đóa hoa bằng vải voile mỏng ở phía ngực bên trái. Trên gò má và môi của chị cũng đánh phơn phớt mầu cánh sen. Chân đi đôi giầy cao gót mầu xanh dương, khoe những ngón chân sơn hồng tươi thắm. Nước sơn hồng chói này những đứa con gái nhỏ rất thích. Hai ngón chân cái vẽ ba đóa hoa trắng năm cánh thật nổi, nhụy hoa lấp lánh. Nhìn kỹ hơn một chút người ta sẽ thấy vết nứt nẻ ở gót chân, làn da khô nhám vì không có thì giờ làm cho mịn màng hơn. Khác hẳn gót chân hồng của những khách hàng đã được chăm sóc kỹ lưỡng trước khi bước ra khỏi tiệm. Tất cả những cố gắng đỏm dáng của chị Huệ, người đàn bà đang bình thản bước vào tuổi bốn mươi...

Chị Huệ hay than thở về vòng số 3 hơi thiếu của chị. Có lần chị bỗng nhiên vỗ vào mông cô Annie, người Mỹ và nói là:

- Tui chỉ ước được cái mông tròn cong như cô, tròn thiệt là tròn, đó mới thiệt là hấp dẫn, cô chỉ tui cách nào làm cho mông nó to hơn đi.

Cô Annie cười đùa trả lời:

- Cái thiếu của chị nó ở đằng sau không quan trọng lắm! Vì người ta thích nhìn cái ở đằng trước hơn. Tôi lại mong được thêm một chút như vòng số 1 của chị. Chị Huệ có thể mua một cái quần lót có may độn cho mông cong hơn. Nếu chị thích cái mông cong mãi mãi, không phải tháo gỡ ra thì chị có thể đi bác sĩ giải phẫu độn mông như người ta độn ngực vậy!

Nghe thế, chị liền lắc đầu quầy quậy vì không muốn tốn tiền và sợ đau.

Quả thật chị có một vòng số một khá phát triển so với vòng số ba. Khi chị mặc chiếc áo cổ khoét sâu, chỉ cần chị có những động tác vô tình cúi lên xuống khi mang chậu nước để rửa

chân hay những động tác khi massage chân tay cho khách cũng đủ làm rung rinh đôi gò bồng đảo. Cái của trời cho khá đồ sộ ấy đã làm xốn xang bao nhiêu ánh mắt nhạy cảm rơi đúng vào cái rãnh sâu cứ vô tình nhấp nhô theo nhịp thở khi massage lên xuống...

Tiếng bà chủ vang vang từ phía trước tiệm vọng xuống:

- Chị Huệ làm lẹ lẹ đi, có thằng Henry sắp đến làm massage đó nghen!

Chị Huệ ngước lên nhìn bà chủ rồi đảo mắt ngó cô Mai, một đồng nghiệp cũng đang bận rộn với người khách. Chị Huệ hơi bĩu môi, rồi cúi xuống tiếp tục xoa bóp bắp chân của bà Mimi... Bà Mimi là khách quen của chị hai năm nay, lúc nào cũng tay xách nách mang, vì bà cần tất cả vật dụng cần thiết của riêng bà, từ bồn rửa chân đến chén nước để ngâm tay, cả dũa, kìm kéo, và luôn luôn đòi cho được chị Huệ chăm sóc tay chân cho bà. Nếu bất ngờ chị Huệ không có mặt ở tiệm, bà Mimi sẽ thở vắn than dài và lấy hẹn khác chờ chị trở lại...

Cái bĩu môi của chị Huệ có lý do, vì chị biết nếu có người khách nào ngon lành cho hậu hĩ tiền cò (tiền tips) hay có vẻ sạch sẽ, vì chân tay sạch sẽ làm dễ dàng không nấm mốc; thân thể không quá to béo nếu để massage, hoặc không có nước da đen như cột nhà cháy thì ưu tiên sẽ được dành cho chủ tiệm, bà con, sau đó sẽ theo thứ tự của nhân viên. Bài học này chị học được lần đầu tiên khi, người chủ cố ý để dành cho chị cái thằng Henry, là một người khách gần 300lbs. Khổ người Henry to lớn như lực sĩ sumo của Nhật, lớp mỡ dầy ở bụng, ngực và mông chẩy dài, đong đưa theo nhịp bước chân. Chị Huệ làm massage hết cả hơi sức cũng không biết hấn có bớt nhức mỏi hay không, chị nói là chị đã làm với lương tâm vì thằng Henry thật hiền lành, tội nghiệp, rồi từ đó Henry trở thành khách thường trực của chị...

Điều gì đã làm cho chị được khách hàng quen thương mến, luôn lấy hẹn, chung thủy với chị. Có lẽ nhờ dáng vẻ chất phác, hiền lành, hay hoặc vì cái tính chịu thương chịu khó, hy sinh của người đàn bà sinh ra trên xứ Quảng, nơi chị chỉ cần học vừa đủ để chăm lo cho con cái và gia đình yên ấm...

Có thể những yếu tố nho nhỏ đó gom lại đã làm người ta không thể ghét chị lâu hơn một hai ngày, vì cái vô tư, giận đó rồi quên đó của chị. Có những người trong tiệm dèm pha nói chị tham lam, chèn ép, dành dựt khách hàng của bạn đồng nghiệp. Hình như không ai thù ghét chị được lâu, vì chỉ ngay hôm sau hình như chị đã vô tâm quên mất chuyện của ngày hôm trước, lại tiếp tục hích hích, he he cười nói vui vẻ thăm hỏi như không có gì xẩy ra! Thật tội nghiệp cho đối phương (của chị) nếu kẻ đó lỡ "nhớ dai và khó tha thứ" vì những chuyện bực dọc cũ, họ sẽ tự tiếp tục đau khổ mà thôi.

Một ngày chủ nhật gió âm u, trời đang chuyển mưa, tiệm vắng hẳn khách. Trong tiệm người xem truyền hình, người nói chuyện, ăn uống, chờ giờ về. Chị Huệ, cắm cúi đọc tờ báo như đang đánh vần và bỗng nhiên chị cất cao giọng Quảng hơi the the của chị, kéo dài ê a như để cố học thuộc cho bằng được.

Anh Hùng, là người đàn ông độc nhất làm trong tiệm, có giọng Bắc rất êm ái, ngọt ngào. Sau khi nghe chị Huệ ngâm nga ba bốn lần mà vẫn không thuộc câu nói giản dị kia, vì hễ vừa xếp cuốn báo lại thì chị đọc lộn tùng phèo câu nọ xọ câu kia, nghe thật chướng tai. Ấm ức mãi nên anh Hùng phải đằng hắng trước khi cất giọng:

- Bà Huệ à! Bà không biết người ta nói "cái đồ" là cái gì hay sao mà bà đọc to thế!

Thế là cả bọn nói giọng Bắc lẫn giọng Nam cười rú lên, trừ chị Huệ ngẩn tò te, cười he he vì không biết bị chọc quê, hồn nhiên cất giọng Quảng trong trẻo, hỏi lại:

- Anh Hùng biết thì nói cho tui nghe tại sao gọi là "Đồ Sơn", vì "đồ cũ" thì tui biết là cái đồ xài rồi, còn "đồ nhà" là cái gì? Lần thứ nhất tui đọc được câu này đó nghen!

Lúc nẫy anh Hùng bực mình đảo lên xuống vài vòng, vì phải nghe lải nhải cái câu vớ vẩn kia nhiều lần. Bây giờ chị Huệ vì tò mò hỏi lại cho rõ, làm anh ta đỏ mặt tía tai, bàn tay vung vẩy, chỉ lung tung:

- Thì bà hỏi bà Mai, bà Hiền đi. Bà nào cũng có cái đó hết mà!

Chị Huệ có những lúc ngây thơ đáng yêu như vậy! Hình như chị đang bắt đầu bị ảnh hưởng lên xuống của kích thích tố trong người, nên chị cũng dễ vui buồn bất chợt hơn trước. Mỗi khi nghe đồng nghiệp ganh tị, nói xiên xéo, vì nếu tính tiền sơ sơ một ngày chị Huệ làm massage nhiều hơn số tiền làm chân tay cho khách hàng của họ. Thế nào chị cũng sẽ nói

xéo lại câu muôn thuở, tỏ vẻ không vui:

- Làm "mét-xa" cũng mệt hết hơi sức, chứ không có ai tự dưng mà cho tiền ai đâu.

Đặc biệt có một lần độc nhất chị nhỏ nhẹ tâm tình thay vì nói xéo lại:

- Ba năm trước mới sang Mỹ hai vợ chồng tui đi làm hãng, rồi hãng đóng cửa tui phải học nail, mới có tiền nuôi con cái. Bây giờ có chút ít tiền mới mua được cái nhà, mua được cái xe cho tui (Lexus V6 mới tinh). Tui đi làm sáu ngày chỉ nghỉ một ngày thứ hai, về nhà phải giặt giũ, nấu nướng cho chồng con. Nếu có một lương không thể nào sống được như bây giờ... tui khổ lắm mà không ai biết được. Tiền mét-xa tuy có hơn tiền làm chân tay nước nhưng mệt lắm, nếu gặp người khách vừa phải, dễ tính cũng đỡ khổ, có khi gặp người mập to, quá khổ, hoặc là người nào da dẻ chắc nịch thì phải mét-xa hết sức, khách mới thấy phê, nếu khách không đã sẽ không trở lại nữa.

Nói xong chị cầm cellphone đi xuống phòng ăn, lấy một ly nước lạnh, dường như không nghe câu hỏi bất ngờ:

- Chị Huệ làm massage trong phòng có bị người nào dê không?

Khách hàng quen yêu cầu chị làm massage có đủ loại người, già trẻ, nam nữ... Người thì nhức mỏi hay bị đau lưng, trật khớp. Có người khách cho "tiền cò" hậu hĩ làm chị rất hớn hở, khi có người khách quên không gửi "tiền tê" (tip) làm chị buồn xo ra mặt.

Một ngày kia, con nhỏ Maria người Mễ được nhận để làm chân tay nước và massage. Chị có vẻ không vui vì con Maria vừa ăn mặc trẻ trung, hở lưng, hở bụng, lại nói tiếng Mỹ rất thạo. Bà chủ cố gắng chia đều khách massage cho hai người thợ. Một lần Maria

THƯỜNG QUÁN

Tưởng Niệm Thi Sĩ Thanh Tâm Tuyền

Một tiếng còi xe
vang
di chân chạy thấp bầu trời
sáng
Sáng. Đã sáng

Dưới bầu quang người đi quá giang
đứng chờ một cuốc khác thực vắng

Xa một hành lang lầu đá ong đen
kèn đục tiếng trong xoay trở rặng bạch dương

trăng cũng đục vàng như thềm đá
mây chực đập

giật giành cửa với tóc

Tiếng - bỏ lại chỉ tiếc sách
rồi vài khuôn mặt

Tiếng ậm ờ đứa con nằm nôi
đẹp bầu ngực đang làm sữa
trũng thấp sẫm

ngày sẽ có nắng muộn
tiếng ho trưa khan quíu
cỏ tranh mắt thú hoẳng hoảng hốt

Tiếng nữa - sữa từ máu, biển từ muối
căn nhà chực ngã vào bọt sóng

Sóng

Đã hở rầm trần bao nhiêu mây vần vụ
ngoài cơi hiên
treo nắng

chiếc áo len
ran xanh
tất cả hai mươi

24/3/2006

từ trong phòng massage chạy ra, mặt mày không vui, cằn nhằn:

- Ông khách này kỳ cục quá, hắn đòi tôi massage thêm phần mông của hắn, rồi lại tự nằm ngửa lại; lấy tay tôi đụng vào cái kia của ông ấy đang sẵn sàng và nói sẽ cho tôi nhiều tip. Tôi từ chối và không chịu chiều theo ý của ông ta. Ông ta nói là cô Huệ vẫn làm như vậy cho ông ấy có sao đâu! Lần sau tôi sẽ không nhận làm massage cho ông ta nữa.

Cô Huệ không biết Maria nói điều đó vì cô Huệ cũng bận massage cho ông John ở phòng khác. Ông John là khách quen của cô Huệ, khoảng hơn sáu mươi. Ông không bao giờ lấy hẹn, có khi bất chợt ông đến đòi cô Huệ massage cho bằng được. Có lúc ông ngồi chờ cả giờ, có khi ông về ngay. Mỗi lần massage xong ông, khuôn mặt ông hồng hào, tươi tắn. Ông hay đeo kính mát và ít nhìn mọi người, nhưng luôn tận tay mang tiền tip cho cô Huệ và nhỏ nhẹ nói lời cám ơn.

Một đôi lần mọi người tụ họp nói chuyện vì vắng khách và bà chủ đi vắng. Anh Hùng kể lại những éo le của người làm massage khi gặp đủ loại người khác nhau. Có ông hành nghề massage bị cô khách trẻ kiện vì massage hơi kỹ ở vùng địa đàng. Ngược lại có ông khách khi được massage quá sung sức, lại đề nghị được đặc biệt hơn nữa vì không chịu nổi sự vùng dậy, khởi nghĩa của phần thân thể khó kiểm soát kia... Còn một anh chàng trong lúc làm massage, không biết anh làm thế nào, mà bà khách chợt thấy xuân tình lên cao độ, chụp ngay vào phần quí báu làm anh ta giật mình, nhưng anh lễ phép từ chối lấy cớ anh đã có bạn trai. Từ những câu nói thân mật và những món tiền tips hậu hĩ sẽ dần dần đưa tới những cám dỗ khác. Maria còn trẻ mới vào nghề, nó la hoảng phản đối một lần nhưng không đầy hai tuần sau, chính ông khách đó lại yêu cầu Maria làm massage, và nó không từ chối được. Từ đó Maria không hề than phiền về một người khách nào khác nữa vì cô đã hiểu tại sao cô Huệ không trả lời câu hỏi liên quan đến việc massage...

Trong phòng massage đóng kín, chỉ có tiếng nhạc, tiếng sáo, tiếng suối, tiếng nước róc rách, tiếng sóng biển... Ngần ấy tiếng động nhẹ nhàng, êm ái cộng thêm bàn tay ấm áp điêu luyện của người làm massage đang di chuyển trên thân thể, giúp thư dãn từng thớ thịt, làm thần kinh bớt căng thẳng. Mọi chuyện đều dễ dàng quên đi trong chốc lát. Có người khách ngủ ngon lành. Có người khách đòi massage thật mạnh như ngắt véo. Có người muốn nhẹ nhàng như được vuốt ve... Lâu lâu Maria lại lén nhìn khuôn mặt của cô Huệ từ phòng massage bước ra, hai gò má ửng hồng, có lúc như ngại ngùng từ khi biết Maria đã từng massage cho người khách đặc biệt đó, và tiền tip lúc nào cũng là tờ giấy hai chục cùng lời cám ơn dịu dàng. Cũng có những người khách cám ơn thành thật ân cần vì không còn đau lưng hay nhức mỏi chân tay.

Người đàn bà có tên của loài hoa trắng vẫn tỏ vẻ ngại ngùng khi thấy những cảnh yêu đương quá táo bạo trên đài truyền hình. Nhưng trong căn phòng massage đó ai biết được cái mãnh lực của đồng tiền đã làm thay đổi con người, cả quan niệm sống. Cái lối suy nghĩ thật giản dị mộc mạc, nếu không nói cũng chẳng ai biết! Chị Huệ đã dành trọn tiền tips do khách massage cho để giúp cha mẹ và anh chị ở Việt Nam. Cái tâm hồn cần trong trắng như hoa huệ hay phần thể xác phải giữ gìn mới là đáng quí?

Ngày đầu tháng 12, 2005

Tác phẩm của ***Thu Tứ:***

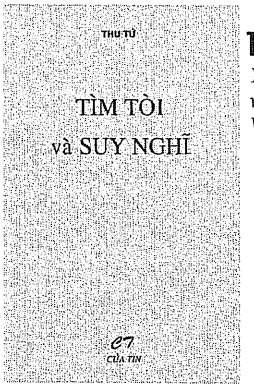

TÌM TÔI VÀ SUY NGHĨ
Ý kiến mới lạ về nhiều vấn đề căn bản.
Văn phong nhẹ nhàng, thoải mái

THƠ VĂN
(mới phát hành)
Nội dung phong phú, độc đáo
Hình thức đa dạng

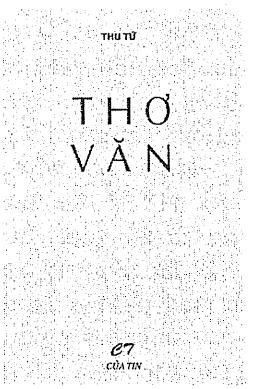

Có bán ở các tiệm sách. Nếu muốn mua qua bưu điện, xin liên lạc với nhà xuất bản tại **thucuatin@yahoo.com**

Qua Cầu

TRẦN YÊN HÒA

Việc đời ai có qua cầu mới hay!

Thạnh đến sở tư pháp để làm hôn thú kết hôn với Nguyệt Nga. Anh quyết định cưới Nguyệt Nga chứ không để Nguyệt Nga vuột mất khỏi tầm tay, như Lục Vân Tiên vuột Nguyệt Nga trong truyện của cụ Nguyễn Đình Chiểu. Lục Vân Tiên gặp Nguyệt Nga giữa đường khi cô tiểu thư lâm nạn. Còn Thạnh gặp Nguyệt Nga qua lời giới thiệu của chị Hồng Vân.

Thấy Thạnh sống lơ ngơ ở bên Mỹ một mình, cô đơn côi cút, chị Hồng Vân đề nghị, Thạnh nên lấy vợ đi, ở đất Mỹ này đàn ông không có đàn bà làm sao sống nổi. Thạnh cười lạt, có đàn bà thêm rắc rối chứ có ích gì, như chị đó, chị mở máy nói cả ngày khiến anh Toàn phải đi làm suốt, để tránh cái loa của chị. Chị Hồng Vân nguýt dài, đừng vu oan giá họa cho tôi, không có tôi một ngày là tay Toàn đứng ngồi không yên. Thạnh hỏi lại, vậy chị chọn cô nào cho em đây? Chị Vân thấy Thạnh đã "chịu đèn" nên mở máy quảng cáo, tôi có cô em gái con dì, xinh xắn dễ thương đáo để, nếu em thích thì chị giới thiệu cho, con bé khá, hiền lành, nết na. Thạnh hỏi lại, cô ấy bao nhiêu tuổi? Ba mươi. Sao đến những ba mươi? Ai cũng bảo, Việt kiều về nước lấy vợ mười chín, hai mươi. Chị Hồng Vân chu mỏ, cậu muốn lấy mười chín, hai mươi, để qua Mỹ nó bỏ cậu à, để cậu ca bài ca, anh đã lầm đưa em sang đây, hở? Chị Hồng Vân nói tiếp, cậu nên lấy cỡ trên ba mươi là vừa. Mà cậu còn trẻ trung gì cho cam. Già chát mà ham! Rồi chị làm ra vẻ kinh nghiệm, lấy vợ chỉ cần đẹp nết, em à. Thạnh suy nghĩ, chị Vân nói cũng có lý. Mình chỉ cần một người đàn bà đẹp nết để xoa dịu nỗi cô đơn.

Thế là Thạnh quen được với Nguyệt Nga, không qua con đường cứu nạn Nguyệt Nga như Lục Vân Tiên. Và Nguyệt Nga không là con nhà quan mà con nhà dân dã, cha mẹ em thích đọc thơ cụ Đồ Chiểu nên đặt tên con như thế. Em ở tại Gò Công, một xứ anh chỉ nghe trong sách địa lý.

Qua bao chặng đường, Thạnh trở về đây. Mọi chuyện cũng xong và bây giờ thì anh hăm hở đèo Nguyệt Nga trên chiếc xe Attila đến Sở Tư Pháp.

Nguyệt Nga ngồi sau yên xe, chiếc xe nhổng đít như con bọ ngựa. Một kiểu sáng chế mới của Đài Loan. Bây giờ mốt Đài Loan, Hàn quốc là mốt thời trang nhất. Mấy cô người mẫu, ca sĩ, vũ nữ, sinh viên, học sinh, thiếu phụ xuân tình, đều coi mốt Đài Loan, Hàn quốc là mốt thời thượng. Nguyệt Nga cũng ở trong số ấy, dù cô hiền hơn một chút, nhưng trang phục, xe xịn, vóc dáng đẹp, con gái ai mà không ham.

Nguyệt Nga ngồi sau xe chồm người lên nói:

"Em hỏi chị Mận ở sở Tư Pháp rồi, chị nói mình nộp hồ sơ xong đợi khoảng hai mươi ngày là ra lấy giấy kết hôn, dễ ợt anh à, mình cưới thật chứ có cưới giả đâu."

Thạnh hỏi lại:

"Sao lại có cưới giả?"

"Có chứ anh, mấy bà ở bên này dư tiền thừa bạc, muốn xuất cảnh sang Mỹ thì tìm một ông Việt kiều nào đó, chịu làm hôn thú, làm vợ chồng, cũng ra sở tư pháp kết hôn, rồi làm hồ sơ xuất cảnh cùng chồng."

Anh thốt lên:

"À ra thế."

Anh định nói một câu gì trong cái ý nghĩ mơ hồ của anh, "vậy em với anh là thực hay giả đây?" nhưng anh kịp dừng lại. Quen nhau bốn năm, về gặp nhau hai lần, mỗi lần nửa tháng, mà Nguyệt Nga ở tận Gò Công, cô lên Sài Gòn

buổi sáng, buổi tối phải về. Anh chưa tìm hiểu sâu về cô gái, nhưng anh dự tưởng trong mơ hồ, cô gái có ý muốn lấy chồng và yêu anh. Chuyện lấy chồng nặng hơn chuyện đi Mỹ vì anh đã qua mấy lần thử thách. Nàng hiền hơn anh tưởng. Khi yêu, ai cũng chủ quan.

Thạnh cho xe chạy chậm và tách lên lề, ba chữ Sở Tư Pháp được kẻ bằng chữ đỏ. Anh dựng xe. Nắng bắt đầu chói chang trên đầu, chín giờ sáng. Mùa hè đã đi qua, bây giờ là mùa thu mà nắng vẫn còn gay gắt. Mồ hôi bắt đầu đổ ra trên lưng áo. Thạnh ngó vào bên trong, người dân đến liên lạc làm việc với Sở Tư Pháp đông quá, họ ngồi trên những cái ghế nhựa màu đỏ, có người ngồi bệt xuống thềm xi măng. Không ai mang giày. Mọi người đi dép, một số đi chân trần.

Nguyệt Nga chỉ Thạnh ngồi vào cái ghế đá đặt trong phòng chờ đợi. Thạnh như người khách, anh lơ ngơ. Có lẽ cái nếp sinh hoạt của anh cũng đã quen với nếp sinh hoạt ở Mỹ nên mọi chuyện chờ đợi, ngồi sắp hàng dài ở đây khiến anh lạ. Anh tự nhủ, dù gì cũng phải bước qua cửa ải này, nhập gia tùy tục. Anh ngồi trên ghế đá đợi Nguyệt Nga đon đả xách tập đơn bước vào phòng "Nhận Và Trả Hồ Sơ" đăng ký kết hôn.

Thạnh nhìn quanh quất căn phòng. Trên tường có một bản hướng dẫn về việc đăng ký kết hôn với người nước ngoài. Anh chợt thấy vui vui vì mình bây giờ là người Mỹ chứ không còn là người Việt nữa. "Người Nước Ngoài" nhưng anh không có một tên Mỹ là Jack hay Jean đính kèm, anh vẫn giữ dòng họ Việt Nam của anh, anh muốn thấm tên họ mình vào đất nước nghèo khổ cùng khốn này.

Nguyệt Nga bước ra khỏi cánh cửa phòng nhận hồ sơ. Cô đến bên anh nói vội vã:

"Anh vào trong phòng chút, cô nhân viên nhận hồ sơ muốn gặp anh để hỏi chuyện."

Thạnh bước vào. Căn phòng chật với những cái bàn kê sát nhau. Không ai nhìn anh, đôi mắt cô nào cũng cau lại nhìn xuống mặt bàn, trên đó có để sẵn một tập giấy. Anh nghĩ, tại sao trời đất sinh ra người con gái có đôi mắt đẹp thế kia mà không biết xử dụng nó như một làn nước mát, để dội vào lòng người cái cảm giác thanh thản bình yên trong lúc chờ đợi? Mà đôi mắt nào cũng cụp xuống. Anh tự động ngồi vào chiếc ghế trống. Người nhân viên đang cúi đầu trên những trang hồ sơ của anh và Nguyệt Nga đã làm. Nguyệt Nga ngồi ghế bên kia, gương mặt cô căng ra trông rất lo lắng, tội nghiệp. Nguyệt Nga thấy anh đổ mồ hôi dòng dòng trên khuôn mặt, liền hỏi:

"Trời nóng quá phải không anh?"

"Nóng, nhưng không sao."

"Anh ráng ngồi đợi chút. chắc cũng xong sớm thôi."

Cô gái nhân viên, ngước mắt lên:

"Anh là Thạnh."

"Dạ."

Đôi mắt đó vẫn không cười, cô nói như người vừa lập một chiến công khi đã tìm ra những thiếu sót của tập hồ sơ:

"Hồ sơ của anh nộp còn sai và thiếu rất nhiều. Anh phải đi lấy giấy sức khoẻ ở bệnh viện tâm thần, dịch và công chứng bản li dị, khai lý lịch cá nhân rõ ràng hơn. Công chứng bản visa và passport."

Cô nhân viên trả lại hồ sơ cho Nguyệt Nga, vẫn nét mặt nghiêm và lạnh, vẫn không có nụ cười.

Những người đến đây nộp đơn toàn là những chuyện thất lạc giấy tờ vì chiến tranh, như mất khai sinh, giá thú... những chuyện thật não lòng. Khi nãy, trong lúc ngồi đợi ngoài ghế đá, anh thấy chuyện người thương binh đến xin điều chỉnh lại cái tên... cũng đáng cười ra nước mắt. Tên anh là Nguyễn Bửu, đi du kích xã hồi chiến tranh. Khi anh bị thương trong một trận đánh, anh bị cụt một chân, khi ra viện, cầm cái giấy xuất viện là thương binh loại 4 tên Huỳnh Tình. Sao lại có tên Huỳnh Tình, anh không biết nữa nhưng anh không hỏi. Anh nghĩ thôi thì tên của cách mạng cho thế nào cũng được. Sau ba mươi tháng tư, anh làm hồ sơ ăn lương thương binh cũng bằng tên Huỳnh Tình. Đến bây giờ đất vườn anh bị quy hoạch, anh làm đơn xin tiền bồi thường nhưng với cái tên Huỳnh Tình đâu có dính dáng gì đến cái họ Nguyễn trong giấy tờ ruộng đất của anh. Anh đã đi gõ cửa nhiều nơi nhưng ai cũng lắc đầu. Anh đến sở Tư Pháp với tập đơn dày. Cô trưởng phòng xem tập hồ sơ rồi nói:

"Anh tìm đến đơn vị cũ của anh, nơi anh nằm viện để xác nhận anh là Nguyễn Bửu chứ không phải là Huỳnh Tình, thì ở đây mới có cơ sở để thay đổi tên họ cho anh được."

Người thương binh hớt hải:

"Nhưng mà đơn vị của tôi đã giải thể từ sau năm 1975."

"Chuyện đó là chuyện của anh, tôi không biết."

Người thương binh chống nạn thất thểu đi ra khỏi phòng.

Nghĩ đến chuyện này, Thạnh tự nhủ:

"Cũng còn nhiều người ức hơn bò đá, chuyện của ta thì có sá gì."

Trời mưa. Thành phố tháng chín có những cơn mưa giông. Mưa giăng giăng trên lối đi, mưa nhạt nhòa cả khung trời mù đục. Mưa làm những quãng đường mới đắp trở nên sình lầy nhớp nhúa. Con đường từ thành phố lên bệnh viện tâm thần mười cây số. Dù đã làm tờ chứng nhận không bị bệnh tâm thần ở Mỹ rồi, nhưng anh vẫn theo lời cô thư ký: "Anh nên lên bệnh viện tâm thần xác nhận lại tình trạng của anh."

Chỉ câu nói nhỏ nhẹ đó mà chiều nay anh vội vã lên xe, chở Nguyệt Nga băng băng dưới mưa, chạy trên mười cây số để đến xin chữ ký của bác sĩ, xác nhận anh không bị tâm thần, an nhiên được phép cưới vợ.

Gần bốn giờ, trời mưa nhỏ hạt, Thạnh đã tới bệnh viện. Anh cho xe chạy vào chỗ gởi xe. Người nhân viên nói:

"Anh vào chứng nhận tâm thần để làm hôn thú phải không? Nếu đúng vậy anh có ảnh chưa?"

"Đúng rồi, nhưng tôi chưa có ảnh."

"Vậy thì anh đi chụp ảnh đi."

Thạnh lại cám ơn người nhân viên và quày quả chạy xe ra, anh nói với Nguyệt Nga:

"Ở đây có tiệm chụp hình không?"

"Em cũng không biết, nhưng cứ đi dọc theo đường này chắc có."

Thạnh cho xe chạy quanh lại con đường cũ, những quán nhậu, thịt chó, bê thui, dê, ếch, gà, vịt, dê, bò, đủ cả. Sao kiếm một tiệm chụp hình khó khăn như thế này. Đi một đoạn xa cũng dễ chừng mấy cây số, mới nhìn ra một hàng chữ "chụp hình lấy liền, 5 phút, bằng máy kỹ thuật số." Anh chạy xe vào. Ngồi, chải đầu sơ sịa. Người đàn bà cầm cái máy chụp hình nhỏ, nói, anh ngồi yên, tôi chụp đây, rồi bấm máy. Mười phút sau anh cầm hai tấm hình đi ra.

Còn mười phút nữa là hết giờ làm việc, anh chạy xe vội vã, những chiếc xe ngược chiều không nhường đường cho anh quẹo vào nhà thương, anh phải dừng lại hai ba chặng. Cuối cùng rồi anh cũng tới nơi. Người gác cổng phất tay bảo, gần hết giờ làm việc, anh chị chạy xe luôn vào trong, một chốc ra trả tiền gởi xe cũng được. Thạnh nói cám ơn.

Còn năm phút, người thư ký vội vã làm thủ tục. Xong đưa anh xuống phòng bác sĩ tâm thần, Những câu hỏi lặp lại, Anh ở đâu? Anh làm gì? Quê quán, ngày tháng năm sinh, địa chỉ hiện tại. Ký tên, đóng dấu. Lại đem vào phòng thư ký. Đóng tiền. Rồi cô thư ký dắt anh vào phòng riêng, cô nói: Xin anh tiền ủng hộ bệnh viện. Anh móc túi. Cô thư ký bỏ tiền vào bóp, anh không nhận được biên lai.

Sáng hôm sau Thạnh và Nguyệt Nga trở lại Sở Tư Pháp. Mới tám giờ mà dân chúng đã đến chầu chực bên ngoài rất đông. Không biết những oan khiên nào để người dân phải tới nơi này để tìm lẽ phải. Nguyệt Nga bảo Thạnh ngồi xuống chiếc ghế trống, cô luồng lách qua đám người lố nhố. Miệng cô lúc nào cũng cười với mọi người vì biết mình làm như thế này là không phải. Xin lỗi, cho tôi vào trong trước một chút. Có tiếng nói trổng không. Đến sau mà chen lấn. Nguyệt Nga cố như không nghe tiếng nói đó. Cô cầm tập hồ sơ trong có bản ly dị của Thạnh và người vợ cũ bằng tiếng Anh. Xin cô dịch và công chứng bản li dị. Người thư ký cầm lên và đọc săm soi. Sao ai cũng săm soi như là muốn tìm ra trong đó có cái gì giả không. Giả? Đời nay có nhiều chuyện giả quá nên giả thật khôn lường. Cô thư ký đọc một đoạn rồi ngước lên nhìn Nguyệt Nga, nét mặt thật nghiêm trang. Cái chữ này trong bản li dị có sửa. Sao không đóng dấu đỏ vào, chị gởi về Mỹ xin con dấu đỏ. Có dấu đỏ ở đây mới thông dịch được. Nguyệt Nga ngớ người. Gởi về Mỹ? Trời đất. Nguyệt Nga bương bã cầm tập hồ sơ đi ra ngoài, đến chỗ của Thạnh. Nguyệt Nga nói, họ bảo anh gởi về Mỹ đóng dấu đỏ vào chỗ sửa này. Thạnh cũng ngớ ra. Gởi về Mỹ? Bao giờ mới tới, mà gởi cho ai? Hay là mình phải về lại bên đó?

Thạnh chở Nguyệt Nga trên xe và lòng thật buồn bã. Anh đề nghị:

"Hay mình tới phòng công chứng trên Sài Gòn thử coi."

Nguyệt Nga đồng tình:

"Đúng đó anh, trên Sài Gòn chắc là họ dễ dàng hơn."

Hai người về nhà thu xếp rồi thẳng đường Sài Gòn trực chỉ.

Sài Gòn, anh đã tới, anh đã đến và đi. Nhiều lần. Nhưng lần này anh mới quan sát tầm vóc của Sài Gòn. Sài gòn đã có 12 quận nội thành và những huyện ngoại thành. Gộp chung đặt

thanh tâm tuyền

vang vang trời vào xuân

Mặt trời hồng như trăng
Thức lòng ta buổi sớm
Gió núi thổi rộn ràng
Gọi nghe biển dậy sóng

Đứng vững không khuỵu chân
Trên mảnh đất nghèo khổ
Thở hít tận vô cùng
Ngây say đóa hồng rợ

Vang vang trời vào xuân
Ta bật kêu mừng rỡ
Ơi bạn bè xa xăm
Tim ta cũng cháy đỏ
Rực thắm bóng trăng ngàn.

tên là thành phố... Dù sao Sài Gòn với anh cũng quá nhiều kỷ niệm, kỷ niệm thời sinh viên, kỷ niệm thời đi dạy kèm tư gia, kỷ niệm thời trở về từ trại tập trung sống cù bơ cù bất.

Bây giờ anh trở về, Sài Gòn có vẻ như nóng hơn, người đông đúc hơn, xe cộ nhiều hơn. Nhà cao tầng được xây lên nghểu nghệnh, đường mới mở cũng nhiều nhưng số dân từ các xứ khác tấp vào đây quá tải, nên số đường sá không đủ sức chứa cho người đi lại. Anh nhìn những tấm bảng, những tên đường, tên của người đâu đâu, không thấm vào trí nhớ anh một nhân vật nào trong lịch sử mà anh đã biết.

Nguyệt Nga ngồi phía sau xe, cô nói chuyện như một con chim mới tập hót. Những chuyện khó khăn trong việc xin giấy tờ với cô là chuyện bình thường. Tất cả là bình thường, như sự cặm cụi làm việc, suốt ngày dang nắng dầm mưa mà kiếm chỉ được mấy chục ngàn đồng. Những gương mặt lạnh của người thư ký, người trưởng phòng, những cảnh đợi chờ chầu chực, những gương mặt nông dân ngơ ngác, người thương binh chống nạn bước ra khỏi văn phòng. Không một ai ngậm ngùi. Tất cả đều lạnh lùng vô tư, đó là cuộc sống đã định sẵn.

Xe chạy đến Sài Gòn thì trời cũng quá trưa. Thạnh cho xe chạy thẳng tới phòng công chứng.

Người thư ký ở đây có nụ cười vui. Anh đặt hồ sơ vào khay nhận. Cũng đông người quá đỗi, nhưng anh được nhận đơn một cách lẹ làng. Một trăm chín chục ngàn đồng, đợi một tuần sau đến lấy.

Trời nắng chói. Chói thẳng vào ót phía sau. Nguyệt Nga nói:

"Anh đeo khẩu trang và bao tay vào kẻo một tuần sau là hết mã Việt kiều đấy."

Lần này, theo giấy hẹn, anh đèo Nguyệt Nga lại đến sở Tư Pháp. Đây là lần thứ tám nên anh coi như quen với những sinh hoạt ở đây. Những gương mặt lạnh anh cũng quen luôn, không áy náy bứt rứt như lúc ban đầu. Anh vẫn đến ngồi trên cái ghế đá của phòng chính giữa. Nguyệt Nga cầm cái giấy hẹn bước vội vã vào phòng trong, một chốc cô trở ra nói với Thạnh:

"Chín giờ trở lại, cô thư ký bảo trở lại đóng năm trăm ngàn và làm lễ cấp phát giấy hôn thú tập thể."

"Em nói sao?"

"Thì sẽ lên hội trường trên lầu, để lãnh đạo phòng tư pháp làm lễ ký và nhận hôn thú tập thể. Hình như đến năm cặp vợ chồng lận."

Thạnh suýt bật cười vì anh liên tưởng đến những đám cưới tập thể mà anh đã đọc ở đâu đó, trong những quyển sách của các nhà văn xã hội chủ nghĩa. Nhưng thôi, muốn cưới vợ thì phải chấp nhận nhiều điều.

Thạnh ngồi đọc hết những trang báo Phụ Nữ, Công An, Thanh Niên mà vẫn chưa thấy động tĩnh gì, đồng hồ nhảy từng phút chậm chạp. Cán bộ tham ô hủ hoá, Vụ án dầu khí, các cậu ấm đua xe gây tử thương, trận bão số 8, Duyên dáng Việt Nam đi Úc. Anh bỏ tờ báo và nhìn chung quanh.

Mấy cặp trai gái, đàn ông, đàn bà đi vào.

Cô gái có bầu bận cái rốp rộng thùng thình đi với một người Đài Loan trung niên. Một cô gái trẻ, chân dài, đôi mắt lớn, đi với một người Đài Loan trẻ hơn. Một cô gái có gương mặt non choẹt, nước da nhợt nhạt ngồi với một người Hàn quốc. Thạnh nghĩ ra, thì ra hôm nay anh cũng đến đây với danh hiệu *người nước ngoài* như những người kia, để cưới vợ Việt Nam.

Chuyện đàn ông Đài Loan và Hàn quốc qua đây tìm vợ anh đã từng nghe trên báo chí, trên radio, trên truyền hình. Những băng ghi hình phỏng vấn những người con gái lấy chồng Đài Loan bị ngược đãi là một đề tài lớn. Dù vậy, hôm nay anh chứng kiến những cô gái lấy chồng Đài Loan, anh cũng thấy nao nao trong lòng, cô nào cũng nhỏ tuổi hơn Nguyệt Nga. Nguyệt Nga lấy anh vì tình yêu và anh là Việt kiều Mỹ, còn những người kia là Đài Loan họ lấy nhau vì cái gì đây?

Đợi đến khoảng hơn một tiếng, một người đàn ông từ trong phòng tư pháp đi ra, ôm cái tập giấy xanh, ông nhìn toán người ngồi trên các băng ghế rồi lên tiếng:

"Xin mời các anh chị lên hội trường ký nhận bản Chứng Nhận Kết Hôn."

Người cán bộ ôm xấp hồ sơ đi lên lầu, các cặp vợ chồng lần lượt theo sau.

Hội trường là một căn phòng rộng được trang hoàng bằng những tấm vải đỏ. Khung vải đỏ, khẩu hiệu đỏ, rèm che đỏ, lá cờ đỏ. Không biết ý nghĩa của màu đỏ là gì? Chắc là sự kết hôn, đám cưới, tượng trưng cho pháo đỏ rượu hồng hay là màu đỏ là màu của chế độ. Thạnh vẫn thấy rờn rợn với những hình ảnh của những ngày tháng cũ, những ngày ở trại tập trung với màu lá cờ đỏ chói trong những cuộc ra quân lao động. Những cuộc ra quân đã vắt kiệt sức nhựa sống của tuổi thanh niên, mầm sống của anh. Bây giờ nhìn thấy màu đỏ, tự dưng anh lại rùng mình.

Tất cả có năm cặp kết hôn, một với Hàn quốc, ba Đài Loan, một Mỹ.

Ba cô gái lấy Đài Loan nhìn cô nào cũng mặt mày tươi tỉnh, bình yên. Không biết những nỗi bất hạnh nào sẽ ập vào cuộc đời các cô, nhưng bây giờ trên những gương mặt ấy là niềm vui và chứa chan hy vọng. Thạnh đã nghe nhiều chuyện nói về vấn nạn con gái Việt Nam lấy chồng Đài Loan nhưng nhìn trên những khuôn mặt này, anh thấy không có nét lo âu mà là rạng rỡ. Phải chăng mảnh đời ở quê của các cô đã quá cùng cực, quá khốn nạn, nên con đường lấy chồng xa là cách giải quyết duy nhất để đưa đến no đủ, hạnh phúc cho gia đình?

Khi mọi người đã ngồi yên vị từng cặp, người đàn ông ôm tập hồ sơ để trên bục gỗ, rồi gõ tay vào micro, cất tiếng:

"Xin chào các anh chị có mặt trong hội trường hôm nay. Chúng tôi đại diện cho sở Tư Pháp TG, hôm nay mời các anh chị đến đây để tuyên bố việc hồ sơ kết hôn của các anh chị đã có kết quả và các anh chị sẽ được nhận Giấy Chứng Nhận Kết Hôn do sở Tư Pháp TG cấp. Xin giới thiệu với các anh chị, đồng chí Nguyễn Văn Cầu, phó giám đốc sở Tư Pháp, chủ toạ buổi lễ."

Mọi người vỗ tay. Từng cặp được kêu lên để hỏi về sự đồng thuận kết hôn, rồi được ký tên vào Giấy Kết Hôn, rồi tiếng vỗ tay. Thạnh thấy cặp nào cũng so le về tuổi tác, cặp nào cũng cách xa nhau trên hai mươi tuổi. Tự nhiên anh thấy hả hê trong lòng.

Tiếp đến là lời phát biểu của ông chủ toạ. Người đàn ông khô gầy, mái tóc muối tiêu, áo trắng, quần tây xanh đậm, cà vạt xám. Ông có vẻ một thầy giáo làng hơn là phó giám đốc sở tư pháp. Giọng ông nói trầm, chát chúa và bạo liệt nhưng cố làm ra vẻ tình cảm.

Thạnh lơ ngơ nhìn lên bức màn nhung màu đỏ máu, hình bức tượng ông già bán thân màu trắng chập chờn như một nỗi ám ảnh, giọng người chủ toạ vang vang, hãy chuẩn bị cho một cuộc làm dâu xa xứ, người Đài Loan, người Tàu còn rất phong kiến, nếu có những trắc trở nào xin liên lạc với... Thạnh nghĩ đến những trang báo đã được đọc, người đàn bà làm dâu xứ lạ, làm vợ người em, rồi người anh, rồi người cha... rồi cảnh đánh đập, hãm hiếp của những người chủ... Cuộc đời dàn trải cho thân phận những người đàn bà phải có chồng xa xứ. Tại sao ở trong nước không đủ ăn đủ mặc, ba mươi năm rồi mà người dân ai cũng muốn bỏ nước ra đi, dù biết là đến nơi chốn tối tăm, làm tôi mọi cho người, họ vẫn cắn răng cam chịu. Những lời lẽ nhân đạo kia có ý nghĩa gì?

Buổi trưa nắng chói, trên đường trở về, Thạnh nói với Nguyệt Nga:

"Em sẽ đi Mỹ với anh, em có vui không?"

Nguyệt Nga ngồi phía sau xe, chiếc xe như con ngựa trời chổng đít khiến cô như chồm về phía trước. Cô nói giọng giống lời hát ru:

"Có chồng thì theo chồng chứ. Sao lại không vui? Cái anh này thiệt là."

Trúc Lâm Thiền Viện.com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Mắt biết thấy là Chân Tâm
Tai biết nghe là Chân Tâm
Thân biết xúc chạm là Chân Tâm

Chân Tâm là ông chủ thường biết rõ ràng trùm khắp sáu căn
mà không có tướng mạo. Không có sinh diệt.
Là phát minh mới của Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện
Trúc Lâm Đà Lạt. Để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử
tu theo Thiền Tông Việt Nam hiện nay.
Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư
Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang

Xin vui lòng liên lạc Mãn Tâm An: (714)891-6742

9455 Bolsa Ave. # E, Westminster, CA 92683. USA

hay www. Thientongvietnam.vinamall.com - truclamthienvien.com

Băng mới phát hành của Thiền Sư Thanh Từ: Khám phá được ông chủ - Thầy Nhật Quang: Chữ Tu

RADIOVNCR.COM

Trang Nhà Của Mọi Gia Đình

Nghe 106.3FM live! mỗi ngày

Xem 106.3FM Live! mỗi ngày

Muốn quảng cáo hữu hiệu đi khắp thế giới, liên lạc (714)891-8142